

ĐA HIỆU SỐ 87

Lòng tiếc thời gian trên nếp lụa
Lòng mơ hương phấn thuở thanh bình
Yêu Em ta ngắt chùm hoa dại
Thả bốn phương trời với chiến chinh.

Trầm Kha K25

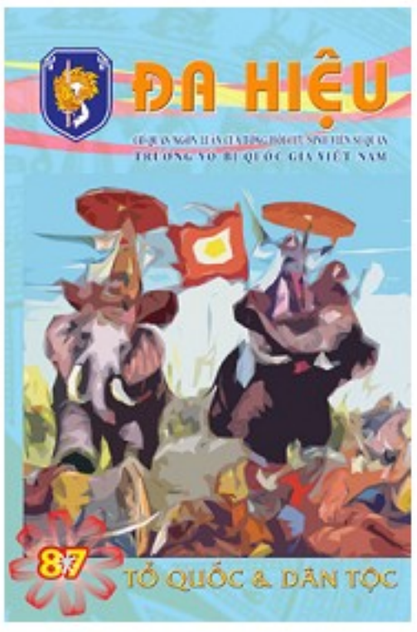
Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
Ban Biên Tập Đa Hiệu

Chân thành cảm tạ:

Quý Giáo Sư,
Quý Chiến Hữu,
Quý Thân Hữu,
và Đại Gia Đình Võ Bị

đã ủng hộ tài chánh và đóng góp bài vở để thực hiện Đặc San Đa Hiệu 87.





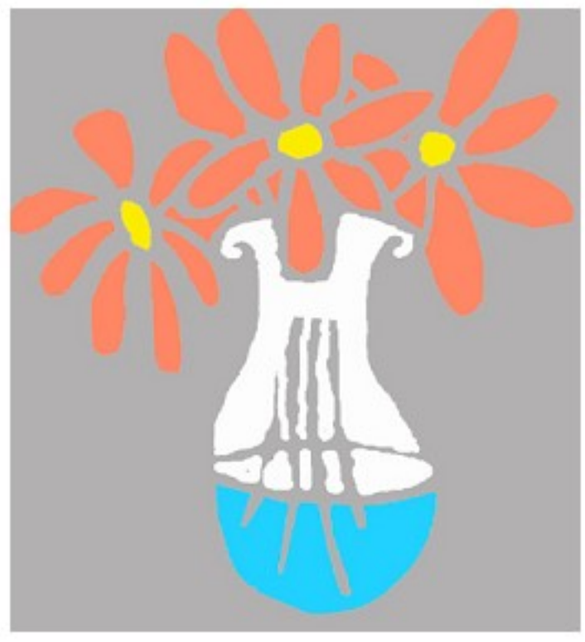
ĐA HIỆU SỐ 87

□ *Một tấc đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác.* ***(Vua Trần Nhân Tông)***

□ *Cộng Sản không thể thay đổi! Cộng Sản phải được loại bỏ mà thôi!* ***(Boris Yeltsin, TT Nga)***

■ *Chủ đề:* Tổ Quốc & Dân Tộc
■ *Tổng phát hành:* Hội Võ Bị Bắc California
■ *Chủ nhiệm:* CSVSQ Nguyễn Hàm K25
■ *Chủ bút:* CSVSQ Lê Đình Trí K29
■ *Trị sự:* CSVSQ Trương Thành Minh K28
■ *Thủ quỹ:* CSVSQ Trần Trung Tín K31
■ *Ngày phát hành:* 19/09/2009
■ *Hộp thư toà soạn:*
ĐA HIỆU MAGAZINE
P.O. BOX 235
Mt. Eden, CA 94557
Tel: (510) 303 7963
■ *Email*: dahieu09@gmail.com
■ *Website:* http://www.dahieu.com
■ *Hình bìa:* Trưng Nữ Vương
(*tranh Vi Vi - đồ họa Thẩm Vân*)

Trong số nầy



- Trong số nầy... 4
- Văn Thư, Thông Báo... 6
- Giải Sáng Tác Đa Hiệu... 17
- Lá thư chủ bút... 19
- Lấy Lại Biển Đông Để Thấy Những Chân Trời - thơ Kỳ Phong... 25
- Người Việt Lưu Vong Thách Đố Trung Quốc Về Chủ Quyền Hoàng Sa, Trường Sa - NKT. Anh... 28
- Vietnam's Diaspora Challenges China's Claim to Archipelagos - LQ. Thi K3... 31
- Biển Đông Và An Ninh Trong Vùng ĐNA - GS NV. Canh ... 34
- Mai Tôi Về - thơ NĐ Giang K19... 48
- Quê Hương Người Tình - thơ Quốc Nam K22... 49
- Ngồi Lại Với Nhau - NH. Hùng K1... 50
- Bài phát biểu tại ĐH Âu Châu - TV. Trung K1... 58
- Nội Hàm Của Điều 4 & Tình Trạng Chân Không Của Quyền Lực Hiến Định - NX. Phước... 68
- Những Đồng Minh Anh Hùng - N. Kỷ... 81
- Chính Nghĩa Dân Tộc - Minh Võ... 93
- Huế Hạ Huyền - thơ TT. Xứng K1... 100
- Trăng Tròn Bến Ngự - bài họa NH. Hùng K1 ... 102
- Để Nhớ Mãi Những Năm Dài - thơ Sông Thu K24... 103
- Mặt Trận Thường Đức - T. Dưỡng K20... 105
- Nói Với Đalat - thơ LT. Đạt K25... 123
- Dấu Ấn - thơ LT. Đạt K25... 124
- Thư Tím Ngày Xưa - thơ PK. Khôi K19... 125
- Thu Cuối Ai Về - thơ PK. Khôi K19... 126
- Tống Lệ Chân: Giọt Nước Mắt Khô Của Hòa Bình Miền Nam - PN. Nam K18... 127
- Mao & Việt Nam - TB. Nam... 140
- Thế Giới Buồn Trở Lại - thơ L. Anh K27... 149
- Tiếng Kêu Của Sỏi Đá - thơ L. Anh K27... 150
- Đấu Tranh Ôn Hòa Bất Bạo Động - LT. Long... 151
- Lời Tạ Tội - thơ NV. Cư K29... 162
- Trí Thức và Quá Trình Dân Chủ Hoá – Kinh Nghiệm Ba Lan - PM. Ngọc... 165

- Sài Gòn (điểm sách) - TV. Hiền VHV... 175
- Chùm thơ NĐ. Giang K19..... 182
- Trưng Vương Khung Cửa Mùa Thu - nhạc N. Lộc... 186
- Nhánh Sứ Quê Hương - HT. Nguyên K25B... 188
- Trăng Tháng Tám thơ Quốc Nam K22... 193
- Hẹn Ngày Mai - thơ Quốc Nam K22... 193
- Lyndon Baines Johnson: Ngô Đình Diệm, Churchill của thập kỷ tại Á Châu - Minh Võ... 194
- Trưng Nữ Vương - nhạc Thẩm Oánh... 202
- Mùa Thu Trên Đồi Bắc - thơ Trầm Kha K25... 203
- Bỏ Đất - thơ NĐ. Giang K19... 204
- Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa - NT. Nam K11... 205
- Mờ Dần Đi - Ấu Tím K26B... 213
- Lời Nhủ Sau Cùng Cho Người Đi Xa! - thơ LP. Châu K21B... 217
- Tự Sự - thơ LP. Châu K21B... 219
- Thẩm Phán PQ Tuệ: "VN không học được gì từ kinh nghiệm chấm dứt nội chiến HK" - ĐQA. Thái... 220
- Ông McNamara Đã Chết Nhưng Không Tìm Ra Phương Trình Đúng Cho Cuộc Chiến Tranh VN - T. Vân 29... 227
- McNamara Died Without Finding the Right Equation for the Vietnam War - LQ. Thi K3... 231
- Đại diện TTNĐH/ÂC thuyết trình tại Đại Hội Liên Hội Âu Châu 2009... 234
- Tham dự ĐHVB Âu Châu 2009 - HT. Long K31... 244
- Đại Hội Võ Bị Âu Châu 2009 - PDX. Trang K18/2... 250
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ - nhạc NĐ. Quang...256
- Việt Nam Minh Châu Trời Đông - nhạc Hùng Lân... 258
- Qua Sông - thơ NV. Ngọc K26... 259
- San José, Tình Ấm Môi Hôn - thơ NĐ. Giang K19... 260
- Khép Cửa - thơ PK. Khôi K19... 261
- Thương Về Em Gái VN - thơ Quốc Nam K22... 262
- Trời Không Mưa, Cứ Mặc Áo Mưa! - TV. Cấp 19... 264
- Sinh Hoạt Võ Bị Khắp Nơi... 274
- Bốn Mươi Năm – Hồ Dễ Chi Quên - Ấu Tím K26B... 276
- Gọi Về - Ấu Tím K26/B... 284
- Khơi Dòng Kỷ Niệm - PV. Hòa K18... 288
- Phân Ưu... 322
- Trả Lời Thư Tín 331
- Lời Cuối... 341

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
P.O. Box 944 Westminster, CA 92684 USA
Điện thoại: (714) 260-1487 - E-mail: lamvientonghoi@yahoo.com

THÔNG TƯ

Số: 009/BCH/TH 2008-2010

Kính gởi: Ban Chấp Hành các Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN
Ban Chấp Hành các Hội CSVSQ/TVBQGVN

Trích yếu: V/v thành lập Ban Tổ Chức Đại Hội XVII

Tham chiếu: Biên bản Đại Hội XVI
Văn thư 003/BCH/HCSVSQ/TVBQGVN/NCL

Để chuẩn bị cho công tác triệu tập và tổ chức Đại Hội cựu SVSQ/TVBQGVN lần XVII tại miền Nam California vào dịp Lễ Độc Lập Hoa Kỳ năm 2010, Ban Chấp Hành Tổng Hội quyết định bổ nhiệm thành phần Ban Tổ Chức Đại Hội XVII như sau:

Trưởng Ban Tổ Chức: cựu SVSQ Nguyễn Văn Ức K16
Phó Trưởng Ban Tổ Chức: cựu SVSQ Tsu A Cầu K29
Thủ Quỹ: cựu SVSQ Trần Tri Quốc K27
Thư Ký: cựu SVSQ Lê Phước Nhuận K28

Làm tại Orange County, ngày 16 tháng 7 năm 2009
Cựu SVSQ Nguyễn Hàm K25
Tổng Hội Trưởng
Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN

ĐỒNG KÍNH GỬI:
Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
"Để kính tường"
Tổng Đoàn TTNĐH, các Đoàn TTN/ĐH
"Để tri tường và yểm trợ"
Các Đoàn PNLV
"Để tri tường và yểm trợ"
Các cơ quan truyền thông TH/CSVSQ/TVBQGVN
"Để phổ biến"

TỔNG HỘI CSVSQ/TVBQGVN
LIÊN HỘI ÂU CHÂU
4 Rue de la Source, 95490 Vauréal, France
Tel: 0033-1-34217895
Email: vbdlauchau@yahoo.fr

VĂN THƯ

VT01/BCH/LHAC/09-11

Trích yếu:
V/v Thành lập Ban Chấp Hành Liên Hội Nhiệm Kỳ 2009-2011

Tham chiếu:
Nội quy Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN - Chương VIII, điều 53, 54, 55, 56

Chiếu theo nội quy của Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN và qua cuộc bầu cử ngày 25/07/2009, thành phần Ban Chấp Hành Liên Hội, các Hội địa phương, Liên Đoàn TTNĐH nhiệm kỳ 2009-2011 gồm:

■ **LIÊN HỘI CSVSQ/TVBQGVN/ÂU CHÂU:**

Liên Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN HỮU XƯƠNG K26
Liên Hội Phó Nội Vụ: CSVSQ ĐẶNG VĂN KHANH K25
Liên Hội Phó Ngoại Vụ: CSVSQ PHẠM VĂN ĐỨC K18
Thư Ký kiêm Thủ Quỹ: Chị ĐẶNG VĂN KHANH K25
Đặc trách TTNĐH: CSVSQ HOÀNG TÔN LONG K31
Đặc trách Truyền Thông: CSVSQ TRẦN VIỆT HUẤN K23

Hội Trưởng khối Tây Bắc Âu: CSVSQ NGUYỄN VĂN NAM K20
(gồm các nước Đức, Bỉ, Hòa Lan, Na Uy, Đan Mạch)

■ **Hội Trưởng khối Tây Nam Âu:** CSVSQ LÂM VĂN RỚT K19
(gồm các nước Pháp, Anh, Ý, Thụy Sĩ)

■ **Liên Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu:**
Đoàn trưởng: TRẦN VIỆT LUÂN 23/2
Đoàn phó: NGUYỄN VĨNH QUANG 19/2
Thủ quỹ: NGUYỄN XUÂN PHƯỚC 26/2

Vauréal, ngày 01/08/2009
CSVSQ Nguyễn Hữu Xương
Liên Hội Trưởng
Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN Âu Châu

Nơi nhận:
- Tổng Hội Trưởng TH/CSVSQ/TVBQGVN
- Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát Tổng Hội
- Niên trưởng Trần Văn Trung, Chủ tịch Hội Đồng Tư Vấn Liên Hội
- Các Liên hội, Hội
- Đoàn trưởng Tổng Đoàn TTNĐH
"để kính tường"
- Đặc san Đa Hiệu "để kính tường và phổ biến"

TỔNG ĐOÀN THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU
BAN CHẤP HÀNH TỔNG ĐOÀN

THANH THIẾU NIÊN ĐA HIỆU
TỰ THẮNG – DẤN THÂN – KHÔNG MÀNG AN LẠC DỄ DÀNG

(Email: TONGDOAN2008_2010@YAHOO.COM)

VĂN THƯ

Số: 0004/BCH/TĐ 2008-2010
06/28/2009

Kính gởi:
Quý Ban Chấp Hành Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Trích yếu: V/v Thông báo tổng quát Ban Chấp Hành Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu:

Kính thưa chú Cựu SVSQ Lê Viết Đắc, K22, Tổng Hội Phó Đặc Trách Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu:

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu kính gởi đến quý Ban Chấp Hành Tổng Hội Cựu SVSQ danh sách tổng quát thành phần Ban Chấp Hành Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu nhiệm kỳ 2008-2010 để kính tường:

Ban Cố Vấn: Gồm các thành viên đặc biệt và quý Cựu Tổng Đoàn Trưởng:

o Trần Quốc Dũng, Lữ Anh Thư, Nguyễn Trương Huy Long, Ngô Hiếu

Ban Chấp Hành:

o Tổng Đoàn Trưởng: Phạm Quân Vũ – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Phạm Thái, K16

o Tổng Đoàn Phó đặc trách TTNĐH Âu Châu: Trần Viết Luân – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Trần Viết Huấn, K23, kiêm Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn TTNĐH Âu Châu

o Tổng Đoàn Phó đặc trách TTNĐH Úc Châu: (sẽ được bổ xung)

kiêm Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn TTNĐH Úc Châu

o Tổng Đoàn Phó Nội Vụ: Phan Việt – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Phan Nghè, K19

o Tổng Đoàn Phó Ngoại Vụ: Ngô Phương Chi – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Ngô Văn Nơi, K26

o Thủ Quỹ: Nguyễn Hàn Hằng – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Nguyễn Thành Sang, K28

o Thư Ký: Nguyễn Đan Thanh – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Nguyễn Xuân Cung, K23

Ban Liên Lạc:

Đại Diện Tổng Đoàn tại các địa phương – vùng:

o Huỳnh Ngọc Thủy – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Huỳnh Ngọc An, K19 – Houston, Texas và vùng phụ cận, USA

o Vũ Trọng Giang – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Vũ Quý Khang, K30 – Virginia và vùng phụ cận, USA

o Lê Phùng Ngân – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Lê Viết Đắc, K22 – Northern California, USA

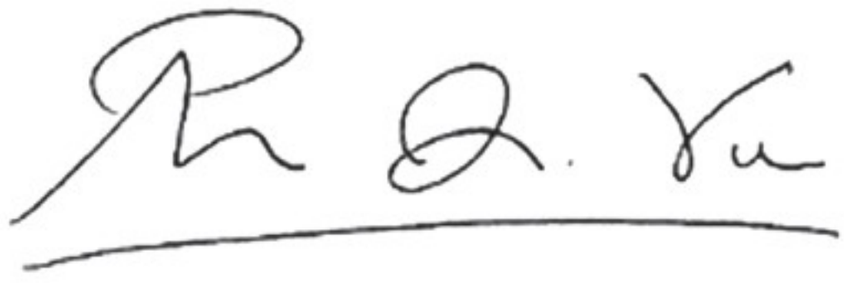
o Phạm Đình Anh Vũ – Thế hệ II gia đình Cựu SVSQ Phạm Đình Dương, K23 – Southern California, USA

Các Ban và Hội Đồng gồm có quý vị đoàn trưởng các Đoàn TTNĐH:

(Sẽ được bổ sung)

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu kính mong sự lưu tâm và hướng dẫn thường xuyên từ quý Tổng Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN!

TM. BCH/TĐ/TTNĐH
Phạm Quân Vũ, K16/2
Tổng Đoàn Trưởng



TỔNG HỘI CSVSQ/TVBQGVN
BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI 17

THÔNG BÁO SỐ 1

Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN cùng Hội Võ Bị Nam Cali sau hai kỳ họp mở rộng với đại diện các khóa trong hai ngày Chủ Nhật 12/07/2009 tại Royal Clubhouse và thứ Bảy 15/08/2009 tại phòng họp Liên Hội Cựu Chiến-Sĩ Nam Cali, đã bầu ra Ban Tổ Chức cho Đại Hội Võ Bị kỳ thứ 17. Các cuộc họp nêu trên đã đồng thuận một số điểm căn bản (sơ thảo) cho việc tổ chức Đại Hội như sau.

Chương trình:

Thứ Sáu 2/7/2010:
Tiền Đại Hội và các nghi lễ truyền thống

Thứ Bảy 3/7 và Chủ Nhật 4/7/2010:
Sinh hoạt Đại Hội và dạ tiệc

Địa điểm: Khu Little Saigon, Nam California

Sinh hoạt: Hội trường thành phố Westminster, California

Truy điệu: Freedom Park (Tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ) Westminster

Dạ tiệc: Marriott Hotel, Anaheim
(Menu do nhà hàng Seafood World cung cấp)

Chi phí tham dự:

Thành viên: $100 (dự 2 ngày Đại Hội và dạ tiệc)
Thân hữu: $70 (dạ tiệc)
TTNĐH dưới 16 tuổi: $35 (dạ tiệc)

Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về:

CSVSQ Nguyễn Hồng Miên K19
Email: mienk19@yahoo.com

Trân trọng,

Westminster, ngày 20 tháng 8 năm 2009
Trưởng BTC/ĐHVB kỳ 17
CSVSQ Nguyễn Văn Ức K16

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
P.O. Box 944 Westminster, CA 92684 USA
Điện thoại: (714) 260-1487 - E-mail: lamvientonghoi@yahoo.com

THÔNG CÁO

Số: 005/BCH/TH 2008-2010

Trích yếu: *V/v điều hành đặc san Đa Hiệu của Tổng Hội*

Đặc san Đa Hiệu số 85 phát hành vào tháng 1 năm 2009 đã cho đăng 2 bài viết có nội dung không hoàn toàn phản ảnh đúng với tôn chỉ của Đa Hiệu cũng như chủ trương, lập trường của TH/CSVSQ/TVBQGVN. Ban Chấp Hành Tổng Hội thành thật cáo lỗi cùng quý độc giả trong và ngoài tập thể CSVSQ/TVBQGVN.

Sau khi tham khảo với Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN quyết định:

1. Chấp nhận đơn từ nhiệm của Chủ Bút Đinh Tiến Đạo kể từ ngày 4 tháng 3 năm 2009.

2. Trong khi chờ đợi bổ nhiệm tân Chủ Bút, đặc san Đa Hiệu số 86 sẽ tạm thời đình chỉ phát hành cho đến khi có thông cáo mới.

3. Thông cáo này có hiệu lực kể từ ngày ký, sẽ được phổ biến trên đặc san Đa Hiệu số 86.

Orange County, ngày 4 tháng 3 năm 2009
Cựu SVSQ Nguyễn Hàm, K25
Tổng Hội Trưởng

NƠI NHẬN:
Các Liên Hội, Hội, Khoá CSVSQ/TVBQGVN
"Để tri tường và phổ biến"
Các Đoàn PNLV, Tổng Đoàn TTNĐH
"Để tri tường và phổ biến"
Các cơ quan truyền thông TH/CSVSQ/TVBQGVN
"Để phổ biến"
BẢN SAO KÍNH GỞI:
Hội Đồng Tư Vấn & Giám Sát
"Để kính tường"

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
P.O. Box 944 Westminster, CA 92684 USA
Điện thoại: (714) 260-1487 - E-mail: lamvientonghoi@yahoo.com

VĂN THƯ

Số: 010/BCH/TH 2008-2010

Kính gởi:
Các Ban Chấp Hành Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN
Các Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/TVBQGVN
Trích yếu: V/v trợ giúp kiện toàn cơ chế Tổng Đoàn TTNĐH
Tham chiếu: - Biên bản Đại Hội XVI
- Văn thư ngày 14/7/09 của HĐ/TV&GS
- Văn thư 0004/BCH/TĐ/TTNĐH

Ban Chấp Hành Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN đặc biệt vui mừng trước các thành quả mà Ban Chấp Hành Tổng Đoàn TTNĐH đã phổ biến và tường trình. Các thành quả này có được là nhờ sự hoạt động bền bỉ của Ban Chấp Hành Tổng Đoàn, nhờ sự lưu tâm không ngừng của Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát, nhờ sự giúp đỡ hiệu quả từ các Ban Chấp Hành Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN và các Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/TVBQGVN.

Ban Chấp Hành Tổng Hội thiết tha kêu gọi các Ban Chấp Hành Liên Hội và các Ban Chấp Hành Hội tiếp tục thúc đẩy và hỗ trợ cho các hoạt động tích cực của các Đoàn TTNĐH (nếu đã có), nhanh chóng thành lập hoặc tái thành lập các Đoàn TTNĐH tại các địa phương (nếu chưa có); đồng thời, cũng xin giúp đỡ các Ban Chấp Hành Đoàn TTNĐH liên lạc và nối kết các hoạt động với Tổng Đoàn TTNĐH. E-mail của Tổng Đoàn TTNĐH là: TONGDOAN2008_2010@YAHOO.COM

Chúng tôi ước mong tiếp tục nhận được sự trợ giúp mạnh mẽ của toàn thể quý Ban Chấp Hành và quý vị cựu SVSQ/

TVBQGVN.

Orange County, ngày 24 tháng 8 năm 2009
Cựu SVSQ Nguyễn Hàm, K25
Tổng Hội Trưởng

ĐỒNG KÍNH GỞI:
Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
"Để kính tường"
Các Ban Đại Diện Khoá
"Để kính tường"
Tổng Đoàn TTN/ĐH, các Đoàn TTN/ĐH
"Để tri tường và phối hợp"
Các Đoàn PNLV
"Để tri tường và yểm trợ"
Các cơ quan truyền thông TH/CSVSQ/TVBQGVN
"Để phổ biến"

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
P.O. Box 944 Westminster, CA 92684 USA
Điện thoại: (714) 260-1487 - E-mail: lamvientonghoi@yahoo.com

VĂN THƯ

Số: 011/BCH/TH 2008-2010

Kính gởi:
Các Ban Chấp Hành Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN
Các Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/TVBQGVN
Trích yếu: V/v trợ giúp kiện toàn cơ chế và hoạt động của các Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên (PNLV)
Tham chiếu: - Biên bản Đại Hội XVI
- Văn thư ngày 14/7/09 của HĐ/TV&GS

Từ trước đến nay, hoạt động của các Liên Hội, Hội CSVSQ/TVBQGVN luôn được sự trợ giúp song song, đắc lực và hữu hiệu của các Đoàn PNLV, mà thành viên của Đoàn chính là các phu nhân của các cựu sinh viên sĩ quan. Trong kỳ Đại Hội XVI hồi tháng 7/2008, Đoàn đã được đề nghị nâng cấp trong chiều hướng canh tân và hệ thống hoá mọi hoạt động.

Để chuẩn bị và thiết lập nền móng cho công tác này, Ban Chấp Hành Tổng Hội thiết tha kêu gọi các Ban Chấp Hành Liên Hội và các Ban Chấp Hành Hội tiếp tục thúc đẩy và hỗ trợ cho các hoạt động tích cực của các Đoàn PNLV (nếu đã có), nhanh chóng thành lập hoặc tái thành lập các Đoàn PNLV tại các địa phương (nếu chưa có) và gởi danh sách Ban Chấp Hành Đoàn đến Ban Chấp Hành Tổng Hội. Ban Chấp Hành Tổng Hội kính mong được sự lưu tâm giúp đỡ của toàn thể quý Ban Chấp Hành và quý vị cựu SVSQ/TVBQGVN.

Orange County, ngày 24 tháng 8 năm 2009
Cựu SVSQ Nguyên Hàm, K25
Tổng Hội Trưởng

ĐỒNG KÍNH GỞI:
Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
"Để kính tường"
Các Ban Đại Diện Khoá - "Để kính tường"
TĐ/TTN/ĐH, các Đoàn TTN/ĐH
"Để tri tường vàyểm trợ"
Các Đoàn PNLV - "Để tri tường và phối hợp"
Các cơ quan truyền thông TH - "Để phổ biến"

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI
P.O. Box 944 Westminster, CA 92684 USA
Điện thoại: (714) 260-1487 - E-mail: lamvientonghoi@yahoo.com

VĂN THƯ

Số: 012/BCH/TH 2008-2010

Kính gởi:
Các Ban Chấp Hành Liên Hội CSVSQ/TVBQGVN
Các Ban Chấp Hành Hội CSVSQ/TVBQGVN
Các Ban Đại Diện Khoá CSVSQ/TVBQGVN
Cựu SVSQ/K25 Nguyễn Anh Dũng, THP Nội Vụ
Cựu SVSQ/K30 Nguyễn Gia Thiếu, THP Truyền Thông
Trích yếu: V/v thống kê nhân số và thực hiện Kỷ Yếu
Tham chiếu: - Biên bản Đại Hội XVI
- Văn thư ngày 14/7/09 của HĐ/TV&GS
- Đề nghị của cố NT Bùi Đình Đạm K1, cựu THT

Kính thưa quý Niên trưởng và các bạn,

Hồi năm 1990, Ban Chấp Hành Tổng Hội đương thời, do cố Niên trưởng Bùi Đình Đạm làm Tổng Hội Trưởng, được sự hưởng ứng rộng rãi toàn cầu của các cựu SVSQ và gia đình, đã mạnh dạn thu thập dữ liệu và cho ra đời quyển Kỷ Yếu Hải Ngoại của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Kỷ Yếu này vừa đảm trách nhiệm vụ của một ghi chép lịch sử, đồng thời cũng phần nào thâu thập dữ liệu về nhân số cựu SVSQ đang sinh sống tản mạn khắp thế giới.

Ngày nay, 19 năm sau, qua nhu cầu kiểm kê nhân số, do lời đề nghị của cố Niên trưởng Bùi Đình Đạm về việc bổ túc và tái bản Kỷ Yếu, Ban Chấp Hành Tổng Hội chính thức phát động và mạnh mẽ kêu gọi toàn thể cựu SVSQ và gia đình, đặc biệt là các Ban Đại Diện Khoá, hãy hết lòng hưởng ứng và yểm trợ công tác thống kê nhân số và tái bản Kỷ Yếu.

Để thiết lập nền móng và xúc tiến công tác này, Ban Chấp Hành Tổng Hội ủy nhiệm:

Cựu SVSQ/K25 Nguyễn Anh Dũng, THP Nội Vụ, phụ trách việc thống kê nhân số.

Cựu SVSQ/K30 Nguyễn Gia Thiếu, THP Truyền Thông, phụ

trách việc tái bản Kỷ Yếu.

Các công tác này sẽ có những nhu cầu hỗ tương, hai vị cựu SVSQ nêu trên cần phối hợp mật thiết, cũng đồng thời thành lập các Ban Đặc Nhiệm để cùng chung lo nhiệm vụ.

Chúng tôi tha thiết ước mong có được sự hưởng ứng nồng nhiệt và trợ giúp mạnh mẽ của toàn thể quý Ban Chấp Hành, quý Ban Đại Diện Khoá, quý Niên trưởng, các bạn và gia đình đối với nhu cầu của công tác thống kê nhân số và thực hiện Kỷ Yếu.

Orange County, ngày 04 tháng 09 năm 2009
Cựu SVSQ Nguyễn Hàm, K25
Tổng Hội Trưởng



ĐỒNG KÍNH GỞI:
Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
"Để kính tường"
Tổng Đoàn TTN/ĐH, các Đoàn TTN/ĐH
"Để tri tường và yểm trợ"
Các Đoàn PNLV
"Để tri tường và yểm trợ"
Các cơ quan truyền thông TH/CSVSQ/TVBQGVN
"Để phổ biến và yểm trợ"

Thông Báo
Giải Sáng Tác Đa Hiệu

Trong chiều hướng phong phú hóa nội dung đặc san, Ban Biên Tập Đa Hiệu (BBT) đang mở Giải Sáng Tác Đa Hiệu gồm các thể loại thơ, văn, nhạc và họa dành cho các số Đa Hiệu sắp phát hành. Qua giải sáng tác này, BBT hy vọng hình ảnh Người Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị trong quân trường cũng như hình ảnh Người Lính Võ Bị trên chiến trường sẽ được nhắc đến, được tô đậm và làm rõ nét hơn.

Giải sáng tác này sẽ được ấn định theo từng số phát hành. Thể lệ dự thi mỗi số sẽ có chi tiết khác nhau tùy theo chủ đề, nhu cầu và chiều hướng phát triển của giải. Thể lệ dự thi trình bày sau đây áp dụng riêng cho Đa Hiệu 88 với chủ đề: Đáp Lời Sông Núi.

Thể lệ Giải Sáng Tác Đa Hiệu dành cho số 88

A. Nội dung:

Giải Sáng Tác Đa Hiệu dành cho số 88 với chủ đề Đáp Lời Sông Núi bao gồm 3 thể loại sau đây: hồi ký (quân trường và chiến trường), truyện ngắn, và thơ. Nội dung tất cả các thể loại này viết về: chân dung người lính Võ Bị trong quân trường cũng như ngoài chiến trường, kỷ niệm trường Mẹ, tình yêu và hoài bảo Võ Bị, Giáng Sinh và Võ Bị v.v...

B. Thể lệ dự thi & giải thưởng:

Trước mỗi bài dự thi, nên ghi rõ: "Bài dự thi sáng tác ĐH88", ghi họ, tên, và địa chỉ ở cuối bài để toà soạn tiện việc liên lạc.

a/ Giải hồi ký: Bài dự thi giới hạn từ 10 - 15 trang đánh máy với size chữ 12, kiểu chữ Unicode với phần thưởng gồm:

Giải 1: $200 - Giải 2: $100 - Giải 3: $50

b/ Giải truyện ngắn: Bài dự thi giới hạn từ 6 - 10 trang đánh máy với size chữ 12, kiểu chữ Unicode với phần thưởng gồm:

Giải 1: $200 - Giải 2: $100 - Giải 3: $50

c/ Giải thơ: Bao gồm các thể lục bát, song thất, thơ 5 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ, thơ tự do v.v... giới hạn tối đa 100 câu với phần thưởng gồm:

Giải 1: $100 và 3 giải đồng hạng mỗi giải $50.

Riêng về nhạc và hoạ sẽ dành cho các số ĐH89 (TTNĐH, Mùa Xuân Hy Vọng) phát hành vào mùa Xuân, và ĐH90 (chưa có chủ đề) phát hành dịp Đại Hội Võ Bị 17 vào tháng 7 năm 2010 với mục đích có đủ thì giờ để có thêm nhiều sáng tác dự thi. Chúng tôi sẽ có hướng dẫn chi tiết cho hai thể loại này trong các số 89 và 90.

C. Điều kiên dư thi:

- Tất cả đại gia đình Võ Bị và độc giả Đa Hiệu đều có thể tham dự.

- Các sáng tác này chưa được đăng bất cứ đâu, ngay cả trong các diễn đàn. Những sáng tác không được giải, Đa Hiệu vẫn được toàn quyền xử dụng nếu thấy thích hợp cho các số phát hành trong tương lai. Tác giả vẫn giữ bản quyền và có quyền in ấn hay phát hành lại sau nầy.

- Bài dự thi phải được đánh máy và gửi qua địa chỉ email của Tòa Soạn Đa Hiệu: ***dahieu09@gmail.com***

Bài dự thi gửi qua đường bưu điện sẽ không được chấp nhận.

D. Thời gian nhận bài, tuyên bố kết quả, và nhận giải:

Thời gian nhận bài kể từ ngày phát hành Đa Hiệu 87, ngày 19/9/2009, cho đến 12g khuya thứ Bảy, 14/11/2009.

Kết quả sẽ được công bố trong đặc san ĐH88, trên website Đa Hiệu, website TH, các diên đàn trực thuộc TH và diên đàn các khóa. Phần thưởng sẽ được gửi về tận nhà.

Thưa quý độc giả,

Đa Hiệu 88 là giải khởi đầu của loạt giải sáng tác cho Đa Hiệu do BBT/ĐH phát động nên còn hạn chế trên nhiều phương diện: số người dự thi, thể loại thi, cũng như phần thưởng cho các giải trúng v.v.... Để giúp giải được thành công và phong phú hơn trong tương lai, BBT kêu gọi sự nhiệt tình tham gia và ủng hộ của toàn thể độc giả khắp nơi, đặc biệt đại gia đình Võ Bị, quý Giáo Sư, quý NT, Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên và TĐ/TTNĐH. Mọi ủng hộ cho cuộc thi, xin gửi về địa chỉ:

Tòa soạn Đa Hiệu,
P.O. Box 235
Mt. Eden, CA 94557
Memo xin đề: Quỹ Giải Sáng Tác Đa Hiệu

BBT chân thành cảm ơn quý vị và trân trọng thông báo,

Lê Đình Trí K29, chủ bút

Lá Thư Chủ Bút



Những ngày gần đây, người Việt Nam khắp nơi, trong cũng như ngoài nước, chứng kiến hàng loạt những sự kiện đáng nhớ mà tiêu biểu là sự khiếp nhược của tà quyền Cộng Sản Việt Nam (CSVN) khoanh tay nhìn kẻ thù phương Bắc tung hoành ở biển Đông, bắt và giết ngư dân Việt, lấn đất lấn biển mà bao đời cha ông đã gầy dựng. Nếu những sự kiện này vẫn tiếp tục mà không có một sự phản kháng nào từ trong cũng như ngoài nước, thì thời gian Việt Nam mất vào tay Tàu Cộng là điều có thể đếm được trên đầu ngón tay! Là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, Ban Biên Tập Đa Hiệu mời gọi quý độc giả cùng hướng về Việt Nam qua chủ đề, "Tổ Quốc và Dân Tộc" như một nhắc nhở: đừng thờ ơ với vận nước đang hồi nguy biến.

Để làm rõ những mong mỏi đó, nội dung Đa Hiệu 87 bao gồm một số bài viết, thơ, văn và cả nhạc đều hướng về cùng một mục đích: lột trần những âm mưu thâm độc của Cộng Sản, những bài học cho cuộc chiến đấu hôm nay, ngưỡng mộ những chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ Quốc, và tôn vinh những giá trị nhân bản ngàn đời của cha ông chúng ta.

Trong bài, *"Người Việt Lưu Vong Thách Đố Trung Quốc Về Chủ Quyền Hoàng Sa, Trường Sa"*, cựu Trung Tướng Lâm Quang Thi K3 đã viết bằng Anh ngữ và được Nguyễn Khoa Thái Anh dịch lại, đề cập đến hồ sơ biển Đông mà cựu Thủ Tướng VNCH, ông Nguyễn Bá Cẩn, khi còn sinh thời đã chính thức, *"nêu lên bằng chứng lịch sử và địa dư hầu thiết lập chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa."* Đây là việc làm cần thiết, một mặt đóng ấn chủ quyền của VN trên biển Đông là bất khả xâm phạm, là điều không có gì để bàn cãi; mặt khác, gióng lên quan

điểm của cộng đồng người Việt Hải Ngoại về vấn đề biển Đông với cộng đồng Quốc Tế trước khi sự kiện sẽ bị CSVN và Tàu Cộng đẩy đi quá xa.

Cùng liên quan đến vấn đề biển Đông, vào năm 1995, GS Nguyễn Văn Canh đã có một bài phỏng vấn và được phóng viên Tường Vân ghi lại. Mặc dù bài phỏng vấn này đã có từ 15 năm qua, nhưng những nhận định của GS Nguyễn Văn Canh vẫn đúng cho những gì đang xảy ra hôm nay trên biển Đông, đã lột rõ âm mưu xâm lấn của Tàu Cộng. Điều đáng nói là người Việt Nam Quốc Gia không chỉ cảnh báo âm mưu lấn chiếm biển Đông sau những sự kiện mới xảy ra gần đây của Tàu Cộng, mà thật ra đã được cảnh báo từ rất lâu trong suốt quá trình bảo vệ giang sơn gấm vóc của cha ông: cách nay 15 năm như cảnh báo của GS Nguyễn Văn Canh, đến trận chiến biển Đông của Hải Quân QLVNCH vào năm 1974, hay xa hơn nữa trong suốt ngàn năm đô hộ của phương Bắc. Lời hiệu triệu của vua Trần Nhân Tông ngày xưa như vẫn còn vang vọng đâu đây: *"Một tấc đất của tiền nhân để lại cũng không được để lọt vào tay kẻ khác."* Đối với giặc phương Bắc, người Việt Nam lúc nào cũng đề phòng, cảnh giác, khi thì lắng dịu, mờ nhạt, lúc thì cương quyết, dứt khoát. Nhưng đối với CSVN, âm mưu bám gót Tàu Cộng để tồn tại là việc làm đê hèn: họ đã ngang nhiên rước voi về giày mả tổ! Điều này lịch sử Việt Nam sẽ mãi mãi ghi nhớ như một điều ô nhục.

Về hiện trạng của cái gọi là Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), với Điều 4 Hiến Pháp trong tay, tà quyền CS đã có lý do mạnh để ra tay bóp nghẹt các tiếng nói dân chủ trong nước, để đàn áp 84 triệu người dân trong cảnh khốn cùng, đã tước đoạt mọi tài sản của họ mà không cho họ một quyền kháng cự nào! Vạch trần tính phi pháp của Điều 4 Hiến Pháp của Nhà Nước CHXHCNVN chính là điểm một yếu huyệt của bọn tà quyền này. Bài viết, *"Nội Hàm Của Điều 4 & Tình Trạng Chân Không Của Quyền Lực Hiến Định"* của tác giả Nguyễn Xuân Phước, tuy không phải là tiếng nói chính thức của Tổng Hội Võ Bị, nhưng là một phân tích ngoạn mục để tham khảo, đã hoàn thành xuất sắc vai trò điểm huyệt ấy.

Ngoài ra, trong bài Chính Nghĩa Dân Tộc, tác giả Minh Võ đã vạch rõ lằn ranh Quốc - Cộng khi ông đi sâu vào khía cạnh Dân Tộc: một bên dùng Dân Tộc như một lý tưởng phụng sự mà mọi người dân tự nguyện dấn thân bảo vệ; còn một bên lấy Dân Tộc như một chiêu bài để lạm dụng hầu đưa chủ thuyết Cộng Sản áp đặt vào Việt Nam. Hậu quả của đại họa áp đặt này là VN đang ở ngưỡng cửa diệt vong thấy rõ trong tương lai gần! Bài viết như nhắc nhở chúng ta cần cảnh giác và nhận diện Cộng Sản là kẻ thù chung dù chúng có gian manh và tráo trở đến đâu.

Về phần vinh danh quân lực VNCH, vào những năm 1974, khi chiến trường bắt đầu sôi sục, nhiều trận đánh lớn đã nổ ra khắp nơi mà trận đánh Thường Đức là một thiệt hại nặng nề cho cả ta lẫn địch. Năm ấy, trước những bữa ăn tại phạn xá, trung đoàn SVSQ thường hay có những thông báo, và những tin dữ từ chiến trường lúc này được đưa về liên tục. Những khuôn mặt thân quen lần lượt được nêu tên mặc niệm: Võ Thiên Thư K25, Lê Văn Cao K26, Lê Hải Bằng K26, Tô Văn Nhị K26, Trần Đại Thanh K26 v.v... Lúc đó, chúng tôi không hề biết rõ các niên trưởng ấy đã hy sinh cách nào, chỉ thấy tiếc nuối những ngày vui bên nhau đã qua, mới hôm nào còn đó mà nay đã.... Mãi đến khi đọc bài Mặt Trận Thường Đức của CSVSQ Trương Dưỡng K20 chúng tôi mới vỡ lẽ: *"Một mình Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù mà phải cầm cự với cả Trung Đoàn của Sư Đoàn 304, địch cho các đơn vị thay phiên tấn công gần một ngày. Các sĩ quan dũng mãnh của Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù như Đại Úy Võ Thiên Thư, K25ĐL, Trung Úy Tô Văn Nhị, K26ĐL, gọi pháo binh bắn lên đầu, và đã cùng chết chung với hàng trăm xác địch."* Với sự chênh lệch quân số tham chiến quá cách biệt như vậy (cứ 1 quân ta phải đương đầu với 5 quân địch) nên các anh đã đi đến quyết định đổi mạng mình để biến cái thất thế thành ưu thế: cứ 3 xác quân ta đổi được 10 xác địch. Quyết định của các anh mang nhiều ý nghĩa: đã chiến đấu thật anh dũng và đã chết như những anh hùng.

Trong bài, "*Tống Lệ Chân: Giọt Nước Mắt Khô Của Hòa Bình Miền Nam*" của tác giả Phan Nhật Nam K18, với 510 ngày bị vây hãm, Tống Lệ Chân được xem như là trận đánh

lâu nhất trong lịch sử chiến tranh của nhân loại! Và mặc dù Tống Lệ Chân đã bị địch chiếm nhưng trận chiến này đã ghi vào quân sử những trang anh hùng ca lẫm liệt của Người Lính Việt Nam Cộng Hoà mà tiêu biểu là TĐ92BĐQ do Trung Tá Lê Văn Ngôn K21 chỉ huy. Trong phần kết luận, tác giả đã có nhận xét: *"Ngôn và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân dựng chắc tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, Ngôn và 259 Biệt Động Quân của Tống Lệ Chân là những chiến sĩ chiến đấu cho hòa bình: Hòa Bình của quê hương Việt Nam."* Thật không còn gì cao cả hơn sự hy sinh của những Người Lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Về hiện tình đấu tranh trong nước, bài viết, *"Đấu Tranh Ôn Hoà và Bất Bạo Động"* của tác giả Luyện Thành Long là một bài viết hay cần tham khảo. Tác giả đã nêu lên tấm gương đấu tranh bất bạo động của Mahatma Gandhi vào đầu thế kỷ 20 để giúp Ấn Độ giành độc lập từ tay người Anh, như một cách thức mà các nhà đấu tranh Dân Chủ cho Việt Nam hôm nay cần noi theo, một bài học quý giá để giúp chúng ta đương đầu với sức mạnh của tà quyền CSVN. Những cuộc đấu tranh của người Công Giáo từ vụ Toà Khâm Sứ đến vụ Tam Tòa trong những ngày vừa qua đều cho thấy thế mạnh vô cùng lợi hại của sách lược bất bạo động này: của yếu đấu với mạnh, của chính nghĩa đấu với tà thuyết, sức mạnh của tay không đấu với súng, của lời kinh tiếng hát đấu với dùi cui, chó nghiệp vụ.... Sách lược này trước mắt đã đem lại nhiều thắng lợi vẻ vang về mặt chính trị và ngoại giao dưới mắt nhìn của toàn thế giới.

Cũng như bài phỏng vấn, *"Trí Thức và Quá Trình Dân Chủ Hoá – Kinh Nghiệm Ba Lan"* do Phạm Minh Ngọc lược dịch, đã cho chúng ta bài học vô giá khác về việc tận dụng được những cơ hội thực tiễn để giành lấy thế thắng nhằm đem lại thành công cho công cuộc đấu tranh giành Tự Do Dân Chủ, mà kinh nghiệm của các nhà dân chủ Ba Lan là một cảm hứng cho những trí thức cũng như những nhà dân chủ ở VN hôm nay.

Về thơ, một số bài thơ nói về Việt Nam với tiết thơ mạnh có, nhẹ nhàng có, nhưng tựu trung đều phản ảnh được những giá trị nhân bản ngàn đời của cha ông chúng ta: yêu

nước, thương nòi, bao dung, nhẫn nhục.... Các tác phẩm thơ đều cho thấy một Việt Nam đẹp như mơ trong lòng những người con xa xứ, ngày đêm vẫn mong ngóng về Tổ Quốc với tình yêu thương tha thiết. Bài, *"Lấy Lại Biển Đông Để Thấy Những Chân Trời"*, Kỳ Phong đã mở đầu với những điệp ngữ "lẽ ra" như một tiếc nuối ngỡ ngàng, một VN đúng ra đã phải tươi sáng hơn nhiều:

Lẽ ra những bờ biển quê hương phải xanh dài tít tắp
Lẽ ra những hòn đảo quê hương phải nườm nượp bóng dừa
.....
Và lẽ ra Việt Nam đã là hàng đầu kinh tế

Để rồi cho thấy hiện trạng phũ phàng của VN hôm nay:

Biển Việt Nam không nhìn được ra xa
Sóng Việt Nam không bao la hải lý

.

Bờ phương đông sóng sẽ vỡ từng đêm
Từng đêm hận, mưa không nhiều bằng nước mắt.

Buồn và đau quá, phải không các bạn?!

Bài thơ, *"Mai Tôi Về"*, của thi sĩ Nguyễn Đông Giang K19, đã vẽ được một tương lai thật đẹp, bình dị như cuộc đời của những người lính VNCH sau chiến tranh, nhưng bao giờ thực hiện được ước mơ bình dị ấy vẫn còn là một câu hỏi bỏ ngỏ, ngày mai là bao giờ hay vẫn còn là ước mơ:

Mai tôi về quê Cha đất Mẹ
Cầm phấn giảng bài cho lũ em thơ
Ngày còn lại xin đi gánh đất
Đắp trăm đường vào giấc ngủ mơ.

Hay như Quốc Nam K22, qua bài thơ, *"Quê Hương Người Tình"*, cũng chỉ là lời hứa hẹn đẹp cho mai sau:

Hẹn nhau nhé, ngày nao về cố xứ,
Nối vòng tay, xây dựng lại cơ đồ.
Tôi yêu em giữa đồng lúa như mơ,
Con thuyền nhỏ sẽ đầy hoa cưới.

Đó là một số tâm tình thơ tiêu biểu được viết từ hải ngoại. Còn trong nước thì sao? Tuy họ sống trong cảnh chim lồng cá chậu nhưng những câu thơ dành cho Việt Nam của họ vẫn còn cứng rắn, và phảng phất nét kiêu hùng ngày nào. Bài *"Lời Tạ Tội"* của Nguyễn Văn Cư E29, Sàigòn, là một

điển hình:

Xin tạ tội quê hương nghiêng ngã,
Đã vì con, đứt gánh giữa đường
Nợ từng con suối, bờ mương
Nợ con Huyết-lộ máu xương oán hờn.

Và bài, *"Lời Nhủ Sau Cùng Cho Người Đi Xa"* của quả phụ Lê Phương Châu 21/B, Sàigòn, cũng có cùng tâm trạng rắn rỏi của nam nhi, nhưng vẫn là tâm sự của người phụ nữ thời chiến đứng trước chiến tranh nghiệt ngã, bình thản đến điếng lòng tiễn xác chồng lần cuối:

Tôi tự hỏi tôi đã hiểu gì chưa?
Khi giọt nước mắt chia ly khóc người yêu di chuyển
Khi tôi đứng cắn móng tay nhìn đoàn xe đơn vị lên đường
Tôi trải nhẹ hồn mình theo vết xe lăn...

Hôm nay, sau hơn 34 năm chiến tranh đã kết thúc, dân VN đã có được bao ngày hạnh phúc? Và với những sự thật phũ phàng đang diễn ra nơi quê nhà, từ Tây Nguyên đến Biển Đông bị vây hãm, lòng dân ai oán, liệu chúng ta có còn "đứng cắn móng tay" nhìn Cộng Sản Việt Nam rước voi về giày mả tổ? Xin trả lời ngay là KHÔNG. Chúng ta sẽ không bao giờ thờ ơ với mệnh nước, không chấp nhận thảm cảnh ngàn năm đô hộ giặc Tàu tái diễn trên quê hương Việt Nam. Mỗi người một tay, kẻ có công, người có của, biết học lấy những kinh nghiệm quý báu của xứ người để từng bước chúng ta tiến hành giải thể CSVN. Xin hồn thiêng sông núi hộ phù chúng ta để xương máu của những Chiến Sĩ QLVNCH không bị phí phạm, để chúng ta và con cháu được hưởng những ngày tháng thanh bình trên quê hương Việt Nam yêu dấu.

BBT Đa Hiệu chân thành tri ân những đóng góp thiết thực của quý bạn đọc bốn phương và hân hạnh giới thiệu Đa Hiệu 87 với chủ đề, "Tổ Quốc & Dân Tộc".

Lê Đình Trí K29, chủ bút Đa Hiệu



Biển Quinhơn - ảnh Thẩm Vân

Cấy Lại Biển Đông Để Thấy Những Chân Trời

(Còn lại tim này thương phế
Và mùa xuân nửa địa cầu về trễ)

Lẽ ra những bờ biển quê hương
Phải xanh dài tít tắp
Lẽ ra những hòn đảo quê hương
Phải nườm nượp bóng dừa
Này em, hỡi em
Bao lâu nữa
Thủy triều trỗi sóng tình ca
Này anh, hỡi anh
Bao lâu nữa
Đoàn tàu trực tuyến Hoàng, Trường Sa
Hôm nay mưa mù, trời chớp lệ
Dải mây-thành xám ngoét
Hồn những con tàu váng vất Biển Đông
Đôi mắt 74, đôi mắt 75
Và bao đôi mắt ngư dân đã không còn thấy sáng
Bữa tiệc máu ngày qua ngày hoang đãng
Trên xác thân những còm cõi biết lê chân
Trắng ởn nanh, biệt thự giữa khung thành
Túi bạc quốc gia rơi riêng vào túi áo
Lẽ ra miền Trung, không ngại lo vì giông bão

Lẽ ra miền Bắc, không có những phố vẫy, phố liều
Lẽ ra miền Nam, dân oan không phải đớn đau kêu
Lẽ ra quân lực Việt Nam phải được vũ trang tối tân, hùng hậu lắm
Và lẽ ra Việt Nam đã là hàng đầu kinh tế
Và nếu tôi, em, không nhỏ lệ
Như mưa mù trời, như gió hôm nay
Ai đánh thức cơn say
Ai dậm chân để ồn ào đất tổ
Một Ngô Quyền bêu đầu Hoằng Thao nơi Bạch Đằng giang thuở đó
Một Nam Quốc Sơn Hà phá Tống bình Chiêm
Một Trần Thủ Độ sát quân Nguyên
Một lời khuyên của Nguyễn Phi Khanh
Mang giấc mộng Linh Quy Hoàn kiếm
Xương nam tiến Mãn Thanh sờ sờ gò Đống
Nhị Hà đỏ máu thiên thu
Hôm nay...
Biển Việt Nam không nhìn được ra xa
Sóng Việt Nam không bao la hải lý
Hơn 2 triệu vua quan lũ-loài bọn ấy
Càn khôn của báu
Vấy máu anh em
Trên ghế bạo quyền lại hò hét dân đen
Đứng đằng sau nghịt ngòm hố thẳm
Lại hô hào, lại gào bừng bừng khí thế
Và có lẽ lại đưa 77 triệu con người làm bia đỡ trên đầu
Đau lòng và mỉa mai thay trí tuệ đỉnh cao
Lặng nhìn lãnh thổ Việt lùi dần từ phương Bắc
Tổ tiên ơi nơi đâu là giặc
Tổ tiên ơi sông núi 4000 năm
Bờ phương đông sóng sẽ vỡ từng đêm
Từng đêm hận, mưa không nhiều bằng nước mắt
Hồn quê hương, tôi, anh, nào thất trách
Đất quê hương, em, nào biết dâng người
Máu Việt rồi sẽ đổ với trùng khơi
Cầm, thú đó xin một lần tan nát

Lập lại hào quang ngược về 200 xuân trước
Bóng cờ đào, áo vải phục Thăng Long
Khúc bình ca man mác dải sông Hồng
Giáp bạc liên hoan khét mùi thuốc súng
Biển Đông ơi
Hãy cùng anh lồng lộng
Hãy cùng em giông bão đuổi xâm lăng
Nếu những kẻ tham lam quen hút máu dân
Hiểu được xác thân là tạm bợ
Và tất cả...
Của quê hương từ viên đạn vỡ
Của quê hương từng giọt mồ hôi rơi
Đừng đảo điên với ý thức hệ giết người
Mọi rợ ấy lỗi thời và không bao giờ tồn tại
Nếu vô thần
Hãy cho hắn biết yêu quê hương là chính đạo
Nếu là dân Công Giáo
Xin Chúa thức tỉnh hắn địa ngục linh hồn
Nếu là con cháu Phật Chí Tôn
Xin vẽ cho hắn nẻo luân hồi nghiệp chướng
Biển Đông, đôi mắt Việt Nam nhìn ra muôn hướng
Mười ngón tay dài với đến những chân trời
Đứng lên đi - Nào anh - Nào em - Nào tôi
Những gì của Việt Nam, hãy trả cho Việt Nam lần cuối
Máu sẽ đổ, đâu cần ai kêu gọi
Những gì của quê hương, xin để lại cho quê hương
Xác thân nào mãi mãi trường tồn
Nhưng dân tộc sẽ không bao giờ chết
Lạy mẹ già, một ngày con băng ra biển lớn
Con lạy cha, một buổi sáng chia ly
Kiên cường lên, em nhé người yêu
Gặp khốn khó cắn răng mà chịu đựng
Non sông Việt Nam trùng trùng vạn dặm
Bờ đại dương Việt Nam dải dải không ngơi
Tất cả chúng ta ơi - Lấy lại Biển Đông - Để thấy những chân trời

Kỳ Phong

Người Việt Lưu Vong Thách Đố Trung Quốc Về Chủ Quyền Hoàng Sa, Trường Sa

Lâm Quang Thi K3

Chín ngày trước khi từ trần ở San José, California, thủ tướng cuối cùng của miền Nam, ông Nguyễn Bá Cẩn, tranh đấu bảo vệ quê hương khỏi nạn bành trướng của bá quyền Trung Quốc. Nhân danh người Việt di dân, ông Cẩn đệ trình lên Liên Hiệp Quốc một hồ sơ xác định thềm lục địa ở bờ biển Việt Nam, thể theo hiệp định của Liên Hiệp Quốc về Luật Hàng Hải.

Hồ sơ của Thủ tướng Cẩn được soạn thảo với sự hỗ trợ của các nhà chuyên môn về công pháp quốc tế trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại, nêu lên bằng chứng lịch sử và địa dư hầu thiết lập chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Trong khi người Việt hải ngoại đang cố tranh chấp sở hữu của hai quần đảo này thì Hà Nội, một chế độ đã chiếm quyền lực bằng những ngôn từ hoa mỹ như độc lập và lòng yêu nước, lại dâng hiến lãnh hải và đất đai của mình cho Trung Quốc. Những hòn đảo này sẽ dành cho Trung Quốc phần lớn chủ quyền ở hải phận Biển Đông cũng như quyền đánh cá và quyền khai thác nguyên liệu và tiềm năng về dầu khí.

Lịch sử đã có những sự trùng lập lạ kỳ. Thuở xưa, các vua chúa Việt Nam hay gởi sứ thần sang hoàng cung Bắc Kinh

triều cống các đế vương quyền uy hơn mình để đổi lấy sự bảo vệ của họ. Ngày nay cũng không khác gì mấy, ngoại trừ hai điểm chính: Vua và hoàng đế ngày trước đã được các lãnh tụ Cộng sản thay thế, ngọc ngà châu báu, vàng, và ngà voi đã được thay thế bằng những chuyển nhượng lãnh hải quý báu đi đôi với quyền đánh cá và các sản lượng dầu hỏa. Hồ sơ của ông Cẩn thiết lập chủ quyền chính thống của miền Nam cũ, nhấn mạnh rằng sự chiếm đoạt miền Nam bằng bạo lực và việc thống trị Nam Bộ của Bắc Việt sau '75" không hủy bỏ ba hiệp định quốc tế: Hiệp Định Genève 1954, Hiệp Ước Balê (Paris Accords) 1973, cũng như động thái cuối cùng ngày 2 tây tháng Ba, và điều này cũng chẳng triệt tiêu tính chính thống và chính nghĩa của miền Nam của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa."

Đồng thời, ông Cẩn cũng phản bác văn bản đã nộp của Hà Nội, trong đó nhà nước Cộng Sản Việt Nam thừa nhận chủ quyền hiện hành của Trung Quốc trên quần đảo Hoàng Sa, ở phía Đông của Huế, và chỉ thông cáo về sự tranh chấp với Mã Lai về một số đảo ở Trường Sa, nằm về phía Nam của quần đảo Hoàng Sa.

Trung quốc chiếm Hoàng Sa sau một trận hải chiến ngày 19 tháng Giêng, năm 1974 với Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa trong thời chiến tranh Nam Bắc. Trường Sa, với nhiều dự trữ dầu hỏa, được các nước như Việt Nam, Phi luật Tân, Brunei, Mã Lai Á và Trung Quốc tranh giành chủ quyền. Trung Quốc là quốc gia duy nhất dùng vũ lực của binh quyền để xâm chiếm Trường Sa và chiếm đóng 5 đảo trong quần đảo này sau một trận chiến với hải quân Việt Nam ngày 14 tháng Ba, năm 1988.

Theo địa dư, bản tường trình của ông Cẩn đề cao khoảng cách của các đảo trong quần đảo Hoàng Sa, gần nhất với Việt Nam 135 hải lý; trong khi các đảo phía Bắc gần nhất với hải phận Trung Quốc cũng cách ly Trung quốc khoảng 235 hải lý. Trong khi đó Trường Sa chỉ cách hải cảng Cam Ranh 250 hải lý, so với khoảng cách với đảo Hải Nam của Trung quốc là 310 hải lý. Căn cứ trên những dữ kiện này,

bản báo cáo kết luận rằng "cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa... đều phải thuộc chủ quyền của Việt Nam."
Hồ sơ trưng bày bằng chứng để củng cố chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa cũ đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bằng chứng xưa cũ nhất là bản đồ trong Bộ Luật Hồng Đức được chắp họa trong những năm 1460 và 1497 dưới triều đại An Nam do vua Lê Thánh Tôn trị vì. Những văn kiện quan trọng nhất là Hiệp Ước Thanh Tân (Tiensin) do Trung Hoa và Pháp Quốc ký kết năm 1885, công nhận sự bảo hộ của Pháp với Vương quốc Việt Nam, mà lãnh thổ Việt Nam vào thời đó đã bao gồm hai quần đảo nêu trên.
Vào cuối Thế chiến thứ II, các nước thắng trận đã gặp nhau ở Postdam năm 1945 để ký các hiệp ước nhằm giải quyết những tranh tụng về đất đai của các quốc gia trước đây đã bị Đức và Nhật cai trị. Những hiệp ước quốc tế này không thay đổi chủ quyền Việt Nam so với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
Liên Hiệp Quốc sẽ không xử lý ngay vụ Thềm Lục Địa và các vấn đề liên hệ trong thời gian sắp tới đây, nhưng văn kiện do thủ tướng Cẩn nộp đã mở rộng thêm một khía cạnh mới cho cuộc tranh chấp chống sự bành trướng của Trung quốc. Nó báo hiệu một sự trưởng thành và hiếu động của cộng đồng Việt di dân hải ngoại, quyết chí đấu tranh trong một cuộc chiến hai mặt: chống lại sự xâm lấn của Bắc Triều và nỗ lực tranh đấu cải cách cho Việt Nam.
Dịch thuật: Nguyễn Khoa Thái Anh
© 2009 Đàn Chim Việt Online
** Ông Lâm Quang Thi là cựu trung tướng trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, tác giả quyển: "25 Năm Thế Kỷ: Một tướng lĩnh miền Nam hồi nhớ trận chiến Việt Nam cho đến ngày Sàigòn mất", "The Twenty-Five Year Century. A South Vietnamese General Remembers the Indochina War to the Fall of Saigon."*

Vietnam's Diaspora Challenges China's Claim to Archipelagos

Thi Lam

On May 11, 2009, nine days before he died in San Jose, Calif., the last prime minister of South Vietnam, Nguyen Ba Can, fought to save his homeland from China's expansion. On behalf of the Vietnamese diaspora, he submitted to the United Nations a dossier establishing the outer edges of Vietnam's continental shelf in compliance with the UN Convention on the Law of the Sea.

Can's dossier, prepared with the help of experts on international laws from the Vietnamese communities overseas, cites geographical and historical evidence to establish Vietnam's sovereignty over the Paracels and Spratlys archipelagos.

While the Vietnamese diaspora is struggling to claim ownership of these two island groups, the Hanoi regime, which came to power using the language of independence and patriotism, is giving away its territory. Those islands would give China a claim to much of the territorial waters in the Easter Sea, and therefore fishing rights and access to minerals and potential oil pockets.

History has a curious way of repeating itself. In ancient

times, Vietnamese kings periodically sent ambassadors to the Peking Imperial Court to pay tributes to their powerful masters to the north in exchange for their protection. It is the same today with two major differences: The old kings and emperors have been replaced by communist rulers, and precious stones, gold and ivory have been replaced by precious territorial concessions, along with fishing rights and potential oil reserves.

Can's dossier established the legitimacy of the former Republic of Vietnam (South Vietnam); it stresses that the acts of aggression by North Vietnam and its occupation of the territory of the RVN after 1975 "have not abrogated the three international treaties: the Geneva Accords of 1954, the Paris Accords of 1973, as well the Final Act of March 2, 1973, nor can they obliterate the 'de jure' existence and legitimacy under international law of the Government of the RVN."

Can also refutes Hanoi's concomitant submission to the UN, in which the Vietnamese communist government recognizes China's de facto sovereignty over the Paracel Archipelagos, east of Hue, and reports only a pending dispute with Malaysia over islands in the Spratlys, south of the Paracel Islands.

China captured the Paracel Islands after a bloody naval battle on January 19, 1974, with the South Vietnamese during the Vietnam War. The Spratlys, rich in petroleum resources, is claimed by Vietnam, the Philippines, Brunei, Malaysia and China. China is the only country that has used military forces to invade the Spratlys and occupy five islands of this archipelago following a navy battle against Vietnam on March 14, 1988.

Geographically, the report emphasizes that the Paracels island closest to Vietnam is 135 nautical miles away; the distance of the northernmost island to China's shore is 235 nautical miles. Spratly Island, meanwhile, is 250 nautical miles from the Vietnamese port of Cam Ranh, compared to 310 nautical miles that separate the same island from

China's Hainan island. Based on these data, the report concludes that, "both groups of Paracels and Spratlys islands... must belong to Vietnam."

The dossier presents historical evidence to support the territorial sovereignty of the RVN over the Paracel and Spratly archipelagos. The oldest is the Hong Duc map drawn between 1460 and 1497 during the dynasty of King Le Thanh Ton of the Empire of An Nam. But the most important document is the Treaty of Tientsin signed by China and France in 1885, which recognized the French Protectorate over the Empire of Vietnam, whose territory at that time already included the above archipelagos.

At the end of World War II, the victors met in Potsdam in 1945 to sign the treaties that settled territorial litigations affecting the nations previously conquered by Germany and Japan. These international treaties did not change the sovereignty of the Paracels and Spratlys.

The UN is not expected to rule on Continental Shelf - related issues anytime soon, but Can's submission has added a new dimension to the struggle against China's expansionism. It signals the emergence of an increasingly active diaspora that is determined to wage a two-front war: to oppose foreign aggression and to fight for democratic reform in Vietnam.

■■

Thi Lam was a lieutenant general in the South Vietnamese army and the author of, The Twenty-Five Year Century: A South Vietnamese General Remembers the Indochina War to the Fall of Saigon.

Tài liệu lịch sử biển Đông

Biển Đông Và An Ninh Trong Vùng Đông Nam Á

GS Nguyễn Văn Canh

LTS: Nhân dịp ra mắt sách ĐỊA LÝ BIỂN ĐÔNG VỚI TRƯỜNG SA của Học Giả Vũ Hữu San tại San Jose, ngày 29/04/1995, phóng Viên Tường Vân đã ghi lại bài nói chuyện ứng khẩu của GS Nguyễn Văn Canh. Bài viết này đã được GS Canh bổ túc thêm chi tiết và cho in trong Bạch Thư về Âm Mưu Của Đảng Cộng Sản Trung Hoa Chiếm Đoạt Hoàng Sa và Trường Sa. Mặc dù đã gần 15 năm trôi qua, nhưng những nhận định của GS Nguyễn Văn Canh vẫn đúng cho những gì đang xảy ra hôm nay trên biển Đông. Tòa soạn Đa Hiệu xin hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc.

***

Đông Hải, một phần đất nối dài của Việt Nam trên mặt biển, nay đang là một nơi mà một số quốc gia hải cận tuyên bố có chủ quyền và đang tranh nhau lấn chiếm. Đó là Trung Cộng, Đài Loan, Mã Lai, Phi Luật Tân và Brunei. Ngoài ra, Đông Hải có một vị trí quan trọng vì đường giao thông hàng hải vận tải hàng hóa và nguyên liệu giữa Đông và Tây nằm trong đó. Do đó, các quốc gia Tây Phương ở Âu Châu, Bắc Mỹ, và trong vùng Đông Á cũng có quyền lợi kinh tế thương mại. Đông Hải là một khu vực có nhiều tiềm năng kinh tế về ngư nghiệp và khoáng sản. Do đó, an ninh biển Đông là một vấn đề có liên hệ đến nhiều quốc gia trên thế giới. Đặc biệt đối với Việt Nam, biển Đông là tài sản của dân tộc chúng ta.

Câu hỏi đặt ra là yếu tố nào hiện nay là nguyên nhân gây ra bất ổn trong vùng?

Trong mấy tuần lễ qua, Phi Luật Tân có cảnh cáo Trung Cộng về việc thiết lập một số kiến trúc và cắm cờ trên 5 đảo đá ngầm quanh vùng đảo Mischiefs mà Phi Luật Tân nhận có chủ quyền. Trung Cộng lúc đầu phủ nhận. Sau đó vì có bằng cớ rõ rệt, Trung Cộng lại nói rằng đó là những kiến trúc giúp cho ngư dân Trung Cộng tá túc khi hành nghề. Thứ trưởng ngoại giao Phi Luật Tân đến Trung Cộng để thương thảo về vấn đề này vào ngày 19 tháng 3 vừa qua. Đồng thời Phi cho hải quân ra đặt chất nổ phá hủy kiến trúc ấy; có kiến trúc lớn bằng nhà 3 tầng lầu. Đây là sự kiện mới nhất trong một chuỗi dài hoạt động: lấn chiếm dần dần của Trung Cộng trong vùng biển Đông của Việt Nam.

XÂM CHIẾM HOÀNG SA

Bắt đầu từ năm 1956, khi quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam, và Việt Nam vừa mới thu hồi được độc lập, quân đội mới được thành lập, hải quân chưa có gì, thừa cơ hội có một khoảng trống quyền lực tại vùng này, Trung Cộng đưa hải quân ra đánh chiếm nhóm Tuyên Đức, nằm về phía Đông quần Đảo Hoàng Sa. Rồi đến tháng 1 năm 1974, vào lúc quân đội Hoa Kỳ rút lui khỏi Việt Nam, lại có một khoảng trống quyền lực khác tại vùng này, Trung Cộng liền mang quân xuống chiếm nhóm Nguyệt Thiềm, nằm về phía Tây Hoàng Sa, Hải quân Việt Nam Cộng Hòa ra mang quân đến đổ bộ một số đảo, đánh chiếm lại phần đất mà cha ông chúng ta đã để lại. Chiến hạm Trần Khánh Dư HQ.04 mà Cựu Hải Quân Trung Tá Vũ Hữu San, tác giả cuốn sách ra mắt hôm nay trước mặt quí vị là hạm trưởng, cùng với 10 chiến hạm khác đến tập trung ở đảo Duy Mộng thuộc nhóm Nguyệt Thiềm để đánh đuổi quân xâm lăng, đòi lại các đảo đã bị chiếm. Theo tài liệu của Trung Cộng, cuộc chiến đấu diễn ra như sau:

- Ngày 17 tháng 1, Hải Quân Việt Nam cho đổ quân lên đảo Kim Ngân (hay Vĩnh Lạc), xông vào đảo Cam Tuyền hạ cờ Trung Cộng và trục xuất quân Trung Cộng mà chúng

gọi là ngư dân đang trấn giữ đảo này.

- Ngày 18, chiếm hạm Việt Nam đụng vào 2 chiến hạm Trung Cộng: 402 và 407, và rồi sau đó lại đụng làm hư hại chiếc 407 ở phía Bắc đảo Linh Dương (Bạch Qui).

- Sáng sớm ngày 19, Hải Quân Việt Nam tiến chiếm đảo Thâm Hàng (Quang Hòa) và sau đó Việt Nam cho oanh tạc cơ đến bắn xuống đảo này. Báo chí Trung Quốc nói về biến cố này: Saigòn cho rằng một chiếc tàu Trung Cộng có ý định tiến về hướng Khu Trục Hạm Trần Khánh Dư và các hạm đĩnh của Việt Nam pháo kích vào các tuần phòng của Trung Cộng. Cuộc hải chiến bắt đầu và diễn ra ở đảo Thâm Hàng. Trung Cộng báo cáo là phía Việt Nam có 2 người chết, 2 bị thương, một chiến hạm chở hơn 100 người bị đắm và một chiếc bị tổn thương. Về phía Trung Cộng, thì Việt Nam loan báo là một chiếm hạm bị bắn chìm. Và sau đó, toàn bộ quân Việt Nam rút về đảo San Hô (Tri Tôn), Kim Ngân và Cam Tuyền.



Biểu ngữ chống TC trước sứ quán TC tại Washington DC, 29/8/2009

- Ngày 20 tháng 1: 2 nhóm quân Trung Cộng phối hợp với 4 chiến đấu cơ Mig 21 và 23 trong khoảng 20 phút đã đánh đuổi binh sĩ Việt Nam khỏi đảo San Hô, Cam Tuyền và Kim Ngân. Ba chiến hạm Việt Nam rút về Đà Nẵng, chở theo 4 binh sĩ chết, và 20 người bị thương: hơn100 thất tung và 48 người bị bắt. Toàn quần đảo Hoàng Sa từ đó lọt vào tay Trung Cộng. Một điểm đáng lưu ý ở đây là cũng theo tài liệu trích từ báo chí của Bắc Kinh, thì ngày 1/2/74, đài phát thanh Liên Sô ở Mạc Tư Khoa khi nói về biến cố Hoàng Sa đã trách cứ giai cấp lãnh đạo Trung Cộng như sau: Sự kiện quần đảo Tây Sa (danh từ Trung Cộng gọi Hoàng Sa) đã gây một phản ứng rất mạnh mẽ khắp thế giới, sẽ đưa tới những tình trạng bất ổn và đáng cảnh giác. Bức địa đồ do Trung Quốc phát hành đều bị các quốc gia Á Châu nhận thấy các nhà lãnh đạo Trung Cộng bộc lộ ý đồ xâm lược.

Trong khi đó Đảng Cộng Sản Việt Nam theo chính sách của Hồ Chí Minh đề ra, với văn thư của Phạm Văn Đồng vào tháng 9, 1958 công nhận toàn vùng Trường Sa và Hoàng Sa là của Trung Cộng, chúng đã hoàn toàn im lặng; một thái độ ưng thuận, đồng lõa với tội phạm.

LẤN CHIẾM TRƯỜNG SA

Vào tháng 3 năm 1988, Trung Cộng đưa Hải Quân tiến sâu về phía Nam, đánh chiếm một số đảo của Trường Sa. Chúng đánh đắm 2 tàu của Việt Cộng. Ba thủy thủ bị chết, 74 bị bắt và một số bị mất tích. Rồi lần lượt, Trung Cộng thỉnh thoảng lại cho quân tiến chiếm thêm một đảo. Trung Cộng đã chiếm cả thảy 8 đảo, và lần cuối cùng vào tháng 7/92, chúng cho một tàu kéo và một số tàu nhỏ, mang quân đổ bộ lên đảo đá ngầm Đa Lạc và dựng một MỐC đánh dấu chủ quyền ở đây. Ngoài ra, Trung Cộng có nhiều hoạt động khác: Vào năm 1983, chúng cho vẽ lại một bản đồ cho vùng Đông Hải mà chúng gọi là Nam Hải, và tuyên bố rằng chúng có chủ quyền trên toàn vùng này. Ranh giới vùng này gồm: về phía Đông, sát với bờ bể Phi Luật Tân; về phía Tây, giáp với bờ bể Việt Nam; và về phía Nam, giáp với Mã Lai Á. Đến tháng 2/1992, Quốc Hội Trung Cộng thông qua một đạo luật nói rằng vùng lãnh hải đó là của Trung Cộng và các tàu quân sự cũng như các tàu khoa học (ám chỉ tàu tìm dò dầu hỏa) trước khi đi qua vùng này phải xin phép, nếu không sẽ bị đánh chìm. Ba tháng sau, chúng ký với công ty tìm dầu Crestone có trụ sở ở Denver, Colorado, Hoa Kỳ, một khế ước tìm dò dầu hỏa nằm trong vùng phía tây Trường Sa với một diện tích 25.000 cây số vuông. Thompson chủ tịch công ty này loan báo rằng Trung Cộng hứa dùng quân sự bảo vệ công tác tìm dầu và khoan dầu. Theo tài liệu, thì vùng này trùng với khu vực trước đây Việt Cộng đã ký với Công Ty Total của Pháp để tìm dò dầu hỏa. Công ty Total đã bỏ khu vực này vào đầu năm vì các giếng ở đó là giếng khô, không đào được dầu. Trong tháng 8, 92 Trung Cộng cho ra khơi 2 tàu khoa học là Phấn Đấu 5, giàn khoan tìm dò dầu hỏa, tiến sâu vào Vịnh Bắc Việt,

cách cảng Ba Lạt 112 cây số về phía Đông, tầu Nam Hải 6, tàu nghiên cứu địa chất học ở cửa bể Hải Phòng, cách Thái Bình 70 hải lý về phía Bắc. Hoạt động của hai tàu khoa học này nằm sâu trong đường ranh giới thuộc phạm vi lãnh hải của Việt Nam do Hiệp Ước 1887 giữa Pháp và Trung Hoa ký kết và qui định. Vậy việc xây cất các kiến trúc to lớn bằng xi măng cốt sắt, cắm cờ, và thả các phao sắt đánh dấu chủ quyền trên khu vực Mischiefs trong mấy tháng qua là những hoạt động mới nhất biểu lộ ý đồ bá quyền của Trung Cộng trong vùng này tố cáo hành vi bá quyền của TC xây dựng lực lượng hải quân và biến Hoàng Sa thành căn cứ để chuẩn bị tiến xa về phương Nam: Một trong chương trình Tứ Hiện Đại Hóa của Đặng Tiểu Bình đưa ra năm 1978 là Hiện Đại Hóa Quân Đội. Canh tân Hải Quân là một phần chính trong chương trình này. Vào năm 1991,Trung Cộng đã mua của Nga Sô một phi đoàn máy bay SU-27, tương đương với F.16 A (lọai máy bay tối tân của Mỹ), mua 6 máy bay vận tải II để tăng cường cho Hạm Đội Biển Xanh của chúng. Từ khi biến cố Thiên An Môn xảy ra cho đến 1991,Trung Cộng đã bỏ ra 2 tỉ Mỹ Kim để canh tân quân đội. Ngân sách quốc phòng gia tăng mỗi năm là 10% trong vòng những năm tới. Đã có các báo cáo cho biết Trung Cộng đang điều đình mua một hàng không mẫu hạm loại Tbilisi, 60,000 tấn (đang đóng) hay Varyag 67,000 tấn của Ukraine. Đây là loại mẫu hạm Cuznetsov của Nga, có thể chở được 18 phản lực SU-27 hay 25 Migs-29. Trị giá một mẫu hạm như vậy là 2 tỉ Mỹ Kim. Trung Cộng cũng đang cải biến một tàu hàng khổng lồ thành một mẫu hạm. Để tăng cường tầm xa của các phản lực cơ xuống vùng Đông Hải của Việt Nam, tới Mã Lai Á, Trung Cộng đã mua kỹ thuật tiếp tế nhiên kiệu trên không của Iran và đã cải biến phóng pháo cơ H-6 cho mục đích này. Tầm xa của máy bay SU-27 nếu không sử dụng kỹ thuật tiếp liệu trên không, hiện nay chỉ có thể tới hành quân chừng nửa giờ tại vùng Trường Sa mà thôi. Về căn cứ xuất phát, Hải quân Trung Cộng đã xây một phi cơ cánh liền lên xuống,

trên đảo Phú Lâm (Woody) của quần Đảo Hoàng Sa, xây hồ chứa nước ngọt, và doanh trại cho quân trú phòng. Hiện nay đã có cả ngàn quân Trung Cộng trú đóng trên đó. Chúng cũng biến Nam Hải thành một căn cứ là căn cứ Hải Quân tiền phương khác, không những để gia tăng sức mạnh của chúng trong vùng Đông Hải, mà còn là căn cứ tuần tiễu hải quân. Chương trình canh tân này sẽ hoàn tất vào năm 2000. Tham vọng bá chủ của Trung Cộng dĩ nhiên không dừng ở Biển Đông. Hiện nay, Trung Cộng có một hạm đội rất mạnh đối với các quốc gia trong vùng. Hạm đội ấy gồm 300,000 quân, hơn 900 tàu chiến các loại và 100 tàu ngầm và cả ngàn phóng pháo cơ. Tuyên bố của các nhà lãnh đạo quân đội Trung Cộng về mục đích canh tân hải quân. Các nhà lãnh đạo quân đội không giấu diếm ý đồ của họ khi canh tân Hải Quân. Phó Tổng Tư Lệnh quân đội Trung Cộng, tướng Zhang Xusan nói với tờ China Daily (7/4/92) rằng đây là lúc hải quân phải trợ lực sự phát triển kinh tế trong vùng gồm cả các đảo thuộc vùng tranh chấp Trường Sa. Phó Đô Đốc Zhang Lianzhong, Tư Lệnh Hải Quân, cũng vào thời gian này còn cho China News Services biết rằng "Quân Ủy Hội đã ra lệnh cho Hải Quân phải sẵn sàng bảo vệ hữu hiệu lãnh hải và các vùng biển kế cận; vì thế chúng tôi phải hiểu rằng với việc khai thác lòng biển, tình hình hải quân sẽ phức tạp hơn, và cuộc chiến đấu dành quyền trên đại dương sẽ khốc liệt hơn." Ý đồ của Trung Cộng trong việc lấn chiếm vùng Đông Hải của Việt Nam đã rõ rệt trong hành động cũng như được biểu lộ công khai của các tướng lãnh Trung Cộng xác nhận ý định khống chế vùng này. Đây chính là nguyên nhân gây ra bất ổn trong vùng.

Trước thái độ và hành vi của TC như vậy, các quốc gia có quyền lợi liên hệ phản ứng như thế nào? Ta phải xét trường hợp Đảng Cộng Sản Việt Nam trước. Ta cần phải phân chia phản ứng của Việt Cộng làm 3 thời kỳ: trước 1975; 1975-1991; và sau 1991.

Trước 1975: Như đã trình bày ở trên, Trung Cộng mang quân xâm chiếm Hoàng Sa làm 2 đợt: lần 1 vào năm 1956.

Lúc này Việt Cộng đã làm chủ Bắc Việt theo Hiệp Định Genève 1954, và Hồ Chí Minh không có một phản ứng gì, chống lại sự xâm lăng ấy. Rồi Hồ Chí Minh còn đi xa hơn là những gì mà mọi người tưởng: chuyển nhượng toàn vùng Đông Hải cho Trung Cộng qua văn thơ của Phạm Văn Đồng vào ngày 14 tháng 9 năm 58. Đến tháng 1/1974, lúc này Mỹ đã rút quân khỏi Việt Nam, Trung Cộng chiếm nốt Hoàng Sa và Hải Quân Việt Nam đã đổ xương máu, anh dũng giao tranh đòi lại đất. Trong khi đó, Việt Cộng giữ một thái độ lặng thinh, dù Nga Sô tố cáo hành vi bá quyền của Trung Cộng.

1975 - 1991: Lợi dụng một khoảng trống khác trong vùng là lúc này Hải quân Liên Sô đã giảm bớt ảnh hưởng trong vùng biển Đông, Trung Cộng bắt đầu tiến sâu xuống phía Nam, chiếm một số đảo trong vùng Trường Sa.



Biểu tình chống TC trước sứ quán TC tại Washington DC, 29/8/2009

Vào tháng 3, 1988, Trung Cộng bắt đầu thực hiện ý đồ này. Việt Cộng có mang hải quân ra ngăn chặn, nhưng không chống nổi hải quân Trung Cộng. Một số đảo bị mất. Tại sao Việt Cộng lại thay đổi thái độ, từ việc bán nước sang chống lại Trung Cộng như trên? Chúng ta biết rằng Lê Duẩn sang Liên Sô ký Hiệp Ước Tương Trợ và Hợp Tác với Liên Sô ngày 3/11/79. Hiệp ước này có nói tới việc tham khảo lẫn nhau trong trường hợp một trong hai bên kết ước xâm lăng. Như vậy đây là một hiệp ước có cả tính cách an ninh. Tôi cần phải nhấn mạnh ở đây là Lê Duẩn là Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam. Hơn một tháng sau, vào dịp Noel, Việt Cộng mang 135,000 quân sang đánh ở Cao Miên. Tàu của Hải Quân Liên Sô chở quân đội Việt Cộng và quân trang quân dụng của Nga Sô vào chiến trường Miên cho Việt Cộng. Chiến phí do Liên Sô đài thọ. Như thế đây là thời kỳ Việt Cộng cam kết theo đường lối và mục tiêu

của Liên Sô. Đó là ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng ở phía Nam, mở rộng ảnh hưởng của Nga Sô tiến tới kiểm soát Đông Nam Á, và tiếp sức cho Liên Sô tiến vào Ấn Độ Dương, nhất là lấy căn cứ Cam Ranh làm bàn đạp, để hợp nhất với mũi dùi khác mà Nga Sô mấy tháng sau đó đã mang quân tràn vào A Phú Hãn với ý đồ tiến vào Ba Tư, để kiểm soát kho dầu vùng Vịnh Ba Tư. Tuy nhiên cả hai mũi tấn công đó bị thất bại. Tại A Phú Hãn, Liên Sô bị du kích xứ này cầm chân do viện trợ của Mỹ. Tại Cao Miên, Việt Cộng bị chặn đứng không tiến đánh sang Thái Lan được, dù đã bắt đầu, vì Pol Pot được sự hỗ trợ của Bắc Kinh. Đồng thời Bắc Kinh mang 350.000 quân tiến đánh và cầm chân 600.000 quân Việt Cộng tại vùng biên giới Việt Hoa. Trong thời gian này, Việt Cộng làm tay sai cho Liên Sô, và tin rằng với sự chi viện cũng như cam kết trong Hiệp Ước 1979 Liên Sô sẽ hỗ trợ. Việc này đã không xảy ra. Từ giữa năm 1984, Trung Ương Đảng Bộ Liên Xô đã thay đổi đường lối đối với khối Tư Bản, sau khi chịu gánh nặng quá sức và lâu dài chi viện cho tất cả các đảng Cách Mạng trên thế giới. Liên sô đưa Gorbachev lên để thực thi đường lối mới ấy. Đường lối ấy đã được Liên Sô phản ảnh trong chỉ thị cho Nguyễn Đức Bình, người cầm đầu phái đoàn Cộng Sản Việt Nam, sang họp ở Mạc Tư Khoa vào tháng 6/1988 để làm căn bản soạn thảo cương lãnh cho Đại Hội VII của Cộng Sản Việt Nam được tổ chức vào tháng 6/1991. Đó là Hợp Tác thay vì Đối Đầu với Tư Bản (không còn quan niệm ai thắng ai đối với Tư Bản nữa). Trong chiều hướng ấy, viện trợ cho Việt Cộng dần dần giảm đi và Liên sô không còn nhu cầu cầm chân Trung Cộng như trước nữa (thực hiện chính sách hòa hoãn với TC). Vì vậy, Việt Cộng một mình đánh nhau với Trung Cộng ở ngoài khơi Trường Sa, và Liên sô chỉ đứng nhìn mà không hỗ trợ hay can thiệp.

Từ 1991 trở về sau:

Việc tiếp xúc trở lại với Trung Cộng được Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh, Cố vấn Ban Chấp Hành Trung Ương Phạm Văn Đồng và Thủ Tướng Đỗ Mười bí mật đi Trung

Cộng vào tháng 9, 1990 và chỉ được gặp Tổng Bí Thư, Thủ Tướng Trung Cộng ở Thành Đô. Những điều kiện gì mà Trung Cộng đòi hỏi ở Việt Cộng không được tiết lộ vào lúc đó. Nhưng về sau, mọi người đều biết là Việt Cộng phải ký vào Hiệp Định Hòa Bình ở Cao Miên (ký tháng 10/90) và đặc biệt là phải loại bỏ phe thân Nga nằm trong Ban Lãnh Đạo Đảng. Và Việt Cộng thực hiện đòi hỏi này của TC vào Đại Hội VII, tháng 6 năm 1991. Các điều kiện tiên quyết đã được thỏa mãn và Trung Cộng cho Việt Cộng được bang giao. Kể từ đó, Trung Cộng được coi là người lãnh đạo mới cho Việt Cộng, thay thế Liên Xô: từ chính sách mở cửa kinh tế, khép chặt về chính trị; cải cách và quản trị kinh tế tiến tới kinh tế thị trường, quân đội làm kinh tế, cả đến Không quân Trung Cộng làm ăn (liên doanh) với tư bản ngoại quốc trong lãnh vực viễn thông, nhất nhất Việt Cộng làm theo y như Trung Cộng.... Trong chiều hướng ấy, mỗi khi Trung Cộng chiếm thêm một đảo hay có một hoạt động xâm lấn lãnh thổ như đã xảy ra ở trong vùng Trường Sa trong những năm qua, Việt Cộng phản đối rất yếu ớt: như yêu cầu Trung Cộng đừng tái diễn việc này nữa. Nặng hơn là, lời tuyên bố ấy có kèm theo câu sáo ngữ: việc này làm cho tình hình trở nên nghiêm trọng, đồng thời xác nhận Việt Nam có chủ quyền mà thôi. Ngay cả đến một điều phản kháng cũng không có. Phương thức của Trung Cộng là cứ mỗi khi chiếm một đảo, Trung Cộng lại kêu gọi Việt Cộng thương thuyết. Đây là chiến thuật đánh và đàm mà Trung Cộng dạy Việt Cộng để đánh nhau với Pháp và Mỹ tại Việt Nam, ngõ hầu làm tê liệt dần đối phương. Nay VC lại bị TC làm tê liệt với chiến thuật này. Trong vụ Mischiefs mấy tuần lễ vừa qua, dù rằng khu này thuộc lãnh thổ Việt Nam và Phi Luật Tân tuyên bố có chủ quyền, và dù rằng Phi Luật Tân với lực lượng hải quân yếu nhất trong vùng, chỉ có 30 chiếc tàu tuần rất cũ và rỉ nước và 77 chiếc máy bay F-5 cũ, đã dám ngang nhiên triệt hạ các công sự và MỐC đánh dấu chủ quyền của Trung Cộng. Với biến cố này, Việt Cộng đã phân phát một bản tuyên bố nói rằng

việc Trung Hoa xây cơ sở trên khu đá ngầm này là một diễn biến nghiêm trọng, và Việt Nam chống lại hành động bành trướng làm cho tình hình phức tạp hơn và đe dọa hòa bình, ổn cố, hợp tác và phát triển trong vùng. Để nhắc lại quan điểm của Trung Cộng về vùng biển này, cuối năm vừa qua, Pan Shiying, Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Chiến Lược và Quốc Tế của Trung Cộng có nói với một số viên chức Mỹ tại Hồng Công rằng nếu Việt Cộng tiếp tục bác khước quan điểm của Trung Cộng về đề nghị hợp tác khai thác chung, thì Trung Cộng sẽ không còn lựa chọn nào khác hơn là dùng võ lực để kiểm soát vùng này. Hành động của Việt Cộng từ đó đến nay là: kêu gọi thương thuyết, và vận động ngoại giao. Khi công ty Crestone ký khế ước với Trung Cộng để tìm dò dầu hỏa, Nguyễn Mạnh Cầm nhờ vận động với Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Christopher Warren ra lệnh cho Crestone hủy bỏ khế ước. Mặt khác, Việt Cộng vận động với ASEAN lên tiếng chống lại việc xâm lăng của Trung Cộng, nhưng các quốc gia này không thống nhất lập trường, và rõ ràng là có một số quốc gia trong khối ASEAN e dè, sợ làm mất lòng Trung Cộng. Hội Nghị các Bộ Trưởng ASEAN họp vào tháng 7/94 vừa qua biểu lộ rõ thái độ ấy. Còn các quốc gia khác? Việc bành trướng sức mạnh hải quân này gây ra một mối ưu tư trong vùng về chủ nghĩa bá quyền của Trung Cộng. Trước hết là các quốc gia trong khối ASEAN. Thoạt tiên Nam Dương rất hăm hở đề nghị các hội nghị thương thảo để tìm cách giải quyết vấn đề một cách hòa bình (bằng đường lối thương thuyết). Có một số hội nghị đã họp từ 1991. Trung Cộng đồng ý, tuy nhiên với 2 điều kiện:

1) Chủ quyền của Trung Cộng trên Đông Hải là vấn đề bất khả tranh cãi;

2) Chỉ thương thảo song phương với từng quốc gia tuyên bố đòi chủ quyền để liên doanh khai thác tài nguyên mà thôi.

ASEAN cũng không thống nhất lập trường về việc lên án Trung Cộng xâm lăng. Hai quốc gia tiêu biểu cho việc

này là Nam Dương và Mã Lai. Một điều dễ hiểu là Nam Dương không đòi hỏi chủ quyền trên đảo nào tại vùng này. Hơn nữa, Nam Dương còn ở xa vùng tranh chấp. Mã Lai do dự, sợ đụng chạm. Tuy nhiên quốc gia này nhìn thấy nguy cơ trong lâu dài. Do đó, Mã Lai đã mua của Hoa Kỳ 30 máy bay F-16. Trong tháng rồi, Mã Lai đã đặt mua thêm 18 chiếc Mig 29 của Nga và đặt mua của Hoa Kỳ một số máy bay F-18A và sẽ được giao vào năm 1997. Còn Phi Luật Tân lại muốn vận động kín đáo với Trung Cộng mà thôi, nghĩ rằng quốc gia họ là một hải đảo. Trung Cộng khó có thể với tới đảo này. Có lẽ sau vụ Mischiefs, Phi sẽ có thái độ khác.

Tháng 7/95 tới, Việt Cộng được chính thức gia nhập ASEAN, dù Hội này miễn cả cho Việt Cộng đóng lệ phí. Liệu Việt Cộng hy vọng gì ở ASEAN tiếp tay chống Trung Cộng? Về vấn đề bành trướng của Trung Cộng, Việt Cộng và ASEAN với tư cách toàn khối có những mục đích riêng tư khác nhau: Việt Cộng muốn mượn tay khối này để bảo vệ lãnh hải của mình trong khi đó ASEAN vội cho Việt Cộng là thành viên của khối để khi Trung Cộng đe dọa đến an toàn và lãnh thổ của họ thì Việt Cộng sẽ được sử dụng là vùng trái đệm, đỡ đòn cho các quốc gia ấy. Nói khác đi, ASEAN lại có ý định dùng Việt Cộng như một tên đánh thuê, bảo vệ chúng. Chừng nào, quyền lợi ASEAN và Việt Cộng cùng gặp nhau một điểm thì chừng đó sẽ có đoàn kết chống chủ nghĩa bá quyền Trung Cộng. Còn nếu chỉ vì một số đảo của Việt Nam mất thêm nữa vào tay Trung Cộng, thì không chắc ASEAN giúp ích gì cho Việt Cộng. Đài Loan đã mua của Mỹ 150 máy bay F-16A để lo phòng thủ. Đài Loan và Trung Cộng cùng lập trường là vùng Biển Đông thuộc về Hoa Lục. Sau khi Trung Cộng chiếm vùng Mischiefs, Đài Loan cho tàu quân sự ra tuần tiễu vùng đảo Thái Bình mà Đài Loan đã chiếm đoạt từ lâu. Việt Cộng có phản ứng mạnh mẽ hơn về vụ chiếm đoạt này. Nhật Bản tuyên bố là cuộc chạy đua võ trang trong vùng này là một mối ưu tư của họ. Họ cũng phải xét lại chính sách quốc phòng và gia

tăng ngân sách để võ trang. Các quốc gia Đông Á đều ý thức được nguy cơ là nếu Trung Cộng khống chế vùng Biển Đông, thì các quốc gia của họ lâm nguy, vì sự sinh tồn của họ dựa vào hành lang chạy qua eo biển Malacca giữa Ấn Độ Dương và Biển Đông. Vai trò của Hoa Kỳ? Cho đến nay Hoa Kỳ vẫn tỏ ra không ưu tư gì đến những biến chuyển trong vùng. Khi những gì xảy ra tại Đông Hải vào giữa năm 1992 làm các quốc gia trong vùng tỏ ra ưu tư lớn lao, Đô Đốc Larson, lúc đó là Tư Lệnh tại Thái Bình Dương tuyên bố rằng Hoa Kỳ không ủng hộ việc quốc gia nào đòi chủ quyền và cảnh cáo việc TC dùng võ lực gây bất ổn trong vùng. Bộ Trưởng QP Mỹ cũng tuyên bố tương tự. Rồi đến vụ Mischiefs vừa qua, phóng viên tờ Viễn Đông vào giữa tháng 2 hỏi viên chức Ngũ Giác Đài về Mỹ có hay biết gì về biến cố Mischiefs, thì được trả lời rằng Mỹ không sử dụng máy bay P3 tuần thám trong vùng, vì lẽ không ai đe dọa vùng này cả. Mỹ cũng không dùng vệ tinh theo dõi vùng này vì lẽ vùng này không có gì là ưu tiên, hay nói khác đi là không để ý đến vùng này. Vì phẫn nộ trước việc Trung Cộng thiết lập các kiến trúc đó cả 4 tháng trước mà Mỹ không hay biết, Đô Đốc Richard Mackee, Tư Lệnh Hạm Đội Mỹ vùng Thái Bình Dương vào đầu tháng 3 trong khi thăm Nam Dương nói lại rằng: Tôi không nói rằng chúng tôi biết điều ấy. Giải thích thêm về việc này, ông ta nói: Tôi sẽ không nói về những tin tức chúng tôi có sẵn. Nhưng tôi không ngạc nhiên nhiều. Một tuần lễ sau đó, Đô Đốc William Owens, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Tham Mưu Mỹ đến Nam Dương nói rằng: Mỗi ngày đều có rất nhiều hoạt động xảy ra tại vùng Trường Sa. Việc chia sẻ các tin tức tình báo ở khắp nơi trên thế giới không phải là chính sách quân sự của chúng tôi. Như vậy là Hoa Kỳ không muốn bị lôi cuốn vào tranh chấp ấy. Chúng ta cũng nên tìm hiểu xem mức độ mà Hoa Kỳ dấn thân trong vùng Biển Đông. Nói chung Hoa Kỳ hiện nay đang thu rút hoạt động của mình trên nhiều vùng thế giới. Hoa Kỳ chỉ tham dự khi có quyền lợi quan trọng. Tại vùng này, quyền lợi chiến lược

của Hoa Kỳ là hòa bình và ổn cố. Nếu có bất ổn, Hoa Kỳ sẽ can thiệp để tránh phải đương đầu với một cuộc chiến tranh qui mô hơn. Đi kèm theo là quyền lợi kinh tế thương mại. Trong năm 1993, giá trị thương mại vận chuyển qua vùng biển Đông này là 300 tỉ Mỹ Kim. Dĩ nhiên vùng Á Châu Thái Bình Dương trong thập niên tới con số ấy sẽ to lớn hơn nhiều và có ảnh hưởng sâu đậm đến nền kinh tế quốc nội Hoa Kỳ. Đó là chưa kể đến quyền lợi sinh tử của Nhật Bản, Đại Hàn và Đài Loan có tác động đối với Mỹ.

Theo tôi, Mỹ sẽ chỉ can thiệp khi có bất ổn. Cũng cần phải xác định mức độ bất ổn để can thiệp. Mức độ ấy phải khá trầm trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của Mỹ. Về điểm này Trung Cộng rất khôn ngoan: hành vi lấn chiếm của chúng rất từ từ và cố ý không gây xáo trộn. Tình trạng này sẽ kéo dài từ nay cho tới năm 2000, là năm Trung Cộng hoàn tất chương trình hiện đại hóa hải quân của chúng. Sau thời điểm 2000 ấy, có thể Trung Cộng sẽ hung hãn hơn. Đây là mối nguy cơ nhãn tiền lớn cho nhiều quốc gia. Vào lúc nào đó, quyền lợi thiết thân của Hoa Kỳ hay của đồng minh bị nguy hại, Hoa Kỳ mới có thái độ dứt khoát. Hiện nay, mối đe dọa của Trung Cộng đã có, nhưng đe dọa này chỉ được coi là ở trong phạm vi ý đồ bành trướng hay nói khác đi chưa có một hành vi bạo lực qui mô để gây ra bất ổn trong vùng, để có thể đụng chạm tới quyền lợi sinh tử (vital) của Mỹ. Vấn đề này còn tùy thuộc những biến thiên của tình hình chính trị, kinh tế quốc nội của Trung Cộng từ nay đến lúc đó. Tuy nhiên, mộng bá chủ của Trung Cộng không bao giờ chấm dứt. Riêng về phía Việt Cộng, đây là một tội phạm rất lớn đối với dân tộc. Đảng CS độc



Biểu tình chống TC trước sứ quán TC tại Washington DC, 29/8/2009

quyền lãnh đạo đất nước. Đảng này theo sự chỉ đạo của ngoại bang, hết Liên Sô, Trung Cộng đã và đang liên tục tiêu diệt mọi sinh lực quốc gia. Ngày nay quốc dân hầu như không còn phương tiện bảo vệ vì lẽ tiềm lực quốc gia chúng đã theo lệnh ngoại nhân tiêu diệt hết. Quân lực tinh nhuệ của Miền Nam đã bị loại trừ hẳn. Tài nguyên quốc gia cần huy động trong công cuộc bảo vệ lãnh hải đã bị phung phí và khô cạn. Trí tuệ của dân tộc được tận dụng để phục vụ ngoại bang. Đoàn kết quốc gia bị phá nát. Đất nước không còn khả năng chống đỡ các cuộc xâm lăng. Vì thế chúng tỏ ra thụ động hay làm ngơ trước các vụ lấn chiếm dần dần lãnh thổ. Ngày nay, chúng không còn gì ngoài việc kêu la hay phàn nàn mỗi khi một đảo bị chiếm. Chúng cũng nghĩ tới việc chạy chọt tìm kiếm một số đồng minh mới trong vùng để giúp bảo vệ lãnh hải. Các đồng minh mới này thực sự cũng không có sức mạnh gì, và sẽ dùng Việt Cộng như một tay sai để bảo vệ sự độc lập và vẹn toàn lãnh thổ của họ mà thôi. Một số trong đó lại đang dòm ngó và có âm mưu xâu xé lãnh thổ của Việt Nam. Tương lai vùng Biển Đông thật là đen tối. Một ngày không xa các quốc gia hải cận sẽ dần dần xâu xé và chiếm cứ hết phần tài sản của tiền nhân để lại làm của riêng của họ. Những gương sáng oai hùng trong lịch sử Việt như phá Tống, bình Nguyên, bảo vệ nền tự chủ và vẹn toàn lãnh thổ không được chúng coi trọng. Chúng lại theo con đường của Lê Chiêu Thống, Trần Ích Tắc để được hưởng quyền lợi riêng của phe nhóm. Đây đích thực là một điều ô nhục cho dân tộc Việt.

** Nguyễn Văn Canh, "Biển Đông và Hòa Bình Đông Nam Á", Cộng Sản Trên Đất Việt, Kiến Quốc, 2002, tr. 353-368.*

Mai Tôi Về

Mai tôi về quê hương nắng ấm
Câu hát đưa tình tròn giọng Quảng Nam
Đường làng vui, giọng người xuôi ngược
Phân trâu bò ngai ngái hương lan

Mai tôi về quê Cha đất Mẹ
Cầm phấn giảng bài cho lũ em thơ
Ngày còn lại xin đi gánh đất
Đắp trăm đường vào giấc ngủ mơ

Mai tôi về nơi tôi khôn lớn
Cho tôi nhìn bao nỗi thương yêu
Sáng tối trưa nghe tiếng gà cục tác
Đời bình yên trứng ấp nở nhiều

Mai tôi về bờ tre ruộng lúa
Nhìn mặt trời lên mặt trời lặn mỗi chiều
Mưa nắng mấy mùa đời tôi chẳng thiếu
Những tiếng cười chan chứa thương yêu

Mai tôi về quê Cha đất Mẹ
Con chó con mèo đủ giấc ngủ say
Đời quá vui rồi, tôi xin quên hết
Quên cả chính mình, còn mỗi một tay.

Nguyễn Đông Giang K19





Quê hương người tình

Em có quê hương bạt ngàn lúa chín,
Giòng Hậu Giang xuôi chảy đến bao giờ.
Em có hồn xanh ngát một màu thơ,
Tôi đứng đó mà yêu thương đã mở.

Em có môi hôn mềm hơn hơi thở,
Tôi một lần, mà ngỡ đã trăm năm.
Em miền Nam tóc bay suối nhạc vàng,
Dung nhan đó, tim tôi bừng gió bão.

Từ xa xứ, tôi như trời ốc đảo,
Đã cô đơn từ đầu kiếp lưu dân.
Bỗng gặp em, hình ảnh, một Việt Nam.
Trong ánh mắt là tình quê vĩnh cửu.

Hẹn nhau nhé, ngày nao về cố xứ,
Nối vòng tay, xây dựng lại cơ đồ.
Tôi yêu em giữa đồng lúa như mơ,
Con thuyền nhỏ sẽ đầy hoa cưới.

Quê hương em, tiếng ca dao mời gọi,
Tôi thương ngàn đời tiếng vọng Cửu Long.
Hãy trao nhau tình Nam Bắc một lòng,
Em có tới làm dâu nhà Nam Định? (*)

Quốc Nam K22
(*) Nam Định là nơi sinh trưởng của tác giả.

Ngồi Lại Với Nhau (?)

Nguyễn-Huy Hùng K1

Trong giai đoạn hiện tại, để tỏ ra mình là nhà chính khách khôn ngoan, người ta thường dùng một tiêu đề mới "NGỒI LẠI VỚI NHAU" khi muốn khuyên những người ở hai chiến tuyến đối lập giữa Việt Cộng và chống Việt Cộng "HOÀ GIẢI, HOÀ HỢP DÂN TỘC" với nhau, hoặc những người đang đứng trong cùng một chiến tuyến chống Việt Cộng "ĐOÀN KẾT" lại để cùng thực hiện tốt đẹp hơn những mục đích chung đang theo đuổi. Lối nói này được coi là nhẹ nhàng đỡ chối tai và ít xúc phạm đến tự ái của người nghe hơn, nhưng tựu chung cũng chỉ là diễn đạt cùng một ý nghiã: Các bạn đang chia rẽ, cần đoàn kết với nhau, vì đoàn kết thì sống mà chia rẽ là chết.

Lời kêu gọi này gửi đến những người đang đứng trong cùng một chiến tuyến chống Việt Cộng thì đúng và cần thiết để mọi người phải quan tâm suy nghĩ. Nhưng, lời kêu gọi này gửi đến Việt Cộng và những người chống Việt Cộng là điều cần phải xét lại.

Vì qua bài học lịch sử ghi nhận được từ năm 1940 đến nay, lãnh tụ Việt Cộng là Hồ Chí Minh (HCM), khi gặp hoàn cảnh yếu thế, đã nhiều lần kêu van và đã được những chính

khách chính trị Quốc Gia Nhân Bản dù không chấp nhận thể chế Cộng Sản vẫn ra tay hiệp lực cứu giúp HCM thoat nạn, rồi "NGỒI LẠI VỚI HỒ CHÍ MINH tức là NGỒI LẠI VỚI VIỆT CỘNG" đoàn kết chung lo việc quốc gia dân tộc Việt Nam nhiều lần rồi. Nhưng lần nào cũng vậy, sau khi HCM và bè đảng Việt Cộng củng cố được thế lực, phát khởi mạnh lên, thì lập tức chúng phản bội, tiêu diệt đồng minh để chiếm độc quyền cai trị đất nước bằng chế độ VÔ SẢN CHUYÊN CHÍNH, ĐỘC ĐẢNG ĐỘC TÀI TOÀN TRỊ thay cho các tập đoàn Thực Dân Phong Kiến Quân Phiệt cũ. Toàn dân trở thành nô lệ của tập đoàn lãnh đạo chuyên chính phi nhân bất nghĩa Đỏ mới, với hoàn cảnh sống còn tồi tệ gấp trăm gấp ngàn lần hơn dưới các thời Phong Kiến Thực Dân Quân Phiệt độc tài cũ.

Nay đảng Việt Cộng đang ở vào thế suy thoái cực kỳ nguy hiểm, nên bè đảng Việt Cộng lại tô vẽ hình ảnh HCM lãnh tụ thần tượng của chúng là anh minh, nhân nghĩa, hy sinh cả cuộc đời vì quốc gia dân tộc Việt Nam, cha đẻ những tư tưởng yêu nước thương nòi, thanh liêm chính trực, công bộc phục vụ nhân dân... (toàn là bịp bợm xảo quyệt) để bắt buộc toàn dân phải học tập nhằm tôn vinh HCM, và đồng thời lừa bịp những người nhẹ dạ ngu ngơ không có kinh nghiệm bản thân về bản chất gian ác của Việt Cộng. Trong khi đó, bè đảng Việt Cộng lại đang tiếp tục khai triển tinh vi hơn những chính sách đường lối tuyên truyền gian manh xảo quyệt lừa dối để cai trị dân do HCM học được của Đệ Tam Quốc Tế Cộng sản, đặc biệt là của các quan thầy Staline và Mao Trạch Đông độc tài khát máu truyền dạy cho, thì làm sao mà có thể tin tưởng để NGỒI LẠI VỚI CHÚNG được!

Sau đây là một vài sự kiện điển hình do các nhà biên khảo sưu tập ghi lại và phổ biến rộng rãi qua nhiều phương tiện và bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau trên toàn thế giới về bản chất của HCM và bè lũ Việt Cộng đàn em của hắn:

1. Việt Cộng tuyên truyền rằng HCM anh minh, trong sạch, sống độc thân trọn đời vì Quốc Gia Dân Tộc, nhưng thật ra không đúng như vậy.

Trong những năm thuộc thập niên 1910, thời gian HCM long đong kiếm sống ở bên Pháp trước khi trở thành đảng viên Cộng Sản Quốc Tế, HCM đã lấy bà Bourbon làm vợ để có chỗ nương tựa nơi xứ lạ quê người, đến khi thành công, HCM đã quên nghĩa, phụ tình không hề liên lạc nữa. Vào năm 1927, khi HCM đã là đảng viên Cộng Sản Quốc Tế được Liên Xô đưa sang Trung Quốc hoạt động gián điệp bên đồng chí Chu Ân Lai, thì HCM đã cưới Tăng Tuyết Minh làm vợ, rồi sau đó cũng bỏ rơi. Trong những năm thuộc thập niên 1940, khi HCM về hoạt động tại vùng Thượng Du Bắc Phần Việt Nam, HCM mê một cô gái hộ lý người sắc tộc trẻ tên Nông Thị Xuân, đến khi HCM được lên làm Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, có toàn quyền thao túng cả miền Bắc Việt Nam theo Hiệp Định Genève tháng 7 năm 1954, thì vào năm 1956 HCM chỉ thị em út đưa Nông Thị Xuân về Hà Nội phục vụ hắn về tình dục. Qua năm 1957, Nông Thị Xuân sinh được người con trai (nay mọi người đã nhận diện ra là Nguyễn Tất Trung). Nông Thị Xuân đã năn nỉ xin HCM chính thức hóa thành vợ chồng, nhưng HCM đã phụ tình bạc nghĩa bằng quyết định cho đàn em, đang làm chức Bộ Trưởng, hiếp dâm và đem thủ tiêu bằng tai nạn xe hơi tại Hà Nội. Sau đó, còn cho giết cả gia đình người thân đã cùng sống bên Nông Thị Xuân tại Hà Nội để phi tang.

2. Năm 1946, vào chiều ngày 6 tháng 3, HCM lén ký với Sainteny đại diện Pháp bản Hiệp Ước Sơ Bộ tại Hà Nội chấp nhận cho quân Pháp trở lại đóng quân tại nhiều tỉnh trọng yếu của miền Trung và miền Bắc kể cả Hà Nội. Đến cuối năm, Pháp tạo áp lực lộng quyền khiến cho HCM chịu không nổi phải phát động chiến tranh "tiêu thổ kháng chiến" chống Pháp vào ngày 19/12/1946. Nhưng vì thế lực yếu kém nên thua, cùng đường, HCM phải bỏ Hà Nội chạy vào "bưng" (rừng núi) kêu gọi toàn dân hy sinh dâng hiến người và của để ủng hộ kháng chiến chống Pháp tái xâm lăng Việt Nam. Đến năm 1953, được Trung Cộng yểm trợ huấn luyện trang bị vũ khí và cố vấn cho quân Việt Minh

trở nên mạnh mẽ đương đầu với quân Pháp, thì HCM mới bắt đầu chiến dịch đấu tố giết hại chính quảng đại quần chúng nhân dân trước kia đã hy sinh cả của cải riêng lẫn thân nhân để ủng hộ bảo vệ kháng chiến. Cả thế giới ngày nay đều biết đó là "chính sách cải cách ruộng đất," loại trừ cường hào ác bá, tiêu diệt giai cấp, vô sản hoá toàn dân để tiến lên xã hội chủ nghĩa mà HCM đã học được của Staline và Mao Trạch Đông.

3. Vào cuối năm 1945, HCM bị áp lực của Trung Hoa Dân Quốc đại diện Liên Hiệp Quốc tới giải giới quân Phiệt Nhật tại miền Bắc Đông Dương (từ vĩ tuyến 16 trở lên), nên đã phải HOÀ HỢP với các đảng phái Quốc Gia thành lập cái gọi là Chính Phủ Liên Hiệp Quốc Cộng. Qua đầu năm 1946, sau khi HCM bắt tay với Pháp để mời quân Pháp đổ bộ lên miền Bắc và miền Trung thay thế quân Trung Hoa Dân Quốc đại diện Liên Hiệp Quốc rút ra khỏi Việt Nam, bị các đảng phái Quốc Gia không Cộng Sản chống đối. HCM lập tức tung ra chiến dịch vu khống là các đảng phái Quốc Gia đã cấu kết giúp cho Pháp trở lại Việt Nam, để có cớ bắt giết tất cả thành viên các đảng phái Quốc Gia không theo Cộng Sản nhằm chiếm độc quyền cai trị đất nước bằng chuyên chính vô sản độc tài toàn trị!

4. Ngày 21 tháng 7 năm 1954, HCM và phe Việt Cộng ký Hiệp Định Genève ngưng chiến với Pháp để chia cắt đất nước Việt Nam thành hai phần, và HCM được quyền cai trị toàn miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở lên. Hiệp định quy định rằng chính phủ hai miền Nam - Bắc Việt Nam không được quấy phá xâm lăng nhau bằng võ lực, nhưng HCM đã không tôn trọng, hắn cài lại miền Nam nhiều cán bộ Cộng Sản nòng cốt để quậy phá, hăm dọa an ninh cuộc sống của quảng đại quần chúng tại miền Nam - những người không chấp nhận thể chế Cộng Sản. Các trận đánh phá bằng du kích đã được HCM cho thực hiện tại miền Nam Việt Nam kể từ cuối năm 1959, và lần lần đưa quân miền Bắc xâm nhập miền Nam, đồng thời cũng đã thành lập cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, để gia tăng hành động quân

sự công khai và mãnh liệt đến nỗi miền Nam Việt Nam phải kêu gọi Đồng Minh các nước Tư Bản giúp quân và vũ khí để tự vệ chống cuộc xâm lăng của Việt Cộng. Đến ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp Ước đình chiến được ký kết tại Paris để hai bên Quốc - Cộng tại miền Nam Việt Nam tổ chức bầu cử tự do chọn lựa thể chế chính trị như mong muốn của người dân. Hiệp Ước này cũng do chính bè đảng Việt Cộng ký với Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà tại Paris. Nhưng rồi phe Quốc Tế Cộng Sản lại không tuân hành lời giao ước, tăng cường thêm vũ khí và cố vấn thúc đẩy ra lệnh cho Việt Cộng Bắc Việt tiếp tục xua quân ồ ạt xâm lăng miền Nam khốc liệt hơn, và vì miền Nam không còn được Đồng Minh yểm trợ vũ khí theo quy định của Hiệp Ước Paris, nên đã bị thua vào ngày 30-4-1975, cả nước lọt vào tay Cộng Sản thống trị.

5. Sau khi chiếm được toàn miền Nam Việt Nam và đổi tên chính quyền Việt Cộng Bắc Việt thành Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để cai trị cả nước từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mâu, bè đảng Việt Cộng đã thực hiện việc san bằng giai cấp và vô sản hoá toàn dân miền Nam Việt Nam bằng nhiều hình thức:

a/ Bắt đi tù tập trung tất cả Quân Cán Chính Việt Nam Cộng Hòa, thành viên các đảng phái Quốc Gia, các trí thức, văn nghệ sĩ, ký giả, tu sĩ... không theo Cộng Sản, đầy đọa buộc lao động khổ sai đến kiệt sức cho chết lần mòn nơi rừng thiêng nước độc vì đói khát thiếu dinh dưỡng và bệnh tật không thuốc men chữa trị.



Nhà tù? Thưa, không phải. Đây là lớp học thuộc trường trung học của Giáo Xứ Tha La, GP Phú Cường. Lớp đã bị biến dạng sau 33 năm CS "mượn" xử dụng và vừa trả lại năm 2008.

b/ Tịch thu tài sản

của toàn dân bằng các chiến dịch đổi tiền, diệt tư sản mại bản, cấm đoán mọi hình thức kinh doanh tư nhân, lùa thân nhân những người đã bị bắt đi tù tập trung vào các vùng sinh lầy hoặc rừng hoang để buộc lao động khai phá làm vùng kinh tế mới, với mục đích chính là cướp nhà đất và của cải của họ đang có tại các thành thị để chia nhau.



Trung học GX Tha La ngày CS trả lại!

c/ Đến cuối năm thì chúng lại triệt tiêu luôn cả các công cụ tay sai mà chúng đã nặn ra để làm chiêu bài tạo ra cuộc chiến phá hoại nội bộ miền Nam Việt Nam từ năm 1960 đến 1975, đó là các nhóm Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Chính Phủ Cộng Hoà Lâm Thời Miền Nam.

Chỉ cần một số ít sự kiện trên đây thôi cũng đã đủ chứng minh cho thấy rằng Hồ Chí Minh và bọn Việt Cộng đàn em của hắn là đảng Việt Gian Cộng Sản bây giờ, toàn là nhóm người có bản chất gian manh, trí trá, xảo quyệt, lừa đảo, phi nhân và bất nghĩa. Họ chỉ đấu tranh vì quyền lợi của bè nhóm đảng Cộng Sản. Họ không phải là hạng chính nhân quân tử đầy tình người lo cho dân cho nước như chúng ta, thử hỏi làm sao chúng ta có thể QUÊN ĐI QUÁ KHỨ tàn bạo của chúng để NGỒI LẠI HOÀ GIẢI rồi HOÀ HỢP DÂN TỘC với chúng được?

Để thay lời kết luận,

Chắc mọi người chúng ta chưa quên, thuở thơ ấu khi còn cắp sách đến trường cấp Tiểu Học, đã được học trong môn Luân Lý và nghe giảng giải về câu truyện ngụ ngôn tây phương, "CON CHÓ SÓI VÀ CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ". Tóm lược đại ý câu truyện, tôi còn nhớ được như thế này: Trong mùa đông giá lạnh thiếu thực phẩm, con sói già lang

thang trong đường rừng để kiếm mồi. Tình cờ trông thấy một cô bé nhỏ quàng khăn đỏ đang đi một mình. Thay vì nhẩy xổ ra cắn xé ăn thịt cho đã cơn đói, thì con sói già gian manh đã có một mưu mô thâm độc là phải làm sao thăm dò được về gia cảnh và nơi cư trú của gia đình cô bé, hòng sau khi ăn thịt cô bé rồi, nó sẽ mò đến nhà rình rập tiả thịt từng người để sống no đủ trong những ngày tháng sau đó. Nó bèn cải trang thành một người già ngồi bên đường, chờ khi cô bé tới, nó vồn vã chào hỏi tâng bốc cô bé xinh đẹp duyên dáng can đảm đi đâu một mình giữa rừng trong mùa đông giá lạnh vậy?

Cô bé thấy mình được ca ngợi là xinh đẹp duyên dáng can đảm thì thích lắm, nên ngây thơ thành thật trả lời là đem thực phẩm đến thăm nom bà ngoại đang bệnh nằm liệt giường một mình trong căn nhà riêng ở phía bên kia bìa rừng. Con sói thêm lời ca ngợi là cô bé hiếu thảo phúc hậu quá, và khuyên cô bé cứ thong thả mà đi đến nơi về đến chốn được bằng an. Rồi chờ khi cô bé tiếp tục đi chưa được bao xa, nó liền lén chạy đường tắt đến nhà bà ngoại trước cô bé. Nó cải trang thành cô bé quàng khăn đỏ và nhại giọng nói của cô bé để gọi cửa vào nhà. Vừa vào đến bên giường người bệnh con sói nhẩy chồm lên cắn xé ăn thịt bà cụ. Xong bữa, nó lại cải trang thành bà già nằm đợi cô bé quàng khăn đỏ tới.

Một lúc lâu sau cô bé tới gõ cửa, con sói già bèn nhại giọng của bà ngoại trả lời là cửa không đóng con cứ đẩy ra mà vào đi. Khi cô bé vừa vào đến gần giường, con sói bèn vồ cô bé để ăn thịt nốt cho bõ những ngày chịu đói rét trong rừng vừa qua.

Sau khi đọc qua câu truyện trên đây, chắc chắn trong chúng ta không ai lại khờ dại muốn làm cô bé quàng khăn đỏ. Và sau khi đã duyệt lại những sự kiện lịch sử tóm lược trên đây, chắc mọi người cũng phải thận trọng suy nghĩ kỹ càng xem, có nên NGỒI LẠI VỚI NHAU để HOÀ GIẢI RỒI HOÀ HỢP DÂN TỘC với bè đảng vong nô bán nước hại dân của Việt Cộng không?

Cầu xin ơn trên Trời, Phật, Thượng Đế, và anh linh các Anh Hùng Liệt Nữ dòng giống Tiên Rồng Việt Nam phù trợ cho tất cả chúng ta có đủ sáng suốt để hành động theo con đường chính nghĩa, nhằm mạnh mẽ tiếp tay cứu được dân tộc Việt nam sớm thoát khỏi ách cai trị độc tài tàn bạo phi nhân bội nghĩa của phe nhóm đảng Cộng Sản và bạo quyền Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam bán nước hại dân hiện tại.

NGUYỄN HUY HÙNG K1
Cựu Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà,
Phụ Tá Tổng Cục Trưởng Chiến Tranh Chính Trị kiêm Chủ Nhiệm Nhật Báo Tiền Tuyến,
Cựu tù nhân chính trị 13 năm lao khổ trong các trại tập trung cải tạo của đảng Việt Cộng và bạo quyền Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghiã Việt Nam sau ngày Quốc Hận 30/4/1975.

Hoa Tư Tưởng



■ *Có khi sự im lặng là sự phản bội.*

■ *Chúng ta sẽ không còn nhớ những lời nói của kẻ thù, nhưng chúng ta sẽ còn nhớ mãi sự im lặng của những người bạn chúng ta.*

Martin Luther King, Jr.

■ *Tội ác thành công dễ dàng nhất khi những người tốt không chịu nói ra một lời.*

Edmund Burke, nhà văn Anh



Lời phát biểu của NT TRẦN VĂN TRUNG K1

Nhân dịp Đại Hội CSVSQ/TVBQGVN Liên Hội Âu Châu, 2009 tại Bỉ

Thưa các Chiến Hữu.

Trước hết, tôi xin có lời nồng nhiệt chào mừng anh Tổng Hội Trưởng và các chiến hữu trong phái đoàn Hoa Kỳ đến thăm viếng Liên Hội hôm nay. Tôi cũng chào mừng các chiến hữu đại diện các Hội và các em Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu về tham dự Đại Hội để thắt chặt tinh thần đoàn kết huynh đệ - xây dựng tổ chức ngõ hầu có thêm điều kiện cho công cuộc đấu tranh của chúng ta. Tôi thành thật cầu chúc các Chiến Hữu và gia đình luôn được an khang, may mắn và nhất là thành đạt, trong công cuộc đấu tranh.

Cách đây ít lâu, anh Liên Hội Trưởng có ngỏ ý nhờ tôi thuyết trình về tình hình Đất Nước... Nhưng hôm nay tôi không làm công việc nầy, vì một lý do rất giản dị, là hiện nay tất cả mọi người đều có đầy đủ phương tiện sưu tầm qua: - Internet - truyền thanh - truyền hình – sách vở, báo chí - kể cả các tài liệu giải mật... nên có hiểu biết rất tường

tận trên mọi vấn đề: - Tình trạng suy thoái và điêu linh của Đất nước – Bản chất của CS – Các tội ác, các mưu đồ đen tối của chúng - cũng như âm mưu xâm lăng của Trung Cộng v.v... Vì vậy, nếu tôi cứ lang thang trên các vấn đề mà mọi người đã rõ, thì sẽ rất vô ích và làm mất thì giờ cho anh em. Do đó, tôi chỉ xin chia sẻ vài vài điều suy tư thô thiển mà thôi. Tôi sẽ trình bày hai vấn đề mà anh em đã biết. Tôi chỉ có ý nhắc nhở và mong anh em suy nghĩ để tìm ra được những giải đáp cho bài toán của chúng ta.

I. VẤN ĐỀ THỨ NHẤT liên quan đến một "câu hỏi" thường được nghe, đọc thấy: *Tại sao từ 34 năm nay, chúng ta miệt mài tranh đấu, thế mà CS vẫn an nhiên tự tại, vẫn dày xéo quê hương, vẫn hành hạ đồng bào?* Câu hỏi này đã trở thành quá quen thuộc nên không mấy ai thiết dành thời giờ tìm hiểu và nhất là, để có câu giải đáp!

Tình trạng nầy, hẳn có nhiều nguyên nhân vừa chủ quan và khách quan. Hôm nay tôi chỉ đơn giản nêu ra 4 nguyên nhân chính mà thôi:

1.1- Trước tiên về phía khách quan là vì bản chất của CS có chủ trương phi dân tộc, độc tài vô luân, phản quốc, hại dân... chỉ biết phục vụ cho những mưu đồ riêng tư!

CS đã lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân, để chiếm đoạt quyền hành – Khi nắm quyền cai trị, CS đã lợi dụng mọi cách để cũng cố quyền lực, tận tình bóc lột vơ vét để làm giàu cho đảng – và ngày nay lúc túi tham đã đầy, - lại chủ trương dùng thế lực tiền tài, để nắm vững nền kinh tế và duy trì quyền thống trị lâu dài!

Có những kẻ ngây thơ, mong sẽ có ngày CS đổi thay! Theo tôi, đây là một hy vọng hoàn toàn viễn vông! Vì những đầu óc mù quáng, ác độc và ngoan cố, đã hụp lặn trong tội ác gần suốt thế kỷ, thì làm sao có thể hoàn lương được, nhất là, trong lúc đang ôm ấp thế lực và tiền tài?

Ông Boris Yeltsin, một đảng viên CS cao cấp và là cựu Tổng Thống nước Nga đã có một nhận định để đời: **"CS không thể thay đổi! CS phải được loại bỏ mà thôi!"**

Ông Gorbachev, cựu TTK đảng và Chủ Tịch nhà nước

Liên Xô đã tiết lộ: "CS chỉ là láo khoét, bịp bợm" và thú nhận, chính ông cũng đã nói láo nhiều năm. Nhưng ông đã tỉnh ngộ và đưa ra chánh sách Glasnost và Pérestroika (trong sáng và đổi mới) hòng cứu vãn tình hình. Nhưng tiếc thay, thời gian và hoàn cảnh không cho phép ông thực hiện những cải thiện đó cho nước Nga.

Chúng ta có thể kết luận: Bao lâu CS tồn tại, thì bấy lâu Dân Tộc ta còn phải gánh chịu đại họa thảm thương!

1.2- Nguyên nhân thứ 2 là âm mưu xâm lược của Trung Hoa.

Trung Hoa là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, Trung Hoa đã bao phen xua quân lấn chiếm và đô hộ nước ta. Nhưng dân tộc Việt Nam kiên cường và anh dũng đã bốn lần đánh bại quân Tàu để bảo vệ lãnh thổ và độc lập cho đất nước. (Năm 40 đến 1427 DL)

Mặc dù vậy, Trung Hoa chưa bao giờ từ bỏ âm mưu xâm lược và ngày nay lại tiếp tục một cách quyết liệt và hung bạo hơn. Sự kiện này là do chánh sách mới của Đảng CS Trung Hoa được phổ biến qua bài diễn văn dài 33 trang, ngày 23/04/05 của ông TRÌ HẠO ĐIỀN, Bộ Trưởng Quốc Phòng và là Phó CT Ủy Ban Quân Ủy Trung Ương, với nội dung tóm lược như sau:

"Trò chơi đến cùng của Đảng CS Tàu với chiến tranh nguyên tử và sinh hóa để tiêu diệt Hoa Kỳ, và chuẩn bị cho cho Trung Hoa chiếm nhiều thuộc địa rộng lớn trong tương lai."

Tài liệu nói: "Chiến tranh không xa chúng ta và là Bà Mụ của thế kỷ người Tàu."

Các giới chức Trung Hoa quan niệm rằng: "Trung Hoa là một dân tộc siêu việt, nên mang định mệnh trở thành chúa tể của trái đất. Lịch sử nhân loại đánh dấu các giai đoạn văn minh thế giới đã chuyển dịch qua 5 châu: thế kỷ thứ 19 là thế kỷ của nước Anh, thế kỷ thứ 20 của Hoa Kỳ, thì thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của nước Tàu. Nước Tàu đã chuẩn bị cho sứ mạng đó. Hai mươi năm qua là 'khúc nhạc

bình dị hoà bình và phát triển', chuẩn bị cho sự 'lựa chọn đúng nhất' của nước Tàu cho bước kế tiếp là 'Phục Hưng và Bành Trướng' của nước Tàu, không chỉ hiểu trong nghĩa hạn hẹp, giới hạn trong vùng đất của chúng ta, mà chúng ta nói đến sự phục hưng mạnh mẽ, bao gồm cả thế giới nữa."

Trung Hoa lớn lối thách thức Hoa Kỳ và thế giới về chiến tranh nguyên tử và sinh hoa: "Sẽ sẵn sàng cùng nhân loại chết trong một cuộc chiến tranh sinh tử!" Với lý luận, dù có phải hy sinh nhiều trăm triệu sinh linh... thì cũng còn một dân số to lớn để tồn tại và đô hộ thế giới!!!

Trung Hoa cũng đe dọa có khả năng tiêu diệt Hoa Thịnh Đốn, Nữu Ước, trước khi Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết về hành động của mình. Sự đe dọa nầy ngầm đề cao chính sách độc tài của đảng CS Tàu, có khả năng quyết định và hành động nhanh chóng và sự độc tài nầy sẽ là yếu tố căn bản cho chánh sách bành trướng của Trung Hoa.

Riêng đối với Việt Nam, Trung Hoa đã có những hành động hiếu chiến thực dân rõ rệt hơn bao giờ hết:

- Đã tấn chiếm Hoàng Sa bằng võ lực (1974)
- Xâm nhập biên giới Bắc Việt để định cư người - Tràn ngập hàng hoá và hủy diệt kinh tế VN. (1979)
- Cướp đoạt Trường Sa và sát nhập Trường-Hoàng Sa vào Hải Nam (1988-2007).
- Xâm nhập vùng Tây Nguyên, để thâu tóm tài nguyên, tàn phá môi sinh và nhất là bám trụ cho mưu đồ xâm lược về sau.
- Thiết lập một Vạn Lý Trường Thành trên biển, để thôn tính lãnh hải và không phận VN, cho mưu đồ độc quyền kinh tế và quân sự trên Đông Hải. Ý đồ của Trung Cộng rất rõ ràng là độc chiếm mọi tài nguyên (dầu lửa – khí đốt - hải sản và khoáng chất) - bảo vệ tuyến giao thương hàng hải và tiếp liệu tối cần thiết cho sự sinh sống và bành trướng của Tàu...
- Điều tối quan trọng hơn cả là Trung Cộng chủ trương cài người - thuần hoá - và nuôi dưỡng đảng CSVN, để làm tay sai cho chúng trong âm mưu xâm lược tương lai.

Tổ Quốc đang lâm nguy và toàn dân hợp lực chống ngoại xâm. Muốn thành công thì chúng ta phải ưu tiên khử diệt CSVN là kẻ nội thù tối nguy hiểm!

1.3- Nguyên nhân khách quan về phía Thế Giới Tự Do

Chúng ta đã chọn lý tưởng TỰ DO và dĩ nhiên là chúng ta cần có sự hỗ trợ của Đồng minh. Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Ý v.v... là những dân tộc kỳ cựu, có truyền thống dân chủ sâu sắc và vững bền, yêu chuộng những giá trị luân lý và tinh thần cao đẹp, được xem như là căn bản cho một nền cộng hoà dích thực. Thế nhưng, những giá trị ấy vẫn ở trên phạm vi lý thuyết... nên nhiều lúc, lại phải nhường bước trước vấn đề quyền lợi. Do đó, vấn đề tranh đấu không quyết liệt, để nhất thiết mang lại kết quả trong mọi lúc. Cũng vì thế, những quyền lợi chính đáng của chúng ta cũng bị ảnh hưởng trầm trọng, hoặc rơi vào tình trạng bế tắt!

Một nhà ngoại giao người Anh đã nói: "Anh Quốc không có đồng minh vĩnh viễn. Chỉ có quyền lợi nước Anh là vĩnh viễn mà thôi." Câu nói sống sượng nầy không chỉ đúng cho Anh Quốc, mà cũng đúng cho tất cả các dân tộc khác. Chúng ta nên ghi nhớ bài học quý báu đó để biết tự lo lấy cho thân phận mình, thay vì luôn luôn quá ỷ lại vào ngoại nhân!

1.4- Về phía chủ quan: Sở dĩ có tình trạng nầy là vì sự tranh đấu của chúng ta thiếu "tích cực và chưa đúng mức." Cuộc đấu tranh của chúng ta đã đổi hình thái và phương cách; ngày nay chúng ta đấu tranh bằng tư tưởng, lý luận, bằng lời nói, ngòi bút và hành động. Trên phương diện lý lẽ, khi có những phát biểu thẳng thắng cương nghị, thì thường bị CS và tay sai đánh phủ đầu và chụp mũ là "quá khích, là cực đoan"!

Nhưng, thế nào là cực đoan, là quá khich? Trong lúc cộng đồng quốc gia tranh đấu ôn hoà bất bạo động... thì CS luôn có chủ trương "ăn tươi nuốt sống"- tiêu diệt chúng ta bằng mọi cách và phương tiện... Như thế thì quá khích, cực đoan nằm ở phía nào? Do đó, chúng ta không nên e ngại về từ ngữ vì trong trường hợp nầy, cái mà chúng gọi là quá khích cực đoan, lại là một đức tính cần thiết để bảo

vệ lập trường và lý tưởng mà thôi!

Chúng ta tranh đấu bằng hành động... nhưng hành động lại không theo kịp ý muốn! Trong lúc chúng ta miệt mài tranh đấu, thì khổ thay, có những kẻ vô lương tâm, hời hợt và hèn nhát... lại có hành động "hà hơi tiếp sức cho địch", trao gươm giáo cho giặc để sát hại chúng ta.

Chúng ta thừa hiểu rằng, có những vấn đề được xem như là bổn phận hiếu thảo đạo đức... không thể tránh, như việc giúp đở gia đình. Nhưng ít nhất, cũng phải sáng suốt và khôn ngoan để làm một cách hợp lý hợp tình và tránh gây tổn hại cho dân tộc.

Việc giúp đở gia đình một cách quá đáng bừa bãi lại gây nguy hại cho chính người thân, vì bịnh ỷ lại và lười biếng. Một sự kiện được ghi nhận, là trong những gia đình có sự trợ giúp từ bên ngoài, thì thanh niến thiếu nữ quen sống trong ỷ lại, chỉ biết thụ hưởng ăn chơi và chẳng thiết làm gi cả... Khi sự lười biếng phát triển trong thế hệ trẻ, thì hậu duệ của họ sẽ như thế nào? Và phải mất mấy đời mới tẩy xóa đươc căn bịnh nầy?

Ngoài ra, những hành động: - du lịch, thụ hưởng, ăn chơi - giao du mua bán- làm ăn trục lợi... đều rất đáng chê trách, vì chỉ có lợi cho CS, gây nguy hại cho dân tộc và làm tổn thương cho thể diện của Cộng Đồng!

Đây là vấn đề khó khăn hiện nay của chúng ta, vì nó liên hệ đến ý thức và tình cảm của con người! Nhưng không phải vì thế mà chúng ta không làm gì hết cả. Bởi vì, đã có những khó khăn vô cùng to lớn, như cuộc chiến tranh lạnh, như bức tường Bá Linh trước đây... tưởng rằng không có cách gì giải quyết. Nhưng, nhờ nỗ lực của con người mà chiến tranh lạnh đã chấm dứt, bức tường Bá Linh bị giựt sập và khối CS đã tan rã!

Riêng với Việt Nam, sự sợ hãi do CS áp đặt, với bao thủ đoạn tàn ác dã man trên nửa thế kỷ, hầu như đã gắn chặt vào thân xác và trí óc của con người, tưởng rằng không gì tháo gở được, thì ngày nay, nhờ lòng can đảm và sự sáng suốt, người dân đã vượt thoát được, để công khai biểu tình

khiếu kiện và đối kháng khắp nơi.

Những sự kiện trên dẫn đến kết luận là: khó khăn không đồng nghĩa với bất lực hay tuyệt vọng. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng bằng mọi cách gầy dựng ý thức về Lý Tưởng - Trách Nhiệm - về Liêm Sỉ - Danh Dự của một công dân, ngõ hầu đồng bào biết tự chế và tránh những hành động nguy hại cho tương lai của dân tộc, để: - Không gửi tiền một cách bừa bãi - Không du lịch – Không đầu tư, làm ăn buôn bán – Không tiêu thụ sản phẩm VN – Không sử dụng Hàng Không Việt Nam – Không tham gia những chương trình từ thiện trá hình v.v....

Thật tình, tôi vẫn tin rằng, nếu hằng năm không có 5.7 tỷ đô la làm giàu cho địch... thì CS chắc chắn đã chết, hay ít nhất, cũng ngất ngư từ lâu rồi! Sự sút giảm những hành động nối giáo cho giặc... sẽ là chỉ dấu về thắng lợi đang đến với chúng ta...!!!

II. VẤN ĐỀ THỨ HAI liên quan đến Sách Lược Đấu Tranh.

Các cuộc đấu tranh thường có hình thái và phương thức khác nhau, vì lệ thuộc vào - Đối thủ - Tương quan lực lượng - Phương tiện – và Hoàn cảnh của mỗi lúc. - Có những cuộc đấu tranh công khai, với binh lính mặc sắc phục và mọi phương tiện quân sự to lớn. - Có những cuộc đấu tranh lén lút bằng bạo loạn khủng bố, với phương tiện thô sơ, như chất nổ, bom mìn... Nhưng có lúc, lại bằng phương cách bất bạo động, ôn hòa! Đây chính là cuộc đấu tranh hiện nay ở VN, giữa khối nhân dân bị trị, với kẻ cầm quyền tàn ác, bất nhân!

Trong một xã hội dân chủ bình thường, khi giới cầm quyền - có căn bản pháp lý - có đức độ, khả năng - có chánh sách hướng thượng chuyên phục vụ cho phúc lợi của con người thì dương nhiên được đồng bào tin tưởng, mến yêu và ủng hộ... Trường hợp nầy, xã hội sẽ nhanh chóng trở nên đoàn kết hài hoà, tiến bộ và hạnh phúc...

Nhưng, đảng CSVN lại có chủ trương “phi dân tộc”, chuyên làm tay sai cho ngoại bang, nên đã lợi dụng lòng

yêu nước của đồng bào, để cướp đoạt quyền hành cai trị, nhưng là chỉ để cho mưu đồ riêng tư! Trên nửa thế kỷ, CS đã tận tình giày xéo đất nước quê hương. Thậm chí, còn tán tận lương tâm, cắt xén Quê Cha Đất Tổ, để dâng hiến cho ngoại bang... Tham ô tột cùng, CS chỉ biết tẩu tán tài nguyên quốc gia, cướp đoạt đất đai, vơ vét tài sản của đồng bào để làm giàu cho đảng, cho tập đoàn cai trị... mặc cho dân lành đói khổ, điêu linh!

- CS cai trị bằng "bạo lực", áp bức và lao tù... để tạo tâm lý "sợ hãi" trên quần chúng và làm thui chột ý chí đấu tranh.

- CS cai trị bằng "ngu dân", bằng bưng bít che đậy, bóp méo sự thật... cốt làm cho người dân trở nên mù tối, ngoan ngoãn.

- CS cai trị bằng "bao tử, bần cùng" để người dân kiệt quệ, chỉ biết lo miếng cơm manh áo hằng ngày mà không còn khả năng nghỉ đến gì khác! Với một chánh sách tàn bạo, độc ác và bất lương, CS đã giết chết mọi quyền tự do của con người. Do đó, cũng đã biến đồng bào trở nên thù nghịch. Đây chính là yếu tố sẽ dẫn dắt chúng đến sự diệt vong!

Trước tình trạng khốn khổ và điêu linh nầy, đồng bào đã nổi dậy, đối kháng trường kỳ và khắp nơi! Mặc dù dưới hình thức bất bạo động và ôn hoà, nhưng với can đảm, quyết tâm và kiên trì... đồng bào đã đạt nhiều thắng lợi cụ thể:

- Kết quả quan trọng hơn hết, là đồng bào đã "vượt thắng sự sợ hãi" để công khai khiếu kiện, đòi dân chủ, đòi dân quyền và công lý cho Dân Tộc.

- Thứ đến, đồng bào đã nhận thức được bản chất của cs, với tất cả những gì là phản quốc - độc tài tàn bạo và - bất nhân. Cũng đã nhận thấy tình trạng lúng túng và sự yếu kém của kẻ cầm quyến.

- Thắng lợi nữa, là đồng bào ngày càng vững tin rằng cuối cùng "Công Lý nhất định sẽ thắng!"

Những kết qủa quan trọng nầy thúc đẩy chúng ta nhắm một bước xa hơn, trong sách lược đấu tranh, để vận dụng toàn khối dân tộc tích cực dấn thân vào giai đoạn đấu tranh

quyết định ngày nay. Đã đến lúc nên cổ súy các nguồn sinh lực quốc gia thực hiện giải pháp "bất phục tùng dân sự và bất hợp tác", để tạo nên tình trạng suy thoái, ứ đọng, rối reng... gây tê liệt cho guồng máy của bạo quyền...

* Với giới công nhân lao động đang bị ngoại nhân và nhà nước bóc lột: Cần vận động những cuộc đình công biểu tình, để đòi hỏi tăng lương và cải thiện điều kiện làm việc.

* Với nông dân: Đòi giảm thuế, giảm giá nhu liệu - Chỉ sản xuất vừa đủ sống – Tránh đóng thuế để làm giàu cho Đảng, cho Nhà Nước.

* Với giới công chức hành chánh: Cần vận động cho sự ù lỳ lãng công, gây trì trệ cho guồng máy cai trị.

* Với sinh viên học sinh: Gây ý thức trong việc đòi hỏi cải tiến giáo dục, cho giới trẻ có được tương lai.

* Các tôn giáo: Cần đòi hỏi tự do tín ngưỡng, tự do thờ phượng. Đòi lại tài sản và mọi cơ sở xã hội, để phục vụ cho đời sống tâm linh và an sinh của đồng bào.

* Giới trí thức - Văn nhân: Đòi hỏi tự do tư tưởng, tự do ngôn luận... để nâng cao dân trí, tinh thần và đạo đức cho xã hội.

* Với bộ đội: Cần phục hồi ý thức đứng đắn, về nghĩa vụ của người chiến sĩ, trong sứ mạng bảo vệ Tổ Quốc, chủ quyền, sự vẹn toàn lãnh thổ và bảo vệ đồng bào.

* Với đồng bào mọi giới:

- Vận dụng quyết tâm tranh đấu cho Dân Chủ Tự Do và Nhân Quyền.

- Chống tham nhũng vì đây là căn bịnh ngặt nghèo đang tàn phá xã hội - Chống âm mưu xâm lược của ngoại thù Trung Cộng - Nhất là chống CSVN, kẻ nội thù và đồng lõa, trong âm mưu bán nước cho ngoại bang.

Một cuộc **"Tổng nổi dậy của toàn dân,"** nối tiếp cho giai đoạn bất phục tùng dân sự, sẽ là giải pháp hữu hiệu nhất để loại bỏ chế độ CS một cách vĩnh viễn! Giải pháp nầy không hẳn là không gặp nhiều nguy hiểm và khó khăn, khi kẻ cầm quyền đang nắm giữ mọi phương tiện kìm kẹp, với loại luật pháp rừng rú, và mọi biện pháp tùy tiện...!

Nhưng trong thế đường cùng và sau khi cân nhắc những hy sinh nhất thời với những triển vọng to lớn cho tương lai... thì chắc chắn đồng bào sẽ có một lựa chọn khôn ngoan, có lợi cho gia đình con cháu và cho sự trường tồn của Dân Tộc.

Lịch sử đã chứng minh, dưới sự lãnh đạo của đức Mahatma Gandhi, đấu tranh bất bạo động đã giải thoát Ấn Độ khỏi ách đô hộ thực dân của Anh Quốc. Đấu tranh bất bạo động, đã thành công ở Pologne, Tiệp Khắc, Ukraine, Phi Luật Tân và Nam Dương... thì không lý do gì không thành công ở Việt Nam với điều kiện thiết yếu là sự quyết tâm bền bỉ của dân ta với một sự lãnh đạo sáng suốt và khôn ngoan.

Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN vẫn có chủ trương hổ trợ cho mọi nỗ lực đấu tranh ở trong và ngoài nước, nhưng mãi đến nay, sự hỗ trợ của chúng ta vẫn chỉ trên lời nói. Kết quả là, trong đợi ngoài, ngoài chờ trong... và chúng ta cứ dẫm chân tại chỗ mà chẳng tiến triển được bao nhiêu! Đã đến lúc chúng ta phải cụ thể góp sức vào việc xây dựng cơ sở lãnh đạo đó ở quốc nội và nơi hải ngoại bằng mọi cách và phương tiện để được hữu hiệu hơn trong đấu tranh. Chúng ta cần cố gắng gây ý thức để đồng bào giữ vững lằn ranh Quốc/Cộng, tích cực thực hiện ý muốn của mình và hoàn thành cuộc cách mạng lịch sử cho Dân Tộc.

Sức mạnh của Dân Tộc là vô địch! Dân Tộc đã dựng nên các thể chế, thì cũng có khả năng xoá bỏ các thể chế đó! Các chế độ rồi sẽ đi qua chỉ có Dân Tộc sẽ mãi mãi trường tồn! Sức mạnh của Dân Tộc sẽ là chìa khóa cho việc loại bỏ chế độ CS độc tài, phản quốc hại dân đem lại cho đất nước một tình hình tốt đẹp tươi sáng, với một thể chế đích thực "Dân Chủ Tự Do".

Xin ơn trên phù hộ cho Tổ quốc thân yêu, ban cho Dân Việt nhiều can đảm và quyết tâm để tranh đấu đến thắng lợi để mọi người được hưởng thanh bình và hạnh phúc.

CSVSQ TRẦN VĂN TRUNG K1

Nội Hàm Của Điều 4 & Tình Trạng Chân Không Của Quyền Lực Hiến Định

LTS: *Trong bất cứ một cuộc chiến nào, việc nhắm đúng mục tiêu để bắn luôn là điều cần thiết. Vô hiệu hóa quyền lực của Đảng Cộng Sản Việt Nam bằng cách chỉ ra tính phi pháp Điều 4 Hiến Pháp của cái gọi là Nhà Nước CHXHCNVN là một mục tiêu đúng đắn và cần thiết cho công cuộc đấu tranh hôm nay.*

Mặc dù đã có một số bài viết đăng trên các trang mạng điện tử vạch rõ âm mưu áp đặt này của Đảng CSVN, bài Nội Hàm Của Điều 4 & Tình Trạng Chân Không Của Quyền Lực Hiến Định của tác giả Nguyễn Xuân Phước là một đúc kết chặt chẽ và có sức thuyết phục cao. Dù cho tác giả đứng về phía nào trong cuộc đấu tranh hôm nay, bài viết cũng đã cung cấp cho chúng ta, những người Việt Quốc Gia, một điểm ngắm vô cùng lợi hại để điểm một yếu huyệt của Đảng CSVN. Toà soạn Đa Hiệu hân hạnh giới thiệu đến quý độc giả như một tài liệu tham khảo.

I. Đặt vấn đề

Chủ trương của Đảng và nhà nước Việt Nam hợp tác với tư bản Trung Quốc để khai thác mỏ bô-xít ở Tây Nguyên đang tạo ra những tranh luận gay gắt về tai hại môi sinh, quyền lợi và sức khoẻ của nhân dân, công nhân, và an ninh quốc phòng. Đồng thời

chính sách đổi mới tại Việt Nam đã tạo ra sự trưởng thành nhanh chóng của những tập đoàn tư bản bản lớn trong nước và làm đời sống của giai cấp công nhân ngày càng xấu đi. Thêm vào đó, Việt Nam ngày hôm nay đang đứng trước nguy cơ mất một phần chủ quyền quan trọng trên Biển Đông vào tay Trung Quốc. Cho đến ngày hôm nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chưa có phản ứng thích đáng về ngoại giao và quân sự để giành lại chủ quyền trên Biển Đông và bảo vệ quyền lợi của ngư dân Việt Nam nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung.

Những sự kiện này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Đứng trên phương diện hiến pháp, quyền lợi của ba thành phần này có liên quan mật thiết đến Điều 4 Hiến Pháp Việt Nam.

Bài viết này chỉ nhằm trao đổi những phân tích và lý luận về Điều 4 dựa trên nguyên tắc lập hiến để thảo luận và phản biện những giá trị cơ bản cấu thành quyền lực thống trị xã hội. Mọi sự tranh luận và trao đổi rộng rãi những giá trị tinh thần của hiến pháp chỉ có mục đích tăng cường tính chính thống dân chủ, chính thống lịch sử và chính thống pháp lý của uy quyền lãnh đạo đất nước.

II. Nội dung Điều 4

Điều 4 Hiến Pháp nước CHXHCN Việt Nam 1992 qui định như sau:

Đảng Cộng Sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Điều 4 là điều khoản quan trọng nhất của Hiến pháp hiện nay vì nó qui định độc quyền lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nhiều người cho rằng Đảng Cộng Sản chỉ cần giữ Điều 4, và chỉ Điều 4 mà thôi là đủ

để Đảng có quyền điều hành toàn bộ nhà nước và xã hội. Mặc dù trên thực tế nhận định như thế có thể đúng, nhưng về lý thuyết và lý luận hiến pháp thì nó hoàn toàn phiến diện.

Ngoài quy định Đảng Cộng Sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội, Điều 4 có những qui định khác có tính cách xác định những yếu tính của một đảng lãnh đạo. Những yếu tính này trở thành một chuỗi điều kiện **cần và đủ** để cấu thành quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Những điều kiện này được Điều 4 qui định như sau:

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải là **đội tiên phong của giai cấp công nhân**;

2. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải là **đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, và của cả dân tộc**;

3. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải **theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh**;

4. Mọi tổ chức của Đảng phải **hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.**

Điều 4 Hiến pháp dựa trên giả thiết là Đảng CSVN luôn luôn hội đủ những điều kiện đã đưa ra. Nếu không hội đủ những điều kiện đó thì đảng này thực tế nắm quyền nhưng không có cơ sở của quyền lực hiến định. Vì thế, chính Điều 4 sẽ thẩm định lại cơ sở quyền lực lãnh đạo nhà nước và xã hội của Đảng Cộng Sản Việt Nam theo qui định của hiến pháp. Sự thể này dẫn tới tình trạng chân không quyền lực hiến định và hậu quả là một khủng hoảng hiến pháp nghiêm trọng vì nó đụng chạm đến những giá trị pháp lý và đạo đức nền tảng quyền lực quốc gia.

III. Phân tích 4 điều kiện tất yếu của Điều 4:

1. Điều kiện thứ nhất: Đảng Cộng Sản Việt Nam phải là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân.

Tiên phong là người đi trước dẫn đường, là ngưòi xông ra trận đầu tiên, là người đi trước mọi người khác. Trong trận chiến một mất một còn vô tiền khoáng hậu giữa giai

cấp vô sản và giai cấp tư bản, Đảng CSVN phải đi trước những người công nhân để chiến đấu trực diện với giai cấp tư bản. Trong trận chiến một mất một còn này, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp vô sản sẽ chiến thắng và sẽ tiêu diệt giai cấp tư bản. Vai trò tiên phong của Đảng trong triết học Mác-Lênin là thực hiện cách mạng vô sản. Người cộng sản xông pha ở mặt trận phía trước để lãnh đạo giai cấp vô sản lật đổ giai cấp tư bản bóc lột, nhằm xây dựng một xã hội cộng sản công bình bác ái.

Thế nhưng điều này nghịch với thực tế xã hội ngày nay. Chính sách đổi mới của Đảng CSVN đang được thực hiện trong 20 năm qua trên thực tiễn là một sự thành công lớn cho đất nước. Tuy nhiên sự thành công của sự nghiệp đổi mới là một sự thất bại của vai trò "tiên phong của giai cấp công nhân" theo tinh thần cách mạng vô sản. Nội dung của đổi mới là tháo gỡ những tác hại của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống kinh tế xã hội; là trả lại xã hội sinh hoạt kinh tế bình thường của người dân, là phục hồi và phát triển giai cấp tư bản. Trong tình trạng hiện nay, đổi mới chính là sự thoả hiệp của "ba dòng thác cách mạng" của cách mạng vô sản Việt Nam với giai cấp tư bản. Thoả hiệp với giai cấp tư bản không phải là tinh thần tiên phong đi trước vì giai cấp công nhân.

2. Điều kiện thứ hai: Đảng Cộng Sản Việt Nam phải là đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, và của cả dân tộc.

Điều kiện này trước hết nói đến vai trò đại biểu của Đảng CSVN. Đứng trên phương diện luật pháp, đại biểu là người đại diện được bầu ra để thay mặt cho số đông người, chẳng hạn như đại biểu quốc hội là những người được người dân bầu vào vị trí đại diện cho một tỉnh hay một thành phố lớn. Nguyên tắc đại diện là nguyên tắc dân chủ dựa vào thủ tục bầu cử. Người đại diện phải được lựa chọn thông qua một cuộc bầu cử. Ngay cả qui chế "Đảng cử dân bầu" dù không thể hiện tinh thần dân chủ, cũng là một thủ tục bầu cử hình thức cần có. Ở đây Điều 4 nói đến

vai trò đại biểu của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhưng vai trò đại biểu này không được thông qua một thủ tục bầu cử. Do đó, Đảng Cộng Sản không có cơ sở pháp lý để xác định tính chất đại biểu của mình.

Hơn nữa, người dân bầu **người đại biểu** chứ không bầu một **đảng đại biểu**. Luật pháp hiện nay hoàn toàn không nói đến thủ tục "bầu đảng". Khi không có thủ tục bầu đảng đại biểu thì trên nguyên tắc dân chủ của xã hội văn minh phải có cuộc bầu cử người đại biểu. Khi những ngườì đại biểu là đảng viên Đảng Cộng Sản được tín nhiệm chiếm đa số thì lúc đó Đảng mới được coi như là đảng đại biểu. Ở đây Điều 4 qui định Đảng Cộng Sản là đại biểu **trước khi có bầu cử**. Điều này làm cho tư cách đại biểu của Đảng Cộng Sản không có tính chính thống dân chủ.

Ngoài ra, khi nói đến bầu đảng đại diện là nói đến sự chọn lựa giữa đảng này và đảng khác. Ý chí lập pháp (legislative will) của những nhà làm luật ở đây thừa nhận sự hiện diện của nhiều đảng trong sinh hoạt chính trị. Ý niệm chọn lựa người đại diện là đã chứa đựng giá trị chính trị đa nguyên. Nhưng trên thực tế Đảng Cộng Sản không cho phép bất cứ một đảng nào khác ngoài mình hoạt động. Thực tế này hoàn toàn nghịch lại với ý chí và ngôn ngữ lập hiến của Điều 4.

Thứ hai, thành phần được đại diện được Điều 4 nói rõ là giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc. Cả ba thành phần này là những ý niệm của triết học Mác-Lênin, của lịch sử và cách mạng dân tộc. Những ý niệm này chưa thành một thực thể pháp lý có tư cách pháp nhân.

Ý niệm giai cấp công nhân là ý niệm nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Do tính quốc tế của phong trào cộng sản, ý niệm giai cấp công nhân hay nhân dân lao động thường được hiểu là giai cấp công nhân thuộc phong trào cộng sản quốc tế. Điều 4 nói đến ý niệm quyền lợi của giai cấp công nhân một cách chung chung, không xác định rõ là công nhân quốc tế hay công nhân Việt Nam. Điều này cần được xác định rõ ràng.

Ý niệm "nhân dân lao động" cũng không được định nghĩa chính xác. Đan cử trường hợp một em bé 8 tuổi đi bán vé số ở vỉa hè. Làm thế nào Điều 4 xác định em là thành phần nhân dân lao động? Luật quốc tế bảo vệ trẻ em cấm trẻ em dưới 15 tuổi lao động, kể cả bán hàng trên vỉa hè, vậy quyền lợi của các em ở đây là quyền không phải lao động, tức là quyền không phải đi bán vé số. Nếu Đảng Cộng Sản là đại biểu trung thành của lao động trẻ em thì phải bảo vệ quyền bán vé số của các em, tức là phải bắt các em lao động. Điều này nghịch với luật quốc tế.

Riêng về khái niệm"dân tộc" cũng có nhiều nghĩa. Dân tộc ở đây là gì? Là nòi giống hay là nhân dân? Tại sao không dùng chữ nhân dân mà lại dùng chữ dân tộc có tính cách trừu tượng? Nếu dân tộc để chỉ nòi giống thì làm thế nào nòi giống có thể bầu Đảng Cộng Sản làm đại biểu cho nòi giống? Ngoài ra nước Việt Nam hiện nay có nhiều dân tộc ít người, kể cả thành phần Hoa kiều. Liệu những dân tộc này có được đảng đại diện cho quyền lợi của họ hay không?

Điều quan trọng hơn là đứng trên phương diện pháp lý, các khái niệm giai cấp, nhân dân lao động và dân tộc là những ý niệm rất mơ hồ và hoàn toàn không có giá trị pháp lý. Những thành phần này không có tư cách pháp nhân để có thể bầu cho một đảng nào đó làm đại biểu của mình. Hiến pháp không có một điều khoản nào định nghĩa thế nào là giai cấp công nhân, nhân dân lao động hay dân tộc.

Tuy nhiên, giả như 3 thành phần được hiểu rành rẽ như là những thực thể có tư cách pháp nhân, thì Điều 4 lại đưa ra một điều kiện nữa là người đại biểu này là phải **trung thành với quyền lợi** của ba thành phần đó.

Trung thành thuộc phạm trù đạo đức. Để bảo vệ nền tảng đạo lý xã hội, nhà nước phải luật hoá một số quan niệm đạo đức căn bản. Ở đây, Điều 4 không những luật hoá ý niệm trung thành mà còn hiến pháp hoá tính trung

thành của Đảng. Tính trung thành ở đây được đặt lên địa vị cao nhất của luật pháp.

Nhưng một người không thể trung thành với hai đối tượng có quyền lợi đối nghịch nhau. Do đó, vấn đề xác định tính trung thành của một người với hai đối tượng là một vấn đề cực khó, nếu không muốn nói là không thể làm được.

Đơn cử: "giai cấp công nhân" (nếu hiểu là giai cấp công nhân Việt Nam) là một phần của "nhân dân lao động", và "nhân dân lao động" là một phần của "dân tộc". Lợi ích của một nhóm nhỏ không nhất thiết luôn đi cùng lợi ích của một nhóm lớn (bao gồm cả nhóm nhỏ trong đó). Trong trường hợp như vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam phải xử lý thế nào? Thí dụ rất đơn giản: Lợi ích của giai cấp công nhân luôn gắn liền với việc tăng lương và tăng các khoản phúc lợi cho người công nhân. Tuy nhiên, để kinh tế phát triển được thì đôi khi nhà nước (do Đảng lãnh đạo) phải chủ động hạn chế các khoản lương và phúc lợi này để doanh nghiệp có thể giảm chi phí và tăng năng lực cạnh tranh quốc tế. Khi xảy ra mâu thuẫn như thế, Đảng chỉ có quyền chọn một chứ không thể cùng một lúc trung thành với cả 3 nhóm.

Đó là chưa kể ngày nay, các tập đoàn tư bản to lớn đều do Đảng Cộng Sản làm chủ và trực tiếp điều hành. Quyền lợi của những tập đoàn tư bản này luôn luôn mâu thuẫn với quyền lợi công nhân. Đứng trên quan điểm triết học Mác-Lênin, Đảng Cộng Sản với tư cách là chủ nhân ông các tập đoàn tư bản không thể trung thành với giai cấp công nhân.

Vấn đề trung thành với quyền lợi dân tộc cũng là vấn đề rất lớn. Khi Đảng Cộng Sản Việt nam gia nhập phong trào cộng sản quốc tế thì các đảng viên lãnh đạo phải tuyên thệ trung thành với tuyên ngôn Quốc Tế Cộng Sản và phong trào cộng sản quốc tế. Tuyên ngôn Quốc Tế Cộng Sản tuyên bố "người vô sản không có tổ quốc". Biên giới những quốc gia có cùng chủ nghĩa cộng sản, như

Việt Nam và Trung Quốc, phải xoá bỏ để hai nước cùng dắt tay nhau tới thế giới đại đồng. Tinh thần vô sản quốc tế kéo theo những nghĩa vụ quốc tế. Và nghĩa vụ quốc tế cùng với quan điểm đại đồng của chủ nghĩa cộng sản nghịch với quan điểm truyền thống của cha ông là phải bảo vệ nòi giống, phải bảo vệ lãnh thổ. Vậy khi Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tuyên bố trung thành với chủ nghĩa cộng sản quốc tế thì làm thế nào Đảng có thể trung thành với quyền lợi của dân tộc? Khi quyền lợi của dân tộc mâu thuẫn với quyền lợi của vô sản quốc tế mà đại biểu hiện nay là Đảng Cộng Sản Trung Quốc thì Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải đứng trên lập trường nào? Trường hợp cố Thủ Tướng Phạm Văn Đồng ký công hàm công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên mặt biển là một trường hợp điển hình về mâu thuẫn giữa nghĩa vụ quốc tế và quyền lợi dân tộc.

Như thế Điều 4 Hiến Pháp yêu cầu Đảng CSVN phải trung thành với quyền lợi của những tập thể có những mâu thuẫn lợi ích quá lớn. Đây là những mâu thuẫn hủy diệt. Được bên này thì mất bên kia.

3. Điều kiện thứ 3: Đảng Cộng Sản Việt Nam phải theo chủ nghĩa Mác-Lênin và theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

a. Nội hàm của các khái niệm "chủ nghĩa Mác-Lênin" và "tư tưởng Hồ Chí Minh" không được xác định rõ. Vì thế không có tiêu chí chuẩn mực để kiểm tra ĐCSVN có đi đúng theo các chủ nghĩa và tư tưởng này hay không.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là tên gọi chung cho chủ nghĩa Marxist và chủ nghĩa Leninist. Định nghĩa thế nào là chủ nghĩa Mác-Lênin là vấn đề lớn, không những cho nhân dân mà cho cả Ban Tư Tưởng, Tuyên Giáo và Viện Triết Học Mác-Lênin. Chủ nghĩa Mác-Lênin thời Lênin khác với thời Stalin. Chủ nghĩa Stalin thì chắc chắn là có mâu thuẫn lớn vói chủ nghĩa Trotskyst. Chủ nghĩa Stalin cũng mâu thuẫn với chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Chủ nghĩa Mao lại mâu thuẫn với chủ nghĩa Đặng Tiểu Bình v.v. Lịch sử cho thấy tranh chấp của những loại tư tưởng Mác-

Lênin này đã gây nên nhiều cảnh máu đổ đầu rơi tại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.

Như vậy chúng ta theo chủ nghĩa Mác-Lênin nào? Trong quá trình thực hiện cải tạo xã hội tại Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản luôn luôn trung thành với chủ thuyết Mác-Lênin. Nhưng càng trung thành thì lại càng sửa sai. Kiểm tra lại lịch sử cách mạng vô sản ngay tại đất nước ta cũng thấy tính bất nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Một chủ nghĩa mà sự thực hiện của nó có tính bất nhất làm sao có thể làm ngọn đuốc soi đường cho đảng đang cầm nắm quyền thống trị xã hội để lãnh đạo đất nước?

b. Về điều kiện "theo tư tưởng Hồ Chí Minh" thì sự thể đặt ra một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, tại sao tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ xuất hiện trong Hiến Pháp 1992 mà các hiến pháp trước đấy không có? Tại sao tư tưởng chỉ đạo cho cả một dân tộc của một nhân vật lịch sử được nhiều người tôn vinh, có tầm vóc quốc tế mà phải đợi đến 23 năm sau (1969-1992) khi vị lãnh tụ qua đời mới được Hiến Pháp công nhận? Nếu như thế phải chăng các hiến pháp trước đây không ghi nhận sự tồn tại của tư tưởng Hồ Chí Minh? Thế thì các nhà lập hiến phải giải thích thế nào cho nhân dân và đặc biệt là các em sinh viên học sinh về sự hình thành tư tưởng này, nội dung và vai trò của nó trước khi có Hiến Pháp 1992 và tại sao các hiến pháp trước đây không ghi nhận tư tưởng Hồ Chí Minh?

Nghị định Chính phủ Việt Nam số 375/CP Ngày 15/10/1979 về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Viện Bảo Tàng Hồ Chí Minh chỉ qui định lờ mờ về tư tưởng Hồ Chí Minh như sau: "Là trung tâm nghiên cứu những tư liệu hiện vật và di tích lịch sử có quan hệ đến đời sống và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng của Người và tuyên truyền, giáo dục quần chúng về sự nghiệp tư tưởng, đạo đức và tác phong của Người thông qua những tư liệu, hiện vật và di tích đó".

Thế nhưng các văn kiện lịch sử trong thời gian này hoàn toàn không đề cập đến nỗ lực nào đáng kể để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta không thấy một nhóm nghiên cứu nào, hay viện nghiên cứu nào và cũng không thấy những bài vở quan trọng nào nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh trong Tạp Chí Cộng Sản, hay các tài liệu Đảng.

Do đó, sự xuất hiện của tư tưởng Hồ Chí Minh trong Hiến Pháp 1992 có tính cách đột xuất. Một tư tưởng chỉ đạo cho cả một dân tộc mà đột xuất, nói lên sự vội vàng hấp tấp, thiểu chuẩn bị, mang tính cách bức xúc, thì rất khó thuyết phục.

Nếu tư tưởng Hồ Chí Minh được hoàn thành 23 năm sau khi ông qua đời thì lấy tiêu chí gì để xác định là tư tưởng đó trung thực với những suy nghĩ của Hồ Chí Minh khi ông còn sống? Và ai là người có thẩm quyền ngang với Hồ Chí Minh để chấp bút viết ra "tư tưởng Hồ Chí Minh"?

Thêm vào đó, mặc dù hiện nay Việt Nam có hàng trăm tiến sĩ và thạc sĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng các tài liệu được phát hành vẫn chưa hoàn thành dàn bài cơ bản của tư tưởng. Một tư tưởng có giá trị cần trả lời các câu hỏi sau đây: Tiền đề triết học của tư tưởng này là gì? Công cụ lý luận là gì? Và hiệu ứng của nó ra sao? Cho đến ngày hôm nay những câu hỏi này vẫn chưa có câu trả lời.

4. Điều kiện thứ 4: Mọi tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.

Đây là điều kiện có lẽ gây khó khăn nhất cho Đảng CSVN vì nó liên quan đến sự tuân thủ hiến pháp và luật pháp của Đảng đang lãnh đạo đất nước.

Lịch sử Đảng cho thấy Đảng thành hình trong thời kỳ Pháp thuộc, cùng thời kỳ với các đảng phái cách mạng có chủ trương chống Pháp giành độc lập như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Dân Xã và Đại Việt Duy Dân. Dưới luật pháp của chính quyền thuộc địa, tất cả các đảng phái chính trị ra đời đấu tranh chống Pháp giành độc lập trước năm 1945 đều bất hợp pháp. Trong suốt thời gian nắm

chính quyền từ 1945 đến nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn chưa hề có hành động pháp lý nào để hợp pháp hoá tình trạng bất hợp pháp nói trên của mình. Nói một cách khác, Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng Đảng vẫn chưa có tư cách pháp nhân đứng trên mặt pháp lý. Trong trường hợp này thì tình trạng bất hợp pháp của Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tồn tại cho đến ngày hôm nay.

Sở dĩ có tình trạng bất hợp pháp của một đảng lãnh đạo đất nước như thế là vì khi đứng ra cầm quyền, Đảng không quan tâm đến việc thiết lập cơ sở pháp lý cho sự hiện diện của mình. Cơ sở pháp lý ở đây là luật về hội đoàn hay tổ chức chính trị. Tùy theo quan điểm lập pháp của quốc hội mà nhà nước thiết kế bộ luật về hội đoàn. Và nếu mọi tổ chức của Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật thì Đảng phải có giấy phép hoạt động như mọi tổ chức khác. Trong tình trạng không có qui chế pháp lý để quản lý Đảng thì mọi hoạt động và tổ chức của Đảng đều đứng ngoài vòng cương toả của hiến pháp và pháp luật.

Sự tồn tại của một đảng lãnh đạo xã hội mà đứng ngoài vòng luật pháp tự nó đã phủ định giá trị của Điều 4 Hiến Pháp, là cơ sở pháp lý tạo ra quyền lực cho Đảng.

IV. Kết luận

Vấn đề chúng ta đồng ý với Điều 4 Hiến Pháp hay không là tùy theo quan điểm lập hiến, tư duy chính trị và sự nhận định riêng của từng người. Tuy nhiên nếu chúng ta đồng ý với Điều 4 thì ngay điều này cũng nẩy sinh ra những vấn đề khó khăn như đã trình bày trên đây mà hiến pháp và luật pháp hiện nay chưa giải quyết được và cũng có lẽ sẽ không thể nào giải quyết được nếu không có một cuộc cải cách hiến pháp tận gốc rễ.

Một điều quan trọng như Điều 4 không thể dựa trên một giả định hay giả thiết là Đảng Cộng Sản luôn luôn hội đủ 4 điều kiện mà điều khoản này đưa ra. Chưa nói đến chuyện không hội đủ cả 4 điều kiện nói trên, chỉ cần Đảng không hội đủ **một trong 4** điều kiện trên thì chúng ta đã

có tình trạng chân không của quyền lực hiến định. Điều này có nghĩa lực lượng lãnh đạo nhà nước không hội đủ điều kiện qui định bởi hiến pháp và do đó không có năng lực hiến pháp để có tồn tại.

Một thể chế chính trị bền vững phải không cho phép sự tồn tại của một đảng lãnh đạo trong tình trạng chân không của quyền lực hiến định. Tình trạng chân không của quyền lực hiến định là một khủng hoảng hiến pháp nghiêm trọng, dễ đưa xã hội đến một khủng hoảng chính trị. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy mọi khủng hoảng hiến pháp luôn luôn phát sinh ra những biến động xã hội hoàn toàn không có lợi cho xã hội, nhà nước và đảng cầm quyền.

Trong bối cảnh của một "nhà nước pháp quyền" đòi hỏi người dân phải "sống và làm theo luật pháp và hiến pháp" như ở Việt Nam, một đảng lãnh đạo không hội đủ điều kiện tự mình đưa ra để nhận quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội là một tình trạng mất tính chính thống đạo đức và pháp lý. Mất tính chính thống đạo đức và pháp lý là tình trạng thượng bất chính rất nghiêm trọng. Qui luật "thượng bất chính hạ tắc loạn" không phải luôn luôn đúng. Lịch sử đã từng minh chứng có những trường hợp "thượng bất chính" nhưng "hạ không tắc loạn". Tuy nhiên đó là những trường hợp hiếm hoi bất bình thường của lịch sử. Nguyên tắc chính thống về quyền lực, chính thống dân chủ, chính thống pháp lý và chính thống đạo đức không cho phép nhân dân tiếp tục duy trì tình trạng thượng bất chính bất bình thường đó.

Đứng trên lập trường lập hiến, vấn đề không phải là nên hay không nên giữ Điều 4. Chúng ta không nên có quan niệm cực đoan như "bỏ Điều 4 là tự sát" như Chủ Tịch Nguyễn Minh Triết khẳng định. Trong điều kiện hiến pháp được phân tích ở trên, "bỏ 4 hay giữ 4" đều có những khó khăn và bế tắc đặc thù của nó.

Vấn đề được đặt ra ở đây là làm thế nào để nhà nước có thể điều chỉnh trường hợp thượng bất chính trong sự

ổn định của xã hội để những đảng phái chính trị cầm nắm vận mệnh của đất nước có đầy đủ uy quyền nhà nước, sức mạnh tinh thần của lịch sử, sự đồng thuận của toàn dân để lèo lái con thuyền quốc gia đến bến bờ của độc lập tự do và hạnh phúc.

Dallas, Texas 01/07/2009
Nguyễn Xuân Phước
Nguồn: talawas

Tài liệu tham khảo

Hiến pháp Việt Nam 1992
Có cần phải sửa đổi Hiến pháp để cải cách Tư pháp?
LS Nguyễn Văn Đài: Quyền tự do thành lập đảng ở VN
Đàn Chim Việt phỏng vấn Trần Mạnh Hảo
Trần Mạnh Hảo: "Điều 4 trong bản HP nước CHXHCNVN năm 1992 phá hủy nền tảng của chính bản Hiến Pháp"

Những Đồng Minh Anh Hùng

** Tác giả: Harry F. Noyes III*
** Dịch giả: Ngô Kỷ*

Nguyên bản Anh ngữ "Heroic Allies" của Harry F. Noyes III được đăng trong nguyệt san "Vietnam", phát hành vào tháng 8 năm 1993. Do Ngô Kỷ chuyển ngữ để kính tặng và tri ân sự chiến đấu dũng cảm và tuyệt vời của những Chiến Sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (VNCH).

Họ dáng người thì nhỏ nhắn, nói chuyện bằng những âm ngữ líu lo, thường chan nước mắm vào thức ăn và hay cầm lấy tay nhau. Chẳng ai ngạc nhiên lắm khi thấy những quân nhân Mỹ gởi qua Đông Nam Á - phần lớn họ còn rất trẻ, có một kiến thức nông cạn, được đào tạo trong một xã hội vị kỷ và hiểu rất ít về những nền văn hóa khác - họ không cảm thông được tâm trạng của các binh sĩ VNCH.

Thật đau lòng khi có nhiều cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến tại VN lại đi cấu kết với cái đám phản chiến cấp tiến, những tên trốn quân dịch và bọn chính khách hoạt đầu xúm nhau bôi nhọ danh dự của một Quân Lực đã chẳng còn có cơ hội để được tự bào chữa. Nhục mạ một quân đội đã sa cơ trên chiến trường vì bị Hoa Kỳ phản bội

là một hành động đê tiện và bất xứng của những người Hoa Kỳ.

Có thể một số quý vị sẽ ngạc nhiên về lý luận của tôi. Làm sao tôi có thể biện hộ cho quân lực VNCH được? Phải chãng tất cả binh sĩ VNCH đều thuộc loại bất tài, xảo trá và hèn nhát? Không, không phải vậy. Trong bài này tôi sẽ vạch ra một số bằng chứng xác đáng để phản bác lại cái luận điệu đê hèn đó và phân tích lý do tại sao cái luận điệu đó phát sinh. Dĩ nhiên, quân đội VNCH không toàn hảo. Họ cũng có một số lãnh đạo tồi tệ, một số lính tráng hèn nhát, vài ba lần hoảng hốt bỏ chạy, xằng bậy và hung bạo. Tuy nhiên, các điều này cũng đã từng xảy ra đối với quân đội Hoa Kỳ tham chiến tại Đông Nam Á.

Trong một số lãnh vực như: tổ chức, tiếp vận, tham mưu và chỉ huy, quân đội VNCH thua kém quân đội Hoa Kỳ thật. Nhưng họ làm gì khác hơn được khi đất nước họ là đất nước đang phát triển, họ mới giành độc lập từ tay chế độ thuộc địa và bất ngờ lao vào một trận chiến khốc liệt, đối đầu với kẻ thù hung hãng được vũ trang hùng hậu từ cả khối CS? Thật ra, các khuyết điểm của quân đội VNCH có cũng giống như các khuyết điểm mà quân đội Hoa Kỳ mắc phải trong Trận Chiến Giành Độc Lập, dù rằng Hoa Kỳ vào thời cuối thế kỷ 18 đó có nhiều lợi điểm hơn, như:

- Tầm vóc của Cuộc Cách Mạng Giành Độc Lập hạn hẹp hơn và dễ điều khiển hơn.

- Khác với sự bị trị của VN, Hoa Kỳ qua kinh nghiệm bị trị đã nuôi dưỡng tinh thần tự trị địa phương và tạo thuận lợi cho quốc gia đào tạo nên những nhà lãnh đạo ưu tú.

- Quân đội Hoàng Gia Anh không bền bỉ như quân đội Bắc Việt.

- Có phải các binh sĩ Hoa Kỳ giỏi giang hơn các chiến hữu đồng minh của họ đến độ người Mỹ đối xử miền Nam VN với một thái độ khinh rẻ như vậy? Câu trả lời cho cả hai câu hỏi trên là: "Không!"

Bằng chứng cho câu trả lời đó thật rõ ràng. Ý đồ Tổng Công Kích Tết Mậu Thân của Cộng quân là bẻ gẫy ý chí

phòng thủ của miền Nam VN. Nhưng chúng đã thất bại, binh sĩ VNCH đã chống trả một cách quyết liệt và hữu hiệu: không một đơn vị nào bị tan rã hay tháo chạy. Thậm chí cảnh sát cũng đã chiến đấu, họ dùng cả súng lục để bắn lại bộ đội chính quy của Bắc Việt trong khi những người bộ đội CS này thì lại được võ trang với vũ khí hạng nặng. Theo báo cáo cho thấy là vào thời điểm đó, số người tình nguyện nhập ngũ lên quá cao, đến nỗi chính phủ phải ngưng tuyển mộ lính trong một thời gian.

Trong trận chiến Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, các binh sĩ VNCH bị vây hãm tại An Lộc đã anh dũng tử thủ chống trả lại lực lượng hùng hậu của địch, cùng với những trận mưa pháo bất tận, và cuối cùng họ đã đè bẹp được những trận tấn công liên tục của các chiến xa địch quân. Sau đó, tôi được một cố vấn Mỹ kể lại chuyện một tiểu đội bộ binh VNCH được lệnh phải phá hủy 3 chiếc xe tăng của địch. Ông kể:

- Các binh sĩ của tiểu đội này phá hủy được một chiếc xe tăng, rồi sau đó họ lại tự quyết định bắt sống hai chiếc xe tăng kia. Họ rượt bộ và bắt được thêm một chiếc nữa, còn chiếc kia thì chạy thoát. Khi trở về phòng tuyến, họ bị khiển trách nặng nề... vì đã để chiếc xe tăng kia tẩu thoát."

Tuy hành động của tiểu đội lính này không đúng với quân kỷ lắm, nhưng cái hành động đó đã nói lên tinh thần chiến đấu cao độ và sáng kiến tác chiến của rất nhiều binh sĩ VNCH. Chắc chắn sự kiện trên không thể hỗ trợ luận điệu cáo buộc họ hèn nhát được.

Một chứng cớ điển hình hơn, trong những giờ phút cuối cùng của miền Nam VN năm 1975, khi mà nỗi tuyệt vọng bao trùm lên cả đất nước họ, khi mà biết rõ rằng Hoa Kỳ sẽ không yểm trợ gì nữa (ngay cả nhiên liệu và đạn dược), ấy thế mà một sư đoàn VNCH đã anh dũng cầm cự chiến đấu với bốn sư đoàn quân Bắc Việt trong suốt hai tuần lễ tại Xuân Lộc. Trên mọi bình diện, trận chiến Xuân Lộc đó cũng hào hùng như bất cứ trận chiến nào trong quân sử Hoa Kỳ. Các binh sĩ VNCH cuối cùng đã phải rút lui vì

không lực của họ không còn bom cluster để yểm trợ cho lực lượng bộ binh đụng trận dưới đất.

Có lần tôi được coi một phim tài liệu truyền hình nói về một người phóng viên Úc đặc trách quay phim chiến trường. Khác với các phóng viên Mỹ, ông ta dành nhiều thì giờ theo sát binh sĩ VNCH. Ông ta công nhận tinh thần chiến đấu anh dũng của họ, và để minh chứng điều đó, ông đã cho trình chiếu cả cuốn phim. Ông ta nhớ lại rằng, trong chuyến thăm viếng một khu làng do địch quân kiểm soát, ông được nghe kể rằng CS sợ binh sĩ VNCH hơn là sợ binh sĩ Mỹ. Cái lý do chính là binh sĩ Mỹ quá ồn ào, do đó địch quân luôn nghe trước được đường tiến quân của họ. Làm sao có được điều so sánh này nếu trên thực tế các binh sĩ VNCH không thuộc loại lính thiện chiến.

Tuy nhiên, cái chứng cớ quan trọng nhất để chứng minh tinh thần chiến đấu cao độ của binh sĩ VNCH nằm trong hai sự kiện thật đơn giản và rõ ràng sau đây, dù rằng các sự kiện này thường bị làm ngơ hoặc giả vờ không biết nhằm che đậy sự thất bại của Hoa Kỳ tại VN. Sự kiện thứ nhất: Chiến tranh đã bắt đầu từ 7 năm trước khi quân đội tác chiến Hoa Kỳ bước chân vào VN, và trận chiến đó vẫn tiếp tục kéo dài suốt 5 năm sau khi Hoa Kỳ rút quân. Phải có những người đứng ra chiến đấu trong thời gian đó, và không ai khác hơn là các binh sĩ VNCH.

Sự kiện thứ hai: Có độ 1/4 triệu binh sĩ VNCH hy sinh trong cuộc chiến. Nếu đem so sánh tỷ lệ dân số hai nước, thì con số này phải tương đương với khoảng hai triệu người Mỹ chết (gấp đôi tổng số thương vong của tất cả cuộc chiến Hoa Kỳ cộng lại). Bạn không thể tổn thất lớn lao như vậy nếu bạn không thực sự chiến đấu.

Thế thì, tại sao thanh danh quân đội VNCH lại bị xúc phạm nặng nề như vậy?

Dĩ nhiên quân đội VNCH cũng có một số lần chiến đấu kém hiệu năng hoặc bị khủng hoảng, nhưng các trường hợp này cũng từng xảy ra trong quân đội Hoa Kỳ. Tôi biết một vị chỉ huy đơn vị pháo binh Hoa Kỳ đã có lần ra lệnh

trực xạ vào địch quân vì lực lượng bộ binh Mỹ "bảo vệ" cho căn cứ pháo binh đã hốt hoảng tháo chạy trước hỏa lực hùng hậu của địch.

Sự kiện trên không có nghĩa là toàn thể quân đội Hoa Kỳ hèn nhát, và đôi lần thất bại của binh sĩ VNCH cũng không có nghĩa là toàn thể quân đội VNCH hèn nhát. Dù vậy, người ta lại rất dễ tin như thế khi được nghe kể lại từ chính miệng các cựu chiến binh Hoa Kỳ hoặc từ các chính trị gia nhằm chạy tội cho chính phủ Hoa Kỳ về việc bỏ rơi miền Nam VN trong cơn hấp hối. Sự thật của vấn đề được diễn tả khéo nhất qua mẩu đối thoại cách đây gần hai thế kỷ khi một mệnh phụ Anh hỏi Quận Công Wellington rằng: "Có bao giờ quân Anh tháo chạy trên chiến trường không?" Vị Thiết Quận Công này trả lời: "Thưa bà, tất cả binh sĩ đều bỏ chạy trên chiến trường."

Chỉ cần lướt qua quân sử cũng đủ để xác nhận điều này. Trong suốt cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ, chúng ta đã thấy rất nhiều tấm gương can đảm nhưng cũng không thiếu gì các hành động khiếp nhược. Trên mặt trận, lúc đầu binh sĩ của hai phe Nam Bắc đều chiến đấu rất dũng cảm, rồi phòng tuyến vỡ, rồi bỏ chạy, rồi tái phối trí và chiến đấu trở lại. Không có quân đội nào được xem là có lòng hy sinh anh hùng hơn họ, nhưng những binh sĩ tham dự trận nội chiến này cũng không tránh khỏi những lúc thất điên bát đảo, và đó cũng là chuyện thường tình trên chiến trường.

Tác giả S.L.A. Marshall đã tường thuật chuyện một đại đội lính Mỹ trong Đệ Nhị Thế Chiến đã tháo chạy tán loạn trước tiếng la ré xung phong của một toán lính Nhật. Nhưng đại đội lính Mỹ khác thì lại tiếp tục chiến đấu, giết sạch hết toán lính Nhật (độ 10 người), và khám phá ra rằng hầu hết những tên lính Nhật này không võ trang gì cả. Nếu chuyện trên xảy ra cho một đơn vị quân đội VNCH, thì chắc chắn những kẻ muốn bôi nhọ quân đội này sẽ lợi dụng đó như là một "cơ hội bằng vàng" để mạ lị rằng toàn thể quân lực VNCH là hèn nhát. Tại sao vậy? Tôi đã nêu ra câu trả lời rồi. Tất cả tùy thuộc vào màu da

và ngôn ngữ của các binh sĩ liên hệ. Sự thật bỉ ổi là việc mạ lị quân đội VNCH lại xuất phát từ tinh thần kỳ thị chủng tộc và bồng bột của nền văn hóa Hoa Kỳ.

Tôi có thể làm chứng cho việc xuyên tạc đầy ác ý và phổ quát này. Khi vừa đến VN vào tháng 6 năm 1969, tôi đã chứng kiến ngay sự ngu ngơ và thái độ khinh bỉ của một số người Mỹ đối với nhân dân và quân đội VNCH. Cái thái độ đó nằm trong mọi tập thể quân nhân da trắng lẫn da đen, trong các giới dân sự cũng như ký giả Hoa Kỳ. Phong trào thù ghét đất nước và nhân dân VN bị lan tràn như một thứ bệnh dịch truyền nhiễm đáng ngạc nhiên.

Tôi quen một viên đại úy Hoa Kỳ tốt nghiệp về môn điện ảnh từ một viện đại học danh tiếng (một ngành chuyên môn được dùng để giúp nâng cao trình độ nhận thức quan sát). Khi viên đại úy này trở lại đơn vị sau một chuyến công tác ngắn tại Thái Lan, anh ta ca ngợi đáo để dân tộc Thái Lan. Anh nói rằng: "Dân Thái Lan cho con cái đi học khác hẳn với dân VN". Anh ta ngạc nhiên nhưng lại không lộ vẻ hối hận khi tôi chỉ cho anh thấy một ngôi trường VN sát nách doanh trại chúng tôi. Bất cứ ai có mắt cũng đều thấy hàng trăm em học sinh mặc đồng phục quần xanh áo trắng qua lại mỗi ngày, chỉ trừ anh chàng phim ảnh này không nhìn thấy các em mà thôi.

Thật là mỉa mai khi người VN có tiếng hiếu học hơn người Mỹ, và miền Nam VN đã nâng cao được mức biết đọc biết viết từ 20% lên 80% trong khi đất nước chiến tranh triền miên (và mặc dù CS chủ trương giết hại các giáo chức), thế mà lại bị anh chàng phim ảnh này cho rằng VN không có trường học. Vì bị gởi đi chinh chiến xa xôi và bị cách biệt gia đình, nên anh Mỹ này nảy sinh lòng oán ghét VN, và tạo nên thành kiến rằng mọi người VN đều đáng khinh. Do đó, trong đầu anh cứ ám ảnh là VN không có trường học, dần rồi cái tâm lý bệnh hoạn đó đã làm hư đi cái khả năng nhận thức và đánh lừa cả thị giác của anh.

Hãy tưởng tượng cái tâm trạng của một tập thể lính Mỹ ít học, sống giữa một nền vãn hóa xa lạ và thần kinh lúc

nào cũng bị căng thẳng ra sao?! Có lẽ chúng ta không nên trách cứ những người lính thiếu học này, lỗi là do nơi các cấp chỉ huy Hoa Kỳ đã huấn luyện họ hiểu một cách mơ hồ về đất nước VN cũng như về thực chất của cuộc chiến.

Tuy nhiên, đó không phải là cái cớ để các cựu chiến binh Mỹ huênh hoang rằng họ hiểu những cái mà họ đã thấy tại VN. Các cựu chiến binh Mỹ từng tham chiến tại VN cần được vinh danh về các đức tính can đảm, hy sinh, ái quốc của họ. Nhưng can đảm và hy sinh không đồng nghĩa với kiến thức. Đánh giặc tại VN không làm cho những người lính này trở thành những chuyên viên thông thạo về đất nước hoặc cuộc chiến VN, cũng như việc mang nặng đẻ đau không thể biến người đàn bà trở thành một chuyên gia về thai nhi học được.

Giới truyền thông Mỹ cũng chẳng khá gì hơn. Trong một phóng sự đầy thành kiến, tôi nghe một phóng viên lên án Không Lực VNCH - dù đã được tân trang qua chương trình VN Hóa Chiến Tranh - thế mà lại "đẩy cho Không Quân Hoa Kỳ" thực hiện những phi vụ nguy hiểm ngoài Bắc Việt. Trên thực tế, Hoa Kỳ không muốn Không Quân VNCH bay ra Bắc (chỉ trừ vài phi vụ oanh tạc ban đầu). Các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ muốn kiểm soát kế hoạch oanh tạc để dùng nó như một lá bài thương thuyết. Vì không muốn miền Nam VN có bất cứ quyền kiểm soát nào trong chính sách oanh tạc, Hoa Kỳ đã trang bị cho Không Quân VNCH những vật dụng không thích hợp cho các phi vụ ra Bắc. Miền Nam VN không được cung cấp oanh tạc chiến đấu cơ, phi cơ tiếp liệu trên không, vũ khí hay các dụng cụ điện tử cần thiết cho các phi vụ này. Đó là quyết định của người Mỹ.

Câu hỏi đặt ra là có phải người phóng viên truyền hình nêu trên dốt đặc về sự kiện đó hay giả vờ không biết nhằm đi hạ nhục những đồng minh của Hoa Kỳ? Dựa vào các lời lẽ lố bịch, chói tai và thanh âm của anh ta, tôi kết luận rằng anh ta chủ mưu làm như vậy. Một thí dụ khác nói lên cái thành kiến của giới truyền thông, đó là trận chiến vây

hãm Khe Sanh. Nếu bạn đi hỏi một ngàn người Mỹ từng nghe biết về trận đánh này rằng đơn vị nào chiến đấu tại Khe Sanh, thì có lẽ hầu hết đều trả lời là Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Nhưng sẽ làm họ ngạc nhiên nếu có một người trong số ngàn người đó nói rằng có một tiểu đoàn Biệt Động Quân VNCH đã cùng chia sẻ nỗi gian lao với các đồng minh Thủy Quân Lực Chiến Hoa Kỳ trong trận chiến ngặt nghèo đó.

Có nhiều đơn vị VNCH khác cũng đã hỗ trợ chiến đấu bên ngoài vòng đai căn cứ Khe Sanh. Giới truyền thông Mỹ không đếm xỉa đề cập đến các chiến hữu đồng minh của Hoa Kỳ, mà họ chỉ để ý đến những điều bê bối thôi, bởi vậy những binh sĩ VNCH chiến đấu cam khổ này đã bị trở thành những chiến sĩ "vô hình" của Khe Sanh. Tất cả thành kiến - trong quân đội cũng như trong truyền thông - được thể hiện rõ ràng qua các bản tin chiến sự về cuộc hành quân Hạ Lào năm 1972.

Trong cuốn phim tài liệu truyền hình mười năm trước đây, có một đoạn phỏng vấn lính Mỹ trong lúc chiến trường Hạ Lào đang tiếp diễn. Các lính Mỹ được phỏng vấn này đang sống an toàn tại hậu cứ Nam VN. Họ "giải thích" về sự chiến đấu của quân đội VNCH với những lời lẽ khinh bỉ và kỳ thị. Thế mà sau đó người phóng viên này đã ca ngợi mấy người lính G.I. Mỹ đó am tường về tình hình chiến sự hơn là các nhà tướng lãnh Hoa Kỳ.

Trận Hạ Lào đã trở thành đề tài vì nó có liên quan đến một tấm hình có cảnh người lính VNCH bám vào cái càng máy bay trực thăng để trốn chạy khỏi chiến trường. Tấm hình này bị bêu riếu khắp nước Mỹ ngày này qua tháng nọ như là một "bằng chứng" về sự khiếp nhược của quân lực VNCH. Thực tế, đây là một trò cổ điển nói lên mãnh lực của sự xuyên tạc hình ảnh. Thật ra thì sự việc nó diễn tiến như sau: Binh sĩ VNCH bị tấn công bởi một lực lượng Cộng quân hùng hậu. Quân đội Hoa Kỳ đã thất bại trong việc yểm trợ như đã hứa vì hỏa lực phòng không của địch quá mạnh. Những báo cáo cho biết là lính trên trực

thăng đã đạp những thùng đạn đại bác từ cao độ 5,000 feet xuống với hy vọng chúng sẽ rơi vào vòng đai của quân đội VNCH. Các trực thăng đó đã không thể nào bay thấp hơn được.

Đại tá Robert Monelli, một sĩ quan Hoa Kỳ có mặt trong mặt trận đó đã kể lại trên báo Armed Forces Journal số 19 tháng 4 năm 1972 như sau: "Một tiểu đoàn VNCH với 420 binh sĩ bị bao vây liên tiếp trong ba ngày bởi một trung đoàn CS độ 2,500 đến 3,000 tên. Quân đội Hoa Kỳ không thể tiếp tế cho họ được. Họ phải chiến đấu cho tới khi gần hết đạn, rồi mở đường máu bằng khí giới tịch thu của địch. Họ đã mang theo tất cả binh sĩ bị thương và cả một số xác chết. Không ảnh thám sát chụp được rõ ràng có 637 xác địch rải rác chung quanh căn cứ. Về phía quân đội VNCH, tiểu đoàn trên chỉ còn lại có 253 binh sĩ sau khi đến được vòng đai bạn. Chừng 17 người trong số binh sĩ này bị khủng hoảng và đã bám vào càng trực thăng để chạy trốn, số binh sĩ còn lại thì không làm như vậy."

Bây giờ, có thể một số người cho rằng hành động bám vào càng trực thăng đang bay và dễ làm mồi cho hỏa lực phòng không địch là một hành động gan dạ. Hãy xếp đề tài đó qua một bên, tôi muốn đề cập đến việc là tại sao chỉ có một trường hợp riêng lẻ như vậy - xáp lá cà mở đường máu rút lui (được coi là một chiến thuật khó khăn nhất trong binh thư) lại bị thổi phồng để đi lên án cả một quân lực, cả một quốc gia, cả một dân tộc?

Câu trả lời là tại vì kỳ thị chủng tộc. Các người lính VNCH bám lủng lẳng vào trực thăng bị coi là những tên ngoại quốc hợm hĩnh. Nhưng nếu là lính Mỹ, hay cả lính Anh, thì hành động này đã gây được lòng trắc ẩn vì được biện minh rằng họ vừa trải qua một cuộc thử thách đầy cam go. Bằng cớ cho lập luận này có thể thấy được qua cái phản ứng của người Mỹ đối với cuộc rút lui của binh sĩ Hoàng Gia Anh trong những ngày đầu của trận Đệ Nhị Thế Chiến. Từng có một số lần nhục nhã đã xảy ra trong quân đội Hoàng Gia Anh tại Dunkirk và nhiều nơi khác.

Tại Dunkirk, một trung sĩ trên một chiếc tàu cấp cứu đã chĩa súng tiểu liên vào các binh sĩ khủng hoảng để duy trì trật tự. Trên một con thuyền khác, binh sĩ phải dùng báng súng đánh vào đầu một viên sĩ quan để ông ta khỏi leo qua mép thuyền làm nước tràn vào. Tại Crete, một lữ đoàn Tân Tây Lan phải lập vòng đai an toàn quanh biển bằng dao găm để ngăn chặn binh sĩ Hoàng Gia Anh tràn ngập lên thuyền. Cái hình ảnh quân đội Hoàng Gia Anh đơn thân độc mã chống lại Hitler năm 1940 thì ca ngợi là một biểu tượng đầy đủ dữ kiện, còn những trường hợp riêng lẻ như các trường hợp kể trên không được phép làm hoen ố cái bức tranh toàn cảnh dũng cảm và tận tụy của những người lính chiến.

Thành thật mà nói thì quân đội VNCH đã chiến đấu một cách tầm thường trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, ngoại trừ trận đánh hào hùng và tuyệt cú tại mặt trận Xuân Lộc. Nói vậy chứ nó cũng có những nguyên do của nó. Và cũng có nhiều yếu tố để ta tin rằng nếu nhận được sự yểm trợ chân thành từ phía Hoa Kỳ, quân đội VNCH đã có thể tạo được những trận thư hùng như kiểu Xuân Lộc, và không chừng ngay cả việc họ đã cứu vãn được đất nước.

Vấn đề đặt ra đây một lần nữa không phải đề bàn đến cách ứng xử của miền Nam VN, nhưng chính là đem so sánh cách ứng xử của họ với Hoa Kỳ để xem liệu Hoa Kỳ ứng xử ra sao nếu Hoa Kỳ bị nằm trong một hoàn cảnh, tình huống tương tự. Và thật sự - nếu binh sĩ Hoa Kỳ bị bỏ rơi giống như Hoa Kỳ đã cắt viện trợ Miền Nam VN một cách nặng nề trong năm 1974, nhiều tháng trước khi địch quân mở những trận tổng công kích lần chót. Hậu quả là chỉ có rất ít nhiên liệu và đạn dược cung cấp cho miền Nam VN. Phi cơ và quân xa của VNCH bị nằm ụ vì thiếu phụ tùng. Binh sĩ phải ra trận với máy truyền tin mà không có batteries, và các toán cứu thương thiếu cả các loại thuốc thang căn bản. Pháo binh thì bị giới hạn bắn được ba trái đạn mỗi ngày trong ngày cuối cùng của

cuộc chiến. Tình trạng bi đát đến nỗi tư lệnh quân đội Bắc Việt xâm lăng miền Nam VN, tướng Văn Tiến Dũng cũng thừa nhận rằng khả năng di động và hỏa lực của quân đội VNCH đã sút giảm phân nửa. Bên cạnh những ảnh hưởng trực tiếp về vật chất, chúng ta cũng phải để ý đến những tác hại tinh thần đối với các binh sĩ VNCH. Lợi dụng tình thế bi thảm này, quân đội Bắc Việt đã ào ạt tấn công với đầy đủ vũ khí tối tân, chiến xa và đại bác di động.

Vâng, quân đội VNCH đã bại vong. Họ đã vất bỏ các chiến cụ (phần lớn đã không còn dùng được vì thiếu phụ tùng) và một số đạn dược (số đạn mà họ đã dành dụm tối đa cho đến khi nó trở thành quá muộn để bắn, bởi vì họ biết rằng sẽ không bao giờ nhận được tiếp tế nữa). Vậy thì lỗi của ai? Của họ... hay của Hoa Kỳ?

Vâng, miền Nam VN rút quân khỏi các tỉnh cao nguyên e có phần trễ và vụng về, đưa đến sự khủng hoảng và sụp đổ. Nhưng làm sao chính phủ miền Nam VN lại cam tâm bỏ rơi đồng bào họ sớm hơn trước được, khi mà địch quân chưa tung ra một áp lực nào? Đã có lúc miền Nam VN hy vọng oanh tạc cơ B52 Hoa Kỳ sẽ trở lại giúp họ ngăn chặn làn sóng tiến quân của CS. Nhưng khi rõ ràng là việc này sẽ không xảy ra, binh sĩ trở nên hoang mang là một điều dễ hiểu thôi. Tinh thần chiến đấu suy sụp, nhiều binh sĩ bị bỏ ngũ - không phải họ hèn nhát hay không muốn chiến đấu bảo vệ tổ quốc, nhưng bởi vì họ không muốn chết một cách vô ích trong khi gia đình đang cần.

Liệu Hoa Kỳ đã có thể làm gì khá hơn nếu ở trong tình trạng y hệt miền Nam VN thời 1975? Liệu các đơn vị Hoa Kỳ có tiếp tục hăng say chiến đấu trong lúc quân xa và hệ thống truyền tin thì hư hỏng, y tế thì què quặt, nhiên liệu và đạn dược thì thiếu thốn, không được máy bay yểm trợ - lại phải đương đầu trước một địch quân hùng hậu hỏa lực, đầy đủ tiếp liệu và tinh thần phấn khởi? Tôi không tin như vậy. Liệu miền Nam VN có thể chiến thắng vào năm 1975 nếu chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ cho họ một số lượng tương đương với số tiếp liệu mà khối CS đổ

vào Bắc Việt? Câu trả lời không ai biết được. Nhưng chắc chắn một điều là họ cũng có được cơ hội chiến đấu bình đẳng, thế mà Hoa Kỳ đã phản bội tước đi cái cơ hội này của họ. Chắc chắn họ đã có thể chiến đấu một cách hiệu quả hơn. Rồi dù có thua, họ cũng thua một cách hào hùng trong một trận chiến để đời, và biết đâu đã chẳng tạo được một cuộc kháng chiến thần thánh như A Phú Hãn.

Ví dù miền Nam VN có bị đại bại hoàn toàn, cái yểm trợ tận lực của Hoa Kỳ sẽ cho phép người Mỹ nhún vai và nói rằng họ đã cố gắng hết sức. Nhưng, Hoa Kỳ đã không tận lực, mà trái lại người Mỹ lại còn cố gắng che đậy sự thật bằng cách bôi nhọ miền Nam VN và nhục mạ quân lực VNCH đã sai lầm.

Bây giờ đã quá trễ để Hoa Kỳ chuộc lại tội ác tầy trời khi bỏ rơi nhân dân miền Nam VN vào tay CS. Nhưng nó chưa quá trễ để Hoa Kỳ thú nhận lỗi lầm trong việc nhục mạ họ. Và cũng chưa quá trễ để bắt đầu vinh danh các thành quả và lòng dũng cảm của những binh sĩ VNCH đã chiến đấu bảo vệ lý tưởng tự do.

Ngô Kỷ dịch

Note: *For English version, please open this website: http://dahieu.tvbqgvn.org/dahieu87/heroicallies.html*



■ *Cuộc sống của chúng ta bắt đầu chấm dứt ngay trong ngày mà chúng ta giữ im lặng trước những vấn đề hệ trọng.*
Martin Luther King, Jr.

Chính Nghĩa Dân Tộc

Minh Võ

Nhân kỷ niệm 55 năm hiệp ước 04/06/1954

Ngày 31/05/2009, gần 300 đồng hương đã hội họp tại nhà hàng Kim Sơn ở Houston, Texas để thảo luận về đề tài Chính Nghĩa Dân Tộc. Chủ đề này lấy từ nhan đề cuốn sách mới nhất về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm (NĐD và CNDT) của Minh Võ xuất bản tháng 11 năm 2008 và tái bản tháng 1, 2009. Sự kiện này xảy ra chỉ 4 ngày trước một biến cố lịch sử quan trọng của Việt Nam là hiệp ước ký kết giữa Hoàng Thân Bửu Lộc, thủ tướng Chính Phủ Việt Nam và thủ tướng Pháp Joseph Laniel (1890-1975) ngày 04/06/1954. Hiệp Ước này không được nhắc tới nhiều như các hiệp ước Élysée (08/03/1949) hay hiệp định Geneva (20/07/1954), vì dường như nó bị biến cố Điện Biên Phủ (07/05/1954) và sự chia cắt đất nước xảy ra liền trước và sau đó chỉ ít ngày làm cho lu mờ đi. Nhưng đó là một biến cố có ý nghĩa quan trọng vì nó là một cử chỉ dứt khoát của chính phủ Pháp, trước sức ép của tình hình bi đát Đông Dương cùng một lúc với tình hình khẩn cấp Algeria, muốn trao trả độc lập hoàn toàn cho một Việt Nam phi Cộng Sản. Nó cũng

là kết quả nhiều năm tranh đấu của những người yêu nước trong đó có Ngô Đình Diệm. (1)

Thời điểm đó cũng là lúc chẳng những cựu hoàng Bảo Đại là Quốc Trưởng Việt Nam mà cả những nhà lãnh đạo đại cường Pháp Mỹ cũng đều tập trung chú ý vào việc tìm kiếm, hay trông chờ sự xuất hiện, một nhân vật của thời thế khả dĩ kham nổi tình thế tuyệt vọng của phe Quốc Gia và có thể đương đầu với Cộng Sản đang ở thế thượng phong trên chiến trường và chính trường Đông Dương.

Và đó chính là lúc xuất hiện con người "Tout Ou Rien" Ngô Đình Diệm.

Vì vậy, nhân dịp này chúng tôi xin khai triển thêm một điểm quan trọng đã được nhắc qua trong một bài quan điểm khá dài về Mối Nguy Của Dân Tộc đã đăng trên trang DCVOnline.net này vào 2 ngày mồng 2 và mồng 3 tháng 5, 2009.

"Chính Nghĩa Dân Tộc tất thắng Chiêu Bài Dân Tộc" (2)

Cho đến nay hầu như không còn ai nghĩ Hồ Chí Minh không phải là Cộng Sản nữa. Nhưng trong những năm đầu và giữa thập niên 1940 nhiều người đã tin lời ông ta chối mình không phải là Cộng Sản, mà chỉ là người theo chủ nghĩa dân tộc. Trong số những người tin lời nói dối của ông Hồ phải kể đến những sĩ quan cấp úy Hoa Kỳ như Archimedes Patti và Charles Fenn. Vì ngây thơ hay vì bị thuyết phục bởi những lời lẽ xảo quyệt của ông Hồ, họ tin ông ta hơn cấp trên của họ là những nhân vật có đầy đủ tài liệu bằng chứng về quá khứ và hoạt động của họ Hồ. Vì lúc ấy rất ít người hiểu thế nào là chủ nghĩa Cộng sản, một chủ nghĩa mà ngày nay ai cũng thấy là hoang tưởng, vì nó chủ trương thế giới đại đồng, phi quốc



Joseph Laniel sau khi từ chức (6/1954)
Nguồn: LIFE/Frank Scherschel

gia dân tộc.

Hơn nữa thực tế lịch sử đã chứng tỏ tất cả các nước đem áp dụng nó đều đã điêu đứng tan hoang về vật chất cũng như tinh thần. Chỉ vài nước như Trung Quốc và Việt Nam CS còn tồn tại vì đã biết sớm bỏ nó mà đi theo kinh tế thi trường.

Lúc ấy cũng rất ít người biết rõ lý lịch của Hồ Chí Minh đã từng là cán bộ cao cấp của Quốc Tế Cộng Sản. Vì vậy khi ông ta về nước lập ra mặt trận Việt Minh, rồi tuyên bố Việt Nam Độc Lập, lập chính phủ Liên Hiệp thì không chỉ thường dân ít học, mà cả các nhà trí thức, các đảng phải chống Cộng như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh... đều (vui vẻ hay miễn cưỡng) tham gia, còn nhận 70 ghế trong Quốc Hội mà Hồ Chí Minh tặng, không phải qua bầu cử!

Do đó đa số nhân dân trong nước và cả nhân dân thế giới (do một số đông ký giả thiên tả, hoặc không hiểu biết về chủ nghĩa CS, và không rõ lý lịch của Hồ Chí Minh mô tả) đều coi ông Hồ là nhà ái quốc, tức người theo chủ nghĩa dân tộc thực sự. Mà sự lầm lẫn này cho đến nay vẫn còn tồn tại trên những tác phẩm nổi tiếng thế giới. Vì lúc ban đầu ngay một số đông nhà trí thức, đại trí thức cỡ Bertrand Russel, hay Jean Paul Sartre... cũng bị lầm bởi học thuyết Mác mà họ coi như khoa học xã hội tiến bộ.

Nhưng nếu đã hiểu thấu chủ nghĩa CS của Mác và biết rõ lý lịch của Hồ Chí Minh (như chúng ta ngày nay) thì ai cũng nhận ra ngay cái gọi là lòng ái quốc hay chủ nghĩa dân tộc của HCM chỉ là chiêu bài giả dối phát xuất từ sách lược giai đoạn - hay nói trắng ra là do âm mưu xảo trá bịp bợm - của Lênin, tác giả đề cương về chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc.

Ông Ngô Đình Diệm là người có viễn kiến chính trị và kiến thức sâu rộng về CS đã không lầm như những người khác. Ngay khi còn làm tuần vũ tỉnh Phan Thiết từ 1929 đến 1933 ông đã phải đương đầu với CS lúc ấy trong phong trào Xô Viết Nghệ tĩnh với khẩu hiệu sắt máu Trí

Phú Địa Hào đào tận gốc, trốc tận rễ. Sau này khi ông bị Việt Minh bắt giam ở Việt Bắc, rồi Hồ Chí Minh ra lệnh đưa ông về Bắc Bộ Phủ, ngỏ lời mời ông tham gia chính phủ Liên Hiệp trong chức vụ bộ trưởng Nội Vụ, ông đã nhìn thấu tâm can đối thủ và cương quyết từ chối. Ông không mắc mưu CS như các lãnh tụ đảng phái khác.

Ngay lúc ấy ông đã thấy rõ Hồ Chí Minh là kẻ thù tối ư nguy hiểm mà ông sẽ phải đối phó trong tương lai. Ông đã thấy cái chiêu bài ái quốc, chiêu bài chủ nghĩa dân tộc của ông Hồ lúc ấy lợi hại như thế nào. Và ông nhìn ra ngay chỉ có dùng chính nghĩa dân tộc và lòng yêu nước thực sự mới có thể đánh thắng CS.

Là một nhà ái quốc, ở tuổi 32 đã lên đến chức thượng thư bộ lại, tương đương với thủ tướng thời nay, ông đã không chút do dự "rũ áo từ quan" để phản đối thực dân Pháp và nhà vua. Ông đã không màng danh vọng, bổng lộc, coi vàng muôn lượng nhẹ tựa lông hồng, Ngôi báu xem nhường dép nửa đôi như lời thơ của nhà cách mạng Phan Bội Châu đề tặng ông và gọi ông là chí sĩ, vĩ nhân.

Ông từ chức không phải để cầu an, trốn tránh trách nhiệm, để rút lui về ở ẩn, trùm chăn, như nhiều người lầm tưởng. Nhưng ông đã lợi dụng thời gian không bận bịu với công danh, phú quý, để tiếp tục tranh đấu, đòi cho bằng được một nền độc lập hoàn toàn cho Tổ Quốc. Vì ông biết rõ, chỉ khi nào nước nhà có được một nền độc lập hoàn toàn thực sự ông mới có chính nghĩa để lột trần mặt nạ chiêu bài yêu nước giả dối, một thứ chủ nghĩa dân tộc giả hiệu của Hồ Chí Minh.

Với thái độ cương quyết, "tout ou rien" (hay all or nothing), ông đã cố vấn cho quốc trưởng Bảo Đại ở Hương Cảng tranh đấu với Bolaert và đích thân ông cũng tranh luận gắt gao với vị cao ủy Pháp này để đạt một nền độc lập hoàn toàn hay ít nhất cũng giống như một nền độc lập mà người Anh đã trả cho Ấn Độ và Pakistan chẳng hạn. Nhưng vì thất bại trong việc này, nên khi cựu hoàng mời ông làm thủ tướng để ký với Bolaert thông cáo chung vịnh

Hạ Long (ngày 05/06/1948) ông đã không nhận. Rồi sau đó, ngay cả khi Pháp đã nhượng bộ hơn và chính tổng thống Pháp Vincent Auriol ký với quốc trưởng Bảo Đại hiệp ước Élysée ngày 08/03/1949 trao trả độc lập rộng rãi hơn, ông vẫn không nhận lời mời của Bảo Đại làm thủ tướng. Vì ông nhận thấy độc lập trong Liên Hiệp Pháp vẫn chưa đủ uy tín cho ông có thể đương đầu với chiêu bài dân tộc của CS. Vì uy thế của Hồ Chí Minh đã được củng cố và tăng nhanh, sau cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám, rồi bản tuyên ngôn Độc Lập mà HCM đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 02/09/1945 đánh dấu ngày ra đời của cái gọi là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Lúc ấy không chỉ đa số nhân dân trong nước, mà cả phần lớn dư luận thế giới cũng cho rằng ông Hồ và đảng CS có công lớn trong việc thu hồi độc lập. Vì những bản thông cáo chung vịnh Hạ Long và Hiệp ước Élysée, tuy là những văn kiện pháp lý được quốc tế công nhận. Nhưng đối với đa số người dân và ký giả ngoại quốc nó chỉ có ý nghĩa trên giấy tờ, trên pháp lý. Còn trên thực tế thì suốt từ 1946 đến 1954 người ta chỉ thấy quân Việt Minh của họ Hồ kháng chiến chống hàng trăm ngàn quân Pháp do các tướng lãnh nổi tiếng của Pháp chỉ huy. Rất ít thấy có những trận đánh lớn với quân của Quốc Trưởng Bảo Đại. Vì vậy người ta có cớ để coi phe Quốc Gia bên cạnh quân Pháp chỉ là phản động, Việt gian.

Ông Diệm nhìn rõ điều đó. Cho nên chỉ cho đến khi Pháp đã thua rõ ràng sau trận Điện Biên Phủ và nước nhà bị qua phân, và phía người Việt Quốc Gia lâm vào tuyệt vọng, ông mới ra tay cứu nước. May là lúc ấy cũng là lúc chính phủ Laniel của Pháp vừa ký với chính phủ Bửu Lộc hiệp ước trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.



Hồ Chí Minh (1946)

Qua lăng kính chủ nghĩa Mác

không tưởng và độc hại và với nhãn quan về một cuộc chiến toàn cầu do CS phát động, ông đã nhìn rõ kẻ thù chính của dân tộc (cũng như của nhân loại) không phải người Pháp mà là Cộng Sản (3). Nhưng không dành được Độc Lập từ tay người Pháp thì sẽ không thể phá vỡ chiêu bài dân tộc của CS để chiến thắng CS. Vì vậy Pháp tuy là kẻ thù thứ yếu nhưng cần phải thanh toán trước.

Nhiều độc giả đã hỏi, tác giả có nghĩ nếu ông Diệm không bị lật và bị giết thì đã không có thảm hoạ 30 tháng Tư không? Lịch sử không có chữ nếu. Cho nên tôi chỉ yêu cầu xem kỹ hai sự kiện lịch sử đã được Nguyễn Văn Linh và Văn Tiến Dũng kể lại. Nguyễn Văn Linh, nguyên tổng Bí Thư Đảng CSVN đã thổ lộ với Neil Sheehan là một trong 3 nhà báo trẻ chuyên chỉ trích, đã kích và thoá mạ ông Ngô Đình Diệm và đã được y ghi lại trong cuốn After The War Was Over. Còn Văn Tiến Dũng (VTD) là viên tướng tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh đánh chiếm miền Nam năm 1975 thì đã đích thân ghi lại trong cuốn Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, mà chúng tôi đã dẫn chứng nơi trang 140 NĐD và CNDT, ấn bản tháng 1 năm 2009. Theo hai tác phẩm của Sheehan và VTD thì thời đệ nhất Cộng Hoà Cộng Sản đã mất từ 75 % (theo NVL) đến trên 90 % cán bộ.

Sở dĩ có được thành quả đó là nhờ miền Nam lúc ấy có chính nghĩa dân tộc. Quân Pháp đã rút hết. Dinh Norodom của Pháp đã trở thành Dinh Độc Lập. Dân chúng lại được sống trong phồn vinh, trù phú (Như đã dẫn chứng nơi trang 83-84 SĐD). Dựa vào những sự kiện thực tế rõ ràng như trên, việc thuyết phục các cán bộ CS rời bỏ hàng ngũ CS để quay về với chính nghĩa dân tộc không khó khăn lắm Và có thể quả quyết: ông Diệm đã thành công mà không cần có lực lượng võ trang hùng hậu trong việc chiến thắng CS là nhờ có chính nghĩa dân tộc và chính sách chiêu hồi sáng suốt.

Và khi ông Diệm không còn nữa và Mỹ đã tự ý đưa đại quân vào bao thầu cuộc chiến, thì cảnh quân ngoại quốc

nhan nhản trên khắp nước đã lại diễn ra. Và cảnh lệ thuộc ngoại bang mà chính quyền Bảo Đại đã phải chịu, lại tái phát. Do đó chiêu bài ái quốc giả dối của HCM lại có dịp thắng thế một lần nữa cho đến khi CS chiếm trọn miền Nam.

Nam Cali 01/06/2009

Nguồn: www.dcvonline.net/php/modules.php?name=News&file=print&sid=6365

---

(1) Sự kiện này đã được ông Diệm tiên liệu từ những năm 1947-1948 và nói trước với ông Hồ Sỹ Khuê và được ông này ghi lại trong tác phẩm Hồ Chí Minh Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (trang 164) và được Minh Võ trưng dẫn nơi trang 241 cuốn Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc:

"Ông Diệm bảo tôi:... Thành ra nguy cơ không phải là óc ly khai của người Nam Kỳ. Nguy cơ là Cộng Sản. Pháp là vấn đề giai đoạn. Cộng Sản mới là vấn đề tâm huyết và dài hạn. Pháp thắng hay bại trong cuộc chống Việt Minh vẫn phải đi đến chỗ công nhận Việt Nam độc lập. Điều quan trọng là buộc họ phải trả chủ quyền trong tay chúng ta (trong tay ông Diệm)."

Những gì ông Diệm đã làm trong một năm khi mới về nước đã buộc Pháp trả độc lập hoàn toàn trong tay ông Diệm, Vì hiệp ước 4-6-1954 dầu sao cũng chỉ là trên giấy tờ. Để cụ thể hoá nó và biến nó thành hiện thực ông đã phải vượt qua vô vàn khó khăn và tranh đấu cam go mới đạt được.

(2) Đây chỉ là một phần bổ túc và quảng diễn thêm về 1 điểm của bài trước, Mối nguy của dân tộc. Vì vậy mong độc giả đặt bài này vào khuôn khổ bài trước để có một cái nhìn tổng quát và đầy đủ hơn.

(3) (Xin xem NDD và CNDT lần tái bản trang 241, cước chú 4).

Minh Võ



Bài xướng của Tôn Thất Xứng K1

Huế Hạ Huyền

Mấy thập niên rồi anh ở mô!
Tây Âu, Bắc Mỹ hay Trung, Sô
Từ khi nước mất anh phiêu bạt
Chưa một lần về thăm Cố Đô

Nhớ Huế không anh mỗi độ hè!
Ve sầu điệp khúc giọng buồn thê
Khói sương Vĩ-Dạ mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có trọn thề

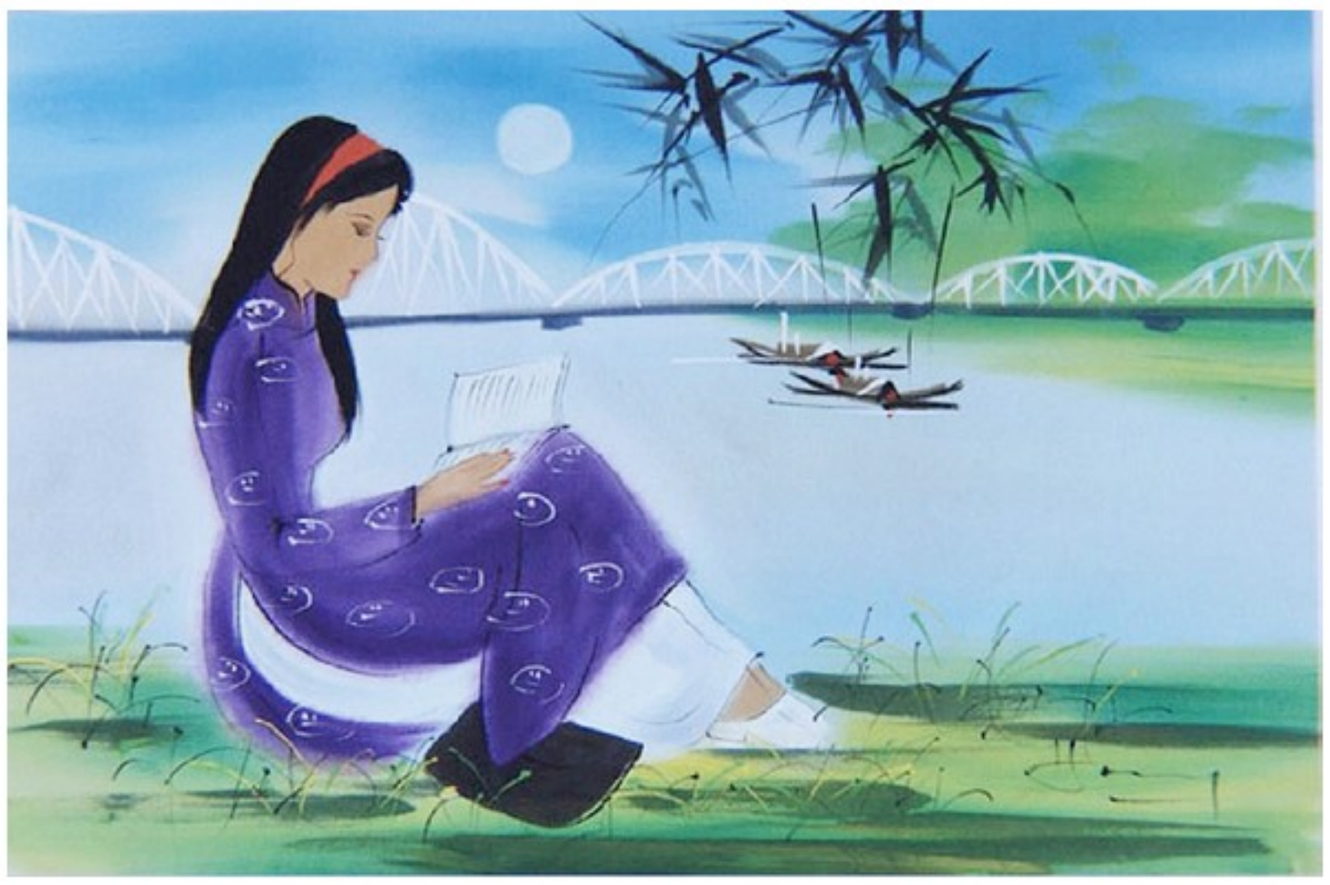
Và những ngày thu đẹp tuyệt vời
Sông Hương nước biếc lững lờ trôi
Thuyền trăng em gái buôn trăng hát:
Trăng bán, ai mua, hỏi chợ trời

Chẳng hẹn hò mà ta gặp nhau
Tưởng như gió thoảng nước qua cầu
Ngờ đâu cái phút ban đầu ấy
Là cả trăm thương vạn cổ sầu

Là để suốt đời sống mộng mơ
Tóc huyền trinh nữ dệt thành thơ
Nắng chiều âu yếm hôn đôi má
Chinh chiến người đi kẻ đợi chờ

Bỏ lại hoa tàn cánh bướm nghiêng
Hoàng thành lạnh lẽo bước chân tiên
Giang đầu ngư phủ buông câu đợi
Còn nhớ không anh Huế Hạ-Huyền?

Tôn Thất Xứng (K1) - Montreal, 06/11/2001



Bài họa của Khiết Châu Nguyễn-Huy Hùng K1

Trăng Tròn Bến Ngự

Mặt Thái Bình Dương sóng mấp mô,
Ánh trăng từng đợn gió dồn xô.
Buồm đơn nghiêng ngả thuyền phiêu bạt,
Lữ khách nhìn trời vãng Cố Đô.

Thuở ấy ra đi mới chớm hè,
Quê hương tang tóc sầu lê thê.
Chiến tranh khói lửa tràn sông núi,
Oan nghiệp sầu vương mái tóc thề.

Thầm trách Ông Xanh khéo vẽ vời,
Bầy chi giông tố cảnh bèo trôi.
Gió mây tan hợp tình dâu biển,
Cô quạnh buồn tênh, Trời hỡi Trời!

Bão, hạn, qua rồi lại gặp nhau,
Ánh trăng vằng vặc rọi tinh cầu.
Duyên nồng quyện gió tràn đất nước,
Nối lại tình thương giã biệt sầu.

Trăng lại tròn vo bao ước mơ,
Bên nhau lưu luyến gợi hồn thơ.
Hương yêu sưởi ấm hồng đôi má,
Khẩy khúc tình ca luống đợi chờ.

Bến Ngự mơ màng trăng chiếu nghiêng,
Lung linh sóng vỗ mạn thuyền tiên.
Hương tình ngào ngạt vương vương gió,
Thi tứ trào dâng ánh mắt huyền.

California, 24/10/2006



Để Nhớ Mãi Những Năm Dài

Tôi, Người tù cuối thế kỷ hai mươi
Đời gọi tôi, Người tù không bản án
Là kẻ thù của Cộng đảng hôm nay.

Có lẽ, giờ đây trên trái đất nầy
Những xiềng xích được xem như lạc hậu,
-gông cùm, khổ sai được xem như tội lỗi.
Nhưng, trên quê hương tôi,điều ấy rất bình thường.
Như những sớm mai người chết đói ven đường
Đàn bé gầy gò kiếm ăn trong gía rét.
Trên đường khổ sai, hằng ngày tôi vẫn gặp
Mẹ già, em thơ gồng gánh trĩu nặng thân người
Mà mẹ vẫn đi trầm lặng, cuối đầu
Như cam chịu một kiếp đời nô lệ!
Tôi xót thương mình ít hơn thương mẹ.
Trên quê hương tôi hôm nay là thế
Tình cảm, yêu thương lịm chết trong người.
Tội lỗi vì ai? Tội lỗi do đâu?
Để từng đêm mẹ tôi khóc, mẹ tôi sầu
Cha tôi tuổi già, già thêm vì nhớ
Đàn em nhỏ lớn lên trong khiếp sợ

Người tôi yêu lạc lỏng cả đường mơ.

Tôi, Người tù cuối thế kỷ hai mươi
Trên chính quê hương tôi,
Nơi có rừng vàng, biển bạc, núi đồi
Có những giòng sông vui mùa lúa chín
Sao hôm nay lại hằn trên da thịt
Vết chém chưa khô lửa bốc hận thù
Cho hai miền hai cuộc sống âm u
Cho những giòng sông không về một hướng.
Cho biển thét gầm, Trường Sơn lay động
Sáu mươi triệu trái tim hòa cùng nhịp đập
Quyết đứng lên đòi quyền sống con người.

Tôi, Người tù cuối thế kỷ hai mươi
Trên chính quê hương tôi,
Nơi đã cho tôi tiếng khóc chào đời.
Nơi tôi học tiếng ê, a... lần thứ nhất
Nơi đã dạy tôi thế nào là chân thật
Mà giờ đây bỗng lạ cả trong mơ
Hôm nay trong tôi chua xót vô bờ
Mang trên da khô người tù không bản án!

Biết đến bao giờ tình người thắp sáng
Thức dậy bạo quyền giấc ngủ u mê
Đoàn tù khổ sai hát khúc ngày về
Trên đường tự do ngợi ca sự thật
Cho dân tôi thấy đâu dạ thú mặt người
Cho Quê Hương có lại mảnh trời vui
Đàn bé lớn khôn ngày dài hạnh phúc.

Sông Thu - (Hoàng Liên Sơn 07/1976)

Mặt Trận Thường Đức

(Trích Đời Chiến Binh của Trương Dưỡng K20)

Đồi 1062

Đồi "Một không sáu hai"
Nhiều mìn bẫy chông gai!
Cộng quân kiềng chốt sẵn
Lính Dù quyết ra tay!



Trương Dưỡng K20/TVBQGVN

... Các chiến sĩ hai trung đội đột kích của TĐ1ND đã gặp sự kháng cự phản công quá mãnh liệt, quân số địch rất đông. Địch định lấy thịt đè người; từ đỉnh cao, khe núi, và các địa đạo trong rừng cây ùa ra như đàn ong vỡ tổ! Binh sĩ Dù ria bắn không nghỉ tay. Trước khi gần hết đạn, Quang có gọi Thiếu Tá Quý phải kêu pháo binh bắn đạn nổ chụp ngay trên đầu thí quân, quyết liều sống chết với quân CSBV một phen; vì ta và địch lẫn lộn, không còn cách chọn lựa nào khác. Các đạn pháo CVT đã sát hại 10 phần địch và 3 phần quân bạn! Nhờ vậy các chiến sĩ ĐĐ11 được giải tỏa, xác địch và ta nằm ngổn ngang trên đỉnh đồi 1062.

SƠ LƯỢC DIỄN TIẾN

Vào mùa thu năm 1974, áp lực địch tại Vùng I Chiến Thuật gia tăng khủng khiếp. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn đã họp các Tư Lệnh quân, binh chủng bàn kế hoạch phòng thủ cuối cùng trên toàn Quân Khu I (QK). Đặc biệt những điểm "nóng" như Huế, Chu Lai, và Đà Nẵng, bản doanh của Quân Đoàn I.

Tại mặt trận Thường Đức, Sư Đoàn (SĐ) Dù đã chiến thắng vẻ vang trên ngọn đồi 1062. Nữ tướng Nguyễn Thị Định hiên ngang tuyên bố sẽ vào Đà Nẵng như chỗ không

người. Lời tuyên bố ngạo mạn đó đã bị các chiến sĩ dũng cảm Nhảy Dù (ND) xóa sổ và niêm phong. Viên tư lệnh lực lượng Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) tại Thường Đức phải mất chức do bị thiệt hại nặng nề.

Trong suốt năm tháng miệt mài quần thảo với dân chơi Hồ Gươm BV, các chiến sĩ Dù chưa từng thấy chiến trường nào mà quân Cộng Sản lại làm hầm hố vô cùng kiên cố như mặt trận Thường Đức. Những hầm chữ A để chống bom được đào sâu như những giếng nước, hoặc làm dưới những khe suối được che chở bằng vách đá và cây rừng cổ thụ. Đường giây điện thoại chằng chịt như mạng lưới điện thoại ở thành phố Sàigòn. Mọi sự liên lạc vô tuyến hạn chế để tránh bị ta phát giác. Tuy nhiên, phòng truyền tin của Sư Đoàn Nhảy Dù (SĐND) cũng đã bắt được những mật điện quan trọng của địch, và đã giải hóa một cách dễ dàng. Nhờ vậy ta đã biết được kế hoạch điều quân của các lực lượng tham chiến CSBV tại Thường Đức.

Các chiến sĩ Dù đã quần thảo với địch trên những đỉnh núi cao liên tục không giây phút ngừng nghỉ. Miền rừng núi trùng điệp, hiểm trở, và cao chất ngất không làm sờn lòng chiến đấu của những chiến sĩ trẻ ND. Tuổi đời đầy nhựa sống yêu đương, nhưng họ nào sá chi tấm thân nam nhi, từ bỏ những vui chơi nhộn nhịp, để một lòng bảo vệ non sông, cho đồng bào miền Nam được thở không khí Tự Do và Thanh Bình.

Từ chân núi nhìn lên đỉnh cao vời vợi, người chiến sĩ Dù nghĩ đến sự tiếp vận khó khăn của địch và ta, một bịch gạo, một băng đạn, được chuyển vận thật là cả một vấn đề, thật gay go, gian nan, và khổ cực (phải dùng dây kéo lên). Nhất là nước đâu để có thể nấu ăn trên những rặng núi cao ngất từng mây.

Những khó khăn về địa hình địa vật cho trận chiến, tuy nhiên, đã có bài toán giải đáp do thiên nhiên tạo ra. Thật thơ mộng, thật trữ tình, những thác nước cuồn cuộn ngày đêm như dâng hiến cho người chiến sĩ Dù trầm mình thoải mái sau những phen đụng độ nẩy lửa với quân thù. Họ đã ngồi lại từng giờ để thả hồn theo bọt nước bắn tung lên không gian, như những hạt kim cương đang vờn giỡn với

lính chiến hoa Dù. Thiên nhiên đã giàu sang hóa đời người chiến sĩ. Họ có cả một vũ trụ bên mình!

Năm 1973, sau khi Hiệp định Đình chiến được ký kết tại Paris; chiến cuộc Việt Nam tạm ngưng, 2 SĐ tổng trừ bị (ND và TQLC) vẫn còn lưu giữ tại QK I. Lấy quốc lộ I làm ranh giới; SĐND trấn giữ phía Tây, dọc theo hành lang dãy Trường sơn, và trách nhiệm luôn phần bảo vệ an ninh quốc lộ I, từ cây số 17 ra tới bờ sông Thạch Hãn (Quảng Trị). SĐ TQLC trấn giữ phía Đông, từ quốc lộ I ra đến bờ biển, đến tận cổ thành Quảng Trị ở phía Bắc. Các đơn vị thuộc SĐND chiếm những cao địa, tiến sâu vào dãy Trường Sơn gần các căn cứ Ann (Động Ông Đô), Barbara (đã giành lại được trong cuộc tổng phản công Tái chiếm Quảng Trị). Đây là 2 căn cứ chiến thuật chế ngự toàn vùng hành quân.

Từ Nam cây số 17 (căn cứ Hiệp Khánh, BTL/SĐND) là trách nhiệm của các đơn vị cơ hữu thuộc QĐ I:

SĐ 1 Bộ binh trấn đóng ở phía Bắc đèo Hải Vân; phía Nam là trách nhiệm của SĐ3BB và SĐ2BB. Cả hai khu vực Bắc và Nam Hải Vân đều có các đơn vị Biệt Động Quân, Địa Phương Quân...

Đối diện với SĐND là SĐ 325 Trị Thiên. Gọi là SĐ Trị Thiên thực ra bộ đội của SĐ nầy rất trẻ và nói toàn vọng Bắc. Tình hình tổng quát tại QK I lúc nầy tương đối yên tĩnh.

Vào những tháng cuối năm 1974, sau khi trao đổi tù binh với Mỹ đã xong, CSBV bắt đầu vi phạm mạnh Hiệp định Ba Lê 27/1/1973, thực hiện ý đồ xâm lăng thôn tính miền Nam bằng võ lực. Qua các cuộc trắc nghiệm xem phản ứng của Hoa Kỳ bằng cách vi phạm Hiệp ước, địch đánh chiếm thị trấn Phước Long (cuối năm 1974) và một số thị trấn thuộc QĐ III. Thấy Hoa Kỳ không có phản ứng gì, CSBV bắt đầu tung các đơn vị chủ lực vào cuộc xâm lược miền Nam Việt Nam. bộ binh, pháo binh, cơ giới... địch ngang nhiên di chuyển hàng hàng lớp lớp giữa ban ngày, không cần ngụy trang ẩn nấp như xưa.

Cộng Sản Bắc Việt mở mặt trận lớn đầu tiên tại Vùng I Chiến Thuật, với ý đồ cầm chân các đơn vị thiện chiến Tổng Trừ Bị của ta. Hai SĐ chủ lực 304 và 324, cùng các

Tr/Đ Pháo, chiến xa... của địch bất thần đánh chiếm quận Thường Đức thuộc tỉnh Quảng Nam. Là một điểm chiến lược vì địa thế núi rừng hiểm trở dễ thủ khó công, Thường Đức ở phía Tây Nam Đà Nẵng khoảng 50 cây số, và phía Tây giáp với Lào, nơi có đường mòn Hồ chí Minh, phát xuất từ Nghệ Tỉnh, dọc theo biên giới Hạ Lào, chia nhánh rẽ qua Lao Bảo, Khe Sanh, Ashau, Thường Đức, Kontum... chạy dài theo QL 14 xuống Nam tới Bình Long, Tây Ninh. Cộng quân ngày đêm chuyển vận quân dụng tiếp tế cho mặt trần Thường Đức nầy. Trong vòng 2 năm, sau hiệp định Ba Lê, địch đã không ngừng tu bổ đường mòn và biến thành "xa lộ không đèn", bề rộng mặt đường hơn 10 thước, xe chạy hai chiều. Ngoài ra Cộng quân còn lập hệ thống dẫn dầu từ Bắc vào đến tận Lộc Ninh. Địch cũng đã tăng cường chuyển vận bộ đội chính qui, vũ khí, và chiến cụ vào miền Nam gấp nhiều lần so với lúc trước. Tình hình QK I đổi khác ngay vào cuối năm 1974; áp lực địch gia tăng mạnh mẽ ở phía Nam đèo Hải Vân.

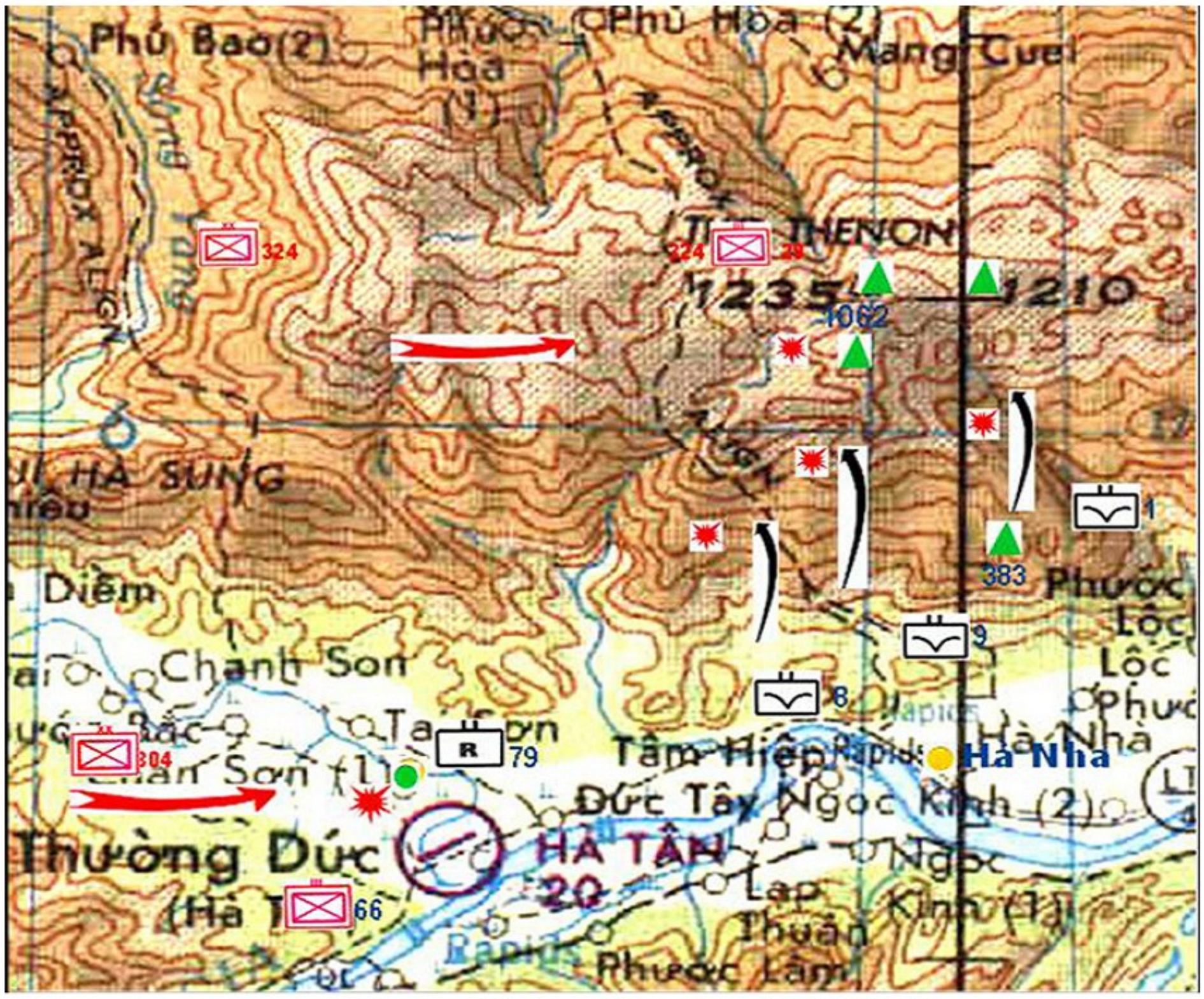
Ngày 8/8/1974, Lữ Đoàn 1 ND (LĐIND) cùng 3 TĐ trực thuộc vào vùng hành quân ở Đại Lộc thuộc Đà Nẵng, trước đó một ngày, TĐ 79 BĐQ bị quân Cộng sản Bắc Việt gây áp lực nặng nề tại vùng trách nhiệm ở quận lỵ Thường Đức.

Ngày 11/8/74,LĐ3ND được lệnh cùng 3 TĐ di chuyển bằng phi cơ xuống phi trường Đà Nẵng sau khi bàn giao khu vực trách cho Liên Đoàn 15 BĐQ. Bộ tư lệnh SĐND đặt bản doanh tại gần bờ biển Non Nước, phía Đông thành phố Đà Nẵng.



Một dãy núi cao chạy dài từ sông Vu Gia và Liên tỉnh lộ 4 về phía Bắc, những ngọn đồi thấp ở phía Nam của dãy núi nầy đã bị Tr/Đ 29 CSBV chiếm giữ, mà đã ngăn chận mọi tiếp tế của đơn vị Biệt Động Quân xuyên qua đèo Thường Đức.

Điểm cao nhất (1235) của dãy núi nầy cách TL4 khoảng 6 cây số về phía Bắc, và đỉnh 1062 ở phía Nam của 1235



Mặt trận Thường Đức ngày 18/08/1974

khoảng 2 cây số; địch quân đã chiếm đỉnh nầy để có thể quan sát đoạn đường từ Đại Lộc đến Thường Đức, và địch đặt tiền sát viên điều chỉnh pháo binh bắn chính xác vào khu dân cư và các đơn vị bạn ở Đại Lộc. Nhiệm vụ của các đơn vị ND là phải chiếm đỉnh đồi 1062 và các cao điểm phía Nam tới TL4. Để giải tỏa sự hâm dọa tấn công các vùng phía Tây Đà Nẵng, Lữ Đoàn 3 ND được giao phó nhiệm vụ ngăn chận địch xâm nhập vùng quận Hiếu Đức.

Ngày 18/8/1974, 3 TĐ 1, 8, và 9 ND vừa vượt tuyến xuất phát thì đã chạm trán với những đơn vị thuộc Tr/Đ 29 CSBV ở phía Đông Đồi 52 (xã Hà Nha), chính nơi đây SĐ 3 Bộ Binh đã phải rút lui chiến thuật do áp lực địch quá đông đảo và vũ khí tối tân hơn! Sau một tháng đánh nhau với 3 TĐ Dù, hai bên đều bị thiệt hại nặng nề (địch bị nhiều gấp 4 lần ta). Mặt trận B3 ra lệnh Tr/Đ 31 thuộc SĐ 2 CSBV tới Thường Đức để tiếp ứng cho Tr/Đ 66 của SĐ304 CSBV. Như vậy Tr/Đ 66 có thế giúp đỡ Tr/Đ 29, để họ rảnh tay tấn công các đơn vị ND.

Đầu tháng 9/1974, Tr/Đ 24 của SĐ Điện Biên 304 CSBV cũng nhập vào trận chiến, cuối cùng ngày 19/9/1974,

LĐIND báo cáo đã chiếm được đỉnh 1062. Trong khi quân ta đã làm chủ 1062 hơn 2 tuần lễ thì Tr/Đ 66 CSBV hợp với Tr/Đ 29, và Tr/Đ 24 (-) định dùng quân số đông để áp đảo LĐIND. Vào ngày 2/10/1974, TĐ2 và 9 ND đang lục soát ở khu vực 1062 và dãy Sơn Gà, khám phá ra khoảng 300 xác địch trên đỉnh 1062 trong giai đoạn 1 nầy, và bắt sống được 7 tù binh thuộc SĐ 304 CSBV, tức SĐ Điện Biên, SĐ thiện chiến hàng đầu của tướng CSBV Võ Nguyên Giáp.

Suốt mấy tuần sau, các chiến sĩ Dù đã chống trả nhiều cuộc tấn công của SĐ 304, địch định giành lại 1062. Bởi sự điều khiển phi pháo tài tình của các sĩ quan chỉ huy ND, nên các đơn vị Dù vẫn giữ vững 1062 mặc dầu địch đã pháo kích mãnh liệt rồi dùng chiến thuật biển người thí quân định tràn ngập 1062. Một trường hợp ngẫu nhiên, khi Tr/Đ 24 CSBV đang xâm nhập vào vùng tử địa (hỏa tập tiên liệu) ở dọc theo đồi 383 và 126 thì bị hỏa lực tập trung của pháo binh ta đồng loạt khai hỏa gây 250 địch quân bị thiệt mạng. Tính đến trung tuần tháng 10/1974, sau gần 2 tháng quần thảo với hai SĐ2 và 304 CSBV, LĐ1ND gồm 4 TĐ tham chiến bị tổn thất vừa chết và bị thương khoảng 500 chiến sĩ! Địch bị thiệt mất trên 1200 người và 14 tù binh.

Ngày 29 tháng 10 năm 1974, Tr/Đ 24 CSBV, sau khi được tái bổ sung và tái trang bị, đã mở một cuộc tấn công khác vào đỉnh 1062, địch dùng súng phóng hỏa "Đốt" 1062, khiến các lực lượng Dù phải rút khỏi đỉnh đồi nầy!

Ngày 1/11/1974, đồi 1062 lại một lần nữa bị địch chiếm giữ!

Trong khi ở Bắc Hải Vân, áp lực địch rất nặng vì quân Dù bị rút đi, Trung Tướng Trưởng không chấp thuận đề nghị kéo quân Dù về bảo vệ Bắc Hải Vân, ông còn lệnh cho tướng Lê Quang Lưỡng phải lấy lại đồi 1062 với bất cứ giá nào. Cuộc phản công bắt đầu vào ngày 8/11/1974, và chỉ 3 ngày sau, lực lượng Dù đã chiếm lại đồi 1062. Quân ta thành lập tuyến phòng thủ trên các triền núi, đập tan những toán đặc công cuồng tín định quấy phá quân Dù, khoảng 20 tên đã bị Trinh Sát Dù hạ thủ.

Dẫu cho cuộc giằng co giữa hai bên còn kéo dài thêm vài tuần nữa, lực lượng Dù tiếp tục bung rộng vùng kiểm

soát, cuộc chiến đấu đẫm máu nhất từ ngày ký Hiệp Định ngừng bắn coi như chấm dứt. SĐ Dù đã hy sinh gần 500 chiến sĩ, và khoảng 2000 bị thương. Địch quân chết 2000 và bị thương 5000 người (Col. William E. Le Gro trong "Vietnam from Cease-Fire to Capitulation").

Bảy TĐ Dù (trong 9 TĐ) đã lâm chiến suốt 3 tháng, với 3 TĐ đánh thẳng vào mục tiêu chính là đồi 1062, các TĐ còn lại hoạt động xung quanh vùng hành quân để bảo vệ an ninh hậu tuyến và làm lực lượng trừ bị, sẵn sàng thay thế các lực lượng chính. Và bởi trung tuần tháng 10/74, 6 TĐ đã lần lược ngự trị ngọn đồi máu 1062 nầy, địch đã dòm ngó quân Dù trên đỉnh 1235, nhưng Tướng Lưỡng không đủ lực lượng để kiểm soát luôn dãy đồi cao nầy, đồng thời địch vì tiêu hao quá nhiều nên cũng không dám trở lại tấn công đơn vị thiện chiến của SĐND. (Th/Tá Võ Văn Huệ, K20ĐL, khi ở Đà Nẵng, một cai tù CS hỏi: "Lính gì mặc áo rằn ri đánh ở trận Thường Đức sao liều mạng, hăng máu, và dữ tợn quá vậy?" Huệ trả lời: "Đó là lính ND!").

Vào cuối năm 1974,chỉ còn TĐ1ND và TĐ7ND ở lại giữ vùng 1062 nầy, họ đặt BCH tại đỉnh Đông Lâm, khoảng 4 cây số phía Đông 1062. Mùa mưa đến, cả hai bên cần thời gian để chuẩn bị cho mùa khô kế tiếp.

DIỄN TIẾN CHI TIẾT

Cộng quân tấn chiếm các xã, quận, và căn cứ quân sự của ta ở Quảng Nam, Đà Nẵng, và Quảng Ngãi.

Sự việc mất các đồn lũy xảy ra Thượng Xuyên; câu nói thông Thượng lúc bấy giờ là "mất liên lạc": Quận A "mất liên lạc"; đồn B "mất liên lạc"...

Mất liên lạc cũng đồng nghĩa với "di tản chiến thuật" của hồi mùa hè đỏ lửa năm 1972; và mọi người đều hiểu quân ta đã rút lui và địch đã chiếm mất rồi!!! Ngay cả khu đồng bằng Quảng Đà, nơi có bản doanh Quân Đoàn I và phi trường lớn Đà Nẵng cũng bị lay động, lâm nguy!

Quận lỵ Thường Đức "mất liên lạc", phi trường Đà Nẵng và bản doanh Quân Đoàn I thường xuyên bị pháo kích. Các đơn vị địa phương (SĐ1BB, SĐ2BB, ĐPQ, NQ) hầu như bị địch bao vây tấn công tràn ngập và bị mất liên lạc nhiều nơi. Áp lực địch nặng nề đến nỗi dân Đại Lộc đã phải gồng

gánh, bồng bế nhau chạy ra thị xã Đà Nẵng. Đức Tổng Giám Mục Phạm Ngọc Chi đã có lần tâm sự với các quân nhân SĐND như sau:

- Tình hình tại đây làm cha lo quá; mất xã, mất quận, và mất các cứ điểm quân sự hầu như xảy ra liên tục; cho đến cả Đà Nẵng cũng bị pháo kích nữa! Giống như ngày xưa, lúc cha còn ở Bùi Chu chuẩn bị dìu dắt giáo dân vào Nam. Chỉ khác một điều là khi xưa đất nước mình còn có miền Nam để vào, chứ bây giờ thì chạy đi đâu? Lo âu, sầu não đè nặng tâm tư, cha chỉ còn biết cầu nguyện!

Ngay khi hay tin Thường Đức bị thất thủ, Tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh chiến trường vùng hỏa tuyến, đã biết rõ ý đồ của địch. Ông cho rằng chúng định lợi dụng địa thế hiểm trở chiến lược của vùng rừng núi trùng điệp xung quanh đồi 1062 để bày binh bố trận (chiến xa, biển người, và trận địa pháo), thách đố và cầm chân các đơn vị thiện chiến Tổng Trừ Bị. Do đó, Tướng Trưởng đã cho lệnh di chuyển pháo binh nặng của QĐ I, gồm các pháo đội đại bác 175 ly và 155 ly tới Đại Lộc, gần Thường Đức; đồng thời điều động 2 lữ đoàn Dù (-) vào tăng cường nhằm thanh toán 2 SĐ chính qui CS Bắc Việt. Đây là trận đánh đẫm máu lớn nhất giữa ta và địch kể từ khi có hiệp định ngưng bắn Ba Lê 27/1/1973!

Vào thời điểm 1973-1974, biết mình không còn là lực lượng trừ bị để phản ứng khi cần; Tướng Lê Quang Lưỡng, Tư lệnh SĐND đã tâm sự với các sĩ quan tham mưu: - Lực lượng mình đang bị cầm chân dọc theo dãy Trường Sơn (Barbara, Ann, Mỹ Chánh...); bây giờ nếu địch tấn công và chọc thủng phòng tuyến, tràn theo hành lang sông An Lỗ vào đồng bằng Trị Thiên. Anh em mình chắc chỉ còn đường ra biển!! Mối lo không có lực lượng trừ bị là một dằn vật thường trực với vị tư lệnh trẻ tuổi nầy.

Quả vậy, đấy chỉ là nói giả dụ tới việc địch tấn công vào khu vực trách nhiệm của SĐND thôi; nếu địch thọc sâu cắt đứt đèo Hải Vân làm cho Nam, Bắc Hải Vân không còn tiếp ứng được cho nhau nữa thì sẽ ra sao? Chắc ước tính của QĐ I là: cuộc tấn công sắp tới của địch sẽ theo trục Bắc - Nam giống như mùa hè đỏ lửa năm 1972. Do đó, Quân Đoàn đã

dồn nỗ lực đào hầm, đặt chướng ngại vật chống chiến xa ở bờ Nam sông Mỹ Chánh, chuẩn bị phòng thủ rất chu đáo. Riêng tướng Lưỡng và bộ tham mưu SĐ không đồng ý như vậy. Cuộc tấn công lần nầy của địch chắc không tốn kém, hao tổn sức lực như năm 1972, mà chúng chỉ cần chọc mũi dùi thật lẹ và mạnh từ Tây sang Đông, cắt đứt khu vực QĐ I làm đôi ở đèo Hải Vân thì sẽ dụ lực lượng trừ bị tới giải tỏa như vậy coi như một chiến thắng đáng kể của chúng rồi! Với mối lo âu ấy, làm sao có được trong tay lực lượng trừ bị khá mạnh để có thể phản ứng ngay khi tình hình đòi hỏi? Và sau đây là kế hoạch để có quân trừ bị của SĐ Dù:

Giảm quân số tại hậu cứ, các văn phòng, các đơn vị hành chánh, yểm trợ tiếp vận, và ngay cả trung tâm huấn luyện cũng phải giảm bớt để dồn ra vùng hành quân. Chuyển 2000 thặng số quân y cho bệnh viện Cộng Hòa quản lý (nhờ vậy ta có thêm 2000 quân để bổ sung và tăng cường). Tại khu vực hành quân, các TĐ cũng trích quân số để lập thành những ĐĐ đặc biệt.

Bộ chỉ huy LĐ2ND được chỉ định huấn luyện kỹ thuật Tác chiến (từ quy ước tới không quy ước), ngay cả kỹ thuật đặc công, và được mang danh hiệu là các "Đại Đội Đa Năng".

Việc thành lập và huấn luyện các ĐĐ Đa Năng nầy làm các ông trong tòa Đại Sứ Mỹ quan tâm, thắc mắc nhiều. Các phái đoàn tùy viên quân sự ngoại quốc tới thăm SĐND đều đặt câu hỏi về đơn vị đa năng:

* Ngân sách nào để thành lập?
* Lập các đơn vị nầy để làm gì?
* Có bao nhiêu đơn vị đa năng?
* Ở cấp nào? Đại đội hay tiểu đoàn?
* Tại sao lại gọi là Đa Năng?

Ban tham mưu SĐ đã được Tướng Lưỡng ra lệnh cứ giải thích cho họ biết. Chính phủ và quân đội không mất đồng xu nào để có được các đơn vị nầy, kể cả trang bị... Tất cả đều nằm trong phương trinh như x = a+b+c; và chúng tôi có 12 ĐĐ đa năng trong SĐND; nếu gọi các đơn vị nầy là "d" thì a+b+c+d cũng vẫn bằng x thôi. Và cuối năm 1973, SĐND đã có trong tay 12 ĐĐ đa năng dùng làm trừ bị. Lúc

cần thành lập TĐ, lực lượng nầy sẽ là 3 TĐ hay một lữ đoàn trừ bị. Với lực lượng đa năng nầy, vùng đóng quân của bộ chỉ huy và bản doanh SĐ có thêm sự an toàn; có thể dẹp yên mọi quấy rối của địch; kể cả du kích ở hậu tuyến. Tình hình tổng quát vào thời điểm giữa năm 1974: tình hình Bắc Hải Vân tương đối yên tỉnh, trong khi vùng Nam Hải Vân rất sôi động và nguy ngập.

Thượng tuần tháng 7/1974, SĐND nhận được lệnh khẩn cấp từ QĐ I: "Đưa ngay lực lượng ND vào Quảng Đà; chỉ để lại một Lữ Đoàn (+) ở Bắc Hải Vân cho dân chúng khỏi hoang mang rúng động".

Tướng Lưỡng lệnh cho SĐ(-) gồm LĐ1 và LĐ3 vào Đà Nẵng; trước khi đi ông nói với ban tham mưu: "Mình sẽ vào Đại Lộc; lấy được quận Thường Đức địch sẽ đánh thẳng vào Đà Nẵng!"

Chỉ tay vào bản đồ Tướng Lưỡng nói tiếp:

- Sau khi các bộ phận của mình đã vào tuyến xuất phát, ta sẽ cho nỗ lực chính tiến theo đường đỉnh dãy núi Sơn Gà; rồi trực chỉ Thường Đức. Nỗ lực chính sẽ là LĐ1ND. Trong khi đó LĐ3ND lục soát xung quanh thung lũng Đại Lộc, và làm thành phần trừ bị sẵn sàng tiếp ứng cho LĐ1ND.

Tình hình địch lúc bấy giờ là SĐ 324 đang chiếm đánh Thường Đức. LĐ2ND và một TĐ Đa Năng ở lại trấn giữ Bắc đèo Hải Vân. Trên phương diện tình báo, khi các cánh quân ND tới tuyến xuất phát; kiểm thính qua giàn máy vô tuyến điện báo của SĐ; bất ngờ vào đúng tần số liên lạc của đối phương. Nghe chúng báo cáo với nhau như sau: "Ngụy Dù đang ở Tây Đại Lộc... TĐ1ND tại xã... TĐ9ND đang di chuyển từ A... tới C... TĐ8ND đang ở làng...".

Báo cáo của địch rất chính xác về vị trí của các đơn vị Dù. Đ/Úy Phước, sĩ quan truyền tin SĐND, ngoài đặc tính siêng năng, cần mẫn, và cẩn thận, anh còn rất thích thú dò tìm tần số liên lạc của địch. Khi những báo cáo của địch ngưng, anh lại rà máy tìm ra địch ở tần số khác và tiếp tục nghe được các báo cáo của chúng về ND.

Biết được như vậy, Tướng Lưỡng sửa đổi kế hoạch, cho lệnh Lữ Đoàn 1 cứ để các TĐ chính ở chỗ mà địch đã biết, ông tung các ĐĐ Đa Năng 19, 21, 27 bất ngờ tấn chiếm các

cao điểm; di chuyển về trái, tiến sâu về phải... Cứ hoán chuyển vị trí liên tục cho đến khi tới sát được Thường Đức... Và các báo cáo của địch sau nầy cho thấy có sự bỡ ngỡ, hoang mang! Nghe địch hỏi nhau là các đơn vị của Dù hay của các đơn vị khác tới tăng cường?

Hết lệnh cho các ĐĐ Đa Năng 19, 21, 27 lại đến lệnh cho Đa Năng 1, 2, 3... tung quân đột kích nhiều hướng. Thế là địch không còn báo cáo chính xác vì sự biến hóa linh động của các đơn vị Dù. Trận đánh đẫm máu, lớn nhất giữa ta và địch kể từ khi có Hiệp Định ngưng bắn 27/1/1973, khi LĐ1ND và các đơn vị tăng cường xuất trận vào thay thế Tr/Đ 2 của SĐ3BB.

Ngay khi đoàn xe chở quân vừa tới làng Hà Nha 1 ở dưới chân núi cách Thường Đức 10 cây số về hướng Đông, Cộng quân đã pháo kích "chào mừng" bằng nhiều loạt đạn khác nhau. Một số dân chúng chạy theo lính Địa Phương Quân, thấy ND đến liền ngừng lại. Một niềm tin mãnh liệt chợt bừng lên đối với những người dân khốn khổ sống trong vùng rừng núi hoang vu nầy. Đi đâu thì cũng "đất cày lên sỏi đá!" Họ chỉ có một hy vọng nhỏ nhoi là trở lại sinh sống trong những căn nhà tranh với những luống ngô khoai bên triền núi cao, mà họ đã đổ mồ hôi canh tác trong nhiều tháng qua!

Tr/Tá Nguyễn Văn Đỉnh, K15 ĐL, Lữ Đoàn Trưởng LĐIND, một sĩ quan trẻ tuổi tài ba; anh từng lập nhiều chiến tích trong SĐND, trận Đại Bàng 800, trận Mậu Thân, trận Hạ Lào, hành quân tái chiếm Quảng Trị... nhất là trận Bình Long, An Lộc, anh đã chỉ huy TĐ6 ND đổ bộ trực thăng vào Đồi Gió, sau đó đã mở đường máu từ Tân Khai, Xa Trạch, lên Xa Cam bắt tay với TĐ8 ND trong thị xã An Lộc.

Trong giai đoạn I, Tr/Tá Đỉnh ra lệnh cho TĐ8 ND dọc theo TL4 chiếm làng Hà Nha và bảo vệ cánh trái. ĐĐ 83 của Đ/Úy Hiệu được lệnh đánh chiếm 2 làng Hà Nha 1, Hà Nha 2 để giải tỏa đồn Địa Phương Quân, cứ điểm cuối cùng của lực lượng phòng thủ trong quận Đại Lộc nầy. Khi vừa gần tới bờ làng thì gặp sự kháng cự mạnh mẽ của địch. Hiệu thấy đơn vị vừa mới xuống xe, binh sĩ chưa ăn uống, Bên kia sông địch lại đặt đại bác không giật bắn vào

chiến sĩ Dù (một chiếc xe vừa chạy gần tới ĐĐ 83 thì bị bắn cháy).

Hiệu đề nghị rút lui để cho pháo binh dập, nhưng Th/Tá Vân sợ dân làng bị liên lụy, nên thúc Hiệu cứ tấn công vào. Chấp hành lệnh, Hiệu dàn cả hai trung đội xung phong thần tốc, địch hốt hoảng bỏ chạy. Ta chiếm được làng Hà Nha với một giá rất đắt: hai trung đội trưởng tài giỏi nhất của Hiệu là Th/Úy Tiến và Th/Úy Thành bị hy sinh. Đ/Úy Hiệu hoàn thành nhiệm vụ nhưng lòng rất xót xa!

TĐ1ND chiếm đỉnh cao Đông Lâm trên dãy Sơn Gà bảo vệ sườn phải; TĐ9ND đi trục chính đánh chiếm đám rừng tràm, hướng về mục tiêu: đồi 1062.

Giai đoạn II, TĐ 8 làm nỗ lực chính, chia quân hai cánh, cánh phải do Th/Tá Trần Toán chỉ huy tiến về hướng điểm C thay thế TĐ1ND trên đỉnh Sơn Gà, mục tiêu là đồi 1062.

Th/Tá Vân, XLTV TĐ Trưởng TĐ8ND, cho lệnh ĐĐ 81 của Đ/Úy Võ thế Hùng đi đầu; bọc hậu có ĐĐ 82 của Tr/Úy Hùng "ốm". TĐ trừ do Th/Tá Trần Toán, K18 ĐL, chỉ huy, anh cho ĐĐ 83 của Đ/Úy Phạm Văn Hiệu, K23 ĐL, đi chính diện, và Đ/Úy Đồng Văn Minh, k26TĐ, dẫn ĐĐ84 đi sườn phải, tiến lên hướng 1062. Thành phần nỗ lực chính của LĐI ND bắt đầu xung trận, khi các đơn vị vừa vượt tuyến xuất phát khoảng 1 cây số, thì chạm địch mạnh với quân số áp đảo, họ phải giành giựt từ ngôi nhà, từng gốc cây trên con đường độc đạo dẫn vào quận Thường Đức.

Đoạn đường dài hơn 5 cây số, bên trái là sông Vu Gia, bên phải là những triền núi thuộc dãy Sơn Gà. Chiến xa và pháo binh địch bố trí bên kia sông có lẽ để giữ BCH Hành Quân. Chủ lực quân của địch tập trung trên các đỉnh cao phía sau quận Thường Đức; Cộng quân đang chiếm giữ các đỉnh 1062, điểm cao 1235, 383, 293, và đóng chốt dọc theo các sườn núi. Đoạn đường 5 cây số vô cùng gian nan hiểm trở, với nhiều bẫy và pháo tập gài sẵn của địch. Đây quả thật là một thử thách, đo lường sự can đảm, kinh nghiệm và kỹ thuật chiến đấu của các chiến sĩ Dù trước khi họ thực sự tham dự một trận đánh để đời quanh ngọn đồi đẫm máu 1062.

Giai đoạn đầu, đội hình tấn công của LĐ1 ND như sau:

TĐ 9 ND (TĐ9ND) giữ trục chính ở giữa; TĐ8ND đi cánh trái, dọc theo trục lộ sát bờ sông Vu Gia, tiến chiếm làng Hà Nha 1 và Hà Nha 2 ở phía Đông đồn Địa Phương Quân cũ (trên cao điểm 52), một mục tiêu của giai đoạn I; TĐ1ND đi cánh phải, tiến chiếm cao điểm Đông Lâm (mục tiêu A), rồi theo đường đỉnh dãy Sơn Gà tiến hướng Tây tới 1062.

TĐ9ND giữ trục chính, đi dọc theo cánh đồng rộng phía Bắc sông Vu Gia, chiếm lĩnh dãy đồi thấp có rừng chồi che phủ. Từ dãy đồi thấp phía Nam dãy Sơn Gà, Tr/Úy Nhơn, ĐĐT/ĐĐ92, Tr/Úy Thăng, ĐĐT/ĐĐ94, Đ/Úy Trọng, K25TĐ, ĐĐT/ĐĐ91, cùng ĐĐ 93 của Đ/Úy Tửu muốn đến đồi 383 để tiến sát tới đỉnh 1062, họ còn phải băng qua 1 cánh rừng tràm nữa. Các chiến sĩ của TĐ9 không sao qua đến được bìa rừng dưới chân núi Đông Lâm, vì hỏa lực từ cứ điểm B trên sườn núi chế ngự. Cứ điểm nầy vô cùng kiên cố, vừa ở cao, vừa được che chở bởi các tảng đá lớn chồng lên nhau, TĐ9 đã dùng rất nhiều phi pháo nhưng vẫn không tiêu diệt được! Đ/Úy Tửu bị thương chân nên Đ/Úy Tường từ ĐĐ90 ra thay thế.

TĐ1ND VÀO VÙNG:

TĐ1ND do Th/Tá Ngô Tùng Châu, k18 ĐL, chỉ huy, từ Hội An được lệnh di chuyển đến bàn giao với SĐ3BB tại một đồi thấp ở phía Nam Đông Lâm khoảng 3 cây số. TĐ1 đi cánh phải của Lữ Đoàn, mục tiêu đầu là đỉnh Đông Lâm. Đây là một đồn bót cũ, địa thế xung quanh trống trải, dọc dài xuống tận chân núi. Các ĐĐ tiến quân dưới cơn mưa pháo của địch, họ phải xung phong thần tốc bám sát và đánh cận chiến để địch không sử dụng được các bãi pháo mà họ đã chuẩn bị sẵn.

Th/Tá TĐ phó Quý, K17TĐ, chỉ huy 2 ĐĐ thanh toán các tổ cảm tử quân Việt cộng đang đóng chốt trên những điểm cao, những hốc đá cheo leo dọc theo dãy Sơn Gà. Một trở lực lớn là quá nhiều mìn bẫy (thuộc loại "mìn hơi" làm bằng nhựa nhỏ cỡ hộp thịt ba lát). Loại mìn nầy có thể làm hủy diệt 2 chân nếu dẫm phải. Tại đây ĐĐ11ND bị tổn thất 2 chiến sĩ vì đạp trúng mìn hơi nầy.

Lữ Đoàn phải tăng phái toán rà mìn của ĐĐ 1 Công Binh Dù để mở đường. Mục tiêu Đông Lâm được chiếm lĩnh dễ

dàng vì không có lực lượng phòng ngự của địch. Tuy nhiên các chiến sĩ Dù hoàn toàn thụ động trước những tấn công lẻ tẻ bằng súng đại bác không giật từ những đỉnh đá.

Một điều quan trọng là tiền quân của TĐ1 của Đ/Úy Trần Văn Thể, ĐĐT/ĐĐ11 đã tìm được toán tiền sát viên pháo binh của địch gồm 2 người đã chết (cụt chân do mìn hơi) và một người còn sống với đầy đủ máy truyền tin, bản đồ, và địa bàn. Từ đó vị trí các lực lượng bạn không còn bị pháo chính xác nữa. Thể tốt nghiệp khóa 24 Đà Lạt, anh là một sĩ quan tài giỏi, lập nhiều chiến công lừng lẫy trong trận Hạ Lào, Quảng Trị... nên được thăng cấp Đ/Úy đặc cách mặt trận rất sớm.

Đáng lý theo dự tính, Đông Lâm là điểm hẹn giữa ĐĐ11 của Thể và ĐĐ14 của Tr/Úy Vệ đi với Th/Tá Quý, nhưng vì không chạm địch nên hai ĐĐ nầy trực chỉ tới mục tiêu B.

Từ đỉnh Đông Lâm, TĐ1 (lợi thế hơn 2 cánh quân bạn) tiến quân trên đường đỉnh dãy Sơn Gà; địa thế đủ rộng cho hai ĐĐ đi đầu, và tốc độ tiến quân cũng nhanh hơn. Do đó TĐ1ND từ cao điểm đã bảo vệ hữu hiệu sườn phải cho Lữ Đoàn. Quả thật vậy, qua sự phối hợp hàng ngang với TĐ9ND, TĐ1ND đã cho lệnh ĐĐ11 "đạp" xuống cứ điểm B, nơi địch đang cầm chân tiền quân của TĐ9ND. Xuyên qua thung lũng, Thể dẫn quân đến B một cách bất ngờ, và ở ngay sau lưng địch. Đối diện với Cộng quân là TĐ9 Dù đang bị cầm chân ở tại dốc đá. Nhờ lợi thế cao, ĐĐ11 chừa lại một trung đội ở B để đóng chốt và giữ ba lô cho các trung đội khác. Thành phần còn lại tập trung hỏa lực, xung phong đánh thần tốc và tràn ngập cứ điểm B1.

Địch quân hoảng hốt xả chốt chạy tán loạn, chỉ trong vòng 2 tiếng đồng hồ, ĐĐ11 đã kiểm soát hoàn toàn các đỉnh đá ở phía Nam của B. Chốt B1 được giải tỏa dễ dàng với chiến lợi phẩm là 1 súng cối 61 ly, 1 thượng liên, 7 AK, 4 B-40, 1 điện thoại, một số đạn 72 ly nhưng không tìm được súng. (Sau nầy TĐ11ND của Tr/Tá Lê Văn Mễ dùng nơi đây làm chỗ đóng quân tạm thời cho BCH/TĐ).

Trời đà chạng vạng tối, chờ bắt tay mãi với TĐ9 không được, ĐĐ11 phải tạm đóng quân đêm tại B và B1. Một biến cố xảy ra đêm đó, đặc công địch bò trở lại đột kích B1 bằng

B-40 rồi bỏ chạy. Ch/Úy Tuyến đã hy sinh đêm đó! Sáng hôm sau, địch pháo kích mạnh mẽ bằng 122 ly vào B và B1 nhưng không chính xác nên không bị tổn thất. Khoảng 11 giờ trưa, Th/Tá Quý và ĐĐ14 bắt tay với ĐĐ11, đồng thời TĐ9 cũng xuất hiện và đóng chốt tại B2.

Có lẽ cứ điểm C (mục tiêu C) mới thật là một tiền đồn mạnh mẽ của địch. ĐĐ14 đi đầu và chạm địch trước khi tới C. Th/Tá Nguyễn văn Quý, K17TĐ, đi với cánh quân bọc hậu là ĐĐ11 của Đ/Úy Thể. Một phần vì địa thế hiểm trở (một yên ngựa độc đạo trống trải), thêm vào đó yếu tố bất ngờ không còn nữa. Địch đã chuẩn bị sẵn sàng với hầm hố kiên cố để đón ĐĐ14. Công sự phòng thủ của địch thật vô cùng kiên cố, lại thêm rừng cây cổ thụ cao lớn; ta sử dụng pháo binh rất khó, vì sợ đạn chạm ngọn cây nổ từ cao gây thương tích cho quân bạn (hầm địch có nắp che).

Suốt 3 ngày cầm cự, ĐĐ14 không thể tiến lên được đành phải án binh tại chỗ. Th/Tá Quý đẩy ĐĐ11 thọc sâu về phía Tây rồi từ đó tiến đánh C bằng hướng Nam. Địch trên cao ta dưới thấp, nhưng nhờ hốc đá nên 11 bám sát tiến lần vào cách C khoảng 200 thước, và phải dừng lại vì sợ lọt vào tầm lựu đạn. Nhờ địch tưởng ta tấn công mặt Nam, nên TĐ1 sử dụng đại bác 57 ly và súng cối 81 ly để có thể bắn chính xác vào mục tiêu. Th/Tá Quý cho tập trung 5 khẩu đại liên M60, chờ bắn hơi cay cho địch chạy ra khỏi hầm trú ẩn, thì tập trung hỏa lực mạnh mẽ bắn phủ đầu địch. ĐĐ14 bất thần xuyên nhanh qua yên ngựa để chiếm C, từng tổ 3 người bò dưới hỏa lực tiến vào mục tiêu dùng lựu đạn ném vào phòng tuyến địch, rồi lập tức xung phong chiếm hầm hố địch làm đầu cầu; kế đó họ bung rộng ra đánh chiếm từng hầm một. Thừa thắng Th/Tá Quý đẩy 14 qua thẳng 1062, nhưng mọi dự tính không xảy ra như mong muốn, và cũng từ đó ĐĐ11 và ĐĐ14 phải trả giá rất đắt cho đỉnh 1062.

Sau khi địch tháo chạy vì sự tấn công quá dũng mãnh của các chiến sĩ thiện chiến TĐ1ND, hai ĐĐ11 và 14 chia nhau bố trí lập vị trí phòng thủ sơ khởi để ngăn ngừa địch phản công. Một trận mưa cối sơn pháo 120 ly của địch quân bủa xuống, tiếng nổ vang khắp rừng già, khói phủ mù mịt trận

địa! Nhờ bung rộng và hầm hố kiên cố của địch để lại, nên binh sĩ ta tránh được thiệt hại nặng nề bởi trận mưa pháo tập trung và chính xác nầy! Càng tiến gần về 1062, địa thế càng hiểm trở: rừng rậm hơn, cây to nhiều hơn, sườn càng dốc đứng hơn. Từ cứ điểm C nhìn lên mục tiêu, ở cao hơn 2 vòng cao độ (theo bản đồ quân sự tương đương 20 thước). Cách xa chừng 150 thước, ta thấy rõ địch đang lố nhố chạy tới chạy lui tăng cường phòng thủ.

Th/Tá Quý gọi xin pháo binh bắn "cắm chỉ" lên mục tiêu đó ngày và đêm. Đây được gọi là mục tiêu D, một trong 5 đỉnh của 1062. Giữa C và D là một thung lũng (eo yên ngựa) sâu khoảng hơn 20 thước. Như vậy, quân ta nếu tấn công mục tiêu D, ít nhất phải vượt lên một dốc đứng cao tới hơn 40 thước! Từ D, địch thỉnh thoảng bắn trực xạ bằng đại bác và thượng liên xuống mục tiêu C, nhưng không gây thiệt hại đáng kể nào cho quân bạn.

Tình thế hiện tại thật bất lợi:

1) TĐ8 và TĐ9 còn cách quá xa 1062, chỉ có TĐ1ND là gần và đang ở cao địa, không ai bảo vệ cạnh sườn để tiếp ứng kịp thời.

2) Địa thế địch hiểm trở dễ thủ khó công (địch ở cao, ta dưới thấp).

3) Địch chuẩn bị chiến trường đợi ta (với trận địa pháo và hầm kiên cố)

Lúc bấy giờ ta chưa biết là có 5 đỉnh nhỏ trên 1062, vì bản đồ chỉ có một dấu chữ thập bên cạnh số 1062. Năm đỉnh nhỏ nầy nằm theo thế liên hoàn, yểm trợ cho nhau bằng hỏa lực dễ dàng. Diện tích rộng khoảng 2 ĐĐ mới bao phủ nổi.

TĐ1 ND quyết định đột kích đêm và lợi dụng gió Đông làm một trận hỏa công. Lực lượng cảm tử gồm 2 trung đội: Th/Úy Lê Văn Bá chỉ huy 1 trung đội thuộc ĐĐ14 của Tr/Úy Vệ và Th/Úy Trần Thanh Quang chỉ huy 1 trung đội của ĐĐ11. Đây là 2 sĩ quan xuất sắc đã từng lập nhiều thành tích chiến thắng cho TĐ. ĐĐ11(-) làm thành phần trừ bị sẵn sàng tiếp ứng kịp thời cho lực lượng tấn công. Tần số liên lạc thuộc nội bộ của ĐĐ11 do Th/Tá Quý trực tiếp chỉ huy. Hỏa lực yểm trợ gồm súng cối 60 ly và 81 ly đã được chuẩn bị yếu tố tác xạ sẵn sàng.

Sáu giờ chiều, ánh sáng mặt trời trong rừng già đã tắt hẳn, 2 trung đội bắt đầu xuất phát; Th/Úy Quang dẫn trung đội đi bên trái, trung đội Th/Úy Bá bên phải. Họ giữ đội hình đi song song và cách nhau khoảng từ 30 đến 40 thước. Pháo binh 105 ly của ta vẫn đều đều bắn cắm chỉ trên mục tiêu để địch lo trốn trong hầm, không ngóc đầu lên quan sát quân ta đang di chuyển. Một giờ, hai giờ, rồi 3 giờ trôi qua... tình hình vẫn yên tỉnh, một thứ im lặng ngộp thở, vì mọi người đều lo cho số phận của đồng đội của mình.
Hệ thống liên lạc vẫn tốt, Th/Úy Quang thì thầm trong máy:

- Rất gần địch, tiếng chửi thề của chúng nó nghe rõ mồn một, đích thân!

- Được! Cẩn thận nghe Quang! Th/Tá Quý trả lời nho nhỏ trong máy với giọng Huế chay.

Bỗng nghe một loạt đạn nổ bên phải rồi im lặng. Pháo binh ngưng tác xạ, 2 cánh quân vừa bắn vừa hô xung phong vang rền cả núi rừng hoang vu. Lửa bắt đầu cháy trên mục tiêu, nhiều nhất là bên cánh Th/Úy Quang. BCH TĐ1 ND xin pháo binh chuyển xạ về hướng Tây để bắn chận quân địch. Tiếng của Quang vang trong máy:

- Chiếm được đỉnh 1062 rồi đích thân! Hầm quá nhiều và kiên cố, làm toàn bằng cây to. Mấy đứa con đang bung rộng chờ cánh quân bên phải!

Trời tối đen như mực, vẫn chưa liên lạc được Th/Úy Bá. Mười lăm phút sau, Th/Tá Quý đứng dưới mục tiêu C thấy trên D có từng cụm lửa lóe lên chen lẫn trận địa pháo bằng súng cối sơn pháo 120 ly của địch. Tiếng của Quang vang lên trong máy:

- Chúng pháo dữ quá đích thân, nhưng hầm hố kiên cố, không sao!

Rồi hàng loạt tiếng đạn AK47 kêu rít, tiếng Quang hét trong máy:

- Chúng phản công! Cho pháo binh bắn trên đầu tôi, tụi nó đông như kiến! Mau lên! Pháo! Pháo mau lên!

Ban đêm trời tối, ĐĐ11 trừ bị cho Quang và Bá đang ở lưng đồi yên ngựa. Trung Đội Th/Úy Bá thì không liên lạc được ngay từ loạt đạn đầu, sau nầy mới biết được Bá

và 4 binh sĩ đã hy sinh vì mìn claymore (lấy của SĐ3BB) ngay từ lúc đó!

Th/Tá TĐT Ngô Tùng Châu bảo Quý:

- Nếu thấy không được thì bảo Quang rút về, đừng hy sinh nhiều, ta sẽ tìm cách khác!

Nhưng Quang không nghe lệnh (hoặc không thể nghe lệnh!) Sau nầy mới biết là Quang đã tập trung đạn của các binh sĩ bị thương, bảo họ rút, còn Quang thì ở lại bắn tới hết đạn và hy sinh anh dũng trên mục tiêu D! Đáng phục thay một chiến sĩ can trường, biết hy sinh bảo vệ thuộc cấp và làm tròn bổn phận núi sông! Các chiến sĩ 2 trung đội đột kích của TĐ1ND đã gặp sự kháng cự phản công quá mãnh liệt, quân số địch rất đông. Địch định lấy thịt đè người; từ đỉnh cao, khe núi, và các địa đạo trong rừng cây ùa ra như đàn ong vỡ tổ! Binh sĩ Dù ria bắn không nghỉ tay. Trước khi gần hết đạn, Quang có gọi Th/Tá Quý phải kêu pháo binh bắn đạn nổ chụp ngay trên đầu thí quân, quyết liều sống chết với quân CSBV một phen; vì ta và địch lẫn lộn, không còn cách chọn lựa nào khác. Các đạn pháo CVT đã sát hại 10 phần địch và 3 phần quân bạn! Nhờ vậy các chiến sĩ ĐĐ11 được giải tỏa, xác địch và ta nằm ngổn ngang trên đỉnh đồi 1062. ĐĐ14 của Tr/Úy Vệ bị kẹt cứng ở yên ngựa nhỏ hẹp giữa mục tiêu C và mục tiêu D, hỏa lực địch phủ kín từ D và 1062. ĐĐ14 tổn thất mỗi ngày mà không tiến được bước nào. Pháo binh Dù được sử dụng tối đa nhưng địa thế núi cao cây rậm. Bản đồ ghi rõ đỉnh 1062, nhưng D1 và D2 ở Đông Bắc trong thực tế còn cao hơn 1062. Vì thế pháo binh phải bắn góc độ cao mới "gõ" vào 1062 được, nhưng với độ chính xác thật ít.

Th/Tá Quý lại dùng kế cũ (dương Đông kích Tây), đẩy ĐĐ11 về Tây để tấn công 1062 từ chính Nam nhằm giải tỏa áp lực ĐĐ14 như trường hợp đánh mục tiêu C. Nhưng lần nầy sự việc không như lần trước, ĐĐ11 vừa mới đến triền núi phía Nam của 1062 thì địch dùng 82 ly từ góc đồi phía Tây bắn trực xạ một cách dữ dội, ĐĐ11 đã hy sinh một tiền sát viên và 4 binh sĩ chưa kể một số bị thương. Rạng sáng, sau khi sử dụng pháo binh và súng cối 81 ly tối đa, ĐĐ11

(đọc tiếp trang 298)



■ *trang thơ Lê Thụy Đạt K25*

nói với dalat

- có một lời thề nguyền
  mà suốt cả đời tôi
  vẫn sáng trong với niềm kiêu hãnh
  năm xưa
  giữa núi đồi Lâm Viên uy dũng
  ký thác lời thệ nguyền đời trai
  cho đến hôm nay
  lời nguyện xưa vẫn còn sống mãi

- có một điều
  mà suốt cả đời tôi
  vẫn mãi là suối nguồn thiết tha dào dạt
  năm xưa
  giữa đất trời hiển linh dalat
  đã một lần ước hẹn ngày mai
  cho đến hôm nay
  ước nguyện xưa vẫn nồng lửa cháy

- dalat: đỉnh đến
  để từ đó ra đi
  đời dâu biển bất kỳ
  vẫn nặng lòng gửi lại

- nặng lòng Nhữ Văn Hải
  theo Huỳnh Kim Quang đi
  đồi Bắc hỡi chứng từ
  lời tim tôi máu chảy

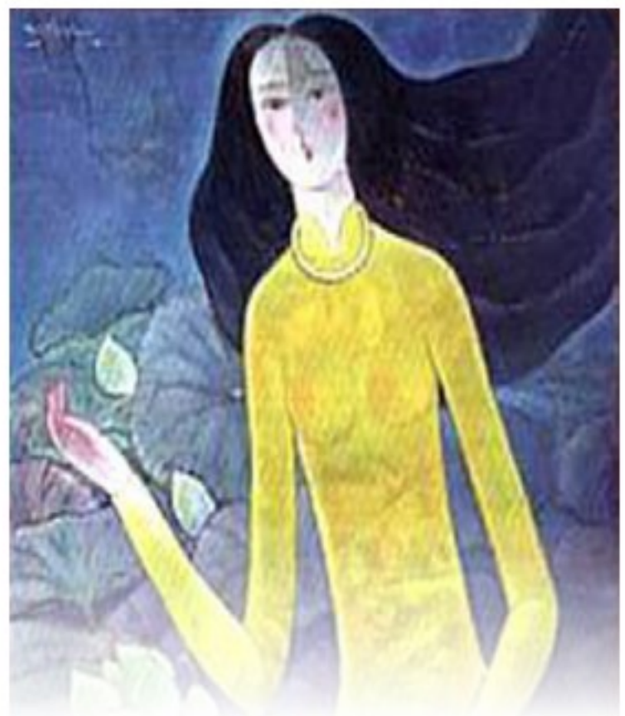
1991

dấu ấn

- Dalat say đắm lòng người
  sâu nặng hồn tôi
  con dốc cũ
  bậc thềm xưa
  dáng nhỏ Domain
  hiên ngang Võ Bị
- Dalat
  lưu luyến chân người
  máu thịt đời tôi
  ngỏ tắt thấp
  lối rẽ cao
  hò hẹn Thái Phiên
  đợi chờ Thủy Tạ
  cơn mưa chiều hạ
  ướt mắt cuối tuần
  Than Thở bâng khuâng
  đường về cô lẻ
- Dalat ngàn thương
  thông reo đồi Bắc
  suối hát Không Tên
  màu áo trinh nguyên
  vành Alpha đỏ
  một duyên hai nợ
  vang vọng một đời
- Dalat của tôi
  của thời trai trẻ
  dấu chân chim sẻ
  lộng cánh đại bàng
  ngất ngưỡng LangBiang
  trọn đời ghi khắc

07/11/2007

Thư tìm ngày xưa



Lá thư đầu viết từ đơn vị
Địa chỉ nhà binh KBC
4027 bao tình ý
Anh gởi cho nàng tiên đó nghe

Tiên ở Trưng Vương còn rất bé
Yêu màu mực tím trả lời thư
Chỉ làm em gái mà thôi nhé
Em muốn nên anh phải ậm ừ

Rồi bỗng một hôm tiên biến mất
Là hôm anh xuống núi ra trường
Xa xôi cách trở biên thùy khuất
Mới hiểu ra điều rất khó thương

Chỉ làm em gái mà thôi nhé
Không bận lòng ai thời chiến chinh
Cứ tưởng Trưng Vương còn rất bé
Đâu ngờ suy nghĩ quá thông minh

Dâu biển chưa nguôi đời lính chiến
Hôm nào lại thoáng thấy Trưng Vương
Nhớ Khu Bưu Chính thư màu tím
Tím cả không gian thuở giấu buồn

Phạm Kim Khôi K19



Thu cuối ai về

Ai về ươm lại mùa rơi lá
Đợi cuối thu sau sẽ nhắc thầm
Người tới hay là chưa tới nhỉ
Có tiếc thương gì có ước mong

Ai về tha thiết ngưng làn gió
Ấp ủ canh dài một ý thu
Quên mất thời gian đâu giữ được
Những đi những đến những bao giờ

Ai về gom lại mây chiều nhớ
Thấp thoáng trong mơ hiện bóng người
Trên lối đi đầy thơ mộng đó
Chiếc lá thu vàng rụng xuống vai.

Cali 9/03
Phạm Kim Khôi K19

Tống Lệ Chân: Giọt Nước Mắt Khô Của Hòa Bình Miền Nam

LTS: Sau 510 ngày cố thủ, Tống Lệ Chân đã bị địch chiếm nhưng trận chiến này đã ghi vào quân sử những trang anh hùng ca lẫm liệt của Người Lính Việt Nam Cộng Hoà mà tiêu biểu là TĐ92BĐQ do Trung Tá Lê Văn Ngôn K21 chỉ huy. Bài được trích một chương trong, "Tù Binh & Hòa Bình" của nhà văn Phan Nhật Nam K18. Đa Hiệu xin hân hạnh giới thiệu cùng độc giả.

Khi người dân trên toàn thế giới rung chuông, mở rượu, tung giấy ngũ sắc để chào mừng Hòa Bình Việt Nam, cùng lúc đó tại một hóc hẻm của Việt Nam, trên ngọn đồi cao năm mươi thước giữa ranh giới hai tỉnh Tây Ninh, Bình Long, một cứ điểm quân sự trông xuống hai con suối bắt đầu nổ súng như tia chớp giữa ngày quang.

Trận đánh Tống Lệ Chân bắt đầu nặng độ. Lợi dụng ngưng bắn, Cộng sản ra mặt tấn công ngày. Không ai trên thế giới biết đến, tất cả muốn xóa đi, bỏ qua tai nạn cục bộ của một Việt Nam rắm rối. Hòa Bình: thứ rượu nhạt mà thế giới hằng lâu không được uống. Tống Lệ Chân: trận chiến cuối mùa và cô đơn nhất của dòng thời gian binh lửa. Tính đến nay, căn cứ bị vây đúng 17 tháng hay 510 ngày. Không ai trong chúng ta nghĩ đến con số nhỏ bé ghê gớm này. Chúng ta cũng là những kẻ có tội.

Stalingrad bị người Đức bao vây 76 ngày, người Mỹ giữ cứ điểm Bataan 66 ngày, quân lực Anh và khối Thịnh

Vượng Chung tử thủ Tobruk 241 ngày và ở Việt Nam, "địa đàng" của chiến tranh, nơi binh đao tung hoành không giới hạn, chúng ta cũng đã có những nơi chốn với tên gọi để đời như Điện Biên Phủ bị bao vây tới số lượng 57 ngày. Gần gũi và còn được nhớ là những trận đại chiến khởi đi trong mùa hè 1972, những trận đánh vượt qua hẳn chiến sử thế giới với các địa danh: Kontum, An Lộc, Quảng Trị. Nhưng Delta, Charlie ở Kontum cũng chỉ kéo trong vài ngày, An Lộc 110 ngày và Quảng Trị thực sự đến ngày 25/7/1972 đã được giải tỏa phần lớn. Thế nên, Tống Lệ Chân với 510 ngày bị vây hãm phải được xem là trận đánh dai dẳng nhất lịch sử chiến tranh nhân loại.

Căn cứ nhỏ bé đó từ ngày 10/5/1972 đã bị mờ khuất sau làn khói dậy lên từ An Lộc, Quảng Trị, Kontum - và đến nay - sáu tháng sau ngày hòa bình độc hại, chiếc tiền đồn lại càng có khuynh hướng bị xóa mờ để che dấu và vô hiệu hóa tội ác của những người Cộng sản. Chúng ta phải nhỏ xuống giọt nước mắt để cầu nguyện cho một nhóm người trong 510 ngày đã phấn đấu để chứng tỏ cùng thế giới: Tội ác đã đồng nghĩa cùng người Cộng sản. Tống Lệ Chân, giọt nước mắt tinh tuyền từ sức đối kháng vô bờ của người Việt miền Nam.

Căn cứ được thiết lập trên ngọn đồi cao năm mươi thước, trông xuống hai con suối Takon và Neron, những nhánh nguồn đầu tiên của sông Sài Gòn, dầy đặc khắp miền Tây Ninh, Bình Long, nằm trên đường ranh của hai tỉnh này, cách An Lộc mười lăm cây số về phía đông-bắc và ở phía nam biên giới Việt-Miên khoảng mười ba cây số. Điểm nhọn của chiếc Mõ Vẹt, đại bản doanh của Cục R, Trung Ương Cục Miền Nam chỉa thẳng vào căn cứ.

Tống Lệ Chân trước kia là một trong những trại Dân sự Chiến đấu thuộc Lực Lượng Đặc Biệt mà người Mỹ đã thành lập từ năm 1967. Trong lãnh thổ Quân Khu III dọc theo biên giới Việt-Miên từ Tây Ninh qua Phước Long có những trại Bến Sỏi, Thiện Ngôn, Katum, Tống Lệ Chân, Lộc Ninh, Quản Lợi, Bù Gia Mập, chỉ riêng trại Bến Sỏi

nằm trong nội địa Tây Ninh, các trại còn lại làm thành một hàng rào song song với biên giới hệ thống tiền đồn ngăn chặn, báo động lần xâm nhập, điều động của quân đội Cộng sản từ bên kia biên giới, nơi có những địa danh đã một lần vang dội như Lưỡi Câu, Mõ Vẹt. Hệ thống trại còn là nơi phát xuất những cuộc hành quân tuần tiểu phát hiện và tiêu diệt các đơn vị địch trong vùng.

Vùng hoạt động của trại cũng là chiến khu của giặc: Chiến khu C, và cũng như hệ thống đường liên tỉnh mà chính quyền Tổng Thống Diệm đã thành lập từ những năm 1960, 1961, những trại Lực Lượng Đặc Biệt, sản phẩm đắc ý của Tổng Thống Kennedy, người được yêu chuộng nhất của 37 đời tổng thống Mỹ. Nhưng đến bây giờ, năm 1973 tại Việt Nam, lúc người Mỹ đã quay phi cơ về Clark Field, Guam, bỏ lại xứ sở Đông Dương mịt mù tiếng đạn trong âm vọng hòa bình. Các trại kia chỉ còn lại là những chiến trường địa phương bị cô lập với thế giới bên ngoài đành đoạn.

Không phải là chiến tranh nữa, đây chỉ còn là những cơn sốt vỡ da cho "Hòa Bình" nguy hiểm. Tống Lệ Chân, cơn sốt cuối cùng và dai dẵng. Dưới chân đồi căn cứ về phía bắc còn có đường 246 nối Tây Ninh và Bình Long, xuyên qua lớp rừng xanh lá, đây là con lộ huyết mạch để Mặt Trận nối liền hai vùng sinh tử, khu C và khu D. Tống Lệ Chân cũng là yết hầu chặn ngang đường dây Bắc-Nam nối bản doanh cục R và vùng Dầu Tiếng, để từ đây xâm nhập xuống Bình Dương - Gia Định. Với vị trí chiến thuật quan trọng như thế, Tống Lệ Chân không còn là mục tiêu quân sự thông thường, căn cứ nhỏ bé này có một tầm quan trọng khẩn thiết. Kiểm soát được bốn hướng Tây-Đông, Bắc-Nam của toàn hệ thống giao liên quan trọng trong lòng căn cứ địa đối phương. Từ ngày thành lập, Tống Lệ Chân chưa hề có một ngày thanh bình.

Tên địa phương là Tonlé Chombé, vị chỉ huy trưởng đầu tiên, Thiếu Tá Đặng Hưng Long, gọi trại thành Tống Lê Chân, binh sĩ nói thành Tống Lệ... Những người ngoài binh chủng lực lượng đặc biệt phần đông gọi theo danh từ hàm

súc này. Tống Lệ Chân - tên tiền định cho số kiếp nghiệt ngã. Năm 1970, trong chương trình cải tuyển binh chủng, binh sĩ trại phần đông là dân sự chiến đấu thuộc sắc dân Stiêng tình nguyện ở lại cùng căn cứ để biến cải thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng. Tháng 4/72 song song với các cuộc cường tập vào Lộc Ninh, An Lộc, Cộng quân đã có ý định "ủi láng" hết dãy căn cứ biên phòng trên để rộng đường điều quân, cùng chuyển vận quân nhu, quân cụ. Tình hình khẩn trương của thời gian ấy đã khiến bộ chỉ huy Biệt Động Quân Quân Khu III quyết định rút hết lực lượng thuộc bốn căn cứ: Thiện Ngôn, Katum, Tống Lệ Chân và Bù Gia Mập. Nhưng người chỉ huy của Tống Lệ Chân đã có câu trả lời sau khi nhận được lệnh:

- Xin ở lại để chiến đấu bảo vệ căn cứ. Di tản tiếc quá, Biệt Động Quân mà di tản yếu quá...

- Tình hình có giữ nổi không?

- Tất cả binh sĩ đều xin ở lại bằng mọi giá để bảo vệ uy tín binh chủng!

Định mệnh đã điểm giờ phút đó, lực lượng nhỏ bé của Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng trở nên những anh hùng lặng lẽ của trận đánh cuối cùng làm sáng tỏ sức chiến đấu bền bĩ của người cho Hòa bình. Hòa Bình Việt Nam, giấc mơ tội nghiệp của một dân tộc được tưới thêm máu nóng của những người lính vô danh Tiểu Đoàn 92 trong một hóc của núi rừng miền đông Nam bộ. Thế giới giữ được cân bằng trên hòa bình vất vả này. Toàn thể nhân loại có biết thế không?

Giữ một vị thế trọng yếu trong hệ thống giao liên giữa căn cứ địa của địch, bảo vệ được cạnh sườn phía tây cho An Lộc, Tống Lệ Chân trên bản đồ hành quân của Ban Tham Mưu Cục R đã được xác định là một mục tiêu cần phải "dứt điểm". Ngày 10/5/72 Cộng quân dồn lực lượng đánh trận biển người vào căn cứ có chiến xa yểm trợ sau khi đặc công đã xâm nhập được vào vòng đai phòng thủ. Nhưng căn cứ vẫn đứng vững được như lời nguyền, người chỉ huy của trại mang tên Lê Văn Ngôn với số tuổi khiêm

nhượng, 25 tuổi, đã giữ được lời thề. Ngôn thuộc khóa 21 Đà Lạt ra trường năm 1966, bây giờ - tháng 9/73, Ngôn mang cấp bậc Trung Tá. Một thời gian kỷ lục nhưng không ai tị hiềm. Không thể tị hiềm được vì hình như quân sử thế giới không có một đơn vị nào bị vây trong thời gian 510 ngày vẫn còn đơn độc chiến đấu. Ngôn và Tiểu Đoàn 92 của anh là một biệt lệ, hiện thực ý niệm cao cả về trách nhiệm và giá trị mà người lính muôn đời hiện thực. Những người lính khắp nơi của thế giới đã nhiều lần chứng tỏ tầm vóc vĩ đại của mình trên đảo Saipan, nơi buồng lái của những chiếc máy bay Zéro, trong những phi vụ trên vùng trời Âu Châu được đan kín bởi một lưới lửa đạn phòng không suốt đệ nhị thế chiến. Ở Việt Nam, trận Mậu Thân 1968, Hạ Lào 1971 và suốt năm 1972, nhiều đơn vị, nhiều người lính đã chứng tỏ phẩm chất vĩ đại cao cả của mình. Trên tất cả mọi cao điểm đó, Tống Lệ Chân rực rỡ với ánh sáng của riêng mình. Ngày 8/6/72, An Lộc được chính thức giải tỏa sau khi Tiểu Đoàn 6 Dù "bắt tay" được với Tiểu Đoàn 8 Dù, lực lượng cực nam của cửa ngỏ vào An Lộc, Cộng sản thu quân về phía tây để bồi dưỡng và chuẩn bị đánh lớn. Dãy căn cứ bạn đã di tản, Tống Lệ Chân còn lại mỗi mình, Công Trường 9 Việt Cộng dùng lực lượng cơ hữu thay phiên nhau nhồi Tống Lệ Chân trong suốt một năm dài.

Ngày 27/1/73 Hiệp Định Ba Lê được ký kết để tái lập Hòa Bình tại Việt Nam. Ngày 25/1/73 cũng là ngày N (1) của cuộc tấn công cường tập vào Tống Lệ Chân, Cộng quân muốn "ủi láng" căn cứ để hoàn toàn kiểm soát vòng đai biên giới từ Tây Ninh qua Lộc Ninh, cuộc tấn công không thành và bây giờ - tháng 9/1973 - tám tháng sau ngày "ngưng bắn", theo thống kê chính xác của người lính ngồi dưới hầm trốn pháo, theo bài tính cộng của viên sĩ quan hành quân tiểu đoàn: Căn cứ bị pháo kích 233 lần, 20 lần bị tấn công biển người, 7 lần đánh đặc công và chiếc đồn trơ trọi trên đỉnh cao 50 thước đó đã nhận 14.500 trái đạn đủ loại nổ liên tục trong tám tháng hay 220 ngày được gọi là "Hòa Bình" trên đất nước Việt Nam!!

Cuộc bao vây đã diễn ra trong 510 ngày dài, binh sĩ bị thương và chết lên đến gần con số 100, phần lớn bị thương không di tản được. Bất chấp luật lệ quốc tế, bất chấp cả lòng nhân đạo giữa những sinh vật gọi là người, và rất trái ngược với "tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc" mà từ tên lính gác ở bờ bắc sông Thạch Hãn đến gã Thượng Tá tóc bạc ngồi ở bàn hội nghị luôn luôn mồm nói lên với vẻ trang nghiêm cẩn mật. Máy bay trực thăng tải thương là mục tiêu thực tập cho các đơn vị phòng không Cộng sản dựng dầy đặc quanh căn cứ. Ngày 10/8/73 phi vụ tản thương chót không thực hiện được, chiếc UH.1 của Phi Đoàn 233 bị đốn ngã, phi hành đoàn phải ở lại căn cứ và những người này chỉ có thể trở ra khi những người bạn cùng phi đoàn đã thực hiện được một chuyến bay không giống bất cứ một phi vụ trực thăng nào của cuộc chiến mười năm. Phi vụ bắt đầu lúc mười hai giờ đêm từ phi trường Biên Hòa và mục tiêu là Tống Lệ Chân. Phi vụ này còn có nhiệm vụ mang số tiền thưởng của quân dân Vùng III tặng Tiểu Đoàn 92 và cặp lon Trung Tá cho Ngôn. Phi tuần trưởng của chuyến bay này là Thiếu Tá Bảo bạn cùng khóa với Ngôn. Nhưng tình trạng bi tráng này đã nẩy nở ra một khía cạnh khác, trong sổ bảy mươi lăm người bị thương, con số xin ở lại lên đến bốn mươi.

Đến một lúc nào đó, trong một hoàn cảnh thích hợp, sự can trường trở nên như một tính chất tổng quát và chung của cộng đồng. Bệnh sốt rét và phù thủng đã khống chế toàn trại nguyên do bởi thiếu dinh dưỡng và cuộc sống chật chội quá lâu dưới hầm đất. Trong tháng 7/73 các cuộc tiếp tế thả dù tưởng chừng như không thể thực hiện được. Chiếc móc nối kiện hàng và bộ phận phối hợp trên máy bay không còn nữa. Cuộc họp của các giới chức cao cấp nhất về tiếp vận và không trợ đã diễn ra dồn dập để giải quyết vấn đề "cái móc", mà một bộ phận chính là đoạn dây cable dài chừng một tấc. Đoạn dây cable này có nhiệm vụ giữ palette (tấm sắt làm đế của kiện hàng thả dù) với hệ thống phối hợp; khi máy bay đến địa điểm thả dù, bộ phận cắt sẽ được bấm

nút để chặt xuống đoạn dây này, palette mang kiện hàng sẽ lăn ra cửa máy bay trên hệ thống bánh xe. Từ trước đến nay, các cơ quan thả dù không quân chẳng ai để ý đến đoạn dây ngắn ngủi này vì quá thừa thải. Khi Tống Lệ Chân bị vây liên tục, đồ tiếp liệu, tiếp tế phải thả dù, nên đến một lúc người ta khám phá đoạn giây cần thiết này bị thiếu!! Muốn gởi mua ở Mỹ phải gởi đúng nơi sản xuất nó qua một hệ thống đặt hàng phức tạp, trước một thời gian dài, đoạn dây cũng phải được gọi bằng ám số lê thê, hãng chế tạo mới cung cấp đúng. Phe ta, vốn truyền thống "gì cũng được" nên đến lúc cần mới bật ngữa, không làm sao cấp thời giải quyết được.

Nhưng cái khó không bó cái khôn, dây lớn đúng cỡ không có thì biến chế bằng hai sợi dây nhỏ kết vào nhau... Và kết quả, dù thả mười cái hết sáu cái rơi ra ngoài căn cứ!! Khoảng trống giữa hai sợi dây nhỏ kết lại đã làm thời gian cắt đoạn giây dài hơn vài giây. Vài giây của tốc độ hơn hai trăm dặm giờ khi phi cơ thả dù đã làm cho chiếc dù bay ra khỏi chiếc đồn nhỏ bé. Bi thảm hơn, có những ngày bị Cộng quân pháo kích và tấn công liên tục, toàn căn cứ phải nhịn đói hoặc bắt gián ở các hầm cầu để nướng ăn thay cơm!! Nhưng dù thiếu thức ăn và sống dưới hầm lâu trong 510 ngày, cùng một lúc sức chiến đấu lại tăng trưởng theo chiều cao, theo cường độ tấn công và pháo kích của giặc. Tống Lệ Chân bắt chúng ta suy nghĩ khi biết được Gilles, viên tướng nhảy dù lừng danh của Quân Đoàn viễn chinh Pháp đã nói cùng Cogny và Navarre: *"Hãy móc tôi ra khỏi đấy (Điện Biên Phủ), tôi vừa sống sáu tháng ở 'ổ chuột' Na Sản... Tôi quá sợ những điểm bưng bít như thế này!!"* - sáu tháng ở cứ điểm Na Sản trong vị thế của một người chỉ huy cùng với phương tiện vật chất thừa thải cũng đủ làm cho ông tướng gốc người Corse phải kinh khiếp - thế nhưng trên ngọn đồi năm mươi thước, dưới hầm sâu lạnh tanh, viên trung tá trẻ nhất Quân Lực Miền Nam, Lê Văn Ngôn đã sống đến ngày thứ 510 cùng tiểu đoàn Biệt động với quân số thiếu hụt và thực phẩm phải dè sẻn từng túi cơm sấy.

Đau đớn hơn tất cả, Ngôn chiến đấu trong hòa bình giả tạo và gian dối mà đối phương cùng thế giới đang nhân danh mỗi giờ, mỗi phút. Những giờ phút Tiểu Đoàn 92 ẩn mình dưới giao thông hào đợi cơn pháo qua, giờ phút của 510 ngày thiếu ánh mặt trời.

Vậy vấn đề được đặt ra cùng sự kiện như đã trình bày: Chúng ta phải làm gì cho số người nhỏ bé cao cả trên cao điểm năm mươi này? Ngăn chặn, phát hiện địch, giữ căn cứ để làm bàn đạp tung quân tuần tiểu, tấn công và truy kích địch, những mục tiêu đầu tiên mà ý niệm hành quân đã đặt để cho căn cứ không còn nữa. Chúng ta chỉ còn lại một biểu tượng bi tráng, chỉ có một chiến trường phi lý để những người anh hùng âm thầm ngã xuống trong lặng lẽ, làm sáng tỏ cách tàn ác, khiếp nhược của một hòa bình độc hại. Chúng ta sẽ là gì nếu bỏ qua hay thụ động buông thả để duy trì tình trạng phi lý độc địa này. Phiên họp đặc biệt cấp Trưởng Đoàn ngày 17/3/73 do Việt Nam yêu cầu và Hoa Kỳ chủ vị, chính thức đặt Tống Lệ Chân lên bàn hội nghị. Trưởng Đoàn Việt Nam Cộng Hòa, Tướng Dư Quốc Đống đề nghị ba biện pháp cấp bách:

- Cử ngay một Tổ LHQS/4B Trung Ương đi Tống Lệ Chân để điều tra vi phạm, sau khi có thỏa thuận tại hội nghị.

- Nếu hai phe Cộng sản không thỏa thuận đề nghị, Hoa Kỳ trên tư cách chủ vị gửi văn thư yêu cầu UBQT cử người đi điều tra.

- Yêu cầu phía Mặt Trận Giải Phóng ra lệnh ngay cho các đơn vị của mình chung quanh Tống Lệ Chân phải ở nguyên vị trí không được bắn lên phi cơ của UBQT khi đến điều tra.

Nhưng lọc lừa là tính chất cơ bản, phía MTGP biết chắc phiên họp đặc biệt này sẽ thảo luận một vấn đề nghiêm trọng mà họ chưa có chỉ thị để giải quyết; dù Trần Văn Trà mang quân hàm Trung tướng chăng nữa ông ta cũng không bao giờ quyết định được một vấn đề gì, dù vấn đề đó chỉ thuộc về nguyên tắc, thủ tục nếu chưa có chỉ thị trước, nên

Trà đã vắng mặt để cho viên Đại Tá Đặng Văn Thu đại diện họp thay. Trước ba đề nghị xác đáng của một vấn đề cụ thể, Thu không ngập ngừng, bối rối né tránh với tố cáo: Việt Nam Cộng Hòa đã vi phạm ngưng bắn tại Đức Phổ, Sa Huỳnh, (Quảng Ngãi), Đức Cơ (Pleiku)... Và kết luận ung dung: Chính VNCH vi phạm tại các địa điểm trên! Không một lời nói, không một từ ngữ nhắc đến sự kiện, địa danh Tống Lệ Chân. Trưởng phái đoàn Bắc Việt gật gù tán đồng, lập lại lời phát biểu của MTGP với thứ tự từ ngữ địa danh được nói khác đi một chút. Bài học đã được học từ nhà, các cậu học trò Cộng sản lập lại không sai một chữ bất chấp nội dung rõ rệt của ba đề nghị - Ý kiến - Yếu tố không bao giờ có trong đầu của cá nhân người Cộng sản khi chưa "hội ý"!!

Thấy hai phái đoàn Cộng sản không đá động gì đến ba đề nghị vừa trình bày. Phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa lập lại đề nghị lần thứ hai: Nếu Ban Liên Hiệp Quân Sự Bốn Bên Trung Ương chưa thống nhất ý kiến thì yêu cầu Hoa Kỳ gởi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế để Ủy Ban này đi điều tra. Mặt Trận Giải Phóng cùng Bắc Việt lại hát lên một nội dung: "Không đồng ý việc gởi văn thư cho Ủy Ban Quốc Tế vì tình hình chưa rõ rệt, chưa có an ninh không tiện lợi cho Ủy Ban Quốc Tế đến để điều tra..." Phiên họp ngưng ở kết luận này. "Tinh thần nhất trí" của văn bản Hiệp Định. Tính chất không bao giờ có ở bàn hội nghị.!!

Cho chắc ăn hơn nữa, phía Cộng sản mớm lời cho hai phái đoàn Ba Lan, Hung Gia Lợi, khi tiếp nhận văn thư của Hoa Kỳ yêu cầu đi điều tra Tống Lệ Chân: "UBQT không đồng ý đi điều tra ở một nơi khi nơi đó chưa được an ninh!" Muốn chắc hơn, hai phái đoàn quốc tế Cộng sản này lại đưa thêm điều kiện: Sẽ chịu đi nếu phái đoàn MTGP cử sĩ quan liên lạc tháp tùng cùng trực thăng. Lẽ tất nhiên điều kiện không được thực hiện vì MTGP chắc chắn không bao giờ đồng ý cử sĩ quan liên lạc tháp tùng.

Một tuần trôi qua, kể từ phiên họp 17/3/1973, tất cả nỗ lực về Tống Lệ Chân đều bị chắn lối bởi hai ngón đòn

"Tình hình Tống Lệ Chân chưa rõ rệt. Phái đoàn MTGP chờ chỉ thị của thượng cấp" và đòn "Vì MTGP không cử sĩ quan liên lạc đi cùng nên Ủy Hội Quốc Tế không thể đến điều tra..." Mặt Trận Giải Phóng, Bắc Việt, Ba Lan, Hung Gia Lợi nương vào nhau nhồi quả bóng vô liêm sĩ, né tránh hẳn vấn đề.

Ngày 23/3/1973, chỉ còn bốn ngày nữa là hết thời hạn sáu mươi ngày làm việc của Ban Liên Hợp Quân Sự bốn bên, Hoa Kỳ thúc dục phái đoàn Gia Nã Đại (Chủ Tịch Ủy Ban Quốc Tế) trực tiếp thu xếp với MTGP để sớm điều tra sự kiện Tống Lệ Chân, MTGP trốn không nổi, đành đưa Đại Tá Võ Đông Giang, Phó Trưởng đoàn ra gặp Đại Tá Lomis (Gia Nã Đại), thỏa thuận cử sĩ quan liên lạc của Mặt Trận theo Ủy Ban Quốc Tế đến Tống Lệ Chân vào ngày 24/3/1973. Nhưng rốt cuộc cũng chỉ là trò đánh tráo, theo thỏa thuận của Giang, sĩ quan Mặt trận sẽ từ Tân Sơn Nhất đi Tống Lệ Chân tiếp xúc với lực lượng Cộng sản ở đây, xong trở về Biên Hòa (Biên Hòa là khu V Liên Hợp Quân Sự, tức là vùng III của VNCH) để đón Ủy Ban Quốc Tế vào Tống Lệ Chân. Gã sĩ quan liên lạc của Mặt Trận nhận chỉ thị trước, nên thay vì từ Tống Lệ Chân, y trở về hẳn Tân Sơn Nhất, Ủy Ban Quốc Tế đợi ở Biên Hòa suốt ngày 24/3/1973. Cuộc điều tra Tống Lệ Chân của Ủy Ban Quốc Tế không bao giờ có thể thực hiện được: Không bao giờ.

Về phía Liên Hợp Quân Sự, sau một tuần cố gắng liên tục kể từ phiên họp 17/3/1973, Việt Nam Cộng Hòa buộc Mặt Trận Giải Phóng phải cử sĩ quan liên lạc đến Tống Lệ Chân để thực hiện tản thương. Nhưng ngày 23/3/1973, thay vì xuống Tống Lệ Chân như đã dự liệu, viên sĩ quan Mặt Trận xuống Sóc Con Trăn cách Tống Lệ Chân mười cây số về hướng Tây, viên sĩ quan này lấy cớ phải liên lạc với "địa phương" y trước, sau một hồi tìm kiếm trong rừng, y trở lại trực thăng lấy cớ vì bom Mỹ và VNCH đã đánh đứt đường dây, y không tìm ra ai!! Chiếc trực thăng trở về Sài Gòn, không một thương binh được di chuyển. Phái đoàn VHCH vẫn kiên trì yêu cầu MTGP phải thuận để Việt Nam Cộng

Hòa tản thương ở Tống Lệ Chân, Mặt Trận Giải Phóng hết cớ từ chối, ngày 24/3/1973, hai mươi thương binh đầu tiên và cũng là cuối cùng được di tản. MTGP "hòa hợp, hòa giải, dân tộc" với giá máu này một lần độc nhất. Tống Lệ Chân đóng cửa vĩnh viễn với nỗi bi hùng của nó.

Cấp Trưởng Phái Đoàn, cấp Trưởng Tiểu Ban liên tiếp họp để dọn sạch vấn đề Tống Lệ Chân. Nhưng sự thật là một việc và cách nhìn của người Cộng sản lại là một việc khác, nên sự kiện quân đội Cộng sản bao vây, cường tập tấn công vào vị trí của ta biến thành "... Một cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn lấn chiếm Tống Lệ Chân, nơi nằm sâu từ lâu trong vùng giải phóng của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời!!" Kèm thêm luận cứ, lực lượng Mặt Trận Giải Phóng pháo vào trại là rất tự kiềm chế vì phải cảnh cáo đơn vị trong đồn muốn "nống lấn" ra ngoài khu vực của Chính Phủ Lâm Thời (Một đơn vị chỉ hơn hai trăm người có thể nào tấn công vào vòng vây của một sư đoàn?!!) Về việc gọi loa đầu hàng, Mặt Trận Giải Phóng giải thích: Đó là giảng "Đạo lý Hiệp Định" cho binh sĩ trong đồn biết: Đạo lý về Hòa Hợp, Hòa giải Dân Tộc!! Ý nghĩ đích thực của ngôn từ đã biến mất trên lưỡi của người Cộng sản. Những điều vô lý thô bỉ đã được dựng đứng, đài phát thanh Việt Cộng ào ào tố cáo, Trần Văn Trà, Lê Quang Hòa gởi kháng thơ tố giác, các thành viên Hung Gia Lợi, Ba Lan nghiêm chỉnh nghiên cứu kháng thơ. Và biết đâu trên thế giới có một số đông người tin vào kháng thơ gian dối đó. Không hiểu Đức Giáo Hoàng khi đọc bản tin của tờ báo Tòa Thánh đề cập đến bản kháng thư đó Ngài có biết đến những con mắt nổ lửa dưới hầm sâu Tống Lệ Chân đang mong ngày mau đến. Đau đớn hơn hết khi tại Sài Gòn, nơi chỉ cách Tống Lệ Chân trăm cây số đường chim bay, có những người đã không biết hoặc không muốn biết những người lính Việt Nam đang ở trong chiếc đồn bị vây vào ngày thứ 510. Và nhiều kẻ lại nhìn vấn đề ngược lại: Như đám Ngọc Lan, Chân Tín, thứ chính khách đối lập Hồng Sơn Đông, Hồ Ngọc Nhuận, Hồ Hữu Tường, Trương Gia

Kỳ Sanh... (Những Nghị sĩ, Dân biểu được MTGP nhắc nhở nhiều lần ở bàn hội nghị khi muốn tố cáo chính quyền VNCH) Những người này là gì trong khi đồng lõa với tội ác ngập máu này? Tính đến ngày của phiên họp đầu tiên đề cập đến Tống Lệ Chân, hai mươi ngày sau ngày Hòa Bình 28/1/1973, căn cứ có thêm bốn chết và hai mươi hai bị thương. Những người này chết cho ai? Phải chăng để bảo vệ miền Nam, trong đó có những người vừa kể trên, những kẻ nhân danh Hòa Bình...

Quả tình chúng ta ở trong một trạng thái hòa bình sau hơn hai mươi năm nghe súng nổ và lửa cháy. Chúng ta đã nghe quen tiếng nổ đại bác, hỏa tiển, chúng ta cũng dần quen với độ cao của ngọn lửa Mậu Thân, hơi nóng từ An Lộc, Quảng Trị, nên hình như khi hưởng được sự yên ổn đau đớn của những ngày hôm nay, chúng ta đã quá vội vã muốn xóa tan vết tích chiến tranh, muốn quên đi những hình ảnh tàn khốc của tháng kia, năm trước. Và từ, với hạnh phúc tội nghiệp nầy, giữa lòng cơn lốc túng đói, chúng ta đã không có khả năng để nhớ đến, để nghĩ đến hình ảnh một căn cứ: một căn cứ lẻ loi cố gắng để khỏi bị hủy diệt, thể hiện ý muốn "sống trong tự do và hòa bình", nỗi mơ ước của toàn dân tộc... Mơ ước đó có ta dự phần. Vậy, chúng ta phải làm gì được cho Tống Lệ Chân?

Tôi viết lên tiếng kêu bi hùng về Tống Lệ Chân vào tháng 6/1973, thời gian quân đội Cộng sản đang chuẩn bị trận dứt điểm vào căn cứ trong dịp mùa mưa sắp tới của năm 1973. Suốt năm 73, chiếc đồn nhỏ bé này đã đứng vững được trước hàng chục lần tấn công và bị pháo hơn vạn quả đạn, viên chỉ huy căn cứ, Trung Tá Lê Văn Ngôn, hình như định mệnh đã gắn chặt tên anh cùng chiếc đồn bé nhỏ đó, lời nói quyết chí của ngày tử thủ đầu tiên đã được giữ trọn như tên anh đã định trước: Ngôn Một lòng sắc son giữ mãi một lời nói. Trong nguy nan của mỗi giờ sát cùng cái chết, người anh hùng lặng lẽ với số tuổi quá nhỏ so với chiến trường kia quả đã hiện thực hình ảnh linh diệu kết tinh bởi sức chịu đựng vô bờ của dân tộc. Ngòi bút viết ra

cũng hổ thẹn trước nỗi can trường này. Những phiên họp của tháng 3, tháng 4/74 tại Ban Liên Hợp Quân Sự 2 Bên Trung Ương, phía Việt Nam Cộng Hòa lại lớn tiếng báo động Công Trường 9 nhất định rút ưu khuyết điểm của năm qua, tập dượt trên sa bàn cùng trung đoàn 271 quyết ủi láng trại... Trung Đoàn 271 sẽ được yểm trợ trực tiếp bởi một trung đoàn pháo, một trung đoàn phòng không và một lữ đoàn chiến xa, không kể thành phần trừ bị và chận viện. Một năm trời thử lửa, một, hai tháng thực tập trên sa bàn và trên địa thế tương tự quân cộng sản dùng địa đạo chiến, công kiên chiến khởi đi từ 5/4/1974 đến 01:00 giờ ngày 11/1/1974 đoạt được đồn!! Ngôn làm gì được với quân số 259 người với năm mươi người bị thương từ trước, hai chục người bị thương ở đợt tấn công sau cùng?!! Tiểu Đoàn 92 đã chiến đấu hơn tất cả mọi đơn vị bộ chiến của lịch sử chiến tranh con người. Ngôn hơn hẳn những người anh hùng của chiến trận nhân loại, Alamo, Saipan, Wake, hàng trăm ngàn chiến binh thế giới đã dựng nên gương sáng can trường về bổn phận cao cả của người lính, Ngôn và Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân dựng chắc tấm bia lớn nhất, rực rỡ nhất. Cao quý hơn tất cả, Ngôn và 259 Biệt Động Quân của Tống Lệ Chân là những chiến sĩ chiến đấu cho hòa bình: Hòa Bình của quê hương Việt Nam. Chúng ta trong thành phố bình yên có nghĩ gì khi hay tin Tống Lệ chân đã bị đoạt mất, Tiểu Đoàn 92 mở đường máu rời căn cứ. Chỉ còn giọt nước mắt. Phải, chỉ còn một dòng nước mắt ngập bi hùng.

Phan Nhật Nam
Tháng 11/1974



Mao và Việt Nam

Trần Bình Nam

Mối lo hôm nay đối với người Việt Nam là tham vọng nuốt chửng Việt Nam của Trung quốc. Từng lời nói, từng hành động của các nhà lãnh đạo Trung Quốc hiện nay đều nhắm vào hướng này.

Nhưng mộng bành trướng và khống chế Việt Nam của Trung Quốc không phải trong thời đại đang vươn mình này của Trung Quốc mới có. Đó là giấc mộng ngàn đời, từ thời đại các hoàng đế Trung Quốc, qua các triều đại Minh, Nguyên, Thanh. Và gần đây Đặng Tiểu Bình, người được liệt vào bậc anh quân đã có đủ sáng suốt chuyển hướng chính trị đưa Trung Quốc ra khỏi trận cuồng phong Mácxít và Maoít, cũng là người đã ra lệnh cho hàng chục sư đoàn tiến đánh Việt Nam (2/1979). Và trước đó, Mao Trạch Đông, một nhà đại cách mạng Trung Quốc, người được coi là một hoàng đế tân thời của Trung Quốc hậu bán thế kỷ 20, người hết lòng giúp đảng Cộng Sản Việt Nam trong

cuộc chiến tranh chống Pháp giành độc lập cũng – trong mọi hành động của ông – đều có sự tính toán để uy hiếp và tối hậu thôn tính Việt Nam.

Người Trung Hoa từ ngàn xưa vẫn xem Việt Nam là một phần đất của Trung Quốc. Những khẩu hiệu Trung Quốc-Việt Nam "núi liền núi, sông liền sông", "môi hở răng lạnh" chỉ là những khẩu hiệu, và mới nhất là châm ngôn 16 chữ vàng *"Láng giềng hữu nghị, Hợp tác toàn diện, Ổn định lâu dài, Hướng tới tương lai"* cũng chỉ là chiêu bài để che đậy những ý đồ có tính lịch sử của Trung Quốc.

Cho nên việc giữ nước lâu dài đòi hỏi các vua chúa Việt Nam hay những nhà lãnh đạo Việt Nam nắm vững yếu tính lịch sử đó để có chính sách phòng ngự thích hợp, dù đó là chính sách kinh tế, xã hội hay quốc phòng.

Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) từ khi thành lập (1930) cho đến năm 1992 nắm vững được yếu tính lịch sử này. Trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp giành độc lập (1945-1954), thời kỳ xâm lăng miền Nam Việt Nam (1960-1975) cũng như sau khi thống nhất Việt Nam các nhà lãnh đạo tại Hà Nội – dù được Trung Quốc viện trợ – vẫn luôn luôn cảnh giác ý đồ của Trung Quốc.

Nhưng từ năm 1992, do nhu cầu sống còn trước sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Bang Xô Viết, ĐCSVN trở nên lệ thuộc hoàn toàn vào Trung Quốc và nền an ninh Việt Nam trở nên bị đe dọa. Sự bảo vệ biên giới đất liền, lãnh hải, hải đảo trở nên càng lúc càng yếu ớt.

Trở lại một ít lịch sử bang giao Việt Nam và Trung Quốc sau khi Mao Trạch Đông đánh thắng Tưởng Giới Thạch và thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc năm 1949. Trong cuốn sách mới nhất về Mao Trạch Đông của bà Jung Chang viết chung với ông Jon Halliday nhan đề "Mao: The Unknown Story" (Những Câu Chuyện Chưa Được Tiết Lộ về Mao) (1) bà Jung Chang đã để dành một chương để nói về các ý đồ của Mao đối với Việt Nam (trang 560 -566).

Theo bà Jung Chang, mỗi hành động của Mao đối với

Hồ Chí Minh đều có hậu ý. Trung Quốc giúp huấn luyện và trang bị quân đội cho ông Hồ trong chiến dịch biên giới (1950) chủ ý là không để cho các thành phần Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch bị tảo thanh tại Trung Quốc chạy trốn sang Bắc Việt Nam có điều kiện trở lại tấn công Mao (2).

Nhưng đến năm 1954, Việt Nam mới thật sự nghi ngờ Trung Quốc trước thái độ tráo trở của Bắc Kinh trong cuộc hội đàm tại Genève năm 1954.

Năm 1954 Mao phát động chương trình canh tân để biến Trung Quốc thành một siêu cường (Superpower Program). Trung Quốc cần hiểu biết kỹ thuật và trang thiết bị lúc đó đang bị Tây Phương cấm vận. Trung Quốc tranh thủ viện trợ của Liên Bang Xô Viết, nhưng Mao biết chưa đủ nên Mao vận động giải tỏa cấm vận từ Pháp vì Pháp là nước giữ được tính độc lập với Hoa Kỳ nhiều nhất.

Lúc đó Pháp đang lúng túng tại Đông Dương. Ý của Mao là giúp Hồ Chí Minh đẩy Pháp vào chân tường rồi sẽ ra tay gỡ kẹt cho Pháp để đổi lấy điều kiện đòi giúp đỡ kỹ thuật. Tháng 5/1953 khi cuộc chiến tranh Triều Tiên sắp chấm dứt, Trung Quốc chuyển sĩ quan và cố vấn sang thẳng biên giới Việt Nam chuẩn bị cho chiến trường Đông Dương mà cao điểm là cuộc chiến thắng có tính quyết định ván bài Việt Nam của trận Điện Biên Phủ tháng 5/1954.

Theo tài liệu của bà Jung Chang, trước khi hội nghị Genève họp (26/4/1954), Mao đã quyết định sẽ giúp Pháp và tìm một giải pháp nhẹ nhàng cho Pháp chứ không để cho đảng Cộng Sản Việt Nam nhân cuộc chiến thắng Điện Biên Phủ đòi những điều kiện bất lợi cho Pháp. Thống nhất Việt Nam bằng cách đẩy mạnh các cuộc tấn công quân sự, đuổi Pháp một lèo ra khỏi Đông Dương là một trong những chương trình của đảng Cộng Sản Việt Nam.

Ngày 7/5/1954 Điện Biên Phủ thất thủ. Ngày 17/5 chính phủ Pháp sụp đổ. Theo kế hoạch của Mao sẽ dùng chiến trường Việt Nam đổi chác với Pháp, ngày 23/5 Thủ Tướng Chu Ân Lai gặp riêng tân Thủ Tướng Pháp Mendes France

tại Genève và đưa ra món hàng đổi chác. Phái đoàn đảng Cộng Sản Việt Nam do thủ tướng Phạm Văn Đồng cầm đầu hoàn toàn không hay biết sự đổi chác này.

Phạm Văn Đồng đưa ra một chương trình ở thế mạnh gồm chấm dứt chiến tranh, Pháp rút ra khỏi Đông Dương, thành lập Liên Bang Đông Dương Việt Miên Lào, và không đồng ý chia cắt Việt Nam như gợi ý của phái đoàn Chu Ân Lai. Ông Đồng nghĩ rằng quân đội Cộng Sản Việt Nam đang làm chủ chiến trường Bắc Việt, và đã kiểm soát một khu rộng lớn tại miền Nam Trung Bộ và Nam bộ nên không có lý do gì chấp nhận giải pháp chia cắt. Mặt khác với sự mất tinh thần của quân đội Pháp sau trận Điện Biên Phủ và thời gian hứa hẹn của thủ tướng Mendes France (3), Hà Nội có thể đẩy mạnh các cuộc tấn công quân sự là đủ buộc đối phương phải nhượng bộ chấp nhận chương trình của Hà Nội.

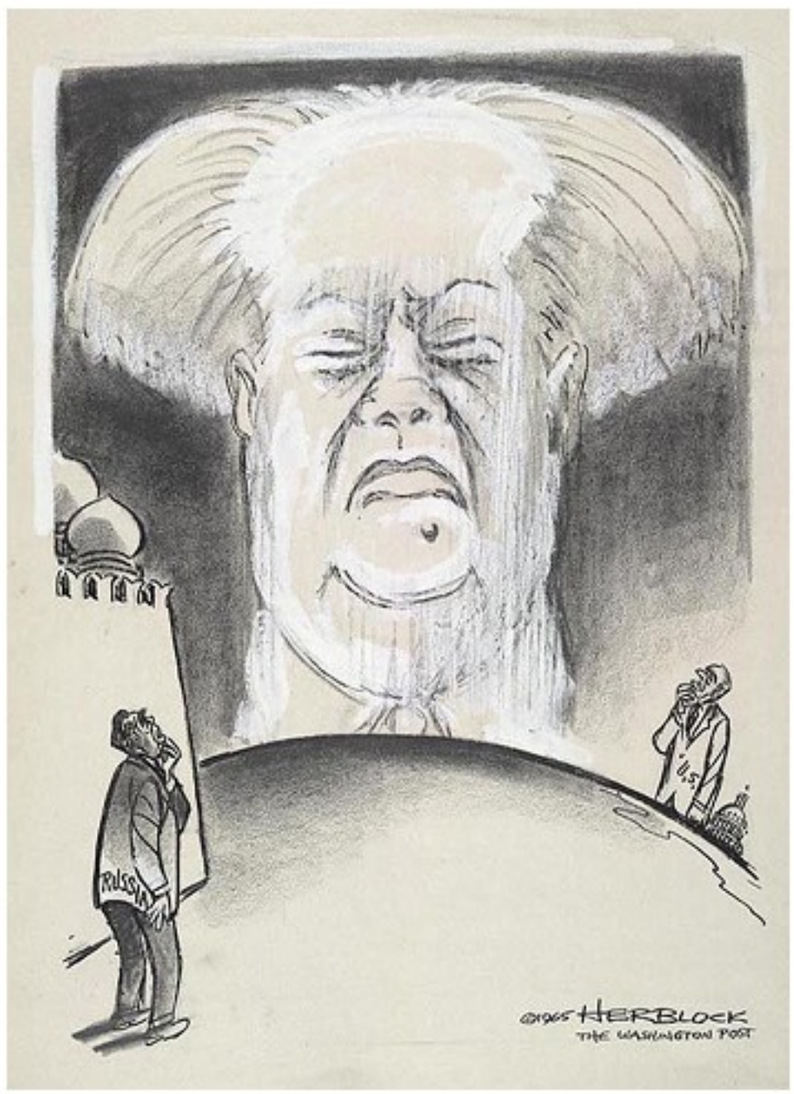
Tuy nhiên Chu Ân Lai chỉ trích chương trình của Phạm Văn Đồng và vừa áp lực vừa dọa rằng nếu Hà Nội tiếp tục thừa thắng tấn công đẩy Pháp vào chân tường, Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc có thể nhập cuộc như đã xảy ra tại Triều Tiên. Chu Ân Lai cho biết nếu Hà Nội không ký một bản hiệp ước tạm thời chia cắt Việt Nam thì đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải tự lực chiến đấu, Trung Quốc không có điều kiện để tiếp tục giúp đỡ (4).

Hồ Chí Minh biết không thể làm ngược lại ý của Trung Quốc; hơn nữa, Hồ Chí Minh cũng không muốn thấy cuộc chiến tranh Việt Nam biến thành một trận chiến tranh Triều Tiên thứ hai nên Hồ Chí Minh ra lệnh cho Phạm Văn Đồng ký hiệp định hòa bình chấm dứt chiến tranh và chia đôi Việt Nam qua vĩ tuyến 17. Theo các nhân chứng tại Genève, Phạm Văn Đồng đã khóc mà tuân lệnh Hồ Chí Minh. Chọn vĩ tuyến 17 thay vì vĩ



Hồ Chí Minh

tuyến 16 là một món quà "phụ thêm" của Trung Quốc tặng cho Pháp vì Quốc Lộ số 9 nối liền Lào với biển nằm giữa vĩ tuyến 16 & 17.



Mối nghi ngờ giữa đảng Cộng Sản Việt Nam và Trung Quốc nẩy mầm từ đó.

Đầu năm 1965, khi Brezhnev bắt đầu chương trình tăng viện trang bị nặng cho đảng Cộng Sản Việt Nam như súng phòng không và hỏa tiễn để chống cuộc không tập của Không Quân Hoa Kỳ vào miền Bắc Việt Nam, Mao thuyết phục Brezhnev nên dành tài nguyên đó để đương đầu phía Âu Châu hơn là giúp Việt Nam. Mặt khác Mao thuyết phục Hồ Chí Minh chớ nên quá lệ thuộc vào Mạc Tư Khoa. Chu Ân Lai - suy bụng ta ra bụng người - từng nói với Phạm Văn Đồng rằng: "Các anh không nên nhận viện trợ của Liên Bang Xô Viết... Liên Bang Xô Viết giúp các anh chỉ để tạo điều kiện thương thuyết làm hòa với Hoa Kỳ thôi."

Trong khi đó Mao nỗ lực o bế Hồ Chí Minh. Mao cho đổ vào Việt Nam tiền bạc và hằng ngàn tấn vật liệu và vũ khí nhẹ cùng với 130.000 binh sĩ để giúp điều khiển súng phòng không và bảo trì hệ thống lưu thông chống cuộc oanh tạc của Hoa Kỳ. Theo bà Jung Chang, Trung Quốc còn dùng mỹ nhân kế giới thiệu một thiếu phụ trẻ đẹp làm vợ Hồ Chí Minh, nhưng Hồ từ chối không nhận.

Ngày 31/3/1968 khi Tổng Thống Johnson tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ 2 (11/1968) và đề nghị thương thuyết, Trung Quốc khuyên Hà Nội đừng nhận lời, nhưng Hà Nội vốn nghi ngờ thiện chí của Trung Quốc đã nhất định đi tới và ngày 3/4/68 tuyên bố nhận lời đề nghị của Tổng Thống Johnson.

Khi cuộc thương thuyết tại Paris bắt đầu. Chu Ân Lai

nói với Hà Nội rằng Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm thương thuyết với Hoa Kỳ nên Hà Nội cần cố vấn của Trung Quốc trong phái đoàn thương thuyết, nhưng Hà Nội từ chối. Để trả đũa, Trung quốc tìm cớ ngăn cản sự chuyển vận vật liệu chiến tranh cho Bắc Việt (của Trung quốc và của Nga chở qua đường Trung quốc) và cắt đứt các cuộc dàn xếp viện trợ tương lai. Hà Nội được yêu cầu đừng gởi phái đoàn thương thuyết viện trợ dự tính đi Bắc Kinh tháng 10/1968.

Dù bị Trung quốc làm khó khăn, Hà Nội vẫn không để cho Trung quốc nắm cuộc thương thuyết tại Paris.

Không dùng viện trợ uy hiếp được Bắc Việt, Mao dùng phương pháp gián tiếp. Mao thành lập một đảng Cộng Sản Cambốt lấy tên là Khmer Đỏ do Polpot cầm đầu, vừa chống Sihanouk vừa chống Việt Nam, và năm 1967 Mao định đảo chánh lật đổ Sihanouk để thiết lập một chế độ thân Trung Quốc tại đó nhưng không thành.

Cơ hội tới khi Lonol (với sự tổ chức của cơ quan tình báo Hoa Kỳ CIA) đảo chánh lật đổ Sihanouk ngày 18/3/1970. Mao vội vàng đưa Sihanouk sang Bắc Kinh và thuyết phục Việt Nam phối hợp với Sihanouk thành lập một mặt trận Đông Dương chung chống Mỹ (lẽ dĩ nhiên) dưới sự lèo lái của Trung Quốc.

Chính sách của Mao đối với Hà Nội thống nhất ở chỗ tạo trở ngại không cho Việt Nam thống nhất và ngăn cản không để Việt Nam tạo ảnh hưởng tại hai nước Miên, Lào. Ngay cả Mặt Trận Giải Phóng miền Nam mà Hà Nội đã nặn ra do nhu cầu chính trị xâm lấn miền Nam, Trung Quốc cũng không bỏ lỡ cơ hội ve vuốt, mua chuộc để tách Mặt Trận này ra khỏi ảnh hưởng của Hà Nội. Chính sách trước sau của Trung Quốc là không để cho Việt Nam trong bất cứ trường hợp nào trở thành một quốc gia thống nhất và hùng mạnh.

Trong thời kỳ chiến tranh (chống Pháp 1946-1954), và xâm lấn miền Nam (1960-1975), Hà Nội dùng chính sách đi dây giữa Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết để bảo

đảm nguồn viện trợ quân sự và kinh tế, nhưng sau khi thống nhất Việt Nam (1975), Hà Nội bắt đầu có thái độ độc lập hơn với Trung Quốc.

Để giải tỏa gọng kềm của Trung Quốc chọc từ phía Cam Bốt, tháng 12/1978 Hà Nội tấn công lật đổ chế độ Polpot thân Trung Quốc. Hậu quả là cuộc tấn công trả đũa của Trung Quốc qua biên giới phía Bắc tháng 2/1979.

Hà Nội cũng chứng tỏ chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà Trung Quốc vẫn thường tuyên bố là thuộc Trung Quốc. Khi Hà Nội đẩy mạnh cuộc tấn công trên bộ chiếm miền Nam năm 1975, Hà Nội đã cho các đơn vị hải quân ra trú đóng tại một số đảo quan trọng trong quần đảo Trường Sa để chận trước sự "xí phần" của Trung Quốc. Sự hiện điện của quân đội Cộng Sản Hà Nội tại các đảo Trường Sa là điều làm cho Trung Quốc rất khó chịu và đã dẫn đến cuộc đụng độ tại Trường Sa năm 1988 làm cho hơn 80 chiến sĩ hải quân Việt Nam tử trận.

Các diễn biến trên chứng tỏ rằng cho đến năm 1992, dù bị áp lực nhiều phía của Trung Quốc, các nhà lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn cố gắng thực hiện truyền thống bảo vệ tổ quốc trước cuộc xâm lấn không mệt mỏi của Trung Quốc.

Nhưng vào năm 1992 tình hình thế giới chuyển biến đột ngột. Liên Bang Xô Viết sụp đổ và Hoa Kỳ đã rút ra khỏi vùng Thái Bình Dương trong khi Trung Quốc trở nên lớn mạnh về cả hai mặt quân sự và kinh tế. Hà Nội trước sự đe dọa sụp đổ đã phải nhờ cậy vào Trung Quốc để sống còn nên mất tư thế của một nước có chủ quyền đối với Trung Quốc.

Hình như các nhà lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay không đủ bản lãnh để hoạch định một chính sách giữ nước trong những điều kiện mới. Và từ sự thiếu vắng chính sách và nhân sự lãnh đạo vững vàng là một chuỗi dài thua thiệt và nhượng bộ.

Hà Nội phải ký hai Hiệp Ước đất liền (1999) và biển (2000) với những điều khoản bất lợi cho Việt Nam. Mất

thêm đất trong vùng Ải Nam Quan, thác Bản Giốc, và nhiều chục ngàn hải lý rộng trong vịnh Bắc Việt. Vùng đánh cá của ngư dân Việt Nam trong vịnh Bắc Việt và ngoài khơi biển Nam Hải bị hạn chế do chính sách "gunboat" của Trung Quốc. Ảnh hưởng của Việt Nam đối với hai nước láng giềng Cam Bốt và Lào dần dần bị thu hẹp. Trung Quốc đã thả hai gọng kềm hai bên hông Việt Nam, một bên là Lào nay hoàn toàn tùng phục Trung Quốc, một bên là căn cứ tàu ngầm tại cực nam đảo Hải Nam. Tương lai của Việt Nam còn lệ thuộc vào nguồn dầu hỏa trên biển Đông thì Việt Nam hiện nay cũng không có điều kiện khai thác. Nỗ lực khai thác qua việc ký giao kèo tìm dầu khí với công ty BP của Anh (2007) và Exxon Mobil của Mỹ (2008) không thành trước áp lực của Trung Quốc.

Việt Nam hình như đang mất sự tự do tối thiểu của một quốc gia độc lập.

Ngư dân bị tàu Trung Quốc bắn chết (1/2005) trong Vịnh Bắc Việt, Hà Nội không dám lên tiếng công khai phản đối và đòi bồi thường.

Trung Quốc lấy đất của Việt Nam ghép vào quận huyện của Trung Quốc (12/2007), Hà Nội không dám để cho nhân dân biểu tình bày tỏ sự phản đối.

Và năm nay, kỷ niệm 30 năm trận chiến bảo vệ biên giới năm 1979, báo chí Hà Nội không được viết lách tự do ca ngợi các chiến sĩ đã hy sinh bảo vệ tổ quốc. Và làm lễ chào mừng các chiến sĩ đang trú đóng tại Trường Sa mà báo chí và các cơ sở truyền thông do chính phủ kiểm soát không loan tin... Và còn nữa!

Vậy phải làm gì?

Phát huy nội lực và liên kết với đồng minh là sách lược ngàn đời để cứu nước.

Liên kết với ai? Nếu không phải với Hoa Kỳ, Úc châu, Nhật Bản, Ấn Độ, Liên Bang Nga, Liên Hiệp Âu Châu, Hiệp Hội Asean trong đó có trọng lượng nhất là Hoa Kỳ. Nhưng chính Hoa Kỳ cũng đang gặp khó khăn vì cuộc khủng hoảng kinh tế và trong kế hoạch chấn hưng kinh

tế, Hoa Kỳ cũng đang nhờ sự hợp tác tài chánh của Trung Quốc. Trung Quốc đã không ngần ngại cho biết thế yếu của Hoa Kỳ và cảnh giác Hoa Kỳ chớ quá nóng vội giúp đỡ Việt Nam.

Bà Hillary Clinton tân Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ trong chuyến công du đầu tiên đến Trung quốc (2/2009) đã lỡ lời "thỉnh cầu" Trung Quốc mua trái phiếu quốc gia của Hoa Kỳ để cùng có lợi chung, thì liền ngay sau đó Trung Quốc cho tàu chiến nghênh tàu của Hoa Kỳ trong biển Đông trong một vùng biển được hiểu là hải phận quốc tế. Để áp lực Hoa Kỳ nhượng bộ trên biển Đông, thủ tướng Ôn Gia Bảo lên tiếng nhắc khéo rằng "không biết trái phiếu Trung Quốc đang mua của Hoa Kỳ có bảo đảm không?"

Vậy chỉ còn phát huy nội lực là chính. Và phát huy nội lực đòi hỏi sự đoàn kết của toàn dân sau lưng người cầm quyền. Và toàn dân chỉ đoàn kết sau lưng nhà cầm quyền khi họ có đầy đủ quyền Tự Do - Dân Chủ.

Chính sách từ Mao, đến Đặng Tiểu Bình, rồi nay đến Hồ Cẩm Đào trước sau vẫn là khống chế Việt Nam. Và trong chiến lược lâu dài đương đầu với Hoa Kỳ để giành quyền bá chủ, Trung Quốc sẽ phải chủ động mở con đường về phía nam trước. Bất cứ gì trên con đường tiến ra Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đều phải được thôn tính.

Việt Nam ở ngay trên con đường tiến của Trung Quốc. Chừng nào thì những người lãnh đạo tại Hà Nội nhận thức được mối nguy mất nước để đoàn kết quốc dân cùng cứu nước?

Trần Bình Nam

(1) Phát hành tháng 11/2006 do Anchor Books, một chi nhánh của nhà xuất bản Random House Inc.

(2) Tác giả Qiang Zhai trong cuốn "China & The Vietnam Wars, 1950-1975" the University of North Carolina Press cũng có nói đến ý này của Mao Trạch Đông.

(3) Thủ tướng Mendes France hứa rằng đến ngày 20/7/1954 ông không tìm được một giải pháp cho cuộc chiến tranh Đông Dương ông sẽ từ chức.

(4) Tiết lộ bởi Lê Duẩn, "Mao: The Unknown Story" trang 562.

Thơ Lê Anh 27

Thế Giới Buồn Trở Lại

****



Làm sao không nói
Những vui buồn ngắn ngũi
Những đêm mau bất chợt cuối tuần
Con người quen dần với thật tế
Chấp nhận hiện tại
Nhiều hơn là chờ đợi thời gian
Những tình cờ lịch sử
Xô đẩy dòng đời đi tới
Như đông tây rồi cũng gặp nhau
Cái thối nát hôm nay
Là bi hài kịch ngày mai
Và tương lai chưa biết
Xa vời hơn có thể nghĩ tới

Nhưng làm sao không nói
Khi cái còn lại khó thể diễn tả
Khi thiên đường trên những xác người
Và những thế hệ tuổi thơ
Không biết nơi xuất xứ
Những mất mát tình cảm
Hay những thua thiệt vật chất
Có thể đền bù, chia sẻ, cảm thông...
Nhưng một dân tộc bị đồng hóa lịch sử
Thì chỉ là những thây tươi mượn hồn
Vì không còn gì để hãnh diện nữa
Vì mất nước là mất tất cả
Người còn đây đời muôn năm trước!



Tiếng Kêu Của Sỏi Đá

****

Con đường có những viên đá sỏi
Chứng nhân của thời tiết hai mùa
Khi thời gian thay đổi
Mưa nắng không làm nên quá khứ
Nhưng con người khai thác lịch sử
Làm biến dạng thiên nhiên
Và bóp méo cách nhìn chân thật
Đá sỏi bây giờ cũng là nạn nhân
của tham vọng con người

Nỗi lòng của những viên đá cuội
Không còn vang trước sân nhà của ông chủ mới
Người ta có thể nghe thấy
Tiếng rên rỉ của đá sỏi dưới đế giày đè bẹp
Tại công viên, trên đường phố
Nơi trường học hay lúc chợ họp
Giá trị và công dụng của sỏi đá
Đã bị lãng quên như đã từng bị lợi dụng
qua các thời kỳ tiền sử
Người ta có thể nghe thấy
Âm thanh của sỏi đá
cộng hưởng với môi trường kỳ lạ
Trong đêm khuya tăm tối
Cuộc đời của từng viên đá sỏi
Bị cuốn trôi ra bể cạn

Đá sỏi chạm mạn thuyền
Hay thuyền chao, sóng lớn
Ai hóa thân ai giữa dòng nước lũ?!.

Lê Anh K27

****

Đấu Tranh Ôn Hòa Bất Bạo Động

Luyện Thành Long

1. Đôi dòng lịch sử

Đấu tranh ôn hòa bất bạo động là hình thức đấu tranh chủ yếu dựa vào việc nâng cao dân trí, vận động nhân dân, vận động xã hội ý thức được đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm của mình, của giai cấp và dân tộc mình mà đứng lên đấu tranh nhằm chuyển hóa xã hội, chuyển hóa chế độ. Người hoặc những người chủ trương phương pháp đấu tranh này phải sử dụng hiểu biết của mình để ra báo, viết báo, tổ chức diễn thuyết, mở trường dạy học, thành lâp công đoàn, đảng phái chính trị... làm cho quần chúng thức tỉnh, giác ngộ dần dần và đứng dậy đấu tranh.

Đầu thế kỷ XX, Mahatma Gandhi (2/10/1869 -30/1/1948) đã dùng phương pháp đấu tranh này với thực dân Anh ở Ấn Độ quê hương ông, một đất nước có nhiều tôn giáo, nhiều dân tộc nhưng cuộc đấu tranh ấy cuối cùng đã thành công và Ấn Độ đã giành được độc lập. Nhân dân Ấn Độ đã vinh danh và gọi ông là Thánh Gandhi (Mahatma Gandhi).

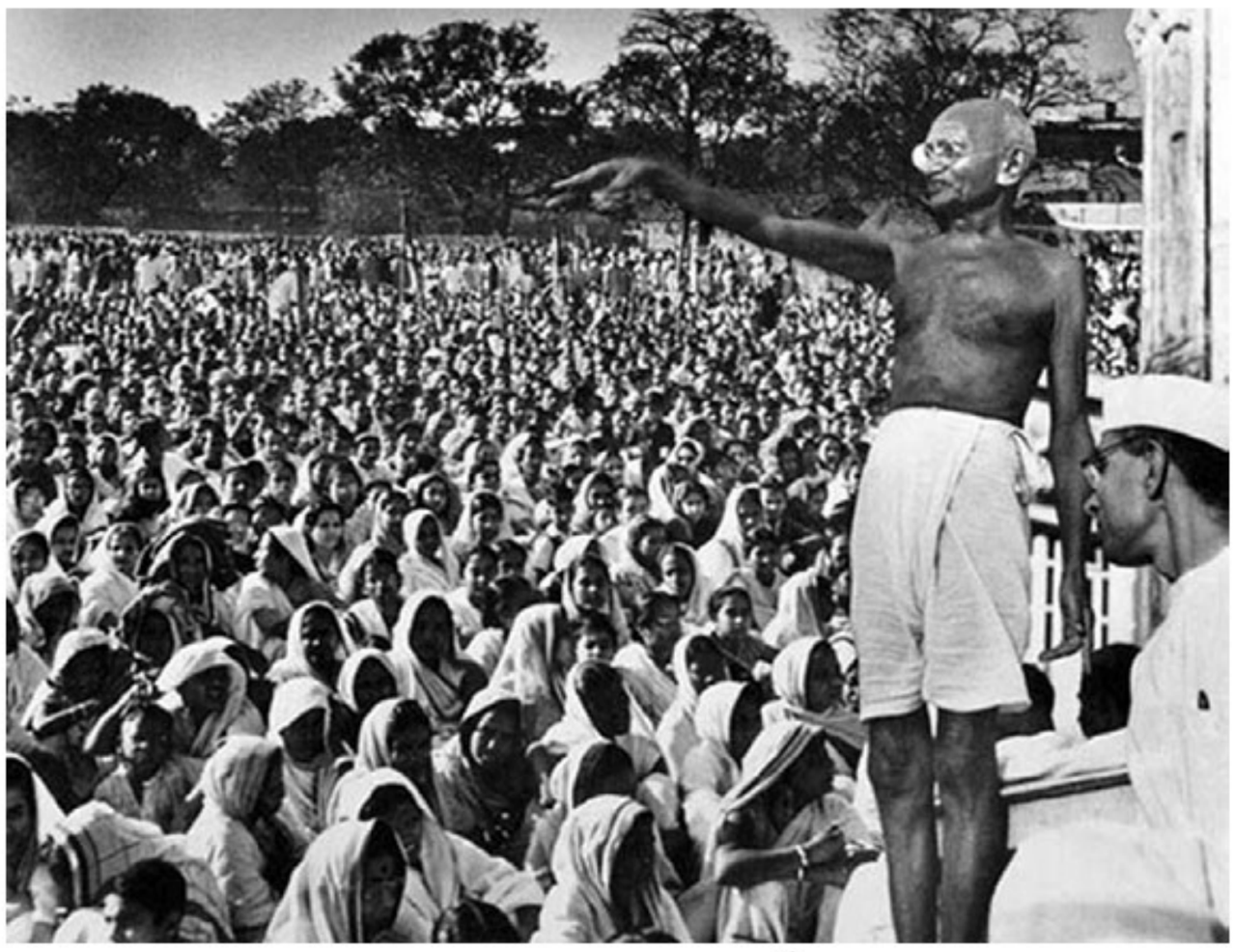
Phương pháp đấu tranh ôn hòa bất bạo động của ông sau này đã ảnh hưởng lớn đến nhiều chính trị gia trên khắp thế Giới như Nelson Mandela (Nam Phi), Lech Welsa (Ba Lan), Aung San suu Kyi (Mianma)... và đã dẫn đến thành công tùy từng mức độ khác nhau ở các quốc gia này.

Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX người dùng phương pháp đấu tranh bất bạo động đầu tiên là cụ Phan Chu Trinh (1872-1926), cụ chủ trương:

Khai dân trí: bỏ lối học cũ, mở trường dạy quốc ngữ, dạy kiến thức khoa học, bài trừ các hủ tục.

Chấn dân khí: chấn chỉnh tinh thần tự lực, tự cường, giác ngộ quyền lợi của mình...

Hậu dân sinh: phát triển kinh tế, sản xuất hàng hóa, mở hiệu buôn bán... Nhiều phong trào như Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du... ra đời cổ súy cho phong trào đấu tranh của cụ Phan.



Thánh Gandhi và dân chúng Ấn Độ đấu tranh bất bạo động chống thực dân Anh năm 1919

Là người cùng thời với Mahatma Gandhi của Ấn Độ. Hai nhà ái quốc ở hai nước Á châu có hoàn cảnh xã hội tương đồng, có phương pháp đấu tranh tương đồng. Nhưng ở Ấn Độ Mahatma Gandhi đã thành công, do phong trào đấu tranh ngày càng dâng cao và lan rộng khắp nơi nên thực dân Anh buộc phải trao trả độc lập vào ngày 15/8/1947. Còn ở Việt Nam hai điều có thể coi là không may đã xảy ra: thứ nhất cụ Phan mất sớm vào năm 1926 ở Sài Gòn khi mới 54 tuổi và thứ hai các đảng phái cấp tiến ra đời như Quốc Dân đảng và nhất là đảng Cộng Sản Việt Nam với chủ trương làm Cách mạng bằng bạo lực. Chính điều thứ hai này đã dẫn đến cuộc đấu tranh giành độc lập cho VN sau này tốn kém xương máu, nhiều triệu người chết (cả

binh lính và dân thường), nợ nần chồng chất, kinh tế kiệt quệ, đất nước bị tàn phá nghiêm trọng và còn vô vàn các tai ương, hệ lụy khác nảy sinh.

Sau này, nhiều trí thức Việt Nam vẫn chủ trương canh tân đất nước và dùng đường lối ôn hòa bất bạo lực trong đấu tranh với thực dân Pháp mà tiêu biểu là thượng thư triều Nguyễn, cụ Phạm Quỳnh (cha đẻ của Gs lão khoa Phạm Khuê và nhạc sĩ Phạm Tuyên) chủ trương bằng báo chí, sách vở, nhà trường giáo hóa dân chúng để qua đó người dân thấy được nỗi nhục mất nước mà bảo nhau đứng dậy đấu tranh. Nhưng cụ đã bị sát hại vào ngày 6 tháng 9 năm 1945 cùng với người con rể và hai cha con Ngô Đình Khôi bởi Việt Hùng một tổ chức khủng bố do đảng Cộng Sản lập ra, huấn luyện và nuôi dưỡng.

Xin được nói thêm, gia đình Phạm Quỳnh hiện đang cố gắng chứng minh rằng cụ bị oan và mong được minh oan. Đúng vậy, đối với nhân dân và đất nước thì cụ oan, oan quá là khác nhưng đối đảng Cộng Sản cụ đâu có oan? Căn cứ vào chủ trương của đảng Cộng Sản khi đó: "Trí, phú, địa, hào, phong kiến, đế quốc đào tận gốc, trốc tận rễ" thì điểm nào chẳng liên quan đến cụ nên cụ chết vào tay họ là phải. Thậm chí, một thời gian dài về sau trong các trường học, cụ được nhắc đến như một việt gian, một phản động, đối lập với các nhà yêu nước khác như các cụ Huỳnh Thúc Kháng và Ngô Đức Kế. Ông Phạm Khuê và Phạm Tuyên là các trí thức có tên tuổi đã cúc cung tận tụy phục vụ chế độ đến mấy chục năm cũng hy vọng một này nào đó cha mình được minh oan và nếu có thể thì kịch bản cũng lại như mấy ông Nhân Văn Giai Phẩm là cùng. Mấy ông Nhân Văn Gia Phẩm còn phục vụ chế độ này chứ cụ Phạm Quỳnh thì phục vụ được ngày nào? Hiện nay nhiều cuộc hội thảo, nhiều bài viết về Phạm Quỳnh xuất hiện để xã hội quen dần, đó là những chỉ dấu về việc nhà cầm quyền dọn chỗ cho việc minh oan cho cụ Phạm Quỳnh (và cũng là việc họ quen làm xưa nay để thử phản ứng xã hội). Tiện đây, cũng xin hỏi ông Phạm Tuyên (ông Phạm Khuê đã mất) thế còn hàng vạn

đảng viên Quốc Dân đảng và các trí phú địa hào khác cũng bị sát hại trong giai đoạn 1945–1955 như cụ Phạm Quỳnh thì minh oan cho họ thế nào? Hay chỉ ai kêu to thì được?



Giáo dân xứ Yến Hoa & Hoàng Mai thuộc GP Vinh đi biểu tình với đội kèn đồng ngày 2/8/09

2. Khó khăn của việc đấu tranh ôn hòa bất bạo động hiện nay ở Việt Nam

Như ta đã biết, đấu tranh bằng đường lối ôn hòa bất bạo động phải dựa vào tuyên truyền bằng ra báo, viết báo, tổ chức diễn thuyết, mở trường dạy học, thành lập công đoàn, các đảng phái chính trị... thì tất cả các việc đó đều khó khả thi trong các quốc gia độc tài nói chung và đặc biệt đối với Việt Nam hiện nay. Bởi vì hiến pháp và luật pháp của VN không cấm các việc này, VN cũng đã long trọng ký các công ước quốc tế về nhân quyền, song ký cho vui, ký rồi để đấy, ký để lừa bịp dư luận trong nước và thế giới. Nhà nước cộng sản VN xưa nay vẫn độc tài nhất thế giới, họ không hung hăng như Bắc Hàn (vì cũng không có thực lực để hung hăng) nhưng nham hiểm thì hơn Bắc Hàn nhiều. Họ tự đặt ra nhiều điều luật, thậm chí các điều luật này mâu thuẫn với nhau và mâu thuẫn với hiến pháp cốt là để đè bẹp các phong trào dân chủ. Ví dụ điều 88 luật hình sự cho phép kết án những người đấu tranh dân chủ bất bạo động là "vi phạm an ninh quốc gia" là "lật đổ chính quyền". Chính vì Việt Nam độc tài như vậy nên rất nhiều nghị sĩ Quốc Hội Hoa Kỳ đề nghị chính phủ của TT Obama đưa Việt Nam trở lại danh sách CPC! Viết báo, tổ chức diễn thuyết... đều không thể thực hiện được (mặc dù Mahatma Gandhi và cụ Phan Chu Trinh đã làm cách đây 80-90 năm và khoảng 65 năm trước Phạm Quỳnh đang là chủ bút tạp chí Nam Phong). Chính vì vậy nên có thể nói nền dân chủ ở Việt Nam đã tụt hậu cả thế kỷ! Thậm chí còn kém hơn cả thời

thực dân, đế quốc, phong kiến. Cũng xin nói thêm, ông Tôn Đức Thắng ở tù Côn Đảo nhiều năm, ra tù vẫn khỏe mạnh và vẫn sống đến tuổi 92. Còn tình trạng nhà tù Việt Nam hiện nay thì thảm hại nhất thế giới! Ngay cả những thanh niên khỏe mạnh như Lê Thị Công Nhân hay Nguyễn Văn Đài vào chốn địa ngục trần gian này chỉ một thời gian ngắn lập tức mặt bủng da chì ngay.



Quang cảnh biểu tình bất bạo động của giáo dân xứ Bồ Sơn & Thượng Lộc thuộc GP Vinh ngày 2/8/09

3. Độc tài có hại gì?

Đã đến lúc nhân dân Việt Nam cần hiểu rằng độc tài là nguy hiểm, là cản trở mọi sự tiến bộ của quốc gia, dân tộc thậm chí cho cả loài người. Đức Quốc Xã độc tài đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ II (1939-1945) làm chết mấy chục triệu người. Liền sau đó là chế độ độc tài Stalinnit đã sát hại hàng triệu người ở Liên Xô, đó cũng là nguyên nhân lâu dài dẫn đến sự sụp đổ của quốc gia "tiền đồn" và của cả phe XHCN ở Đông Âu vào những năm 1989-1991 mà nguyên nhân sâu xa chính là do sự độc tài của chế độ cộng sản ở các nước này với những tên độc tài khét tiếng như tổng bí thư đảng Cộng sản Rumani Nicolae Ceausescu. Ceausescu có cả cánh rừng riêng, đường rầy riêng dẫn tới khu rừng đó để thỏa thích thú vui săn bắn của y [1]. Chế độ CS ở đây cũng tạo ra những con chó trung thành một cách mù quáng, đó là trường hợp của nữ công tố Ludmila Brozova Polednova dưới thời công sản Tiệp Khắc. Vị nữ công tố này đã góp phần ngụy tạo nhiều chứng cứ buộc tội dẫn đến những án tù, án tử hình oan sai đối với các nhà đấu tranh dân chủ thời đó. Mọi việc tưởng đã đi vào dĩ vãng thì một ngày người ta xem xét lại các bản án thấy có dấu hiệu không bình thường. Mọi chuyện vỡ lở và mặc dù

ở tuổi 87, ngày 20 tháng 3 năm 2009 tòa án Praha (Cộng Hòa Czech) buộc bị cáo Ludmila phải thực hiện một bản án nghiêm khắc dành cho mình là 6 năm tù. Âu cũng là "thiện giả thiện báo, ác giả ác báo" đó thôi!

Ở VN cũng do độc tài mà không hề có sự cân nhắc lợi hại, lao vào cuộc chiến huynh đệ tương tàn để lại các vết thương khó lành trong lòng Dân tộc, dẫn đến cái chết của cả chục triệu người và đến nay VN vẫn là một nước nghèo thu nhập tính theo đầu người vẫn thuộc tốp những nước thấp nhất thế giới. Rồi cũng do độc tài mà hàng loạt các chính sách lớn của đảng Cộng Sản đều sai lầm như:

- Cải cách ruộng đất, đấu tố địa chủ giai đoạn 1950-1955 ở miền Bắc đẫn đến hàng vạn người oan sai;
- Hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 1957-1990 ở miền Bắc dẫn tới đói kém, tiêu điều, kinh tế kiệt quệ;
- Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Bắc sau 1954 và ở miền Nam sau 1975 đã bóp chết nền kinh tế tư bản non trẻ ở VN, lãng phí của cải vật chất, làm hoang phế bao nhiêu nhà máy xí nghiệp....
- Về văn hóa: một thời duy ý chí CS cho rằng tất cả những gì liên quan đến đế quốc, phong kiến cần phải loại bỏ dẫn đến việc phá đình miếu, chùa chiền trong suốt giai đoạn 1955-1975 ở miền Bắc (rất may cố đô Huế nằm ở miền Nam nên mãi sau 75, thời Trần Hoàn làm Bộ Trưởng Văn Hóa mới cho phá Đàn Nam Giao chứ nếu nằm ở miền Bắc thì giờ đây kinh thành Huế cùng các lăng tẩm cũng không còn). Cộng Sản thù cả với đình đám, hội làng cả một số làn điệu dân gian như hát đúm, hát lượn, hát phường vải khiến giờ đây người ta chỉ biết đến một cái tên chung chung sót lại, còn thực tế nó ra sao thì không biết. Song gần đây, rất may do cố gắng không mệt mỏi của một số trí thức mà một số làn điệu quí như nhã nhạc cung đình Huế, ca trù (hát ả đào) được phục hồi. Nếu chỉ chậm 5-10 năm nữa thôi, khi mà các nghệ nhân không còn thì cả kho tàng văn hóa phi vật thể khổng lồ của cha ông sáng tạo và tích lũy cả ngàn năm sẽ mất sạch sanh!

- Một chủ trương sai lầm có thể nói là nóng hổi và hiện hữu là việc khai thác bauxite Tây Nguyên, nó dẫn đến chết chóc và tàn phá, tàn phá toàn diện cả thiên nhiên, môi trường, văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh và lòng người! (xin không nói nhiều về chủ đề này ở đây, bạn nào muốn biết xin đọc bauxite viet nam)

Chỉ trong vòng vài tuần nay chính quyền CS liên tiếp bắt các nhà đấu tranh dân chủ. Khởi đầu, ngày 24 tháng 5 năm 2009 bắt Tổng Giám Đốc công ty OCI Kỹ Sư Trần Huỳnh Duy Thức và các anh chị Lê Thăng Long, Lê Thị Thu Thu, Trần Thị Thu với tội danh bịa đặt "trộm cước viễn thông", ngày 13/6/2009 bắt Luật Sư Lê Công Định, ngày 7 tháng 7 năm 2009 bắt cựu trung tá quân đội nhân dân VN Trần Anh Kim (Thái Bình) và thạc sĩ CNTT Nguyễn Tiến Trung (Sài Gòn). Thế là, như người Việt Nam vẫn thường nói "chó đen giữ mực", "chứng nào tật ấy" chính quyền Cộng Sản nay lại tấn công các nhà đấu tranh dân chủ ôn hòa như trước đây họ đã tấn công vào trụ sở của Quốc Dân đảng năm 1946 ở các phố Bùi Thị Xuân và Nguyễn Gia Thiều, giết hại rất nhiều người mà gần đây nhân xây dựng đã khai quật được những mộ tập thể. Bộ mặt độc tài của họ không hề thay đổi! Và lịch sử dân tộc lại ghi thêm điểm đen nữa cho CS về thành tích bất hảo của họ. Việc làm của họ là dấu hiệu không bình thường, một con thú trước khi chết thường giẫy rất mạnh!



Giáo dân xứ Bồ Sơn & Thượng Lộc thuộc GP Vinh đi biểu tình ngày 2/8/09

Những người đã bị chính quyền Cộng Sản kết án tù đày, giam cầm, những người bị bắt vừa qua họ đều là những người yêu nước, không ươn hèn trước ngoại bang như những người lãnh đạo đảng và chính quyền CS hiện nay. Những

người dũng cảm, bất khuất, kiên cường như Trần Anh Kim, Nguyễn Tiến Trung và trí tuệ, mẫn tiệp như Trần Huỳnh Duy Thức... là những người Việt Nam ưu tú nhất, những nhân tài đất Việt. Đừng làm hại họ nếu còn chút lương tâm!

Hiện giờ ngoài biển Đông, Trung Quốc (TQ) cho nhiều tàu chiến tuần tiểu ngày đêm, họ cấm ngư dân VN đánh cá, họ đâm chìm nhiều tàu thuyền của ngư dân, họ tịch thu cá đã bắt được, họ bắt ngư dân làm con tin và phạt rất nặng nếu nộp phạt cho họ thì mới thả con tin. Năm 1974 TQ đánh chiếm đảo Hoàng Sa từ tay quân đội VNCH. Các năm 1978, 1982 đánh chiếm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Ngày 14 tháng 3 năm 1988 TQ tiếp tục đánh chiếm đảo Gạc ma, thuộc quần đảo Trường Sa từ tay quân đội nhân dân VN, bắn cháy và chìm 3 tàu của VN, bắn chết, bị thương, mất tích, bắt làm tù binh tổng cộng 84 chiến sỹ hải quân Việt Nam [2] (sau này họ trao trả 9 người). Gần đây nhất, ngày 7 tháng 7 năm 2009, vào đúng ngày Trần Anh Kim và Nguyễn Tiến Trung bị bắt, tuần dương hạm TQ đâm làm hư hại nặng một tàu chiến của hải quân VN, giết chết 6 chiến sỹ hải quân VN, 7 người bị bắt, một số người mất tích. Hành động của họ man rợ và hung bạo còn hơn cả lũ cướp biển Somali! Một điều lạ là sau việc làm đó họ thản nhiên đăng báo [3], họ không nghĩ gì đến tình hữu nghị Trung Việt "Núi liền núi, sông liền sông", họ không nghĩ gì đến "Bốn tốt" và "Mười sáu chữ vàng"! Một điều lạ nữa là những người lãnh đạo của Đảng và nhà nước VN vẫn im thin thít, cả bộ ngoại giao lẫn bộ thông tin truyền thông vẫn im thin thít. Lê Dũng câm bặt không thấy ba hoa gì như việc phản đối 37 nghị sĩ Hoa Kỳ trong việc liên quan đến cha Nguyễn Văn Lý. Hơn 700 tờ báo viết VN cũng câm luôn thành ra chuyện tày đình như vậy mà đại đa số dân chúng VN không hề biết tin! Không biết nên dùng từ gì để nói về cộng sản VN nữa, có lẽ nên dùng câu mà cha ông ta vẫn thường dùng là "khôn nhà, dại chợ" mới có thể mô tả chính xác các nhà lãnh đạo VN hiện nay.

Bị phản đối rất mạnh về bauixite, bị TQ quấy nhiễu ở

biển Đông, ngư dân không dám ra khơi, bị nhiều nước, nhiều tổ chức Quốc tế phản ứng về nhân quyền nên chính quyền VN nghĩ ra trò bắt mấy nhà đấu tranh dân chủ để chia lửa, phân tán dư luận xã hội nhưng chia lửa thì lửa cháy ở nhiều nơi. Thật là một hạ sách!

Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng CS có bốn đặc điểm mà không quốc gia nào có được:

Thứ nhất: Có liệt sĩ ở khắp nơi VN, Lào, Campuchia

Thứ hai: Xã nào cũng có nghĩa trang liệt sĩ, ngoài ra còn có nghĩa trang quốc gia rất hùng vĩ ở Trường Sơn.

Thứ ba: Tỉnh nào cũng có ít nhất một nhà tù: Hà Nội có Hỏa Lò, Thanh Liệt...; Hải Phòng có Trần Phú; Hải Dương có Kim Chi, Hoàng Tiến; Hà Nam có Ba Sao...

Thứ tư: Nhà nước VN rất tự hào về việc có nhiều liệt sĩ!

4. Các đề xuất

- Phải coi sự tồn tại của các nhà dân chủ và hoạt động đấu tranh ôn hòa của họ là bình thường trong một xã hội có nền chính trị tiên tiến ổn định. Các hoạt động phù hợp với Hiến Pháp và Pháp Luật, phù hợp với tiến trình dân chủ hóa đất nước, phải được coi như các phản biện hay xúc tác làm xã hội phát triển tốt đẹp.



Thiếu nhi giáo xứ Bồ Sơn & Thượng Lộc thuộc GP Vinh tham gia cầu nguyện ngày 2/8/09

- Lành mạnh hóa các sinh hoạt chính trị trong nước, không bắt bớ đàn áp các nhà hoạt động dân chủ, không thể coi các hoạt động của họ là nhằm lật đổ chính quyền hay chống phá nhà nước. Còn nếu chính quyền vì thế buộc phải thay đổi thì phải coi đó là thay đổi hợp với lòng dân và xu thế xã hội, những thay đổi dẫn đến có lợi và lành mạnh cho đất nước và dân tộc. Không được tùy tiện

đặt ra các điều luật mâu thuẫn nhau, trái với hiến pháp chỉ nhằm mục đích trấn áp những người bất đồng chính kiến (như điều 88 Luật hình sự). Không được hình sự hóa các vụ án chính trị (như các vụ đối với Lm. Nguyễn Văn Lý, Ls. Nguyễn Văn Đài, Ls. Lê Thị Công Nhân...). Chính quyền phải thực sự tôn trọng hiến pháp, pháp luật và phải quản lý đất nước và nhân dân bằng hiến pháp và pháp luật chứ không thể bằng các tiểu xảo tùy tiện.

- Phải minh bạch các mối quan hệ trong nước và quốc tế để tránh những thiệt hại do các mối quan hệ đó đem lại cho đất nước. Minh bạch các chủ trương lớn và lắng nghe phản biện từ các tổ chức quần chúng, các đảng phái và từ chính nhân dân.

- Tập trung trí tuệ, tài lực, vật lực để chấn hưng đất nước, tăng cường quốc phòng an ninh làm cho dân giầu, nước mạnh thực sự, tránh các hiểm họa xâm lược từ bên ngoài.

- Phải chống tham nhũng triệt để hơn nữa. Lịch sử dân tộc chưa bao giờ ghi nhận tham nhũng là quốc nạn (có lẽ trước đây không có hay có nhưng không lớn, không đáng kể) thế mà ngày nay tham nhũng là "quốc nạn" chứng tỏ nó nghiêm trọng đến mức nào và VN chẳng những không tiến bộ mà còn tụt lùi so với chính ông cha mình đến mức nào!? Phải coi việc chống tham nhũng cũng là để chấn hưng đất nước. Phải tiếp tục phanh phui các vụ tham nhũng lớn như các vụ Huỳnh Ngọc Sỹ, lột mặt những kẻ đứng phía sau ông Sỹ trong vụ tai tiếng đã dẫn đến chính phủ Nhật phải cắt ODA đối với VN hay vụ tiền giấy polyme liên quan tới con trai ông thống đốc ngân hàng nhà nước Nguyễn Đức Thúy trước đây (cần làm rõ trách nhiệm của ông Thúy trong vụ này) v.v... Phải coi của cải xã hội là thứ cần được khai thác một cách khoa học, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Nó tuyệt đối không thể và không phải là của để dành của tổ tiên các nhà lãnh đạo để đến nay con cháu họ bòn rút, đào bới một cách tùy tiện, hễ bất cứ chỗ nào có dự án hay đấu thầu nào béo bở là lập tức ở đó có mặt vợ, chồng, anh, em, con, cháu các nhà lãnh đạo!

Luyện Thành Long
Ngày 13 tháng 7 năm 2009

Tham khảo và chú thích:

[1]. Nhà độc tài Nicolae Ceausescu TBT đảng CS Rumani đã bị kết án tử hình cùng với vợ là Elena Ceausescu vào ngày 25/12/1989. Phiên xử đã được truyền hình khắp thế giới và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Rumani cũng được khai tử từ đó.

[2] Theo lịch sử Hải quân nhân dân VN 1955-2005

[3] Nhan đề bài báo: "Trung Quốc hải quân tại Nam Hải xuất thủ liễu, đả tử lục danh Việt Nam hải quân". Nghĩa là: hải quân Trung Quốc đã ra tay trên biển Nam Hải (cách gọi của Trung Quốc, tức biển Đông của VN), giết chết 6 hải quân VN) (x. Bauxitevietnam info)

Nguồn: *Phong Trào Dân Chủ Việt nam*
http://ptdcvn.wordpress.com/2009/07/21/dấu-tranh-on-hoa-bất-bao-dộng/
Hình ảnh minh hoạ: VietCatholic

Hoa Tư Tưởng

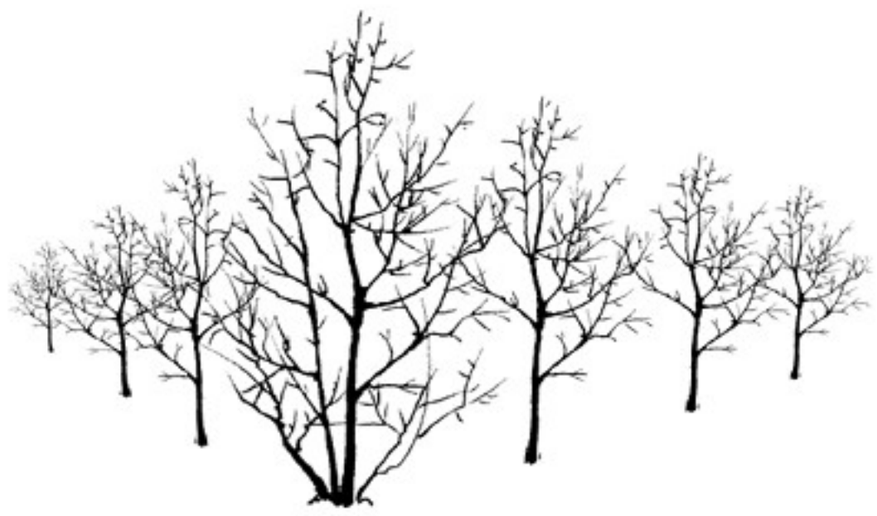


■ *Mắt đền mắt chỉ làm cho thế giới mù lòa.*
An eye for an eye makes the whole world blind.

■ *Bạn phải thay đổi theo cách mà bạn muốn thế giới thay đổi.*
You must be the change you want to see in the world.

Mohandas Karamachand Gandhi

Lời Tạ Tội



Xin lỗi Mẹ, đứa con vong quốc,
Xin lỗi em, ta, nỗi nhục đớn hèn.
Ra đi lỗi hẹn bao phen
Mà thuyền viễn xứ bon chen nẻo nào?
Xin lỗi em, linh hồn thơ dại
Vật vờ trong ngọn cỏ ngàn cây,
Pháo thù nẻo nẻo bủa vây
Máu trong nước mắt hận này nào nguôi?
Xin lỗi anh, tiền đồn cô quạnh.
Cả đời trai nào rõ phồn hoa
Xương ôm đất Mẹ hiền hoà
Mặc cho đời trải phong ba bao lần?
Xin lỗi Cha, cả đời lận đận
Trao lại con một gánh phong trần,
Nào hay bão tố dâng tràn
Cuốn đi bao giấc mộng vàng ngày xanh?
Xin tạ tội quê hương nghiêng ngả,
Đã vì con, đứt gánh giữa đường
Nợ từng con suối, bờ mương
Nợ con Huyết-lộ máu xương oán hờn.
Tội đã lớn, nhục càng thêm lớn
Tội cả tin một lũ đớn hèn,
Rồi bên bờ vực chênh vênh.
Con thuyền vong quốc lênh đênh xứ người.
Xin lỗi Người, vì ta vong quốc
Thuyền Tự Do, thân xác dập vùi,
Lỗi ta muôn kiếp nào nguôi,
Lỗi ta... ta mãi ngậm ngùi ăn năn!

Cư Nguyễn E29
26/01/2009

Trí Thức và Quá Trình Dân Chủ Hoá – Kinh Nghiệm Ba Lan

Phạm Minh Ngọc dịch

LỜI NGƯỜI DỊCH:

Cuộc toạ đàm với tên gọi "Trí thức và Dân chủ" do Quĩ Sứ Mệnh Tự Do, Trường Cao đẳng Kinh tế (Nga) và Quỹ Trung Tâm Báo Chí dành cho khu vực Trung và Đông Âu (Ba Lan), có sự trợ giúp của Đại sứ quán Ba Lan, đã được tổ chức ở Moskva vào ngày 4 tháng 3 năm 2009. Nhiều nhà khoa học và hoạt động xã hội có tiếng của Nga như: S. Kovalev, Lev Gudkov, Glev Musikhin... và Ba Lan như: Adam Mikhnik, Kshishtov Zanussi, Edmund Vnuk-Lipinski, Edgi Pomianovski... đã tham gia toạ đàm. Tuy mục đích của cuộc toạ đàm là nói về đóng góp của người trí thức đối với quá trình dân chủ hoá, nhưng hoá ra hiện tại không thể tách rời khỏi quá khứ và người ta đã dành đến một nửa cuộc toạ đàm để nói về quá trình chuyển đổi từ chế độ toàn trị sang chế độ dân chủ ở Ba Lan và Nga. Các sự kiện đã từng diễn ra ở Ba Lan vừa có ý nghĩa lịch sử vừa có thể là một bài học cho tương lai....

Adam Mikhnik *(nhà hoạt động xã hội, Tổng biên tập báo Gazeta Wyborcza)*: "Nếu các tầng lớp trí thức rộng rãi chuyển sang phía đối lập với hệ thống thì về mặt lịch sử, số phận của hệ thống đã được quyết định."



Adam Mikhnik

Năm 1989, lần đầu tiên tới Moskva, một nhà báo Nga đã tặng tôi cuốn Sự phá sản của chiến dịch 'Polonia'. Cuốn sách đã mô tả tôi, Adam Mikhnik, là một trong những lãnh tụ của "trung tâm phản cách mạng Ba Lan". Lúc đó tôi đã nghĩ rằng mình chưa bao giờ nhận được một lời khen ngợi như thế. Ở Moskva người ta đã coi tôi và Jacek Kuron, một người bạn nay đã quá cố, gần như là những người kinh khủng nhất. Ở Warszawa thì cũng thế. Vì vậy mà tướng Jaruzelski, nhà lãnh đạo Ba Lan lúc đó, đã bỏ tù chúng tôi. Bây giờ ông ta thường nói: "Này Adam, nếu lúc đó mà tôi biết mọi chuyện xoay ra như thế thì tôi đã không bỏ tù anh rồi". Nhưng đáng tiếc là ông ta không biết.

Người ta đề nghị tôi nói về vai trò của giới trí thức Ba Lan trong việc dỡ bỏ hệ thống cộng sản. Cần phải nói rằng giai tầng này giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống. Stalin gọi họ là "những kỹ sư tâm hồn". Vâng, họ là đối tượng chính của những vụ đàn áp, mà lại rất tàn khốc nữa. Nhưng mặt khác, chính quyền lại luôn sử dụng họ nhằm củng cố hệ thống. Không có nhóm xã hội nào được ve vãn và nịnh bợ như thế, ngoài tầng lớp nomenclatura cộng sản ra thì không có giai tầng nào được nhiều đặc quyền đặc lợi như trí thức. Dĩ nhiên là mô hình quan hệ đó được xây dựng ở Liên Xô, nhưng Ba Lan đã học thuộc bài.

Khi cái vòng kim cô của chủ nghĩa Stalin tan nát và khủng bố không còn thì trí thức Ba Lan là những người đầu tiên cất lên tiếng nói phản kháng. Khác với những nhóm xã

hội khác, trí thức biết nói và đã lên tiếng. Bắt đầu từ năm 1956 *(thường gọi là "Tháng Mười Ba Lan")* - ảnh hưởng của quá trình tẩy trừ tệ sùng bái Stalin và bản báo cáo của Khrushchev tại Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô. Mà áp lực chủ yếu lại là từ những trí thức trong Đảng, từ những người cộng sản nổi loạn. Nói cách khác, phản kháng bắt đầu từ trong lòng hệ thống. Đấy là những người phê phán hệ thống từ quan điểm của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Đấy là những người tin vào tương lai của một chủ nghĩa xã hội dân chủ, tin vào "chủ nghĩa xã hội với bộ mặt người".

Đồng thời, năm 1956 còn tạo điều kiện cho một nhóm người có học nữa, có thể gọi là những người Thiên Chúa Giáo có tư tưởng tự do, xuất hiện trên vũ đài. Từ năm 1956 Nhà thờ Thiên Chúa Giáo đã trở thành một kiểu nhà nước trong nhà nước. Nói đúng hơn là một nhà nước tự chủ trong một nhà nước mất quyền tự chủ. Nhờ sự kiện là nhà thờ có một sức mạnh như thế cho nên đã có chỗ cho những người mà tôi gọi là Thiên Chúa Giáo có tư tưởng tự do hoạt động. Thí dụ, như Câu Lạc Bộ Tri Thức Thiên Chúa Giáo. Tôi tách riêng câu lạc bộ này ra như thế là vì sau này những người tham gia câu lạc bộ đã có vai trò to lớn trong việc hình thành lực lượng đối lập dân chủ Ba Lan.

Giai đoạn 1956-1968 là giai đoạn đấu tranh thường trực giữa chính quyền và trí thức. Cuộc đấu tranh trở thành khả thể là vì chính quyền đã từ bỏ các biện pháp của nền chuyên chế Stalin đồng thời với sự xuất hiện một thế hệ trí thức mới (thế hệ của tôi), những người không phải sống trong sợ hãi và không biết cả chiến tranh lẫn những vụ đàn áp của Stalin. Chúng tôi, những người định hình sau năm 1956, đã không bị "tiêm chủng vi trùng sợ hãi" nữa.

Và cuối cùng là phong trào di cư sang các nước tự do ở châu Âu. Bản thân việc di cư đã chứng tỏ rằng người dân đã mất niềm tin vào khả năng cải tạo hệ thống cộng sản, mất niềm tin vào chủ nghĩa xã hội rồi. Còn ở chính Ba Lan thì số người tin tưởng cũng ngày càng ít đi. Sau năm 1968, tức là sau thất bại của "Mùa xuân Praha", chúng tôi bắt

đầu thảo luận những vấn đề khác. Chúng tôi tranh luận về cách thức tự bảo vệ, cách thức tạo ra không gian riêng, nơi chúng tôi có thể nói bằng giọng của mình mà không bị các biện pháp hành chính và kiểm duyệt bịt miệng.

Trí thức trở thành đối lập với chính quyền. Chính quyền không thể dùng họ như những cái loa tuyên truyền được nữa. Nhiều người trí thức chuyển sang đối lập với hệ thống có nghĩa là về mặt lịch sử số phận của hệ thống đã được quyết định. Nhà nước không thể tồn tại lâu nếu nó không được những người có học ủng hộ. Sự ủng hộ đã trở thành dĩ vãng. Nếu trong những năm 1940 các nhà văn và các nhà khoa học nổi tiếng đã ủng hộ chính quyền vì lý tưởng thì cuối những năm 1960 điều đó đã không còn. Một phần vì lý tưởng đã lụi tàn, một phần vì ủng hộ thì sẽ bị xã hội lên án. **Xã hội cho phép cộng tác với hệ thống với điều kiện là khi nằm trong hệ thống người đó phải thực hiện nhiệm vụ của chính quyền sao cho nó không giúp mà còn phản lại chính quyền** (ND nhấn mạnh). Thí dụ như tôi làm ở nhà xuất bản, tôi phải in được bao nhiêu cuốn sách Liên Xô chẳng hạn. Tôi in đủ bằng ấy. Nhưng tôi in Triphonov, Okudgiava, Voinovich, Aksenov. Những nhà văn đó cũng được coi là nhà văn Liên Xô vì họ sống ở Liên Xô, nhưng về mặt tinh thần thì đấy là những nhà văn tự do.

Chính quyền không biết phải xử trí với trí thức như thế nào. Họ đã bỏ gậy rồi, còn củ cà rốt của họ thì lại chẳng mua chuộc được ai.

Trí thức trở thành tiếng nói của xã hội đã bị bịt miệng. Dĩ nhiên là "cấp trên" tức điên lên rồi. Có một đất nước bình thường nào mà một bức thư khá là chừng mực của ba mươi nhà văn và nhà khoa học lại có thể tạo ra một cuộc cãi vã om sòm trong cấp lãnh đạo cao nhất, tức là ở Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng như chúng ta không? Thế mà chuyện đó đã xảy ra ở Ba Lan đấy. Một lần nữa chính quyền đã không biết làm thế nào. Chính quyền muốn giành lại niềm tin của trí thức bằng cách mở rộng không gian hoạt động cho họ, nhưng trí thức lại sử dụng

không gian này theo cách của mình. Đồng thới trí thức còn tạo ra những khoảng trống nhỏ nhoi mới cho hoạt động đối lập của mình nữa.

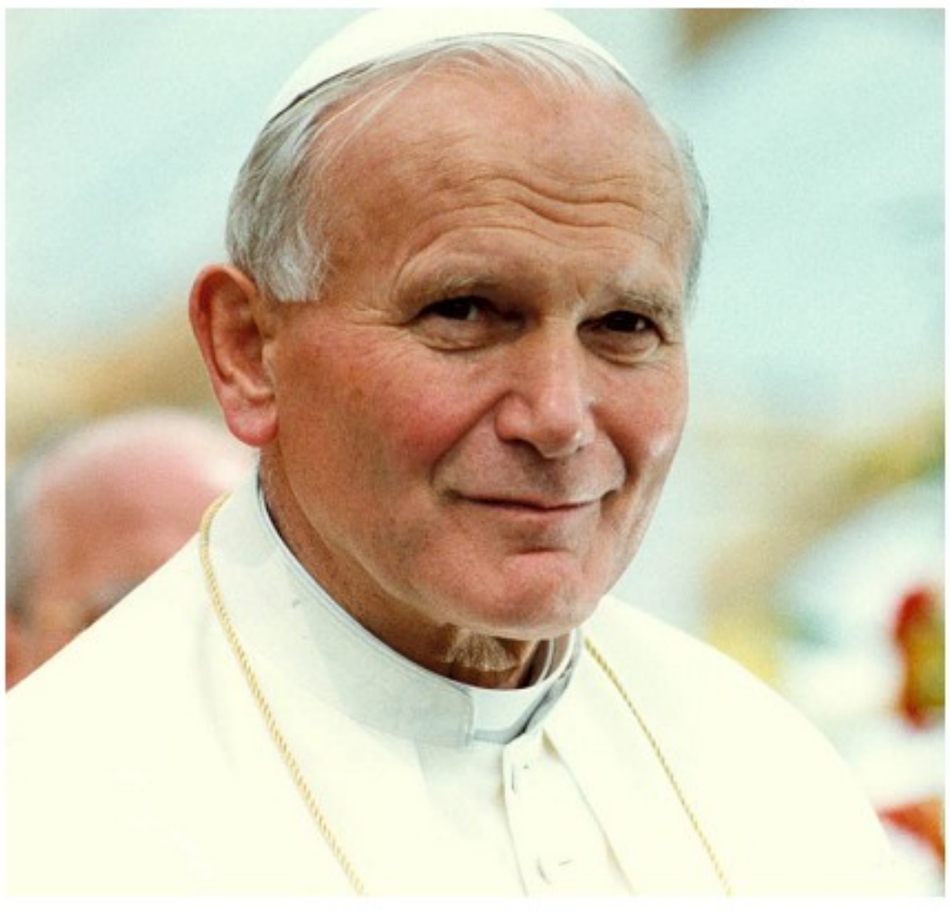
Thí dụ như tin nói rằng ở Liên Xô đã có "Samizdat". Tôi nhớ là một số người thân cận với tôi cảm thấy xấu hổ: Liên xô có "Samizdat" mà ta thì không! Kiều bào ở nước ngoài cũng chế giễu chúng tôi. Một người còn bảo tôi: "Sao lại có chuyện như vậy được. Tôi có bản thảo đánh máy từ Liên Xô mà Ba Lan không!" Điều đó đã động viên chúng tôi rất nhiều. "Samizdat" của Liên Xô đã cho chúng tôi thấy rằng bên cạnh báo chí chính thức, bên cạnh báo chí Thiên Chúa Giáo và báo chí của kiều bào, chúng tôi còn có thể sử dụng cả các lĩnh vực khác nữa.

Không thể không nói về những hiện tượng mới của nền văn hoá Ba Lan thời đó. Người ta đã thành lập được một nhà hát mới với ngôn ngữ đặc biệt vừa tránh được kiểm duyệt, vừa tạo ra môi trường giao lưu đối lập công khai với khán giả. Phim ảnh cũng thế, chẳng còn gì chung với hệ tư tưởng cộng sản nữa. Phim ảnh phản ảnh sự lo lắng về mặt đạo đức. Văn chương, thơ phú cũng mới. Tóm lại, xuất hiện cả một lĩnh vực văn hoá mới, nằm ngoài sự kiểm soát của hệ tư tưởng chính thống, thậm chí đối lập với hệ tư tưởng chính thống. Điều đó chứng tỏ cả mặt mạnh lẫn mặt yếu của giới trí thức. Chúng tôi biết cách tạo ra những ốc đảo nhưng không đủ sức chống lại chính quyền, theo nghĩa là không buộc được nó phải làm bất cứ chuyện gì.

Còn năm 1970, khi bắt đầu có những cuộc chống đối của công nhân ở bờ biển Baltic (Gdansk, Shotsin) thì trí thức lại đứng ngoài. Không lên tiếng. Vì vào năm 1968, vì sợ những sự kiện ở Tiệp Khắc, chính quyền đã đàn áp trí thức. Buộc họ phải ngậm miệng. Trí thức đã bị bẻ gẫy ý chí, có thể nói đã bị bẻ gẫy cột sống. Trí thức không dám đứng lên ủng hộ những người công nhân chống đối.

Mấy năm sau trí thức mới tỉnh được, mới chữa lành được vết thương của vụ khủng bố. Năm 1976, khi có những vụ phản kháng mới, lần này là ở Radom và Ursus, ngoại ô

Warszawa thì giới trí thức đã đưa ra được một dự án. Đấy là Uỷ ban Bảo vệ Công nhân. Và là một bước ngoặt. Không phải vì Uỷ ban là tổ chức quan trọng đến như thế mà vì nó là một tín hiệu và một biểu tượng. Khoảng ba mươi người tham gia, làm sao so sánh được với lực lượng của nhà nước và các cơ quan chuyên chính của nó. Nhưng Uỷ ban lập tức bị đài Châu Âu Tự Do "quay" và chính điều đó đã giúp hình thành bản sắc đối kháng trong tầng lớp trí thức Ba Lan.



Đức Giáo Hoàng J.Paul II

Còn một sự kiện nữa, thật không có gì có thể so sánh với ý nghĩa của nó. Tháng Mười năm 1978 chúng tôi nghe qua radio rằng một trí thức Ba Lan, một người từng là nghệ sĩ và công nhân (vì trong kháng chiến ông từng là công nhân) đã trở thành người đứng đầu giáo hội Thiên Chúa Giáo La Mã, thành Giáo Hoàng. Thật khó đánh giá hết được ý nghĩa của sự kiện này vì nó tạo cho người ta cơ hội công khai đồng nhất mình với một nước Ba Lan khác, Ba Lan phi cộng sản. Từ đây trở đi trò hề yêu nước thông qua lá bài chống Đức (họ bảo rằng nhờ có quân đội Liên Xô cho nên Ba Lan mới giữ được những vùng đất phía Tây) của cộng sản không còn hiệu nghiệm nữa. Chúng tôi đã có nước Ba Lan "của mình", vua của nước Ba Lan mới là John Paul II - một người trí thức, một người Thiên Chúa Giáo, một người Ba Lan chính hiệu. Petr Skshinetsky, chủ một quán rượu tên là "Tầng hầm bên dưới chuồng cừu", theo truyền thuyết, đã bước ra giữa chợ và hét lên rằng: "Cuối cùng thì người công nhân Ba Lan đã giành được một cái gì đó rồi!"

Sợ hãi biến mất từ đấy. Chính quyền hoàn toàn mất phương hướng - nó không biết phải sống với xã hội đó như thế nào, quản lý ra làm sao...

Evgeni Yasin *(Người Nga, Chủ tịch Quỹ Sứ Mệnh Tự Do,*

một trong các điều phối viên của cuộc toạ đàm): Nhưng ở Liên Xô tình hình lại khác. Chúng tôi không có nhà thờ như ở Ba Lan, không có Giáo hoàng John Paul II, không có phong trào quần chúng của công nhân, giới trí thức cũng không thử tìm cách tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân...

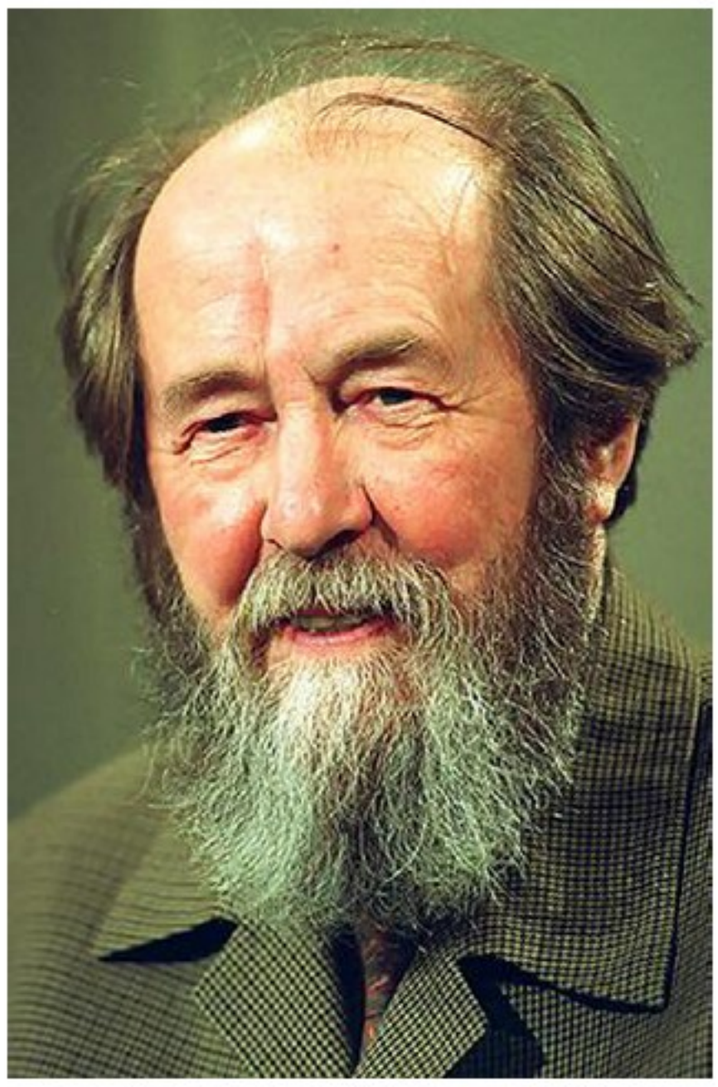
Adam Mikhnik: Chúng tôi có tất cả những chuyện đó. Và tháng Tám năm 1980, khi những vụ đình công dưới sự lãnh đạo của Uỷ ban Bảo vệ Công nhân (họ đóng vai trò cố vấn) ở nhà máy đóng tàu Gdansk nổ ra thì thế giới đã nhìn thấy một nước Ba Lan mới. Đình công lan ra toàn quốc. Chuyện chưa từng có bao giờ: Công đoàn thể hiện sự độc lập khỏi nhà nước, khỏi sự lãnh đạo của đảng cộng sản! Và khi công nhân đình công đòi bãi bỏ hoặc giảm bớt kiểm duyệt, nghĩa là đấu tranh cho quyền lợi của trí thức, khi trên cổng cảng người ta treo ảnh của Giáo Hoàng John Paul II, khi cầu nguyện trở thành một phần của cuộc bãi công thì có nghĩa là chủ nghĩa cộng sản đã hoàn toàn mất tính chính danh rồi. Luận cứ cho rằng trí thức nên ngồi yên vì đây là chính quyền của công nhân, của giai cấp vô sản, đã không trụ được, khi tiếp xúc với đời sống. Giai cấp vô sản tập hợp xung quanh Công Đoàn Đoàn Kết đã cho chính quyền "của mình" thấy rằng họ nói bằng giọng điệu riêng, không còn theo kiểu cộng sản nữa.

Ngày 13 tháng 12 năm 1980, tướng Jaruzelski hạ lệnh thiết quân luật. Từ đây cho đến tận năm 1989, ở Ba Lan đã tồn tại hai dân tộc. Một dân tộc "chính thức", có cơ quan của mình, hiến pháp của mình.



Các cựu chiến sĩ dân chủ của Công Đoàn Đoàn Kết trong ngày 20/6/09, kỳ niệm 20 năm CS Ba Lan sụp đổ

Dân tộc thứ hai, là dân tộc tập hợp xung quanh Công Đoàn Đoàn Kết, hoàn toàn không có mối liên hệ nào với dân tộc thứ nhất. Dân tộc này có một hệ thống giá trị khác, cách sống khác.



Văn hào Nga A. Solzhenitsyn

Trí thức đã làm gì trong những năm đó? Nhiều người đi vào hoạt động bí mật. Từ trong bí mật chúng tôi cố gắng gây ảnh hưởng đối với tình hình của đất nước. Chúng tôi đọc và truyền bá các tác phẩm của Amalrik, của Bukovsky, của Voinovich. Dĩ nhiên là cả Sakharov và Solzhenitsyn nữa. Ông Edgy Pomianovsky (một nhà phê bình tuyệt vời, một nhà văn và là đại sứ văn hoá Nga vĩ đại ở Ba Lan), cũng có mặt ở đây, lúc đó đang sống ở Ý đã dịch hai tác phẩm quan trọng của Solzhenitsyn và chúng tôi nhận xuất bản hai tác phẩm bí mật này. Chúng tôi bí mật xuất bản các tác phẩm của các tác giả Tiệp Khắc như Kundera, Havel, Khrabola, rồi cả các tác giả người Hung nữa. Đấy là việc truyền bá nền văn hoá độc lập, song song với nền văn hoá chính thức, không một trí thức tự trọng nào lại có thể không đọc những tác phẩm như thế. Người trí thức tham gia vào cuộc sống "khác" này để có thể tiếp tục cảm thấy mình còn là một trí thức.

Khi ở Liên Xô bắt đầu cải tổ thì chúng tôi hiểu rằng Moskva sẽ không can thiệp vào công việc của chúng tôi nữa, chính quyền cộng sản Ba Lan không còn bấu víu vào đâu được nữa, kể cả về chính trị lẫn tư tưởng. Nó buộc phải đối thoại với xã hội. Còn xã hội thì đã chuẩn bị cho cuộc đối thoại này hàng chục năm nay rồi. **Giới trí thức dân chủ Ba Lan đã hiểu rõ được mô hình của nhà nước thay thế cho nhà nước cộng sản** (ND nhấn mạnh). Giới trí thức Nga có nhận thức được hay không thì tôi không biết. Có những câu hỏi mà chỉ các bạn mới có thể trả lời được. Đây không

phải là trường hợp mà "ngoài ngõ thông hơn".

Xin nhận xét thêm rằng nhiệm vụ của các bạn đã bị những cố gắng của Gorbachev muốn đưa dân chủ, theo cách hiểu của ông ta, vào lãnh thổ cả đế chế làm cho phức tạp thêm ngay từ đầu. Chuyện này về nguyên tắc là bất khả thi, tất cả các dự án cải tạo đều không có cơ may trở thành hiện thực. Dễ hiểu là các nhà trí thức Ba Lan lúc đó đã không gặp phải những vấn đề như thế.

Evgeni Yasin: Nhưng sau khi Liên Xô tan rã - không phải là không có sự tham gia của trí thức - và nước Nga trở thành nhà nước độc lập, nhưng chúng tôi vẫn không có dân chủ...

Adam Mikhnik: Thật là thú vị nếu biết được các bạn cho là nguyên nhân là do đâu. Ngay từ năm 1989 trong các cuộc Hội nghị Bàn tròn giữa chính quyền và phe đối lập chúng tôi đã đòi được các cuộc bầu cử tự do rồi. Và chiến thắng lịch sử đã xảy ra: cộng sản thua, chúng tôi thắng. Từ đó bắt đầu quá trình cải tạo mang tính hệ thống.

Từ quan điểm của người trí thức thì đã diễn ra một sự kiện thần kì. Đã có tự do, không còn kiểm duyệt nữa, muốn đi đâu thì đi, muốn viết gì thì viết, muốn nói gì thì nói. Chính quyền là các lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết được bầu lên từ những cuộc bầu cử tự do. Nhưng khó khăn cũng bắt đầu từ đó. Lý trí buộc phải ủng hộ những cuộc cải cách kinh tế theo đường lối thị trường của Balserovik. Nhưng các cuộc cải cách đã phá tan đức hạnh của Công Đoàn Đoàn Kết, vốn được xây dựng trên triết lý về lẽ công bằng. Cải cách dẫn đến cạnh tranh, có người thắng và người thua. Mà người thua lại thường là những người công nhân trong các xí nghiệp lớn mà sản phẩm đã không còn cần thiết nữa.

Hãy tưởng tượng một xí nghiệp, thí dụ như xí nghiệp sản xuất tượng bán thân của Lenin chẳng hạn. Công nhân làm việc chăm chỉ và đôi khi thu nhập cũng không đến nỗi tệ, nhiều người còn được bằng khen, giấy khen về sáng kiến cải tiến nữa. Vì tượng lúc nào cũng có người mua. Bí thư đảng hay bí thư đoàn nào chả phải có một bức tượng để

trên bàn. Nhưng bây giờ nhu cầu tượng không còn. Sẽ là tốt nếu nhà máy biết cách hiện đại hoá kịp thời. Thí dụ như chuyển sang làm tượng John Paul II hay là sản phẩm gì đó tương tự. Nếu không hiện đại hoá được thì nghĩa là sẽ phá sản. Và công nhân trong các các xí nghiệp đó sẽ nói: "Bọn trí thức giở trò gì thế không biết? Chính chúng ta, bằng những cuộc bãi công của mình, đã lật đổ chế độ cộng sản. Chúng ta là lực lượng duy nhất mà chính quyền phải sợ. Không có chúng ta thì lũ trí thức đó chẳng làm được gì hết, thế mà bây giờ họ đi Paris, họ trở thành vua, còn chúng ta thì thất nghiệp!" Tất nhiên là tôi có đơn giản hoá, nhưng thực chất là như thế.

Ngay cả phần lớn trí thức cũng cảm thấy bất mãn. Nhất là những người tham gia tích cực vào hoạt động chính trị. Vì đối với người trí thức thì chính trị là lựa chọn mang tính đạo đức. Người trí thức bước vào chính trị là để lấy sự thật chống lại dối trá của bộ máy, lấy sức mạnh của niềm tin chống lại thói vô nguyên tắc của bộ máy. Nhưng hoạt động chính trị chuyên nghiệp, ngay cả trong chế độ dân chủ, không phải lúc nào cũng trùng hợp với đức hạnh, đôi khi còn khác xa nữa. Những người được bầu vào quốc hội thường không phải là những người đạo cao đức trọng mà thường là những người biết cách phát biểu trên TV hay là những người có tiền in khẩu hiệu. Chẳng bao lâu sau trí thức cảm thấy mình bị đẩy ra rìa và bị chính quyền mới coi là vật cản.

Còn trong lĩnh vực văn hoá? Nếu trong chế độ cộng sản vấn đề là kiểm duyệt thì bây giờ vấn đề lại là xoá nhoà các tiêu chuẩn đánh giá. Trong cái dòng chảy thông tin như thế thật khó biết cái gì là giá trị văn hoá, cái gì là số không về nghệ thuật và tri thức. Ngoài ra, quan hệ thị trường đã đưa nền độc tài của đồng tiền vào lĩnh vực văn hoá. Trong nền độc tài này khó mà in được, thí dụ như I. Kant, còn Conan Doyle hay Simenon thì dễ hơn nhiều. Vì hai ông này có nhiều độc giả hơn Kant.

Tình hình đó có ảnh hưởng thế nào với nền văn hoá Ba

Lan? Tôi nghĩ là không phải tốt. Có thể các bạn tôi sẽ không đồng ý với tôi, nhưng tôi cho rằng trong hai mươi năm qua chúng ta không có nhiều tác phẩm hay bằng thời cộng sản. Nếu có thì đấy cũng thường là tác phẩm của những người hoạt động văn hoá đã định hình từ thời cộng sản.

Có thể rút ra kết luận gì? Kết luận là để giành được vai trò tương xứng trong xã hội, trí thức còn phải cố gắng rất nhiều. Không chỉ trong lĩnh vực văn hoá mà cả trong lĩnh vực xã hội nữa. Ba Lan và các nước hậu cộng sản khác có rơi vào tình trạng mà tôi gọi là lựa chọn giữa Putin và Berlusconi, một phần không nhỏ phụ thuộc vào vai trò của trí thức. Tri thức phải đưa ra được dự án chống lại cả chủ nghĩa Putin lẫn chủ nghĩa Berlusconi.

Có khả thi không? Những người có học có thể tạo được ảnh hưởng với xã hội không? Tôi cho là có thể. Ở Ba Lan, trong vòng hai năm chúng tôi đã có một chính quyền mà theo tôi là tương tự như mô hình mà Putin đã thực hiện. Chúng tôi có những khẩu hiệu khác; bài Nga, bài Đức, chống cộng cực đoan nhưng dự án nhà nước thì là một. Nhưng khi chính quyền Ba Lan đưa ra đạo luật "thanh lọc[1]" có thể đưa đến việc khủng bố giới trí thức trong vòng một chục năm tới thì giới trí thức đã nói: "Không!". Các giáo sư đại học và các nhà báo đã tuyên bố: "Không, chúng tôi không muốn chuyện đó và không nghe các người nữa!" Xã hội đã nghe thấy lời phản đối của họ và hoạn lộ của hai anh em nhà Kaczynski suy sụp từ đó.

Dường như chủ nghĩa Putin không phải là số kiếp của chúng ta, chúng ta có thể chống cự nó một cách hiệu quả. Nhưng cần phải có không chỉ lòng quyết tâm mà cả sự kiên trì nữa. Mà kiên trì thì đáng tiếc không phải là ưu điểm của trí thức.

Evgeni Yasin: Hết sức cám ơn. Như các bạn đã thấy, Adam không chỉ kể cho chúng ta nghe giới trí thức Ba Lan đã làm gì trong thời cộng sản mà mà còn cho chúng ta biết những vấn đề họ gặp phải hiện nay cũng như sau khi chế độ cộng sản sụp đổ nữa. Có lẽ chúng ta không thể tách được

câu chuyện về hiện tại khỏi câu chuyện về quá khứ, như chúng tôi dự định lúc ban đầu.

Vừa nghe Adam tôi vừa nhớ lại tư tưởng của một nhà xã hội học nổi tiếng (hình như là Parsons) rằng văn hóa là tạo ra các hình tượng. Nhưng văn hoá hình thành phần lớn là nhờ trí thức, cho nên có thể nói trí thức tạo ra hình tượng. Tại sao tôi lại nói chuyện này? Vì khi giới trí thức chuyển hình tượng văn hoá mà nó tạo ra vào chính trị thì kết quả là xảy ra những thay đổi về chính trị và kinh tế-xã hội, những thay đổi này nhất định phải khác với các hình tượng đã tạo ra chúng. Vì vậy mà hiện thực hậu cộng sản ở Ba Lan đã không được như Adam và các bạn của ông hình dung.

Chúng ta cũng chứng kiến những sự khác nhau đó ở đất nước chúng ta, cuối những năm 1980 các sự kiện ở đây cũng diễn ra tương tự như ở Ba Lan. Ở đây quá trình dân chủ hoá trên thực tế không diễn ra theo quan niệm, thí dụ như của A. D. Sakharov chẳng hạn. Nhưng cùng với thời gian khoảng cách giữa hình mẫu (mục tiêu, lý tưởng, hình ảnh của tương lai) và thực tế đã lớn hơn rất nhiều, nếu so với Ba Lan. Trí thức Nga không giành được những điều mà các trí thức Ba Lan giành được. Tiếp theo I. Kliamkin (người Nga, phó chủ tịch Quỹ Sứ Mệnh Tự Do, một trong các điều phối viên của cuộc tọa đàm), tôi đề nghị các bạn Nga suy nghĩ xem tại sao lại như thế. Liệu có phải nguyên nhân là ở chỗ các hình tượng mà trí thức hai nước chúng ta tạo ra là khác nhau không? Hay còn có nguyên nhân nào khác?

Nguồn: talawas blog

---

[1] *Tạm dịch đạo luật có tính chất kỳ thị những người từng cộng tác với chế độ cộng sản trước đây.*



Trần Xuân Hiền, VHV

Anthony Grey là nhà phóng sự truyền hình của đài BBC ở Viễn Đông. Trước khi Hongkong được giao trả lại cho Trung Cọng, ông bị chính quyền cọng sản bắt giam 2 năm trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa 1968 để trả đủa nhà cầm quyền Hongkong bắt giữ 2 nhà báo Trung Cọng đã sách động thợ thuyền và sinh viên. Ông cũng là một nhà văn, những tác phẩm khác của ông đều lấy nguồn hứng từ lịch sử, văn hóa và thời sự của các quốc gia Á châu như tác phẩm Peking hay The Bangkok Secret. Nhưng SÀI GÒN có thể nói là một tác phẩm độc đáo. Tác giả có một sự hiểu biết sâu rộng về lịch sử và văn hóa VN. Chúng ta không khỏi ngạc nhiên với lòng mến phục khi thấy tác giả dẫn chứng thơ Kiều của Nguyễn Du, thơ của vua Lê Thánh Tôn, Phan Văn Trị, hay hịch Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trải. Mặc dù một số chi tiết gây ra nhiều ý kiến trái ngược, nhưng toàn thể tác phẩm gây cho người đọc nhiều thích thú.

SAIGON là một tiểu thuyết lịch sử, phiêu lưu và tình cảm của một mối tình tay ba Việt -Pháp- Mỹ đầy cảm động, éo le và gay cấn được lồng vào một giai đoạn lịch sử kéo dài từ 1925 cho đến ngày Sàigon mất 30/4/1975.

Charles 21 tuổi và Joseph 15 tuổi cùng cha mẹ là ông

bà Thượng Nghị Sĩ Nathiel Sherman sang thăm viếng Sài gòn vào năm 1925 để sưu tầm một số thú vật hiếm hoi ở vùng Đông Nam Á cho viện bảo tàng hoang dã của dòng họ Sherman. Trong một buổi tiếp tân tại dinh toàn quyền Nam Kỳ, Joseph có dịp làm quen 3 đứa trẻ VN con của cụ Trần văn Hiếu, một vị quan triều đình Huế: Trần Văn Tám 12 tuổi, Trần Văn Kim 11 tuổi, và Trần Thị Kiều Lan 10 tuổi. Đồng thời ông cũng kết bạn với một đứa trẻ Pháp tên là Paul Devraux I6 tuổi, con trai của Jacques Devraux là người hướng dẫn săn bắn và vừa là một tên mật vụ của sở Công An Pháp. Ngoài ra, Joseph có dịp làm quen với Ngô Văn Lộc, người tài xế của tên mật vụ và 2 đứa con là Ngô Văn Đông 13 tuổi và Ngô Văn Học 11 tuổi .

Trong một cuộc săn bắn ở rừng Xuân Lộc, Charles không may bị trâu rừng húc chết và TNS Sherman bị mất một cánh tay, Joseph và cha mẹ đau buồn rời VN. Đồng thời Paul Devraux rời Saigon sang Pháp theo học trường Võ Bị Saint Cyr và sau khi mãn khóa với cấp bậc thiếu úy, đã được bổ nhiệm về đồn Yên Báy, Bắc Việt. Trong thời gian này, Mai, vợ của Ngô Văn Lộc, người tài xế của Jacques Devraux, bị sở công an Pháp bắt giam vì tội hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng, và bỏ mình trong ngục. Lộc và 2 đứa con trai bỏ trốn , rồi tham gia cuộc nổi dậy của phu đồn điền cao su Dĩ An. Sau đó, 3 cha con chạy ra Bắc và tham gia phong trào Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Trong cuộc khởi nghĩa Yên Báy 1930 do VNQDĐ lãnh đạo, Ngô Văn Lộc cùng 2 đứa con Đông và Học ở trong lực lượng cách mạng tấn công đồn Yên Báy là nơi Paul đang trấn đóng. Cả 3 cha con quyết ra tay hạ sát Paul là người bạn thời niên thiếu để rửa thù cho vợ và mẹ, nhưng Paul chỉ bị thương, Học bị bắt và đưa lên máy chém cùng với 12 liệt sĩ khác. Lộc và đứa con trai lớn là Ngô Văn Đông thoát được, và sau đó tham gia phong trào Cọng Sản.

Năm năm sau, 1930 Joseph trở lại VN để tìm hiểu cái chết của Charles và để sưu tầm tài liệu cho luận án tiến sĩ về lịch sử một số quốc gia Đông phương. Joseph gặp lại Kiều Lan, nay là một thiếu nữ xinh đẹp duyên dáng khiến

chàng bị sét tình ngay. Trong dịp thăm viếng cố đô Huế, Joseph được Kiều Lan hướng dẫn đi xem tế Nam Giao và chơi thuyền trên sông Hương. Giữa cảnh sông nước ngây tình hai tâm hồn đã rung động và yêu nhau.

Jacques Devraux, người hướng dẫn đi săn trước đây, nay là giám đốc sở Mật vụ bị VNQDĐ ám sát. Cụ Trần Văn Hiếu muốn thắt chặc mối tình hữu nghị Pháp Việt, nên hứa hôn Lan cho Paul là con trai của Jacques Devraux và là bạn thời niên thiếu của Joseph. Joseph thất vọng trở về Hoa Kỳ, chàng vội vàng lập gia đình để quên mối tình cũ, nhưng hình ảnh Kiều Lan khó phai nhòa.

Thế chiến thứ 2 bùng nổ, Joseph gia nhập không lực Hoa Kỳ và được biệt phái sang mặt trận Thái Bình Dương, rồi miền Nam Trung Hoa. Khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh năm 1945, Joseph trong toán tình báo OSS được phái sang VN. Joseph cùng phái đoàn sang Hà Nội, rồi vào Sài gòn. Joseph tìm đến thăm gia đình cụ Trần Văn Hiếu thì hay Kiều Lan đã lấy Paul và có một đứa con trai tên là Trang, sau này theo học trường Võ Bị Quốc Gia và phục vụ trong quân đội Việt Nam Cọng Hòa. Chàng sửng sốt khi biết được chàng có một đứa con rơi với Lan tên là Tuyết.

Tình hình VN biến chuyển, trân Điện Biên Phủ quyết định số phận VN. Paul là Đại Tá Tham Mưu Trưởng quân đội Pháp, và Ngô Văn Đông là đại đội trưởng đội đặc công cọng sản tấn công căn cứ này. Khi lọt được vào tổng hành dinh của căn cứ, Đông tìm được Paul và hạ sát để rửa thù cho mẹ và em.

Trong khi đó Joseph đã ly dị vợ và hy vọng nối lại tình xưa với Lan, thì định mệnh khắc khe, nàng và cụ Trần Văn Hiếu bị bọn khủng bố hạ sát. Đau khổ, Joseph tìm nguồn an ủi ở đứa con gái riêng là Tuyết, nhưng nàng không nhận Joseph là cha. Tuyết là nữ sinh trường Marie Curie, nàng yêu một thanh niên tên là Lương. Lương hoạt động cho Cọng Sản, nên bị chính quyền Quốc Gia bắt giam và chết trong ngục. Tuyết uất hận bỏ vào bưng gia nhập lực lượng đặc công Cọng Sản. Trong một trận phục kích một đơn vị Quân Đội Quốc Gia, Tuyết hạ sát Trung Úy Trang là em

trai cùng mẹ khác cha mà không hay.

Trong cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968, Ngô Văn Kiệt là con của Ngô Văn Đông và là cháu của Ngô Văn Lộc có mặt trong toán đặc công Cọng Sản đánh chiếm tòa Đại Sứ Hoa Kỳ Sàigòn. Đêm đó Đại Úy Guy Sherman, em khác cha với Joseph, trực gác. Guy hạ được Kiệt trước khi ngã gục dưới quả lựu đạn của Kiệt. Như vậy, mối thù hận từ ông dến cháu đã được vay trả sòng phẳng.

Trong lúc đó, Joseph gặp được Tuyết và đứa con gái tên là Trinh, tức là cháu ngoại của Joseph ở Huế trong biến cố Mậu Thân. Tuyết cứu được Joseph khỏi tay bộ đội Cọng Sản, nhưng nàng từ chối theo Joseph về Hoa Kỳ. Nàng và đứa con gái ra Hà Nội nương tựa vào sự giúp đở của người cậu ruột là Trần Văn Kim mà Joseph đã gặp hồi niên thiếu ở Sài gòn. Trần Văn Kim là Ủy viên Trung Ương Đảng có chân trong phái đoàn Cọng Sản tham dự hoà đàm Paris. Kim không quên được tình máu mủ anh em tìm đến thăm anh là Trần Văn Tám trong phái đoàn của chính phủ Việt Nam Cọng Hoà. Khi về Hà Nội, Kim bị nghi ngờ và mất chức, và một thời gian sau bị thủ tiêu. Tuyết được Kim che chở. Trong một cuộc không tập của phi cơ B.52 xuống Hà Nội, Tuyết tử nạn và để lại Trinh một mình. Trước khi bị thủ tiêu, Kim tìm cách liên lạc với Joseph ở Paris và đồng thời gởi Trinh trên đoàn xe Cọng Sản vào Nam. Joseph qua Sài gòn đúng lúc tìm được Trinh. Cả hai vào được tòa Đại sứ Hoa Kỳ vừa đúng lúc chiếc trực thăng cuối cùng rời tòa đại sứ.

SAIGON là một bức tranh lịch sử vĩ đại làm sống lại những phong cảnh quê hương thời trước như cảnh sông nước Sài gòn, cảnh đường phố Sài gòn Chợ Lớn, cảnh đồi núi Xuân Lộc, cảnh con đường cái quan chạy dọc bờ biển Nam Hải, cảnh đền đài cung điện và lăng tẩm Huế, cảnh Hồ Hoàn Kiếm và các phố Hà Nội...

SAIGON còn ghi lại một số tập tục thời xưa như tục ăn trầu, thờ cúng ông bà, tục trừ ma quỷ, khoa phong thủy, lễ Nam Giao, Tết Nguyên Đán...

SAIGON là một thiên hùng ca oai hùng và đau thương



Đường Catinat Sàigòn

của dân tộc VN trong các phong trào chống Pháp và chống Cọng từ 1925 cho đến khi Sài gòn mất, như cuộc nổi dậy của phu các đồn điền cao su, cuộc khởi nghĩa Yên Báy với cái chết của 13 liệt sĩ trên máy chém, trận đói năm Ất Dậu, quân Nhật chiếm VN, quân Đồng Minh tướt khí giới quân Nhật, phong trào chống đối Phật giáo, Thượng Tọa Thích Quảng ức tự thiêu, cuộc đảo chính lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm, biến cố Mậu Thân, các chiến trường miền Trung, miền Tây, cuộc tấn công của Cọng Sản vào Sài gòn và những giờ phút hấp hối của Sài gòn...

SAIGON là một trận cuồng phong thời đại tàn phá xã hội mà ảnh hưởng không ít đến mọi gia đình VN. Cuộc chiến tranh ý thức hệ làm đảo ngược mọi tầng lớp xã hội và hủy diệt mọi giá trị tinh thần. Những nhân vật trong tác phẩm này có thể tiêu biểu một phần nào cho các tầng lớp xã hội VN.

Cụ Trần Văn Hiếu, một vị quan triều đình Huế tiêu biểu cho giai cấp thỏa hiệp với người Pháp. Cụ chủ trương dung hòa mới cũ và dựa vào sự giúp đỡ của người Pháp để tiến dần đến nền độc lập.

Trần Văn Tám tiêu biểu cho hạng cán bộ quốc gia tầm thường. Khi bình thường thì an hưởng, khi đất nước lâm nguy thì chuồn sớm.

Trần Văn Kim là hạng thanh niên thiên tả chống đối xã hội cũ. Kim từ bỏ gia đình, phủ nhận uy quyền cha để hoạt động cho phong trào Cọng Sản. Nhưng khi chàng trở về con người có nhân tính thì bị Đảng thanh trừng. Trước khi bị thủ tiêu chàng nhớ lại lời nói của cha, "Không may đất nước lọt vào tay Cọng Sản thì không những gia đình tan nát, mà bản thân cũng bị hủy diệt."

Đào Văn Lạt là một nhà báo cấp tiến thờ chủ nghiã khắc

kỷ và siêu nhân của triết gia Đức Nietzche, Lạt tự thiến bộ phận sinh lý và cắt đứt mối tình với người yêu để hoạt động cho phong trào Cọng Sản.

Ngô Văn Lộc tiêu biểu cho hạng nông dân bị áp bức. Uất hận vì ruộng đất bị địa chủ cướp mất, Lộc tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau cuộc khởi nghiã Yến Báy thất bại, Lộc và 2 đứa con gia nhập phong trào Cọng Sản. Khi Việt Minh cướp chính quyền năm 1945, Lộc là ủy viên nhân dân thành phố Sàigòn, Lộc bỏ mình trong một cuộc đánh nhau với quân Pháp. Sau Hiệp định Genève chia đôi VN, Ngô Văn Đông, con của Lộc được Cọng Sản gởi vào Nam nằm vùng để phá hoại chế độ Cọng Hòa miền Nam. Ngô Văn Đông và con cái trở thành những phần tử Cọng Sản trung kiên với truyền thống Cọng Sản từ ông đến cháu .

Kiều Lan là hình ảnh thiếu nữ khuê các con quan, duyên dáng, dịu dàng và dễ mến của xứ Huế. Phụ nữ Á Đông thanh lịch, lễ giáo và thụ động khác hẳn phụ nữ Tây phương mà theo Jacques Devraux là một cái gì mê hoặc khiến cho máu người đàn ông ngoại quốc sôi lên như rượu champagne, và một khi đã gặp thì khó lòng quên được. Kiều Lan rung động trước tính hồn nhiên và nghĩa hiệp của chàng thanh niên Hoa Kỳ, nhưng vì thương cha nàng đặt hiếu trên tình, nên nhận lời cầu hôn của Paul.

Thượng Nghị Sĩ Nathiel Sherman là một chính khách lão luyện nói lên được tinh thần dân chủ và đạo đức của người Hoa Kỳ. Ông ngưỡng mộ văn hóa Á Đông, ông không tán thành chính sách cai trị lỗi thời của người Pháp. Ông say mê đồi núi VN và mến sự làm việc cần cù của người VN.

Jacques Devraux, tên trùm mật vụ dại diện cho người Pháp lỗi thời, y khi miệt người VN và thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng, nhưng y không khỏi nhận thấy nếp sống tế nhị và thanh tao của người VN. Nhờ có những tín ngưỡng và lễ nghi cổ truyền, người VN đi vào thế giới tâm linh dễ dàng hơn người Tây phương. Thời tiết và hoàn cảnh địa lý khắc nghiệt giúp người VN biết thích ứng và trở nên độ lượng; trái lại, người Pháp khó thích ứng nên trở thành tàn bạo.

Paul Devraux là một thanh niên Pháp tiến bộ dễ mến. Chàng lớn lên với trẻ em VN nên yêu VN như quê hương mình. Chàng chống đối lập trường lỗi thời của cha và muốn giúp đỡ dân tộc VN tiến dần trên đường độc lập.



Joseph là một thanh niên Hoa Kỳ say mê phong cảnh và những tập tục cổ kính VN. Chàng ngây ngất cảnh ngược dòng sông Sài gòn, thu hút bởi cảnh phố xá Sài gòn Chợ lớn, hồi hộp nín thở khi đi vào rừng núi Xuân Lộc, và đờ đẫn khi thăm viếng cung điện và lăng tẩm Huế. Thế giới Đông phương là một cái gì bí mật và mê hoặc, nên khi vào đại học Harvard, chàng quyết định theo học môn Lịch Sử Đông Phương. Nhưng điều quyến rủ hơn cả đối với chàng là hình ảnh duyên dáng và e lệ của thiếu nữ VN trong chiếc áo dài tha thướt mà chàng có cảm tưởng họ không bước đi mà trôi nhẹ trên hè phố dưới làn gió chiều.

Sau cùng, SAIGON chẳng khác một bi kịch Hy Lạp mà những nhân vật chính ban đầu là bạn bè thân thiết, rồi vì trận cuồng phong thời đại, họ trở thành những kẻ thù không đội trời chung. Mối hận thù đeo đẳng dằn dai từ đời nọ sang đời kia. Vở tuồng đầy những kịch biến dồn dập và gay cấn, và khi thắt nút mở ra thì hầu hết các nhân vật đều ngã gục.

Sau một thời gian sống ở hải ngoại, người Việt tỵ nạn nay có thể trở về thăm quê cũ, nhưng Sài gòn năm xưa, Huế cổ kính và Hà Nội ngàn năm văn vật còn đâu? Những người nặng lòng hoài cổ không khỏi cảm thấy một nỗi buồn man mác và ngậm ngùi luyến tiếc. Tác phẩm SAIGON của Anthony Grey có thể giúp chúng ta sống lại trong giây lát Việt Nam năm xưa.

■ ■

Chùm thơ
Nguyễn Đông Giang K19



tranh Lâm Mạnh

Lời Tình

Kỷ niệm ngày gặp lại Bích

Bao giờ mới gặp lại em,
vầng trăng đã khuyết, bên thềm thời gian.
Tám năm lỡ một cung đàn,
dây xưa còn vọng, lời than tan tình.
Đâu ngờ, gặp lại hở mình,
oan khiên chưa dứt, nên tình còn đây.
Chia ly bỗng chợt sum vầy,
mừng hơn ngày cưới, đông tây của người.
Đoàn viên sao chẳng nói cười,
lệ trào khóe mắt, hổ ngươi giữa đời.
Anh một nơi, em một nơi,
hai phương cách biệt, đến thời gặp nhau.
Đến thời tóc đã đổi màu,
đến thời nhật nguyệt trước sau trọn tình.
Đến thời, trái đất lặng thinh,
nằm nghe hơi thở, chúng mình yêu nhau.
Tạ ơn, thiên địa nhiệm màu,
cho em nối lại nhịp cầu với anh.
Đổi đời, ta bỏ kinh thành,
tình muôn năm cũ, thành tình lưu vong.

Cupertino, March 09, 98

Nhìn Em Lại Nhớ Non Sông

Nhìn em lại nhớ
non sông
Trong đôi mắt biếc
xanh trong bầu trời
Môi em
Mọng đỏ à ơi
Mẹ ru con ngủ
những lời năm xưa
Má em
Trắng mướt hạt mưa
Đồng xanh bát ngát
Gió đưa thu về
Tình em
là cả trời quê
Trải dài thương nhớ
Ngày về – gần hơn.



Em Ơi! Đời Vốn Đoạn Trường

Mai kia – ta sẽ trở về,
Dầu sông hết nước – dầu đê lở bờ.
Ta về – về thật hay mơ,
Vườn cau lá rụng – em chờ lâu nay.
Ta về sông núi có hay?
Người xưa trở lại – sau ngày biển dâu.
Ta về tóc bạc mái đầu,

Cúi hôn miếng đất chôn nhau của mình.
Vô tình – trời đất lặng thinh,
Như chim hoàng hạc – nghĩ mình mà đau.
Ta về biết có còn nhau,
Vầng trăng cổ lụy – ngã màu tháng năm.
Chiến tranh lót ổ ai nằm,
Mà người năm cũ xa xăm vô cùng.
Ta về mây vẫn trắng bay,
Còn ta chưa hết – những ngày lưu vong.
Ta về – tổ quốc còn đau,
Nước non vẫn vậy, vẫn màu tang thương.
Em ơi! Đời vốn đoạn trường,
Cõi xưa đã rụng – vấn vương thêm buồn.
Ta về – ngựa cũ qua truông,
Soãi chân thổ mộ – bước buồn trăm năm.
Quê hương! Mảnh đất – mẹ nằm,
Tha hương! Nhớ quá về thăm cho cùng.
Ta về – gom hết – nhớ nhung,
Đem san sẻ lại cho từng nỗi đau.

Những câu thơ - một thuở quê nhà

Những câu thơ – một thuở quê nhà
Anh đọc lại những ngày lạc xứ
Ra đi – ngàn dâu – dặm lữ
Thơ buồn – nhật nguyệt cũng buồn theo

Những câu thơ – anh viết cho em
Lẽo đẽo theo anh những ngày dong ruổi
Bến nước vô cùng, đâu là chặng cuối
Bao giờ trở lại cố hương
Biết bao giờ trở lại cố hương



Biển nước mang mang – đoạn đành ngoái lại
Đâu là quê hương – mây mờ quan ải
Chỉ biết lòng mình – ruột thắt quặn đau

Những câu thơ đầy ắp thương yêu
Anh đã viết dành riêng cho Mẹ
Chiến tranh về lấy đi tuổi trẻ
Mẹ già, con mẹ cũng già theo

Thuở quê nhà – qua đò đi học
Mẹ bới khoai – cho con lót lòng
Con qua sông – kiếm đôi ba chữ
Sau này, đỡ khổ tấm thân

Những câu thơ – một thời xa xưa
Viết chẳng hết muôn vàn kỷ niệm
Non nước nghìn trùng – anh còn dâu biển
Em chẳng lấy chồng ở vậy làm chi

Những câu thơ – một đời yêu nhau
Anh đọc lại những ngày lạc xứ
Lưu vong hề – cùm chân lữ thứ
Anh tiếc hoài – chẳng ở với em

Nguyễn Đông Giang K19

Trùng Vương
Khung Cửa Mùa Thu

Tell Laura I Love Her
Nhạc: Jeff Barry & Ben Raleigh
Lời Việt: Nam Lộc - Nguyễn thị Lệ Thanh

Moderato

Tim em chưa nghe rung qua một lần! Làn môi em chưa hôn ai

cho thật gần! Tình trần mong manh như lá me xanh ngơ ngác rơi nhanh

Thu giăng heo may cho bóng cây lạnh đầy. Người cho em nghe câu nhớ

thương từng ngày. Những ngày đợi chờ đời người qua cơn mơ trong mắt ngây thơ trong

nắng vu vơ! Nhớ khói bay lạc vấn vương! Cho hơi ấm lên môi người!

lùa sương kín nhẹ vây ngập trường làn mây yêu thương vướng trong hồn em!

Người mang cho em quen môi hôn ngọt mềm. Tình cho tim em rung những đêm lạnh lùng

Từng chiều cùng người về trong cơn mưa bay nghe thương nhớ tràn đầy lên đôi mắt thật gầy.

Trưng Vương hôm nay mây vẫn giăng đầy trời. Công viên năm xưa hoa vẫn rơi tuyệt vời bóng

người thì mịt mùng từng hàng me run run, trong cơn gió lạnh lùng, trong nắng ngại ngùng!

Nắng vấn vương nhẹ gót chân. Trưng Vương vắng xa anh dần!

Mùa thu đã qua một lần. Chợt nghe bâng khuâng, Lá rơi đầy sân!....

Nhánh Sứ Quê Hương

Hoa Trạng Nguyên/25

- Nhánh sứ của mẹ đã đâm chồi cho nụ rồi.

- Thế à! Làm sao ba biết? Chắc không?

- Cái gì cô cũng bảo tôi không biết! Đây này, cái chồi mới nhú ra là những chồi tròn, còn nếu chồi lá thì nó nhọn.

- Như vậy cũng tốt rồi. Mùa hè này nhà mình sẽ có những bông hoa sứ đầu tiên, không biết sứ này điểm nhuỵ vàng hay hồng...?

Cô Ngọc nói vậy với thầy, nhưng thật sự lòng cô thích thú vô cùng. Bốn năm trước, khi nhánh sứ bắt đầu nhú chồi, bắt rễ, lòng cô đã vụt vui như đứa trẻ được quà. Nhánh sứ mọc và đâm thẳng, khẳng khiu, trơ trọi như một kẻ cô đơn bắt đầu đi vào vùng đất lạ. Khi nhánh sứ cao được hai gang tay, cô đã mạnh dạn cứa đi cái chóp của nó để nhánh sứ có thể sẽ đâm thêm một nhánh. Thế là, trong sự chờ đợi của cô, nó cũng đâm ra một nhánh... Bây giờ là thời kỳ nhánh sứ èo uột này sẽ sung mãn trên đất Mỹ trước nhà cô. Cô sẽ bón thêm phân, tưới nước hàng ngày và thêm mấy năm

nữa, cô sẽ có một cây sứ như ngày xưa thuở nào ở quê nhà.

Đã qua hai mươi năm trên đất Mỹ, thế giới nói gia đình cô là dân Việt tị nạn chính trị. Dân Mỹ chính thống bảo gia đình cô là người Mỹ gốc Việt. Việt cộng gian xảo ví gia đình cô là dân Việt kiều yêu nước, là khúc ruột xa ngàn dậm. Riêng gia đình cô, bản thân cô vẫn luôn nhớ rằng cô là người Việt ly hương... Vì đâu nên nỗi này... cũng vì ngày 30/4/75 đó, không cần tỏ cùng ai... cô cũng biết chắc rằng - ai là người Việt như cô, đa số đều có trăm nỗi niềm. Tình hoài hương, nhớ quê xưa, nhớ ơi là nhớ, từ mái nhà, gốc cây, phố phường, hai mùa mưa nắng... Cô nhớ mùa hè, nắng Sàigòn lung linh trên màu hoa phượng đỏ thắm, nằm ẩn hiện trong màu hoa tím mà hoa chỉ nở trong mùa hè xứ Mỹ này. Mùa đông, cô nhớ những cơn mưa xầm xập làm sạch sẽ đường phố, cô nhớ món cá rô ngộp kho xả ớt bằng cái tộ đen thui, trên bếp than hồng của mẹ cô. Muà thu ở Mỹ, lá vàng, lá đỏ đầy đường, cô lại nhớ đến những ngọn gió heo may. Sàigon cũng có những lá vàng bay, một loạt lá me rạt rào rơi xuống, làm đẹp cho những cuộc tình học trò thêm thơ mộng và những bông Sứ trắng trước sân nhà cô, vươn ra khỏi những tàng lá xanh như ngọc nhẹ nhàng một mùi hương, mà cô vẫn cho đó là hương xuân, hương mùa xuân của trăm hoa trong hội hoa đường Nguyễn Huệ, Sàigòn.

Dù đã 20 năm qua, dù phải hội nhập vào xã hội Mỹ, dù ngày trở thành công dân Mỹ, cô đã long trọng tuyên hứa là phải trung thành với đất nước Mỹ nhưng trong tâm tư cô không bao giờ cô từ bỏ được cái An Nam cội rễ thật thà cuả cô.

Cô Ngọc thích tiêu khiển bằng thú chăm sóc cây xanh trong khuôn đất nhỏ xung quanh nhà. Ngoài những giống rau thơm Việt Nam như các loại rau húng, quế, cần tàu, rau răm, hay bụi sả, bụi hẹ làm đậm đà thêm cho các món ăn thuần tuý VN hàng ngày cho gia đình... thì nhành Sứ mà chị Đông đã đem từ VN sang, cô lại thích quan tâm chăm chút nhiều hơn cả. Nó tầm thường giản dị, còi cọt,

khô khan, không hề có một màu xanh cho sức sống nhưng có lẽ nhánh Sứ cùi này đã gắn liền với cô cả một quảng đời thời ấu thơ đến lúc trưởng thành. Có những hiện thực hằng ngày cứ xảy ra một cách bình thường, nhưng khi cái hiện thực đó không còn xảy ra nữa, lúc bấy giờ cô mới thấy thiếu vắng, nó trở thành nỗi nhớ trong tâm tư mà cô không nắm bắt được, chỉ biết rằng cô đã bị nỗi nhớ rì rào trong ý nghĩ... Cô Ngọc cảm thấy mình lẩm cẩm...

Cô Ngọc không biết lão Sứ của nhà cô ở Sàigòn có từ thuở nào, cô chỉ biết rằng, khi bắt đầu tuổi nhi đồng thì cô đã thấy lão Sứ đã có trong sân trước nhà cô rồi. Sàigòn, hai mùa mưa nắng, ngoài những giờ cô đến trường, ăn, ngủ, còn giờ chơi thì lúc nào chị em cô cũng tụ tập bạn hàng xóm dưới tàng lão Sứ này. Tàng Sứ xanh lộng, thân Sứ sần sùi, hoa Sứ màu trắng, điểm hồng, xum xoe trên cành, mùi hoa Sứ thì lúc nào cũng tho-ang thoảng gây một cảm giác nhẹ nhàng, dễ chịu, hương Sứ càng nồng nàn hơn khi đêm về, nhất là những đêm trăng sáng. Hình ảnh thanh bình của Sàigòn thập niên sáu mươi có những đứa trẻ như cô, tay cầm lồng đèn cùng nhau đi vòng vòng dưới vòm lão Sứ, trên trời ánh trăng rằm trung thu sáng vằng vặc, thuở thanh bình ấy còn đâu nữa?!!



Dân Việt Nam gốc Bắc thích rau muống, gốc Trung kỳ thích ớt, gốc Nam kỳ thích giá sống. Còn cô Ngọc là dân Sàigòn, do đó, cô không bao giờ quên được mùi hương hoa Sứ. Hai mươi năm, trở về chốn cũ, mùi hoa Sứ đâu mất rồi! Đâu rồi hương hoa sứ trên đường Đồn Đất, con đường vòng nhỏ nối liền từ hải quân công xưởng ra tận bến Bạch Đằng, hương hoa Sứ của Đoàn Thị Điểm, của Phan Đình Phùng, của Huyền Trân Công Chúa... hương hoa sứ thoảng

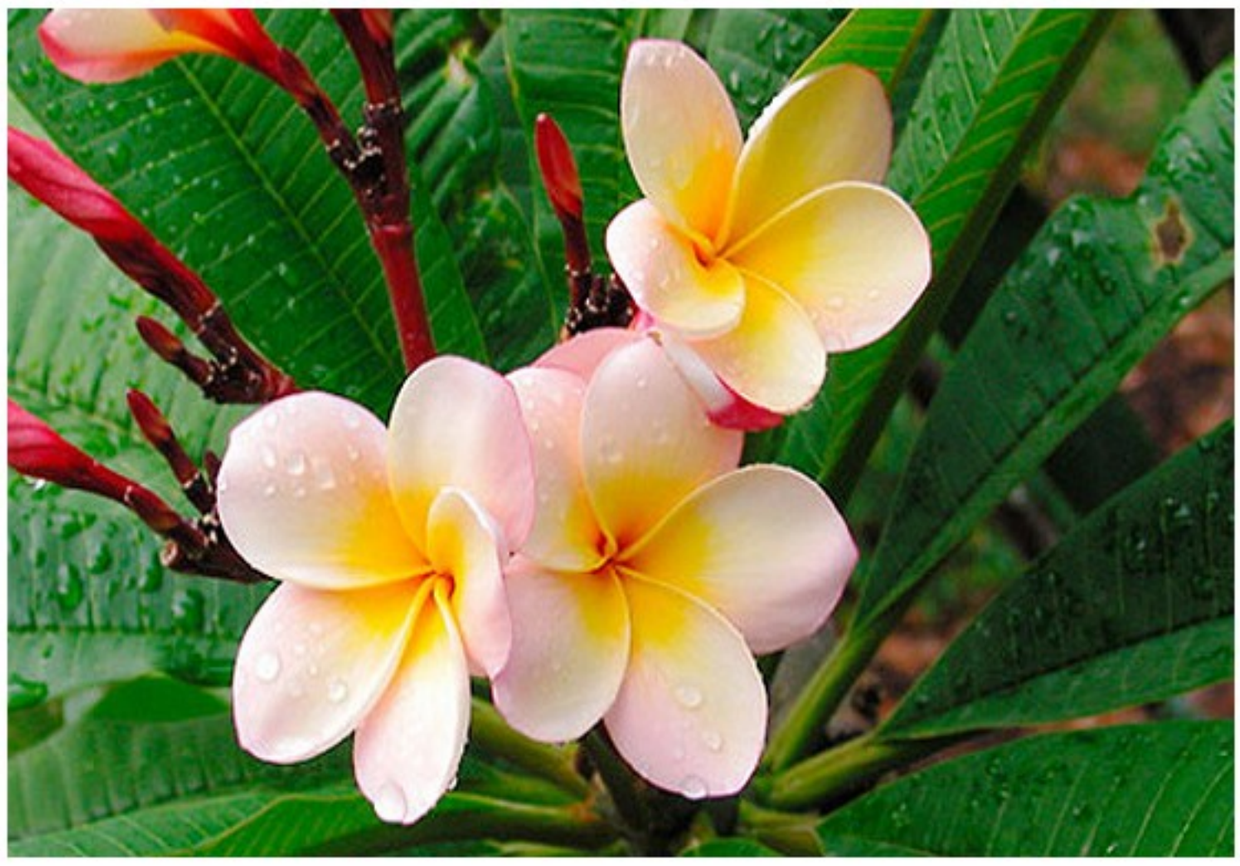
trong mùi nước biển mặn của Vũng Tàu, hương hoa sứ lẫn trong sương mù Đà Lạt, hương hoa Sứ ngạt ngào quý phái, cổ kính ở lăng Tự Đức, Huế. Tất cả những hương hoa Sứ ở mỗi một nơi đều có một vẻ đằm thắm riêng biệt. Một lần quy cố hương đã làm cô hụt hẩng. Trở lại quê hương thứ hai, lòng cô buồn cả tháng...

Lặn lội trong đời sống xứ người, cũng hằng ngày cô vẫn thường có những liên tưởng mà qua đó cô cứ nhớ cái xứ sở xa nửa vòng trái đất kia. Cô nhớ Việt Nam, cô nhớ Sàigòn... Tiếng hát của Quỳnh Anh - cô ca sĩ trẻ VN ở đất Bỉ - sao chừng ấm áp đi vào lòng cô ở những âm thanh cuối cùng... Việt Nam, Việt Nam... Bông hoa Sứ đâu đây... khi cô ngẩng đầu ngắm những cây Trúc Đào, hoa Trúc Đào màu đỏ, màu xác pháo, màu hồng nhạt, màu trắng sữa. Lá Trúc Đào hẹp và dài, cây Trúc Đào cũng có mủ, hương Trúc Đào ngây ngấy khó chịu không như hương hoa Sứ nhẹ nhàng. Hoa Trúc Đào gợi nhớ... hồn hoa Sứ ngày xưa đâu rồi? Hoa Sứ trắng quanh quẩn trong cô, khi lũ học trò mẫu giáo của cô dán mắt theo dõi hoạt họa trong giờ xem phim, chúng thích con bé Lilo ngây thơ, lanh lợi, con Stich phá phách, từ hành tinh trên trời té xuống đất, còn cô thì thích những hình ảnh của dân Hawaii, đâu đâu cũng có hình ảnh của bông Sứ trắng, Hoa Sứ trong lễ hội, văn nghệ, chúc mừng, trang điểm, và ngay cả ước mơ, mong mỏi, họ đều dùng hoa Sứ để phơi bày tâm trạng...

Hình ảnh vùng biển Hawaii về đêm, trong điệu nhạc thổ dân buồn buồn, nâng nàng Sứ trắng năm cánh, nhụy vàng trong lòng bàn tay, họ hát cho ước mơ, ngẩng cổ nhìn những vì sao lấp lánh, họ tin có những điềm lành trên những vì sao rụng... và cuối cùng họ thổi nàng Sứ mà họ ươm đầy ước mơ lên không trung. Ước mơ... ước mơ như những ước mơ cuả cô thuở nào... Nắng Sàigòn xanh lộng trong vòm xanh lá Sứ. Hoa Sứ trắng hiền hoà như màu áo học trò. Tóc xõa ngang vai, em mơ mình thành cô Tú... Mắt nai... con ngố nhìn ông lính trẻ quân trường. Màu đỏ alfa trên cầu vai anh... cũng đẹp. Đâu biết rằng duyên nợ đến ngàn sau...

- Bây giờ em tính sao? Hay là mình dời cây Sứ này ra phía trái trước cổng ra vào?

- Không được! Sứ này là Sứ Việt Nam, nó không chịu nổi cái lạnh của Bắc Cali này đâu. Mua thêm một cái chậu lớn, đẹp, sang qua, để cạnh cổng ra vào, nhưng phải đặt vào chổ mát...



Cô nghĩ... hình như nhánh Sứ này nó ngủ suốt mùa đông. Vào mùa Lễ Tạ Ơn, cứ nhìn cành của nó không còn cái lá nào không hiểu sao cô cũng xót ruột. Nhưng mà thiên hạ lại nói, vào mùa đông, chỉ cho Sứ uống ít nước mà thôi, nếu tưới nhiều nước, cây sẽ chết. Bốn năm trước khi xin nó từ nhà chị Đông về, nó chỉ ngắn bằng ngón tay út, cô Ngọc đã vùi nó vào một cái chậu nhỏ, nó đứng im, không bị đất Mỹ khuất phục, có khi cô nắm nó lên, nó không có rễ lại thêm bị mục rữa, chỉ còn như cái hột mít... Thế mà hôm nay, nó sắp sửa ra hoa, đó là niềm hy vọng và ước mơ của cô.... Hình như tự trong vô thức, cô Ngọc không thích loại Sứ bán ở O.Supply, cô cũng không thích loại Sứ bán ở chợ trời, các loại Sứ này được đem qua từ Mexico. Cô chỉ thích nhánh Sứ của chị Đông mang từ quê nhà sang, nhánh Sứ có dính chút màu đất quê hương mà ở phương trời xa xăm đó còn có nhiều chút... để cô nhớ, để cô thương.

HoaTrangNguyen K25B

thơ Quốc Nam

Trăng Tháng Tám



Yêu dấu, mùa thu thấp thoáng,
Tình ta vằng vặc trăng thơ.
Với nhau, đêm nào, môi thắm,
Anh yêu nét đẹp mơ hồ.
Tóc em liêu trai, mây gọi,
Lòng em tinh khiết như trăng.
Bàn tay tìm nhau rất vội,
Nụ hôn quấn quít vai trần.
Yêu dấu, thương em nhiều quá,
Nét kiêu sa sáng tinh cầu.
Vào đêm, ngủ vùi nhung nhớ,
Gần nhau, sao vẫn xa nhau.
Mai đây, chia tay ngàn dậm,
Mắt môi in dấu ngập hồn.
Xin em giữ hoài tháng tám,
Trăng thu trên lũng Hoa Vàng.

Hẹn Ngày Mai

Mẹ xa biền biệt cuối trời,
Nắng mưa đã gội một đời xanh xao.
Tôi, môi bật máu lệ trào,
Chia phôi nhau đã núi cao biển dài.
Quê hương còn mấy niềm vui?
Tôi thân biệt xứ, mẹ vời vợi trông.
Thôi em nước mắt thành giòng,
Sông tôi vẫn hẹn một xuân thanh bình.
(Tặng nhạc sĩ Phạm Mạnh Đạt, tác giả tác phẩm 'Hẹn Ngày Mai')

Lyndon Baines Johnson: Ngô Đình Diệm, Churchill của thập kỷ tại Á Châu (1)

Minh Võ

Lyndon B. Johnson (1908-1973), thuộc đảng Dân Chủ, là tổng thống thứ 36 của Hiệp Chúng Quốc Mỹ. Phó tổng thống Hubert Humphrey có lần gọi ông là "tổng thống Toàn Mỹ." Trước khi tổng thống J.F. Kennedy bị ám sát tại Dallas, Texas ngày 22 tháng 11 năm 1963 (đúng 3 tuần sau khi ông lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm, gây nên cái chết bi thảm của hai ông Diệm, Nhu), ông Johnson là phó tổng thống và là người không đồng ý trong việc chính quyền Kennedy toan tính lật đổ ông Diệm. Sau khi ông Kennedy mất rồi, ông Johnson lãnh đủ hậu quả tai hại của việc lật đổ ông Diệm. Chiến tranh mở rộng. Miền Nam bị đe dọa nặng nề và có thể mất vào tay cộng sản bất cứ lúc nào. Vì vậy, ngược hẳn với ý muốn của mình, ông Johnson đã phải cho quân tác chiến Mỹ đến Việt Nam (+), trực tiếp ngăn chặn làn sóng đỏ, để giữ lời cam kết của hai vị tiền nhiệm không để miền Đông Nam Á lọt vào tay cộng sản.

Tháng 5 năm 1961, ông Johnson tới Việt Nam với tư cách

là phó tổng thống, đại diện tổng thống J. F. Kennedy, để bàn chuyện viện trợ cho Việt Nam. Trong tác phẩm "Ưu Thế" thuật lại những gì ông đã làm trong thời gian cầm quyền từ 1963 đến 1969, ông đã khoe rằng chỉ trong không đầy ba giờ đồng hồ thảo luận với tổng thống Diệm, ông đã có thể đi đến một thỏa thuận về tất cả mọi vấn đề với vị tổng thống rất khó tính "đầy lòng tự hào và khó thương thuyết." Quá phấn khởi về sự thành công của mình, ông đã ca ngợi tổng thống Diệm là Churchill của thập kỷ của Á Châu tại bữa dạ tiệc do tổng thống Diệm khoản đãi. Nhưng các sử gia Stanley Karnow, tác giả "Vietnam, a History" và John M. Newman, tác giả "JFK and Vietnam" viết rằng ông Johnson khen không thật lòng và có ý nịnh ông Diệm thôi. Ông Trần Ngọc Dũng khi dịch cuốn sách của ông Newman nơi trang 69 "John F. Kennedy và chiến tranh Việt Nam" còn viết nặng hơn khi thêm vào sau từ "nịnh" một chữ "bợ" to tướng. Một phó tổng thống đại diện tổng thống một siêu cường nịnh tổng thống một quốc gia nhỏ bé chỉ bằng nửa tiểu bang California trong số 50 tiểu bang của siêu cường, đó đã là chuyện hơi khó nghe, lại còn bợ nữa thì không hiểu các tác giả hay dịch giả nói trên nghĩ gì về tư cách của vị lãnh đạo Hoa Kỳ, nhất là khi người Mỹ thường tự phụ rằng các nhà lãnh đạo của họ luôn luôn được bầu lên một cách công bình tuyệt đối, "không giống như những cuộc "bầu cử gian lận" tại miền Nam Việt Nam thời đệ nhất hay đệ nhị Cộng Hòa." Nghiã là các tác giả, dịch giả trên có ý nói con người đứng hàng thứ nhì, và sau này lên đứng hàng thứ nhất, trong số gần 300 triệu dân Mỹ ưu Việt, đại diện cho toàn dân tộc Mỹ bách chiến bách thắng, đã nói láo, hay đánh lừa. (++)

Điều đáng nói hơn, không phải chỉ có một mình tổng thống Johnson ca ngợi tổng thống Ngô Đình Diệm. Tổng thống Eisenhower, anh hùng của thế chiến II, trước đó 4 năm cũng đã gọi ông Diệm là con người thần kỳ (tức làm nên những điều kỳ diệu, người thường không làm được) (2). Đặc biệt là tổng thống Nixon, 22 năm sau cuộc đảo

chính lật đổ và sát hại ông Diệm còn ca ngợi tổng thống Diệm bằng một hình ảnh kiến trúc chính trị mà, như đại đa số dân Mỹ ngày nay phải công nhận, ông là kiến trúc sư thượng thặng (3).

Cựu đại sứ Nolting trong cuốn "Từ tín nhiệm đến thảm kịch" đã cho biết tổng thống Lyndon B. Johnson vẫn cho việc lật ông Diệm là một lỗi lầm, mặc dầu sau khi mọi việc đã lỡ ông phải bám lấy những tướng lãnh để giải quyết những vấn đề khó khăn càng ngày càng tăng trong một tình trạng hỗn loạn hậu đảo chính. Trong tác phẩm "The vantage point" (tạm dịch "Ưu thế") chính tổng thống Johnson, nhắc lại cuộc đảo chính, cũng đã viết:

"Tôi nghĩ chúng ta đã lầm khi không ủng hộ ông Diệm" (4)

Hai trang sau ông giải thích:

"Tôi tin rằng việc sát hại ông Diệm đã tạo thêm nhiều vấn đề hơn là giải quyết chúng." (5)

Ông cũng nhắc lại việc tổng thống Diệm đã thành công rực rỡ trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn lúc mới lên cầm quyền như sau:

"Khi nhân dân Việt Nam bầu ông Ngô Đình Diệm lên làm quốc trưởng thay thế ông Bảo Đại vào cuối năm 1955 hầu hết các chuyên gia Tây phương đều nghĩ Nam Việt Nam chỉ tồn tại được hơn 6 tháng. Những năm dài chinh chiến đã làm nó suy yếu. Người Pháp đã cho một số rất ít người Việt Nam cơ hội để học hỏi, trau dồi kinh nghiệm về hành chính quản trị trong chính quyền. Lúc ấy xem ra chắc chắn là Cộng sản có kỷ luật cao sẽ chiếm quyền. Nhưng dưới sự lãnh đạo của ông Diệm, Nam Việt Nam đã tiến tới. Việt Nam không cộng sản đã bắt đầu hàn gắn những vết thương của mình và trở nên phồn thịnh. Xứ sở nhỏ bé này đã phải tiếp thu khoảng 900.000 dân tỵ nạn chạy trốn chế độ Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Mức sản xuất tăng. Xuất cảng cũng tăng. Số trường học cũng tăng. Mức sống lên cao. Nam Việt Nam đang có tiến bộ." (6)

Về tình hình an ninh nói chung và riêng tình hình thôn

quê, với sự cố vấn và phương tiện vận chuyển mau lẹ, và chương trình Ấp chiến lược phát triển khả quan, ông Johnson đã dẫn chứng báo cáo của phái đoàn McNamara- Taylor vào cuối tháng 10 năm 1963, nghĩa là chỉ một tháng trước cuộc đảo chính, cho rằng những xáo trộn tại thành thị do vụ Phật Giáo gây ra không làm hại đến công cuộc bình định và chống cộng ở nông thôn. Ông Johnson viết:

"Hạ tuần tháng 9 tổng thống Kennedy yêu cầu tổng trưởng quốc phòng McNamara và tướng Taylor, lúc ấy là chủ tịch ban tham mưu liên quân tới Việt Nam để trực tiếp quan sát. Những biến cố xảy ra tại đó khởi đầu từ tháng 5 đã gợi lên trong trí tổng thống Kennedy những câu hỏi về những triển vọng chống cộng thành công trong vắn hạn cũng như hiệu quả của cố gắng của chúng ta trong dài hạn.

"Hai ông đã trở về ngày 2 tháng 10 và lập tức báo cáo cho tổng thống Kennedy hay là "chiến dịch quân sự đã tiến triển rất tốt đẹp và vẫn tiếp tục tiến triển." Hai ông kết luận rằng trong khi chính quyền Diệm càng ngày càng mất lòng dân, những xung đột chính trị vẫn không ảnh hưởng xấu đến các cuộc hành quân quân sự. Nếu điều đó tiếp tục đúng như vậy thì hai ông tin rằng chúng ta sẽ có thể rút một số cố vấn của chúng ta về nước vào cuối năm 1963. Hai ông cũng cảnh cáo rằng tình trạng chia rẽ về chính trị nếu tiếp tục có thể ảnh hưởng xấu đến tình hình quân sự cũng như sự ước lượng tình hình của các ông trong tương lai."(7)

Tổng thống Johnson phê bình một cách nghiêm khắc một vài giới chức cao cấp trong bộ ngoại giao mà ông không nêu đích danh, nhưng người đọc dễ thấy đó chính là các ông Harriman và Hilsman trong việc soạn thảo và gửi cấp tốc công điện cho đại sứ Lodge ngày 24 tháng 8 năm 1963, khuyến khích cuộc đảo chính. Ông viết:

"Sau các cuộc tấn công chùa chiền, một công điện, được soạn thảo tại bộ ngoại giao, đã được gửi đi Saigon ngày 24 tháng 8. Quả thực bức công điện đã bảo đại sứ Lodge hãy khuyên ông Diệm phải làm ngay những việc cần thiết để sửa chữa tình hình và thỏa mãn những đòi hỏi nổi bật

của Phật Giáo. Nếu ông Diệm không hành động lập tức, vị đại sứ được chỉ thị thông báo cho những tướng lãnh chủ chốt rằng Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục viện trợ cho chính phủ Saigon về quân sự và kinh tế nữa. Tối hậu thư này có nghĩa là phải loại bỏ ông Nhu và bà vợ năng động về chính trị của ông ta khỏi mọi ảnh hưởng và trách nhiệm liên tục trong chính quyền. Bằng nếu ông Diệm từ chối không chịu, Hoa Kỳ sẽ không thể ủng hộ ông ta được nữa. Nếu lúc đó các tướng lãnh lên cầm quyền chúng ta sẽ ủng hộ họ.

"Công điện thảo vội vã và thiếu tham khảo này đã bật đèn xanh cho những kẻ muốn ông Diệm đổ. Một khi ông đại sứ hành động theo huấn thị nhận được, những chuẩn bị cho một cuộc đảo chính được khuyến khích. Theo phán đoán của tôi, quyết định này là một sai lầm ngớ ngẩn nghiêm trọng; nó phóng ra một thời kỳ hỗn loạn về chính trị sâu xa ở Saigon kéo dài gần hai năm." (8)

Tổng thống Johnson thực ra chưa nói hết ý của ông về hậu quả của quyết định hồ đồ đó: Sự lật đổ ông Diệm đã dẫn đến việc quân tác chiến Mỹ bó buộc phải ồ ạt đổ vào miền Nam, biến công cuộc bình định của chính quyền Ngô Đình Diệm trước kia thành một cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Hànội, khiến binh sĩ quân đội quốc gia đang là chiến sĩ chống cộng đùng một cái trở thành lính đánh thuê, phe quốc gia mất chính nghĩa, và cuộc chiến chống cộng trở thành cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, và cuối cùng là sự thảm bại của cả Hoa Kỳ lẫn phe quốc gia, và nói đúng ra của cả nhân dân Việt Nam, Nam cũng như Bắc, vì sau 1975 là bắt bớ, giam cầm, chết chóc, đói khổ cho đến ngày nay. Ông Cabot Lodge trước khi qua đời năm 1985 đã hối hận về việc quá tích cực khi thi hành công điện này. Nhưng còn các ông Harriman, Hilsman, Forrestal và một loạt những nhà báo năng nổ cổ võ cho việc lật đổ ông Diệm vẫn còn im tiếng có lẽ vì tự ái hay cố chấp.

Nữ tiến sĩ Ellen J. Hammer trong cuốn A Death in November, nơi chương 10 cũng là chương cuối, trang 309, đã cho biết:

"Cái chết —ở Texas và ở Saigon— chắc hẳn đã làm ông Johnson bận tâm trong những ngày liền sau khi lên làm tổng thống. Hôm sau tang lễ Kennedy, và trước khi dọn vào Bạch Cung, Johnson đã chỉ cho Hubert Humphrey xem bức chân dung của ông Ngô Đình Diệm treo ở tiền sảnh tư thất ông và nói: 'Chúng ta đã nhúng tay trong vụ sát hại ông ta, bây giờ điều đó lại xảy ra ở đây'."

Chẳng lẽ tổng thống Mỹ cũng nghĩ như bà quả phụ Ngô Đình Nhu lúc ấy, "ác giả ác báo"?

Trích chương 14: Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê (NĐDLKTC) của tác giả Minh Võ.

Chú thích:

(+) Các đơn vị thủy quân lục chiến đổ bộ lên bờ biển Đà Nẵng sáng ngày 8 tháng 3 năm 1965.

(1) Xin xem "JFK and Vietnam" của John M. Newman trang 71 và "Vietnam a history của Stanley Karnow trang 112. Sir Winston Leonard Spencer Churchill là thủ tướng Anh trong thế chiến II (1939-1945), và cũng là người được giải thưởng Nobel văn chương. Ông đã thành công trong việc thuyết phục tổng thống Mỹ Franklin Delano Roosevelt viện trợ cho Anh để chống Đức Quốc Xã và khiến Hoa Kỳ rời bỏ chủ nghĩa cô lập, nhảy vào vòng chiến, giải phóng Aạu châu. Có lẽ ông Johnson muốn, (đại diện tổng thống Kennedy), nhắc nhở tổng thống Diệm, là người rất thuộc lịch sử, hãy noi gương cố thủ tướng Churchill cầu viện binh của Mỹ để cứu Việt Nam khỏi sự thống trị của cộng sản, hay ít ra khỏi sự phá hoại của chúng tại miền Nam Việt Nam lúc ấy đã bước sang giai đoạn nguy kịch. Chắc các sử gia Karnow và Newman không nghĩ tới điều này, và nếu ông Karnow cùng với các ông Harriman, Hilsman, Forrestal mà ở trong bộ ngoại giao của tổng thống Roosevelt chắc các ông ấy cũng khuyên nên để cho Đức quốc xã làm thịt các nước bạn để thỏa mãn tính ích kỷ, trịch thượng và chủ trương "phản chiến" của các ông ấy. Và nếu điều bất hạnh đó xảy ra thì biết đâu, sau khi làm thịt châu Âu rồi châu Phi, Đức Quốc Xã chẳng chiếu cố đến châu Mỹ và liệu Hoa Kỳ có tránh thảm bại hay không (như sau này thảm bại ở Việt Nam.)

(++) Riêng về lời bình phẩm của Stanley Karnow, xin xem chương 11 NĐDLKTC.

(2) Xin xem chương 6 NĐDLKTC.

(3) Xin xem chương 17 NĐDLKTC.

(4) "The vantage point" (tạm dịch "Ưu Thế") Nxb. Holt Rinehart & Winston N.Y. 1971, trang 44, Nguyên văn: "I thought we had been mistaken in our failure to support Diem."

(5) S.đ.d.. trang 45-46, nguyên văn: "I believed the assassination of President Diem had created more problems for the Vietnamese than it had solved. I saw little evidence that men of experience and ability were available in Vietnam, ready to help lead their country. I was deeply concerned that worse political turmoil might lie ahead in Saigon."

(6) S.Đ.D. trang 50, nguyên văn: "When the Vietnamese people voted for Ngo Dinh Diem to replace former Emperor Bao Dai as Vietnam's chief of state in late 1955, most western experts thought the new country would last little more than six months. Long years of wars had weakened it. The French had given very few Vietnamese a chance to acquire skills or experience in government and administration. It seemed certain that the highly disciplined Communists would take over... But under Diem's leadership the South Vietnamese moved forward. Non- Communist South Vietnam began to heal its wounds and to prosper. The small country absorbed about 900,000 refugees who fled Ho chi Minh 's rule in the North. Production increased; so did export; so did the number of schools. Living standards rose. South Vietnam was making progress."

(7) S.đ.d. trang 61, nguyên văn: "Late in September President Kennedy asked secretary of Defense McNamara and general Taylor, then chairman of the Joint Chief of Staff to go to Vietnam for another firsthand look. Events there beginning in May had raised questions in the President's mind about prospects for success against the Viet Cong in the short run, as well as about long range effectiveness of our effort. They returned on October 2 and reported immediately to President Kennedy that "the military campaign has made great progress and continues to progress." They concluded

that while the unpopularity of the Diem government was growing, political strife had not yet affected military operations. If that continued to be true, they believed we could bring home some of our military advisers by the end of 1963."

(8) S.đ.d. trang 60-61. Nguyên văn: "After the attacks on Buddhist pagodas, a message prepared in the State Department was sent to Saigon on August 24. In effect, it told Ambassador Lodge to advise Diem that immediate steps had to be taken to correct the situation and to meet the outstanding Buddhist demands. If Diem did not act promptly, the ambassador was instructed to advise key Vietnamese military leaders that the United States would not continue to support the Saigon government militarily or economically. This ultimatum meant the removal of Nhu and his politically active wife from any continued influence or responsibility in the government. If Diem refused, the United States could no longer support him. If the military leaders then took over, we would support them. This hasty and ill-advised message was a green light to those who wanted Diem's downfall. Once the Ambassador acted on his instructions, preparations for a coup were stimulated. In my judgement, this decision was a serious blunder which launched a period of deep political confusion in Saigon that lasted almost two years.

Trưng Nữ Vương

Nhạc và lời : THẨM OÁNH

Trưng Nữ Vương lau phấn son mưu thù nhà Mài gươm ca
khúc toàn thắng hùng ca. Thu về giang san cho lừng danh gái
Nam Bầu trời Á sáng ngời ánh quang. Nợ nước phó tay người nhi
nữ, tình riêng cứu nguy cho toàn dân Một lòng trung trinh son sắt
bền Hát Giang sóng rền. Trưng Nữ Vương dày đức cao ơn, xin ứng
linh ban phúc cho giang sơn hòa bình. Trưng Nữ Vương nước non còn
đó, giống Lạc Hồng quyết kiên lòng bồi đền non sông
Hồn quốc gia mờ phai máu đào, nhà Việt lặng chìm rầu rĩ sầu
đau. Xui lòng nhi nữ mưu phục thù. Mê Linh ngập trời cờ Việt sắc
phô. Mang phấn son tô màu sơn hà, liều vì nước vì
nhà. Cho Việt Nam muôn đời hùng cường
nhờ ơn đức Trưng Vương. Trưng Nữ Vương.



Mùa Thu Trên Đồi Bắc

Xin gởi em ơi! Mùa thu trong
Hoa rừng nhạc gió giữa thinh không
Nhẹ với làn mây làm áo quyện
Quên cả tơ trời xanh ngát nhung

Gởi chút lòng em như là thơ
Mềm như ngọn cỏ lúc sang mùa
Say như men rượu đêm trừ tịch
Và mỏng như là một giấc mơ

Lòng nhớ xôn xao con nắng mới
Lòng nghe rộn rã lá thu bay
Ba lô trĩu nặng niềm mong đợi
Buồn cũng nồng theo khói thuốc say!

Lòng tiếc thời gian trên nếp lụa
Lòng mơ hương phấn thuở thanh bình
Yêu Em ta ngắt chùm hoa dại
Thả bốn phương trời với chiến chinh.

Đà Lạt 1972
Trầm Kha 25

Bỏ đất



** Mến tặng những tấm lòng VN tha hương – ndg*

Xa nước bao năm, còn nhớ nhà
Tim còn nồng ấm, bài Quốc ca
Còn sống lưu vong, ta còn hát
Nghìn trùng sông núi gọi. Thiết tha
Bỏ đất ra đi... đầu đã bạc
Đêm mơ, ta về lại quê nhà
Giơ tay ôm trọn, trời đất cũ
Nỗi lòng Tây tạng. Nỗi lòng ta!
Bỏ quê! nghĩ đến buồn nát dạ
Ừ thôi! quê mất, còn đâu nhà
Em về làm vợ, anh bộ đội
Ta không buồn, sao lại xót xa!
Bỏ đất xa quê, đời sông chợ
Mất trắng em, chưa mất chổ về
Nơi ra đời, oe oe tiếng khóc
Hồn ta ở đó, hởi! cố quê
Ba mấy năm trời, mây qua cửa
Ta tưởng đâu quên, chuyện nhớ nhà
Ta tưởng thời gian, nhòa tất cả
Sao nhòa cố thổ, trong tim ta
Quê xa, những người muôn năm cũ
Sống chết, hồn treo. Ở bên trời?
Bên nầy buồn vui. Nào ai biết?
Giọng khàn đêm gọi. Cố hương ơi!

Nguyễn Đông Giang 19

Vài kỷ niệm về công tác xây dựng Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa

(Kính dâng Anh Linh Anh Hùng Liệt Sĩ Vị Quốc Vong Thân)

Nguyễn Thành Nam K11

Lời nói đầu:

Từ tháng 11/2006, sau khi Thủ Tướng Cộng Sản Nguyễn Tấn Dũng ra nghị định dân sự hóa Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, dư luận trong nước và hải ngoại xôn xao dữ dội, nhiều bạn tù cải tạo gợi ý tôi viết thêm một bài về công trình xây dựng lịch sử của Quốc Gia. Vì họ biết trước đây đơn vị tôi có thi công một phần công trình nầy, vả lại cũng nên nhắc lại những chi tiết xung quanh việc xây dựng, hầu đóng góp thêm những yếu tố lịch sử mà các đơn vị khác không biết đến.

ooOoo

Sau khi Chính Phủ thông qua quyết định xây dựng Nghĩa Trang Quân Đội (NTQĐ) thì được giao cho Cục Công Binh, Bộ Công Chánh và trường Đại Học Kỹ Thuật Phú Thọ phối hợp tổ chức các cuộc thi thiết kế để chọn đề án trúng giải. Cục Công Binh sắp xếp lại thành mô hình trình lên Tổng Thống duyệt xét, rồi phân phối cho các đơn vị thi công.

Tôi còn nhớ một ngày khoảng đầu tháng 10/1965, sau

cuộc hành quân cùng Sư Đoàn 25 Bộ Binh giải tỏa vùng Tam Giác Sắt (Bình Dương) dưới áp lực nặng nề của Cộng Sản (CS), Tiểu Đoàn 302 Công Binh Chiến Đấu (CBCĐ) đang nghỉ dưỡng quân và bổ sung quân số, Tiểu Đoàn Trưởng, Đại Úy Nguyễn Thành Nam (hiện định cư tại Đức Quốc) nhận lệnh từ Trung Tá Nguyễn Văn Chức, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 30 Công Binh Chiến Đấu, trở về nhận nhiệm vụ xây dựng NTQĐ/BH. Trung Tá LĐT ân cần nhắc nhở là việc xây dựng công trình nầy rất quan trọng vì có tầm vóc Quốc Gia, tôi cũng biết đơn vị của anh đang dưỡng quân, nhưng vì tình hình khẩn cấp nên xin anh khuyến khích anh em các cấp cố gắng hoàn thành công tác nầy. Nếu cần thêm những phương tiện gì tôi sẽ cung cấp đầy đủ theo nhu cầu của công trường. Sau khi đơn vị tôi trình diện Đại Tá Võ Thành Lượng (đã qua đời tại Canada), Cục Trưởng Cục Công Binh, qua Sở Kỹ Thuật Cục Công Binh nhận hồ sơ, đồ án, bản vẽ v.v... của công tác xây cất và hướng dẫn đến địa điểm công trường.

1

Vài kỷ niệm về công tác xây dựng

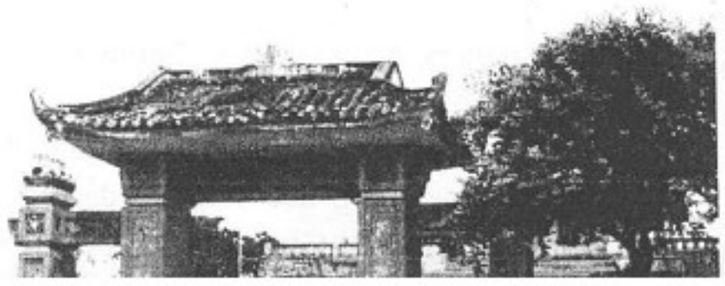
Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa

(Kính dâng Anh Linh Anh Hùng Liệt Sĩ Vị Quốc Vong Thân)

Nguyễn Thành Nam

Lời nói đầu: Từ tháng 11-2006, sau khi Thủ Tướng CS Nguyễn Tấn Dủng ra nghị định dân sự hóa Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa, dư luận trong nước và hải ngoại xôn xao dữ dội, nhiều bạn tù cải tạo gợi ý tôi viết thêm một bài về công trình xây dựng lịch sử của Quốc Gia. Vì họ biết trước đây đơn vị tôi có thi công một phần công trình nầy, vả lại cũng nên nhắc lại những chi tiết xung quanh việc xây dựng, hầu đóng góp thêm những yếu tố lịch sử mà các đơn vị khác không biết đến.

***



Đức Quốc) nhận lệnh từTrung Tá Nguyễn Văn Chức Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 30 Công Binh Chiến Đấu trở về nhận nhiệm vụ xây dựng NTQĐ-BH. Trung Tá LĐT ân cần nhắc nhỡ là việc xây dựng công trình nầy rất quan trọng, vì có tầm vóc Quốc Gia, tôi cũng biết đơn vị của

Từ Sài Gòn theo xa lộ Biên Hòa khoảng 22km, nghĩa trang nằm phía trái xa lộ. Tình trạng nguyên thủy theo hướng Đông Tây cách xa lộ 100m, một quả đồi dài gồm

có hai phần: một quả đồi thấp nhỏ (sau nầy xây cất cổng Tam Quan và Đài Liệt Sĩ) và một quả đồi lớn dài dự trù xây cất nghĩa trang chôn cất tử sĩ khoảng 26.000 ngôi mộ. Diện tích tổng quát 126 mẫu, riêng khu chôn cất 58 mẫu, phần đất còn lại dự trù sau nầy sẽ xây các cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ v.v...) để tiện việc làm nghi lễ an táng tùy theo tín ngưỡng.

Gần cuối nghĩa trang phía tay trái, nhà thầu bắt đầu khởi công xây cất Liên Đội Chung Sự và các nhà quàn, nhà ướp lạnh tử thi chờ thân nhân tử sĩ đến, kho vật liệu tống tang v.v... do thầu khóan Trần Kim Sa (hiện ở Canada) thực hiện.

Công tác xây cất nghĩa trang chia hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Liên Đoàn 30/CBCĐ, LĐT Trung Tá Nguyễn Văn Chức (sau lên Chuẩn Tướng làm Cục Trưởng Cục Công Binh và Thứ Trưởng Định Cư trong nội các Nguyễn Bá Cẩn (vừa qua đời tháng 5/2009 - Tòa Soạn ĐH cập nhật).

Trực tiếp xây dựng: Tiểu Đoàn 302/CBCĐ xử dụng hai Đại Đội A và B, riêng ĐĐ/C biệt phái cho công trường Dinh Độc Lập.

Công tác thực hiện:

- Lấy đất đỏ Biên Hòa đắp con đường chánh dài độ 100m đủ rộng cho xe chạy hai chiều từ xa lộ vào đầu nghĩa trang. Từ đó, chia hai nhánh chạy bọc quanh nghĩa trang và các đường nhỏ phân chia các lô. Sau cùng, cán đá, trải nhựa. Nhận cây Bạch Đàn từ vườn ương cây Gia Định trồng dọc theo hai bên đường lớn từ xa lộ trở vào nghĩa trang.

- Xây cổng Tam Quan và Đài Liệt Sĩ trên ngọn đồi thấp từ xa lộ đi vào, đúc bực thềm ciment lên xuống từ bốn phía của Đài Liệt Sĩ (theo sơ đồ bản vẽ của Sở Kỹ Thuật CCB).

- Đúc bệ tượng béton ngay phía bên trái đầu đường dẫn vào khu NT, cách đó có làm bãi đáp trực thăng. Khi hoàn tất, Trung Úy Nguyễn Thanh Thu, điêu khắc gia, từ QĐ3 Biên Hòa chở bức tượng Thương Tiếc đặt lên bệ.

- Toàn khu nghĩa trang rộng lớn phân chia theo hình lưới nhện mà ở chính giữa sẽ xây dựng Nghĩa Dũng Đài với Vành Khăn Tang (vào giai đoạn 2). Tất cả chia làm 8 khu, phân khu đúng như lưới nhện, trong nhỏ, ngoài lớn. Các lô đánh dấu thứ tự như sau: Phía tay trái Đài Liệt Sĩ và Nghĩa Dũng Đài có các lô H, A, I, và B. Phía trái có các lô D, C, E, và G. Ngoài ra không có lô F, có lẽ trong tiếng Việt không có vần F.

- H1 dành cho mộ dân chính có công với Tổ Quốc (tổng thống, thủ tướng...) tới năm 1975 chưa có ngôi mộ nào.

- H2 dành cho chiến sĩ vô danh.

- H3 dành cho các tướng lãnh gồm có mộ của Đại Tướng Đỗ Cao Trí, Tướng Phước, Tướng Ánh (Không Quân), Tướng Hiếu, Tướng Soạn, Tướng Đỗng và hai Tướng nữa tôi không biết tên. Sau năm 1975, sáu ngôi mộ đã cải tang, chỉ còn lại một Tướng Phước và Tướng Ánh.

Cho đến cuối năm 1966, khi công tác giai đoạn 1 gần xong, Đại Tá Võ Thành Lượng CT/CCB và phái đoàn đến quan sát Công Trường CB và công tác do nhà thầu thực hiện. Trước đó, Liên Đội Chung Sự do nhà thầu xây cất cũng gần hoàn tất, đã bắt đầu nhận tử thi chiến sĩ từ các mặt trận chở về chôn cất.

Đến năm 1967, TĐ 302/CBCĐ nhận lệnh đi hành quân mở đường với Tr/Đ 9, SĐ5 BB từ Chơn Thành đến sông La Ngà dài 20km để Công Binh xây dựng sân bay cho Lực Lượng Đặc Biệt do Tr/Tá Lê Nguyên Vỹ (sau lên Chuẩn Tướng Tư Lệnh SĐ 5 BB và tự sát sau khi CS chiếm miền Nam) chỉ huy. Vì thế, LĐ 39 CBCĐ bàn giao công trường lại cho LĐ 5 Công Binh Kiến Tạo (CBKT).

Giai đoạn 2: Liên Đoàn 5 CBKT, Liên Đoàn Trưởng Trung Tá Nguyễn Thiện Nghị (sau lên Đại Tá CT/CBB sau cùng cư ngụ tại San José, Hoa Kỳ).

Thực hiện công tác: TĐ 54 CBKT, Tiểu Đoàn Trưởng là Đ/Úy Lê Văn Tám, K11 VBĐL, (sau nầy lên Trung Tá hiện ngụ tại San José, Hoa Kỳ) xử dụng hai Đại Đội 541 và 542.

Công tác thực hiện Nghĩa Dũng Đài có 3 phần:

1/ Tháp hình chữ thập: dưới chân 6m, trên đỉnh 3m. Cao từ đỉnh đồi lên đỉnh tháp 48m. Có 15 tầng bên trong, mỗi tầng 3m11. Có thang sắt từ dưới lên đỉnh tháp.

2/ Vành Khăn Tang: Cao 5m quây xung quanh trụ đài. Đường kính vành khăn 24m đặt trên 4 trụ ciment.

- Mặt ngoài Vành Khăn Tang: sẽ được gắn các công trình điêu khắc bằng đồng. Hình ảnh dựng nước và bảo vệ từ đời Vua Hùng đến hiện tại (trước năm 1975), do điêu khắc gia Nguyễn Văn Thế (Biên Hòa) thực hiện theo giao kèo có giá trị 20 năm.

- Mặt ngoài Vành Khăn Tang dự trù sẽ gắn tên các Anh Hùng Tử Sĩ.

3/ Sân Đài: Mặt bằng đường kính 34m chung quanh trồng cỏ nhung.

Dự trù ngày 19/06/1975 sẽ khánh thành đợt I (chưa gắn hình điêu khắc) theo lời yêu cầu của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu nhân dịp đến thăm Nghĩa Trang vào tháng 11 năm 1974.

Việc thám sát tìm địa điểm thích hợp về phong thủy cho Nghĩa Trang được xem xét rất cẩn thận. Thời gian đi tù ngoài Bắc cũng như vượt biên tạm trú tại trại tỵ nạn Palawan, Philippines, người viết bài nầy đã nghe các cựu quân nhân các binh chủng cho biết phái đoàn tìm đất cho Nghĩa Trang gồm Cục Công Binh, Cục Quân Nhu, Bộ Địa Chánh, có Thầy địa lý người Hoa tháp tùng, các địa điểm đều trình lên Tổng Thống duyệt xét, sau cùng mới quyết định nơi xây dựng Nghĩa Trang.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến ông thầy địa lý người Hoa nầy. Vào khoảng giữa năm 1962, lúc ấy người viết mang cấp bậc Trung Úy làm Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 202 thuộc Liên Đoàn 20 CBCĐ do Thiếu Tá Nguyễn Văn Bạch là LĐT (sau nầy lên Đại Tá, đi cải tạo, ra tù sang Mỹ và chết tại đây), đang công tác làm hệ thống đường vòng chống phục kích đèo Mang Giang trên Quốc Lộ 19 (giữa Pleiku và An Khê) bất ngờ Tổng Thống Ngô Đình Diệm

đến công trường với ông thầy địa lý người Hoa, không hỏi han chi đến công tác CB đang làm. Tổng Thống, thầy địa lý, Thiếu Tướng Tôn Thất Đính, Tư Lệnh Quân Khu II và Đại Úy Lê Công Hoàn, tùy viên Tổng Thống, leo lên đỉnh ngọn đồi lấy máy đo cao độ, dùng địa bàn nhắm hướng, mọi người chỉ thấy ông thầy địa lý nói chuyện riêng với Tổng Thống rồi xem bản đồ tay chỉ về dãy ngọn đồi nhỏ chạy dài về hướng bìa rừng. Sau đó, Công Binh được lệnh làm đường từ Quốc Lộ 19 đến các quả đồi đó theo thứ tự P1 (điểm) P2, P3 v.v.... Tuần nào Tổng Thống cũng ra xem xét công tác để chỉ thị thêm. Khi làm đường đến P10 thì được lệnh ngưng công tác.

Sau đó, chúng tôi mới biết Tổng Thống Ngô Đình Diệm đi tìm long huyệt mà không tìm được, vì đi tìm càng xa càng đi sâu vào vùng bất an ninh, nên phải hủy bỏ.

Như vậy, công tác xây dựng NTQĐ-BH đã bắt đầu từ Đệ Nhất Cộng Hòa (khoảng đầu năm 1963) do Tổng Thống Ngô Đình Diệm ra chỉ thị. Sau vì cuộc chính biến 1/11/1963 đưa đến sự sụp đổ của Đệ Nhất Cộng Hòa. Cũng như từ tháng 11/1963 đến giữa năm 1965 hết chỉnh lý đến các vụ đảo chánh liên tục, các chức vụ trong chính phủ và quân đội thay đổi liên tục, kéo dài mãi đến 19/06/1965 mới giao chính quyền cho quân đội.

Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu với tư cách Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (Quốc Trưởng) mới ra lệnh khởi công từ đầu tháng 10/1965 với tất cả mô hình bản vẽ đã làm sẵn từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa.

Khoảng tháng 3/2007, có anh em từ hải ngoại về thăm Nghĩa Trang cho biết sơ khởi:

- Số mộ còn tương đối nguyên vẹn (còn mộ bia, tấm bảng ciment đắp mộ) khoảng 4.527 mộ.
- Số mộ bị đập phá tan hoang (mất mộ bia hoặc mất tấm bảng ciment đắp mộ) khoảng 2.781 mộ.
- Số mộ đã bị đập phá mất mộ bia và tấm bảng ciment (nhưng vẫn còn nấm mộ), khoảng 2.454 mộ.
- Số mộ phỏng đoán đã được thân nhân bí mật đem đi

nơi khác khoảng 2.910 mộ.

- Số mộ bị san bằng, hoặc cỏ mọc khuất lấp khoảng trên 2.700 mộ.

- Ba ngôi mộ chôn tập thể 63 tử sĩ tại lô I sau ngày 30/04/1975.

Tổng cộng ước tính khoảng 15.439 ngôi mộ của Tử Sĩ Việt Nam Cộng Hòa.

Ngày dự định bắt đầu dân sự hóa NTQĐ-BH đã qua mà chưa thấy nhà cầm quyền CS quyết định ra sao. Nhưng chắc chắn nguyện vọng của toàn dân và các gia đình nghĩa tử đều mong muốn một điều là giữ lại để làm di tích lịch sử như Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington Hoa Kỳ. Vì dầu sao đi nữa thì hình ảnh Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa đã ghi lại một dấu ấn lịch sử, là Quê Hương Tâm Linh của những nạn nhân chiến cuộc mà không bao giờ có thể xóa nhòa trong lòng mọi người.

ooOoo

Bây giờ thì người chết đã yên phận dưới huyệt mộ còn đâu nữa hận thù, còn đâu nữa phân tranh, nên nếu có quật mồ họ lên đi nữa thì cũng chỉ còn nắm xương tàn. Có dân sự hóa để khỏi mang mặc cảm là đối thủ của chính quyền, thì họ cũng đã thành vô hình, lấy gì để cải tạo hay thay đổi căn cước?



Dân sự hóa chẳng qua là thay đổi mấy tấm ciment che đắp, hay tấm bia trước mộ mà thôi, chứ hồn thiêng của các Anh Hùng Liệt Sĩ, họ đã nhập vào Hồn Thiêng Sông Núi, thì làm sao mà gỡ ra?

Vì thế, người viết cũng mong mỏi thêm một điều là: chính quyền CS Việt Nam nên cho phép thân nhân mang hài cốt các tù cải tạo trong các trại tù từ Nam ra Bắc đem

về Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hoà chôn cất, cũng như các thương phế binh VNCH còn ở tại VN sau khi chết cũng được an táng tại đây như tù cải tạo, để họ còn có chỗ đi về.

Cho di chuyển hài cốt người lính làm mẫu cho bức tượng Thương Tiếc (nghe tin đã tử trận và rất linh thiêng) đem về chôn cất tại mộ Chiến Sĩ Vô Danh ở lô H2 để mọi người đến viếng Nghĩa Trang chiêm ngưỡng và ghi dấu một sự kiện lịch sử "bất khả tư nghị nầy".

Có như vậy thì Hồn Thiêng Sông Núi sẽ gìn giữ cho Tổ Quốc Việt Nam, cho các thế hệ tương lai con cháu một nguồn Tâm Linh và Đời Sống sẽ được bình an.

Nguyễn Thành Nam K11
Wiesbaden, Germany

Góp ý:

Theo tôi được biết, Đồ Án Nghiên Cứu Tổng Thể Nghĩa Trang QĐBH đã do KTS Ngô Viết Thụ phác họa theo lệnh của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào khoảng năm 1962. Trong thời gian tôi làm trưởng ban Đồ Án Tái Thiết Dinh Độc Lập, thường hay lui tới nhà ông Ngô Viết Thụ chơi và đã được trông thấy các bảng vẽ phối cảnh cũng như họa đồ tổng thể (plan de masse) và nghe ông ấy nói về dự ánh nầy.

KST Ngô Viết Thụ đã mất vào năm 2002, đúng vào dịp tôi về thăm Việt Nam. Khi ông tạ thế, tôi đang ở Hà Nội, tôi về đến Sàigòn thì chỉ kịp viếng đám tang mà thôi.

Ông Thụ đã nói rất nhiều về Vành Khăn Tang, và hồi đó, Điêu Khắc Gia Nguyễn Hữu Thế cũng có phác hoạ sơ (Esquisse) chi tiết điêu khắc trên Vành Khăn Tang này, nhưng sau Đệ Nhất Cộng Hòa ông ấy đã trở về Pháp.

Cả hai ông KTS Ngô Viết Thụ và ĐKG Nguyễn Văn Thế đều đã được giải Khôi Nguyên La Mã về kiến trúc và điêu khắc.

KTS Hoàng Hy



Mờ Dần Đi

Ấu Tím 26/B

Tháng 11 mỗi năm, vào ngày quốc lễ Veterans' Day, hội cựu chiến binh Hoa Kỳ tổ chức một buổi diễn hành tại trung tâm thành phố. Đây là dịp để tất cả cựu quân nhân thuộc mọi quân binh chủng đã từng tham chiến dưới ngọn cờ của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ gặp lại nhau, ôn lại một thời tuổi trẻ đã qua, nhớ lại các đồng đội đã hy sinh, mặc lại bộ quân phục đã phai mầu, cùng đi trên một đọan đường yên ả, không tiếng đạn bom mà nghĩ đến một đoạn đường chiến binh đã đi qua trong quá khứ.

Những người lính mái tóc đã không còn xanh, lưng đã không còn thẳng, diễn hành tại trung tâm thành phố San Jose, bắc California, không phải là hình ảnh của người lính trẻ còn oai hùng, hiên ngang, mà là hình ảnh của những chiến binh đã già, đã một thời oai hùng, hiên ngang. Họ là những cựu chiến binh.

Đại Tướng Douglas Mac Arthur đã 71 tuổi khi ông ra điều trần trước quốc hội Mỹ vào năm 1951. Đứng trước Tổng Thống và quốc hội Mỹ, ông trích dẫn một câu trong bài hát

được sáng tác từ thời thế chiến thứ nhất:
- Người lính già không bao giờ chết, họ chỉ mờ dần đi. Câu trích dẫn nổi tiếng này nay đã trở nên bất tử. “Old soldiers never die; they just fade away.”
Những người lính được ông nhắc đến lúc ấy là những người lính đã hy sinh tuổi trẻ để bảo vệ quê hương, để phục vụ cho lý tưởng tự do của nhân loại trong thế chiến thứ hai. Thế giới khi đó, đang kinh hoàng với những đoàn xe tăng của chủ nghĩa độc tài, phát xít, diệt chủng, đang cày nát Âu châu, những đoàn quân SS đang tàn sát hàng triệu người Do Thái trong các trại tập trung, hàng trăm triệu người dân từ Âu sang Á đang điêu đứng.
Khi đổ bộ lên bờ biển Normandi của nước Pháp, hay khi nhảy dù xuống phòng tuyến của Đức Quốc Xã, họ là những người được cả thể giới trông cậy vào, và họ chỉ biết trông cậy lẫn vào nhau. “The world depends on them, and they depend on each other.” Họ có lúc đã chiến thắng, cũng có lúc đã chiến bại, nhưng rồi cuối cùng thế giới đã thoát khỏi hiểm họa Phát Xít, nhân loại an hưởng thái bình.
Thời thái bình không được bao lâu đã có những đám mây đen bao phủ. Hiểm họa cộng sản như vết dầu loang đang làm lở loét địa cầu. Tại Âu châu, mảng đỏ cộng sản khởi đi từ nước Nga, chùm lấp xâm chiếm các lân bang, tạo thành liên bang sô viết; ở Á châu, Trung cộng cho đoàn quân chí nguyện cùng quân cộng sản Bắc Hàn ào ạt xâm chiếm miền Nam Hàn tự do. Không lâu sau đó, cộng sản Bắc Việt với cả khối thế giới cộng sản hết lòng hậu thuẫn và yểm trợ cũng đã gieo tang tóc cho hàng chục triệu người dân miền nam Việt Nam.
Những cựu chiến binh bảo vệ lý tưởng tự do trong 2 cuộc chiến ở Đại Hàn và ở Việt Nam để chống lại chủ nghĩa cộng sản cũng có lúc đã chiến thắng và cũng có lúc đã chiến bại, nhưng cuối cùng chủ nghĩa cộng sản, một vết nhơ của nhân lọai cũng đã bị đánh bại và lụi tàn.
Như thường lệ, hàng năm hội cựu chiến binh Hoa Kỳ đều mời hội cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa tham gia diễn

hành. Các chiến binh đã một thời chiến đấu bên nhau, nay lại cùng chung đứng dưới quân kỳ như không bao giờ quên được thời tuổi trẻ tươi đẹp đã qua. Hai mươi năm chiến đấu bảo vệ quê hương, hai mươi năm ngăn chặn giặc thù, hai mươi năm mang hạnh phúc cho trẻ thơ khôn lớn, cho học sinh đến trường, cho nông dân ấm no, cho thành thị phồn thịnh, cho một nền văn hóa nhân bản phát triển, những người lính Việt Nam Cộng hòa đã không ngại đổ máu xương, đã không ngừng hy sinh, những hy sinh vô bờ bến. Và bây giờ thế giới lại đối diện với cuộc chiến chống khủng bố, để bảo vệ nền văn minh và an ninh thế giới. Cuộc chiến này đang được đặt trên vai những người lính thế hệ tiếp nối. Những người lính trẻ này đang ngàn dặm xa xôi trên chiến trường Trung Đông để bảo đảm cho cuộc sống an bình, tiện nghi, tự do, dân chủ và tiến bộ của chúng ta trên đất nước Hoa Kỳ. Không ít những người lính trẻ này là con em người Mỹ gốc Việt chúng ta.

Vâng, người lính già chỉ mờ dần đi, họ không bao giờ chết, hình ảnh họ luôn hiện diện trong chúng ta, những người luôn luôn còn một món nợ phải mang với người lính chiến. Nếu không có chồng đã là lính, đã chiến đấu, đã bị thương ngoài mặt trận, những vết sẹo còn khắc trên da, tôi sẽ không biết viết đọan văn trên, đoạn văn dính líu đến một khía cạnh cuộc đời tôi chưa từng biết, chưa từng nếm thử - chỉ biết nhìn lơ đãng hay cùng lắm chỉ biết nói chuyện nhớ thương phản chiến.



Lần diễn hành này, đã vắng đi hai người cựu quân nhân đã từng phục vụ trong thế chiến thứ hai, tôi nhớ họ vì mỗi năm tôi đều tìm ra họ. Ông Mike ngồi trên chiếc xe lăn bên vệ đường Market, vẫy chiếc cờ chào đoàn người diễn hành đi ngang. Sau lưng ông là một bảng gỗ, kết những huy hiệu ông gìn giữ, miếng kim loại khắc tên bạn hữu, và con chó nhỏ xíu có mang cờ trên lưng, con chó thông minh biết làm nhiều trò, biết

đứng chào nghiêm nghị, biết quì trên hai chân trước, nói chuyện với ông, cám ơn ông, ông vui lắm. Người thứ hai là ông Brown, mặc bộ quân phục đi trong đoàn diễn hành, ông sung sướng khoe với tôi, bộ quân phục ông mặc là bộ đồ ông đã giữ được sau trận chiến, nó còn vệt màu không tẩy được, đó là vết máu của bạn ông. Lần diễn hành nào tôi cũng thấy ông phải đi bộ một đoạn đường, khi nào thật mệt ông mới chịu lên xe.

Năm nay tôi đã không ngăn được giòng nước mắt khi một đoàn người cùng những bức hình của những chiến sĩ đã hy sinh trong trận chiến Iraq đi ngang qua. Đoàn người đông quá, vùng vịnh Bắc California mất đi nhiều người quá, những mất mát thật buồn. Ánh mắt những người vợ trẻ đẩy xe cho con, những đứa con chưa biết mặt cha, chiếc áo lính thay chăn đắp cho con biết có đủ thay hơi người cha đã khuất. Cha mẹ cùng nâng ảnh con đi thật chậm, chiếc ảnh lắc lư theo nhịp bước, nụ cười lung linh. Bạn bè nâng ảnh bạn, tên trường trung học, tên trường đại học được tô đậm dưới chân dung. Những chiếc ảnh to quá làm thành gió lay bao lá phong hai bên đường tuôn đổ, những chiếc lá xoáy vòng tròn quyện theo bước chân người.

Tôi nhớ bốn năm trước, có một chiếc xe chở những góa phụ mặc toàn quần áo màu đen, khăn voan trùm kín, một biểu ngữ đòi chấm dứt chiến tranh để vợ không mất chồng, con không mất cha. Những góa phụ trên ấy chỉ là một hình nhân giả. Năm nay không có chiếc xe ấy mà là đoàn người mất con, mất chồng, mất cha thật, họ không mang biểu ngữ gì cả, chỉ là những tấm hình và lẳng lặng đi.

Chiến tranh có đạn bom, máu lửa, sống chết nhưng nước mắt của những người phụ nữ đợi chờ - góa bụa với tôi là quan trọng hơn hết, đau đớn hơn hết.

Ấu Tím 26/B

■ *thơ Lê Phương Châu 21/B - Sàigòn*



Thiếu nữ Đàlạt
tranh Đinh Cường

Lời Như Sau Cùng Cho Người Đi Xa!

Như những người con gái hôm nay
Tôi lớn lên làm thân cây thiếu phụ
Đứng một góc đường nhìn lá me bay
Tôi tự hỏi mình đã hiểu gì chưa?
Về mọi sự diển biến vừa vụt qua tầm mắt
Về bộ đồ trây di thêu bản tên đen
Về chiếc áo giáp – chiếc nón sắt che chở con tim người yêu còn thoi thóp
Về tiếng súng vang rền rung chuyển quê hương!

Tôi tự hỏi tôi đã hiểu gì chưa?
Khi giọt nước mắt chia ly khóc người yêu di chuyển
Khi tôi đứng cắn móng tay nhìn đoàn xe đơn vị lên đường
Tôi trải nhẹ hồn mình theo vết xe lăn
Trời cao ngước mặt chỉ vô cùng
Làm sao phỉnh phờ giác quan phải câm nín

Tôi vò xé lòng mình
Nhưng thâm tâm vẩn nặng tình nhân ngãi
Nước mắt nào không mặn chát
Đời ai chẳng một lần cưới
Dù sau đó bước qua nhiều gai nhọn

Hởi người yêu!!!
Lửa không tắt trên cánh đồng khô cháy
Đêm khôn cùng va chạm nhớ nhung
Tôi vòng tay ngạo nghễ nhìn đoạn đường thoáng hiện
Se cứng dấu giày đinh
Cửa hạnh phúc đợi chờ tôi đến khép
Yêu thương nhau ai nở muốn chia lìa
Có phải vậy không người!!!

Đừng ve vuốt tôi bằng niềm vui kẻ khác
Bởi hay buồn nên nước mắt ưa sa
Bởi yêu người nên lối vào luôn luôn đóng kín
Đừng nghĩ lệch về tôi
Hởi người tôi yêu mến!
Hãy nhìn tôi như bóng người hiện diện
Hãy yêu tôi như giọng hát chính người

Trên con đường đã định
Cách xa phủ chụp đời mình
Hạnh phúc nào cũng cuối cùng
Đừng vô tình đánh mất
Bởi đời người là đời tôi
Nằm trong vòng hệ lụy
Sợi xích sắt vây quanh
Cánh tay thịt làm sao thả lỏng

Tôi muốn nói với người
Hãy nghe tôi đi!
Đời không trả lại ta
Đời cũng không cho ta cứu chuộc

Khoảng trời xanh gang tấc dấu chân
Của một chiều dâng đầy hạnh phúc
Cũng đừng tìm kiếm vô ích
Như đời người chiến trận đã chai lì
Dòng nước nào rửa sạch
Dấu chàm trên gương mặt nám đen

Đêm lung linh huyền ảo
Tôi góp nhặt di niệm ngày qua
Làm hơi thở chính mình hiện tại.

Pleiku 1969
Lê Phương Châu 21/B



Tự Sự

Tôi nay tuổi ngoại lục tuần trăng
Mặt nước hồ gương gợn sóng hằng
Nghiệt ngã đường đời muôn lối rẽ
Quạnh hiu đài cổ lắm phù vân
Đôi câu thơ phú vương lòng khách
Vài chén trà sen dịu lục trần
Dòng chảy ái hà thiên bất tận
Bên mình còn lại chữ Tâm Nhân!

Lê phương Châu 21/B
Sài Gòn 2008

Thẩm phán Liên bang Phan Quang Tuệ: *"VN không học được gì từ kinh nghiệm chấm dứt cuộc nội chiến Hoa Kỳ"*

LTS: Nhân dịp Lễ Độc Lập Hoa Kỳ, 4/7/2009, báo Người Việt online đã phổ biến bài phỏng vấn Thẩm Phán Liên Bang Phan Quang Tuệ do ký giả Đinh Quang Anh Thái thực hiện. Một phần nội dung của bài phỏng vấn này đã mô tả lại cảnh kết thúc cuộc nội chiến Nam - Bắc của Mỹ vào cuối thế kỷ thứ 19 thật đẹp đẽ và đầy cảm xúc, nhưng điều này đã không hề xảy ra trong cùng bối cảnh của những ngày kết thúc cuộc chiến tranh Việt Nam. Tòa soạn Đa Hiệu xin chân thành cảm ơn tác giả Đinh Quang Anh Thái và xin hân hạnh giới thiệu bạn đọc.

BBT/ĐH

Saturday, July 04, 2009
Đinh Quang Anh Thái thực hiện

- **Người Việt:** Xin hỏi cảm tưởng của thẩm phán nhân Ngày Lễ Độc Lập 4 Tháng Bảy của Hoa Kỳ?

- **Thẩm Phán Phan Quang Tuệ:** Năm nay Hoa Kỳ long trọng kỷ niệm 233 năm Bản Tuyên Ngôn Độc Lập được công bố vào ngày 4 Tháng Bảy năm 1776 tại Philadelphia. Qua bản tuyên ngôn này, 13 thuộc địa liên hiệp (United Colonies) đã tuyên bố tách rời khỏi triều đình Anh Quốc.

Bản Tuyên Ngôn Độc Lập nêu lên 3 nguyên tắc có giá trị trường cửu:

1) Mọi con người đều sanh ra bình đẳng với những quyền

bẩm sinh bất khả xâm phạm trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu tìm hạnh phúc;

2) Để bảo đảm những quyền nói trên, guồng máy nhà nước đã được thiết lập như những định chế với quyền hạn xuất phát chính do sự ưng thuận của những người dân;

3) Rằng bất cứ lúc nào những chính quyền này đi ngược lại những mục đích trên thì người dân có quyền đứng lên để hoặc thay đổi, hoặc lật đổ chính quyền này, và thay thế vào đó bằng một chính quyền mới, trên những nền tảng mới, theo những nguyên tắc mới, dựa theo cách thức tổ chức mới nhằm thực hiện và bảo đảm an toàn và phúc lợi cho người dân.

Mười một năm sau, vào ngày 17/09/1787, những nguyên tắc trên về một thể chế thiếp lập để phục vụ người dân đã thành hình qua Bản Hiến Pháp của Hiệp Chủng Quốc nay đã được 222 tuổi và vẫn là Bản Hiến Pháp duy nhất của Hoa Kỳ.

Bốn năm sau, vào năm 1791, Đạo Luật Công Dân Quyền gồm 10 điều khoản được công bố qua 10 Tu Chính Hiến Pháp nhằm giới hạn quyền hạn của chính quyền liên bang, bảo vệ quyền lợi của người dân.

Đây là một quốc gia mà chính quyền được thành lập để bảo vệ cho phúc lợi của người dân. Luật pháp được làm ra trong tinh thần này. Luật pháp xứ sở này không hình sự hóa quyền tự do phát biểu, tham gia sinh hoạt chính trị, thay đổi và ngay cả hủy bỏ chính quyền khi chính quyền phản lại quyền lợi của người dân.

Hai trăm năm trước đây những nguyên tắc nói trên đã được Hoa Kỳ long trọng công nhận. Trong khi đó, hơn hai trăm năm sau, tại Việt Nam, vẫn còn có điều luật như điều khoản 88 áp đặt lên người dân.

- **Người Việt:** Với Bản Tuyên Ngôn Độc Lập ngày 4 tháng Bảy, một quốc gia mới đã ra đời, nhưng tại sao mãi đến hơn 11 năm sau mới có Bản Hiến Pháp được công bố vào năm 1787?

- Thẩm Phán Phan Quang Tuệ: Danh xưng chính thức

của Bản Tuyên Ngôn Độc Lập là "The unanimous Declaration of the thirteen United States of America". Các sử gia vì thế đã không xem Bản Tuyên Ngôn Độc Lập như là một bản khai sanh của một tân quốc gia. Trước độc lập người Mỹ vẫn tự xem mình là thần dân của triều đình Anh Quốc, là công dân của từng thuộc địa riêng rẽ như Virginia, Massachusetts, New York. Ngay cả sau độc lập, ý niệm một quốc gia với những người công dân Mỹ vẫn chưa thành hình. Và quả thực trong Bản Tuyên Ngôn Độc Lập, cũng như sau này Bản Hiến Pháp không hề có danh từ quốc gia (nation) hay công dân (nationals). Vì thế mãi cho đến trước cuộc nội chiến Nam Bắc người Mỹ vẫn dùng "The United States are..." theo số nhiều. Và cho đến sau khi chấm dứt cuộc nội chiến, người ta mới dùng "The United States is..." theo số ít, ngụ ý từ đấy một quốc gia theo đúng ý nghĩa mới thật sự thành hình.

- **Người Việt:** Cuộc nội chiến của Mỹ chỉ kéo dài 4 năm nhưng mức độ thiệt hại nhân mạng và của cải vật chất rất cao. Tại sao người dân hai miền Nam-Bắc của Mỹ có thể hòa giải được hận thù với nhau để đưa xứ sở này lên hàng cường quốc duy nhất như hiện nay, phải chăng đó là phép lạ?

- **Thẩm Phán Phan Quang Tuệ:** Cuộc nội chiến kết thúc Tháng Tư năm 1865. Trước đó chỉ có 6 ngày, Đại Tướng Robert Lee thống lãnh quân đội Miền Nam vẫn còn tuyên bố là ông có thể cầm cự chiến đấu ít nhất là 20 năm nữa. Thế nhưng, sau khi nhận được báo cáo của vị tướng trẻ John Gordon, rằng đạo quân miền Nam đang bị quân đội miền Bắc bao vây, lương thực cạn, tiếp tế không có, hy vọng tăng viện cũng không, Tướng Lee nói với các tướng bao quanh, "Giờ đây tôi chẳng còn làm gì hơn là đến trình diện và đầu hàng trước tướng Grant." Và Tướng Lee viết một lá thư xin đầu hàng gửi Đại tướng Grant, thống lãnh quân đội miền Bắc.

Đọc lịch sử Mỹ, chúng ta thấy Tướng Lee khi đầu hàng tướng Grant, ông mặc quân phục, đeo huy chương trang

trọng, và chỉ mong sao binh sĩ thuộc quyền ông được trở về đời sống dân dã làm ăn bình thường thôi. Còn bản thân Tướng Lee, ông đinh ninh thế nào cũng bị bắt và bị treo cổ. Nhưng không ngờ, khi nhận được thư của Tướng Lee, lúc bấy giờ, tại một cánh rừng gần Tòa Thị Xã Appamatox, thuộc tiểu bang Virginia, Tướng Grant, thảo bức thư trả lời Tướng Lee. Tướng Grant viết, "Tôi rất muốn hòa và mong muốn kết thúc cuộc chiến mà không phải tổn thất thêm một nhân mạng nào nữa." Riêng Tổng Thống Lincoln, mối bận tâm lớn nhất của ông là mối hận thù rất nặng giữa hai miền Nam-Bắc. Ông quyết tâm phải hòa giải được mối hận thù này và ông đã làm được.

- **Người Việt:** Trong không khí say men chiến thắng, làm cách nào mà đạo quân miền Bắc kềm hãm được hành động trả thù cũng như thái độ hả hê trước sự đầu hàng của quân miền Nam, thưa thẩm phán?

- **Thẩm Phán Phan Quang Tuệ**: Lịch sử cho thấy, cách hành xử của người thắng đối với người thua đã mở đầu trang sử mới của đất nước Mỹ. Sau khi gặp Tướng Grant để đầu hàng, Tướng Lee đứng dậy, lần lượt bắt tay các sĩ quan trong Bộ Tham Mưu của Tướng Grant, bắt tay Tướng Grant, nghiêng mình chào tất cả mọi người có mặt và bước ra khỏi phòng họp. Tướng Grant và ban sĩ quan tham mưu đã đứng sẵn ở bao lơn trước căn nhà, nơi đôi bên nghị hòa. Khi ngựa Tướng Lee rảo bước đi qua, cặp mắt của hai vị tướng chạm nhau trong giây phút, họ đồng ngả nón chào nhau. Trên bao lơn xung quanh Tướng Grant và trong sân trước căn nhà lịch sử, sĩ quan và binh sĩ miền Bắc đều đưa tay chào kính vị tướng bại trận quân đội Liên Hiệp Miền Nam. Tướng Grant còn ra lệnh cho sĩ quan và binh sĩ miền Bắc không được phép reo mừng trên chiến bại của phe miền Nam. Điều quan trọng với Tướng Grant là phải làm sao để thắng trận, đồng thời cũng phải gìn giữ cho bằng được sự toàn vẹn tình cảm giữa những người cùng trong cộng đồng dân tộc Hoa Kỳ.

Điều kiện đầu hàng được hai Tướng Lee và Grant ký kết

tại Appamatox ngày 9 Tháng Tư năm 1865 thì 3 ngày sau, ngày 12 Tháng Tư mới là ngày quân Liên Hiệp Miền Nam chính thức buông súng đầu hàng. Hai đạo quân dàn đôi bên con đường chạy theo phía Đông khu rừng Appamatox. Chỉ huy cánh quân miền Bắc và điều khiển buổi lễ là Tướng Chamberlain. Chỉ huy 28,000 sĩ quan và binh sĩ Liên hiệp Miền Nam là Tướng Gordon. Tướng Chamberlain đã ghi lại trong hồi ký của mình, "Từng đoàn, từng đoàn, họ tiến bước theo nhịp quân hành, ép chặt vào nhau giống như một dòng người đội vương miện màu đỏ ối, giương cao quân kỳ và hiệu kỳ. Đây là những người mà gian lao, đau khổ, nhọc nhằn, kể cả tử thần không bẻ cong được quyết tâm của họ. Họ đứng thẳng hàng trước mặt đoàn quân chúng tôi, một đoàn quân tơi tả, xương xẩu, nhưng hiên ngang, mắt sáng ngời chiến thắng, họ là những hình ảnh sống phản ảnh mối liên hệ thắm thiết chỉ có thể có giữa những đồng đội trên chiến trường."

Không hề dự định trước, cũng như không hề được chuẩn y trước, Tướng Chamberlain bất thần hô lớn ra lệnh cho quân đội miền Bắc, "Bồng súng chào!" Một tiếng kèn lệnh vang lên, và lập tức toàn thể đoàn quân miền Bắc bồng súng lên vai chào đoàn quân thua trận. Phía đối diện, Tướng Gordon thúc nhẹ con tuấn mã khụy hai chân trước xuống, người và ngựa cùng cúi đầu, gươm tuốt trần chúc mũi trong một giáng điệu hùng vĩ tuyệt vời. Cùng lúc, đoàn quân miền Bắc chuyển qua bồng súng nghiêm chào. Họ chào những "anh hùng bại trận," họ bày tỏ sự kính trọng của những người Hoa Kỳ đối với những người Hoa Kỳ. Và phía hàng quân miền Bắc tiếp tục giữ đúng thế nghiêm. Không có thêm một tiếng kèn. Không có một tiếng trống. Không có một tiếng hô chiến thắng. Không có một tiếng nói. Không cả một tiếng thầm thì. Mà chỉ còn là một hàng quân im phăng phắc. Mọi nhịp thở như ngừng lại. Buổi lễ đầu hàng kéo dài 7 tiếng đồng hồ. Gần 28,000 người, trên 100,000 tấn vũ khí, đạn dược, quân kỳ, hiệu kỳ lần lượt bỏ xuống. Từng đơn vị tiến lên, gác súng, tháo bao đạn, và xếp súng

xuống. Kế đến họ trìu mến cuốn hay xếp quân kỳ, hiệu kỳ, lắm cái tơi tả và lắm cái nhuộm máu đã khô, sau cùng họ khẽ đặt những lá cờ kia xuống mặt đất.

Cuộc Nội Chiến của Mỹ kết thúc như vậy đó. Không có trả thù, không có tắm máu, không có chính sách hạ nhục những người bại trận cùng vợ con họ.

Cách đây hai năm tôi đã tường thuật lại diễn tiến cuộc đình chiến Nam-Bắc năm 1865 trong một bài viết chung với Luật Sư Đỗ Thái Nhiên.

- **Người Việt:** Thưa thẩm phán, dân tộc Việt Nam chúng ta học được gì từ kinh nghiệm chấm dứt cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ?

- **Thẩm Phán Phan Quang Tuệ**: So sánh những gì xảy ra vào Tháng Tư năm 1865 tại Hoa Kỳ và Tháng Tư năm 1975 tại Việt Nam thì ta thấy bài học 110 năm trước tại Hoa Kỳ đã không được áp dụng tại Việt Nam. Trong các loại chiến tranh thì nội chiến là thứ chiến tranh nguy hiểm nhất. Nó tàn phá sự sống và để lại không biết bao nhiêu vết thương trong lòng một dân tộc. Cách thức cuộc chiến Việt Nam chấm dứt ngày 30 Tháng Tư năm 1975 đã chứng minh điều đó.

- **Người Việt**: Cám ơn thẩm phán đã trả lời phỏng vấn của Người Việt.

Nguồn:

http://www.nguoi-viet.com/absolutenm/anmviewer.asp?a=97467&z=196

LTS:

Trước năm 1975, ông Phan Quang Tuệ là sĩ quan Quân Pháp thuộc Bộ Quốc Phòng Việt Nam Cộng Hòa. Tiếp theo ông biệt phái về làm việc trong văn phòng chủ tịch Tối Cao Pháp Viện cho đến 1975. Từ 15 năm qua, ông là thẩm phán liên bang Tòa Di Trú San Francisco.



Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

Ông McNamara đã chết nhưng không tìm ra phương trình đúng cho cuộc chiến tranh Việt Nam

Cựu Trung Tướng Lâm Quang Thi

Cho đến cuối đời, ông Robert McNamara, nhân vật chánh điều khiển cuộc chiến tranh Việt Nam, vẫn còn là người nhiều bối rối và dằn vặt lương tâm. Ông ta được biết đến như là một "định lượng gia", một người luôn bị ám ảnh bởi sự phân tích thống kê. Và ngay cả đối với chiến tranh, ông vẫn tin tưởng rằng câu trả lời có thể tìm được với một phương trình đúng.

Theo ông, chiến thắng cuộc chiến Việt Nam có thể đo lường được bằng các dữ kiện thống kê, chẳng hạn như số người chết, số vũ khí tịch thu được, số làng mạc được ổn định và số địch quân quy hàng.

Mặc dù vậy, ông vẫn chưa thể tìm ra được phương trình đúng để đối phó với cuộc chiến tranh du kích Cộng Sản trong suốt bảy năm ông ngồi ở Ngũ Giác Đài. Trong cuốn sách thú tội bán chạy nhất của ông, "Tragedy and Lessons

of Vietnam" (1995), vị cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng thừa nhận lỗi lầm là đã cho leo thang cuộc chiến và đã không đề nghị một cuộc rút quân sớm hơn để cứu mạng các binh lính Mỹ.

Trong cuốn sách này, ông cũng đã biện luận rằng cuộc chiến tranh Việt Nam không thể thắng được bởi vì Miền Nam bất ổn định, tham nhũng, còn quân đội thì thiếu hiệu quả.



Tướng Maxwell Taylor, cùng với Henry Cabot Lodge và R. McNamara đang đặt kế hoạch cho cuộc chiến VN tại Sàigòn, 7/1965 - ảnh Bill Eppridge.

Dường như ông McNamara đã quên rằng chính Hoa Kỳ đáng lẽ phải bị quy lỗi về sự bất ổn định của chính quyền miền Nam. Không những Hoa Kỳ đã nhúng tay nhiều vào việc lật đổ tổng thống vào năm 1963, chính ông McNamara, được biết đã làm theo chỉ thị của Tổng Thống Johnson, đã không ngớt khen ngợi Tướng Nguyễn Khánh như là một người hùng đã tổ chức thành công cuộc phản đảo chánh để hạ bệ những tướng lãnh đảo chánh. Và ngay sau đó, lại chính Đại Sứ Mỹ, Tướng Maxwell Taylor, đã khuyến khích các bộ tộc người Thượng nổi loạn nhằm gây bất tín nhiệm để rồi sau cùng hất cẳng Tướng Khánh, người mà ông Taylor rất căm ghét.

Tham nhũng thì nước nào cũng có, nhưng không phải tất cả các chính quyền tham nhũng đều sụp đổ. Chẳng hạn, dưới chế độ quân phiệt Nam Hàn, tham nhũng tràn lan khắp nơi, nhưng Nam Hàn đã không rơi vào tay Cộng Sản; thay vào đó, họ đã trở thành một quốc gia dân chủ, kinh tế phát triển mạnh mẽ. Điều mỉa mai là, trong hồi ký của mình, ông McNamara đã phản ảnh lại những người từng chỉ trích ông bằng cách đặc biệt nêu lên vấn đề tham nhũng của miền Nam như là một yếu tố chính cho việc rút quân của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, chính những viên chức Hoa Kỳ, mà hệ thống đở đầu mua chuộc sự phục tùng để đổi lấy đặc ân, đã

nuôi dưỡng và hợp thức hoá sự tham nhũng này trước tiên.

Một huyền thoại khác nữa lại cho rằng quân đội miền Nam Việt Nam là một đội quân thiếu năng lực. Yếu tố quan trọng nhất có thể đưa ra để phủ định quyết đoán này chính là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã thiệt hại hơn 300,000 quân trong suốt cuộc chiến tranh Đông Dương. So sánh tương quan dân số với Hoa Kỳ, con số này phải là 2.5 triệu. Một quân đội không chiến đấu không thể có con số thiệt hại cao đến như vậy. Cũng chính quân đội này, sau gần hai thập niên liên tục chiến đấu đã đánh bại những sư đoàn tinh nhuệ nhất của Bắc Việt trong cuộc tấn công yểu mệnh của chúng vào mùa Phục Sinh năm 1972 bằng chính sức lực của mình.

Vào năm 1997, hai mươi chín năm sau khi ông đã rời chức vụ, ông McNamara đã đến Hà Nội để gặp gỡ cựu địch thủ của mình là Tướng Võ Nguyên Giáp, để bàn về cuộc chiến tranh Việt Nam. Không biết ông đã học được bài học gì từ vị tướng nổi tiếng này, nhưng có một điều chắc chắn là những nhà lãnh đạo quân sự Bắc Việt đã rất lo ngại về việc Hoa Kỳ chiếm đóng phía Bắc vùng phi quân sự trong suốt cuộc chiến. Ông Bùi Tín, cựu Đại Tá và là chủ bút tờ báo Nhân Dân, người đã đào ngũ theo Phương Tây sau khi cuộc chiến kết thúc, mới đây đã cho biết rằng Tướng Lê Trọng Tấn, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Miền Bắc, nói với ông vào năm 1977: "Hoa kỳ chỉ cần đưa ra không tới một sư đoàn chiếm lĩnh tạm thời vùng Đồng Hới. Trung Quốc sẽ ngồi yên, rồi chỉ một thời gian ngắn sau đó, các toán quân của chúng ta đã bị trói chặt vào đó để phòng thủ hậu phương, một ưu tiên hàng đầu của chúng ta. Từ đó, toàn bộ cuộc chiến có thể đã hoàn toàn thay đổi."

Bùi Tín cũng cho biết rằng Tướng Võ Nguyên Giáp rất lo ngại việc miền Bắc có thể bị đe dọa bởi các lực lượng Hoa Kỳ và Nam Việt Nam chiếm giữ khu vực eo hẹp phía Nam sông Gianh. Ông ta đã tổ chức những cuộc thao dượt mỗi năm để đối phó với tình trạng có thể xảy ra này.

Nói khác đi, nếu Hoa Kỳ cho đổ quân bằng đường biển

phía bắc vùng phi quân sự vào cuối những năm 60, thì các đường tiếp tế của Bắc Việt đưa vào Nam đã bị cắt đứt, hậu phương của địch có thể đã bị đe doạ, cuộc chiến đã có thể thắng, hay ít ra là một hình thức đình chiến tương tự như của Triều Tiên đã đạt được, và hoà bình đã có thể xảy ra.

Nghĩ cho cùng, dường như điều này đã đòi hỏi quá đáng nơi ông McNamara và các Người Trẻ Ồn Ào (whiz kids) tại Ngũ Giác Đài: có lẽ họ đã không muốn lao vào những cuộc hành quân rủi ro nếu không có những dữ kiện thống kê.

Winston Churchill đã từng nói rằng chiến tranh quá quan trọng để có thể giao trọn quyền cho các tướng lãnh. Hay nói khác đi, chiến tranh quá quan trọng để giao cho những quan chức chỉ biết nhào nặn những con số hơn là dùng phán đoán tốt để đạt được mục đích của cuộc chiến.

Kết quả là sương mù của cuộc chiến đã không bao giờ tan biến đối với cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara.

Lâm Quang Thi là cựu Trung Tướng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và là tác giả cuốn, "Hai Mươi Lăm Năm Thế Kỷ" - một tướng lãnh miền Nam nhớ lại cuộc chiến Đông Dương cho đến lúc Sàigòn sụp đổ. Quyển kế tiếp của ông, Hell in An Loc, sẽ được xuất bản vào mùa thu 2009 do Ban Báo Chí Trường Đại Học North Texas ấn hành.

Thẩm Vân dịch

McNamara Died Without Finding the Right Equation for the Vietnam War

Thi Quang Lam,

To the end, Robert McNamara, one of the chief architects of the Vietnam War, was a confused and tortured man wrestling with his conscience. He was known as a "quantifier" who was obsessed with statistical analysis. He believed that, even in war, the answer could be found with the right equation.

According to him, the success of the Vietnam War could be measured by statistical data such as the body count, the number of weapons captured, the number of hamlets pacified and enemy chieu hoi (Vietcong who joined the South Vietnamese forces).

Despite all of these statistics, McNamara was unable to find the right equation to deal with the Communist insurgency during his seven years at the Pentagon. In his mea culpa bestseller "Tragedy and Lessons of Vietnam" (1995), the former Secretary of Defense admitted his mistake of escalating the war and not recommending an early disengagement to save American lives.

In his book, McNamara also argued that the war was unwinnable because of South Vietnamese political instability, corruption and military ineffectiveness.

McNamara seemed to forget that the United States has largely itself to blame for the instability of the government of South Vietnam. Not only was the United States heavily involved in the overthrow of the president in 1963, but McNamara himself, reportedly acting on President Johnson's instructions, openly hailed General Nguyen Khanh as a hero for staging a successful counter-coup that deposed the plotting generals. And it was then-U.S. Ambassador General Maxwell Taylor who subsequently encouraged the rebellion of the Montagnard tribes to

discredit and ultimately oust General Khanh, whom Taylor intensely disliked.

Corruption exists in every country, but not all corrupt regimes are condemned to disappear. Corruption, for example, was rampant in South Korea under military dictatorships, but South Korea did not fall to the Communists; instead it became a strong democracy with a vibrant economy. Ironically, in his memoir, McNamara echoed his former critics by singling out South Vietnamese corruption as a main factor behind America's withdrawal. Yet it was U.S. officials themselves whose patronage system of buying obedience in exchange for favors fueled and legitimated that corruption in the first place.

Another myth is that the South Vietnamese army was an army of incompetents. The most important fact that can be used to refute that assertion is that the South Vietnamese armed forces lost more than 300,000 troops during the Indochina Wars. In proportion to population, that would be the equivalent of some 2.5 million Americans. An army that did not fight would not have incurred such exorbitant losses. It was the same army that, after nearly two decades of continuous combat, stood its ground and convincingly defeated North Vietnam's finest divisions in their ill-fated 1972 Easter Offensive.

In 1997, 29 years after he left office, McNamara went to Hanoi to meet his former foe, General Vo Nguyen Giap, to discuss the Vietnam War. It's doubtful if he had learned any new lessons from the famed war hero, but one thing is certain: the North Vietnamese military leaders were very worried about a U.S. invasion north of the demilitarized zone (DMZ) during the war. Bui Tin, a former colonel and editor of Nhan Dan, the Communist Party's official newspaper – who defected to the West after the war ended – recently disclosed that Gen. Le Trong Tan, chief of staff of the North Vietnamese Army, told him in 1977: "The Americans needed to deploy no more than one division to occupy the Dong Hoi panhandle temporarily. China would have sat idly by while our troops were pinned down, defending our rear in the North – our unavoidable

priority. The configuration of the war would have flipped completely."

Bui Tin reported that General Vo Nguyen Giap was very concerned about North Vietnam's vulnerability should the United States and South Vietnam forces occupy the panhandle area south of Gianh River. He conducted military exercises every year to counter that possibility.

In other words, had the United States executed envelopments by sea north of the DMZ in the late 1960's, North Vietnam's supply lines to the South would have been cut off, the enemy rear would have been threatened, the war could have been won, or at least some kind of armistice similar to the one in Korea could have been reached, and peace may have been a possibility.

In retrospect, this would have been too much asking, however, from McNamara and his whiz kids in the Pentagon: they probably wouldn't embark on risky operations without statistical data.

Winston Churchill once said that war is too important to be left to the generals. War is too important, on the other hand, to be left to bureaucrats who would rather crunch numbers than exercise their best judgments to achieve the war objectives. The fog of war, as a result, never lifted for former Secretary of Defense Robert McNamara.

Thi Lam was a lieutenant general in the South Vietnamese army and the author of, The Twenty-Five Year Century: A South Vietnamese General Remembers the Indochina War to the Fall of Saigon.His next book, Hell In An Loc, will be published in the fall 2009 by University North Texas Press.

Đại diện TTNĐH/ÂC thuyết trình tại Đại Hội Liên Hội Âu Châu 2009



Kính thưa quý Bác, quý Cô Chú,
Các bạn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu thân mến!

Trước hết con xin gửi đến quý Bác, quý Cô Chú lời chào kính trọng trong tinh thần Tổ Quốc – Danh Dự - Trách Nhiệm của người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Theo lời yêu cầu của chú Nguyễn Vĩnh Giám, cựu Liên Hội Trưởng Liên Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Âu Châu 2007-2009, hôm nay con được vinh dự đại diện cho các bạn TTNĐH/ÂC lên đây trình bày cho quý Bác, quý Cô Chú qua đề tài:

Bổn phận của TTNĐH Thế Hệ 2 đối với đất nước

Con xin chia đề tài ra làm 2 phần:

1. Nhận định sơ lược về hiện tình đất nước
2. Bổn phận TTTĐH, Thế Hệ 2 đối với đất nước

1. Về hiện tình đất nước

Như quý Bác và quý Cô Chú đã biết, sau 30/04/1975 (lúc đó con mới có 8 tuổi), khi CS Bắc Việt đã cưỡng chiếm được miền Nam, thì 3 miền Bắc Trung Nam được tạm gọi là thống nhứt, nhưng thống nhứt trong hoang tàn đổ nát! Tại sao vậy? Tại vì với chánh sách cai trị độc tài, độc ác của đảng CS, người dân miền Nam bị cướp đoạt hết tài sản, bị cướp hết mọi quyền sống và quyền làm người. Ba con và hàng hàng lớp lớp Quân, Cán, Chính miền Nam trong đó có

quý Bác và quý Chú bị bắt đi tù, dưới cái gọi là "học tập cải tạo." Trên giấy tờ họ nói là đi một tháng, nhưng có nhiều người đi đến 5,10,15 hay 20 năm mà không thấy về, các vị ấy đã bỏ thây trong trại tù cải tạo vì đói rét và bệnh tật.

Sau 34 năm cai trị đất nước, đảng CS đã thành công trong việc phân chia xã hội ra thành hai giai cấp rõ rệt:

Giai cấp thống trị, gồm có đảng viên đảng CS và thân bằng quyến thuộc cùng dây mơ rễ má của họ. Giai cấp này hiện giờ là chủ nhân ông đất nước. Nhờ bốc lột và tham nhũng, họ đã sở hữu một số tiền kếch xù và đã gửi ra các ngân hàng ngoại quốc để chờ ngày trốn chạy.

Giai cấp bị trị, gồm mọi thành phần nhân dân còn lại trong xã hội. Họ bị cướp nhà, cướp đất, cướp lương và đôi khi bị cướp luôn cả mạng sống! Giai cấp này thì nghèo trớt mồng tơi, nhiều người phải bán máu nuôi con, bán thân nuôi mẹ v.v... và v.v...

Nói về tội ác của đảng CS đối với dân tộc thì không có bút mực nào viết ra cho hết. Nhưng theo thiển nghĩ của con thì hai tội sau đây là hai tội lớn nhứt của đảng CSVN:

A. Tội dâng đất, biển và đảo để cầu quyền

B. Tội bán Tây Nguyên để cầu lợi

A. Tội dâng đất, biển và đảo để cầu quyền:

Hiện giờ không có người Việt Nam nào mà không ngậm ngùi đau xót và tủi nhục vì:

- Còn đâu hai đảo Trường Sa và Hoàng Sa, phần đất mà tổ tiên ta đã tốn bao nhiêu xương máu để gìn giữ, bây giờ trở thành huyện Tam Sa của Hán Cộng!

- Còn đâu Ải Nam Quan, nơi cực Bắc của địa đầu giới tuyến, điểm xuất phát cuộc hành trình lịch sử từ mấy ngàn năm về trước của tổ tiên ta trong việc mở mang bờ cỏi. Họ đã trèo đèo vượt suối, biết bao nhiêu người đã bỏ thây trong rừng sâu núi thẳm, dìu dắt nhau tiến lần tới miền cực Nam giới tuyến Cà Mau.

- Còn đâu Ải Nam Quan, nơi Nguyễn Trải tiễn cha là Phi Khanh đi lưu đày biệt xứ, vì khóc thương cha nước mắt đầm đìa tuôn rơi thành suối, nên dân gian đặt tên là suối Phi Khanh.

- Còn đâu:

Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,

Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh.

- Còn đâu thác Bản Giốc nổi danh là thắng cảnh hùng vĩ của Cao Bằng.

- Còn đâu Ải Chi Lăng anh hùng, nơi Lê Đại Hành phá quân nhà Tống; Trần Hưng Đạo chận quân nhà Nguyên và Lê Lợi chém tướng nhà Minh.

Tất cả những địa danh trên đây trước kia thuộc chủ quyền của Việt Nam, bây giờ đảng CSVN thần phục hiến dâng cho Hán cộng để được chúng bảo vệ cho cái quyền cai trị dân ta!

B. Tội bán Tây Nguyên để cầu lợi:

"Trả lại màu xanh cho rừng Tây Nguyên!" Đó là lời kêu gọi thống thiết chẳng những của dân tộc thiểu số Tây Nguyên mà còn của toàn dân VN không kể thành phần giai cấp, Quốc hay Cộng trong xã hội. Nhưng Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vẫn nhứt quyết khẩn cấp dâng cho Trung cộng vùng Tây Nguyên như các tỉnh Dak Nông và Lâm Đồng để chúng khai thác Bauxite luyện thành nhôm không cần biết việc khai thác Bauxite này sẽ có những hệ quả nguy hại trầm trọng về mặt sinh thái, xã hội và an ninh quốc phòng. Tại sao vậy? Tại vì theo nguồn tin cao cấp từ giới cầm quyền đảng CSVN vừa tiết lộ do giành ăn, và được kiểm chứng qua một số thành viên ngoại giao đoàn tại Hà Nội thì từ tháng 10/2008, Trung cộng qua mạng lưới ngân hàng ngoại vi của họ đã chuyển nạp vào hệ thống kinh doanh của gia đình Nguyễn Tấn Dũng tổng cộng hơn 150 triệu đô la Mỹ. Phần lớn số tiền này nằm trong các ngân hàng ở nước ngoài. Số tiền này là để trao đổi với Nguyễn Tấn Dũng về việc ông chấp thuận cho kế hoạch khai thác Bauxite tại hai đia điểm Nhân Cơ và Tân Rai.



Biểu ngữ chống TC trước sứ quán TC tại Washington DC, 29/8/2009

Trung cộng đã đóng cửa các mỏ khai thác Bauxite của họ vì những thảm họa về môi trường. Bây giờ họ chuyển sang khai thác ở Việt Nam thì trong tương lai môi sinh sẽ bị ô nhiễm gây tác hại cho người dân không thể nào lường được. Khi đó không biết các ông Nông Đức Mạnh, Nguyễn Minh

Triết, Nguyễn Tấn Dũng và những người trong Bộ Chánh Trị có còn sống để nhận lãnh trách nhiệm không?

Bây giờ con xin sang phần 2.

2. Bổn phận TTNĐH đối với đất nước:



Thưa quý Bác, quý Cô Chú,

Chúng con có người theo cha mẹ đi vượt biên tìm tự do lúc còn nhỏ, có người được sanh ra ở nước ngoài. Chúng con may mắn được sống và lớn lên trong những quốc gia thật sự Tự Do và Dân Chủ, được học trong những trường học tân tiến để trở thành những chuyên viên kỹ thuật có tay nghề cao trong mọi ngành mà người ta thường gọi là "Chất Xám". Với kiến thức học hỏi được, chúng con hiện đang làm việc trong mọi lãnh vực từ Xã hội, Chánh trị, Kinh tế, Ngân hàng, Y tế v.v... góp phần vào sự phồn vinh của quốc gia mình hiện đang định cư để đền ơn đáp nghĩa đất nước đã và đang cưu mang mình. Đời sống càng ổn định bao nhiêu thì chúng con càng nhớ đến Việt Nam bấy nhiêu, nhớ đến những người dân cùng khổ đang sống dưới ách thống trị của đảng CS, nhớ đến những người bạn cùng lứa tuổi với chúng con đang sống không có tương lai!

Dù có nhập quốc tịch nước mình đang định cư, nhưng chúng con vẫn là người Việt Nam, là một thành phần của Việt Tộc. Mà hể là người Việt Nam khi thấy đất nước đang bị thống trị bởi ĐCS độc tài, tù đày những người khác chánh kiến, chà đạp nhân quyền v.v...và vv... chúng con, TTNĐH thế hệ 2 và 3 không phải chỉ biết học hành đỗ đạt rồi đi làm để có tiền hưởng thụ cho riêng mình, mà còn có bổn phận phải dấn thân nhập cuộc, cùng với toàn dân, trong cũng như ngoài nước, đấu tranh loại bỏ cái chế độ độc tài buôn dân bán nước này hầu xây dựng một chế độ thật sự Tự Do và Dân Chủ.

Kính thưa quý Bác, quý Cô Chú,

Con ví ĐCSVN như là một con bạch tuộc, nó có 3 vòi chánh và những vòi phụ:

Vòi chánh thứ nhứt cùng với sự tiếp sức của các vòi phụ

dùng để hút máu nhân dân.

Vòi thứ hai dùng để rút ruột tài nguyên thiên nhiên đất nước.

Vòi thứ ba dán thêm nhãn hiệu Nghị Quyết 36 thò ra tận nước ngoài để hút chất xám, có nghĩa là chiêu dụ giới trí thức trẻ trở về nước phục vụ cho đảng CS. Nhưng CS đã nhầm vì đánh giá quá thấp trình độ hiểu biết về CS của chúng con. Ngoài một số anh chị trí thức nhẹ dạ dễ tin nên trở về nước phục vụ cho đảng CS, nhưng sau đó bị đá đít, đau điếng giựt mình mở mắt ra mới biết mình bị lường gạt! Còn đại đa số chúng con nhứt định sẵn sàng từ bỏ hết địa vị hiện có để trở về phục vụ đất nước khi nào Việt Nam có một chánh quyền pháp trị, thật sự tự do dân chủ. Chúng con quan niệm rằng phục vụ đất nước là phục vụ cho đại bộ phận dân tộc trên 80 triệu người, chớ không phải phục vụ cho cái đảng CS độc tài, buôn dân bán nước với 3 triệu đảng viên.

Trước khi chấm dứt, con xin phép có đôi lời cùng với các bạn TTNĐH.

Các bạn TTNĐH thân mến, bài hát Khải Hoàn Ca mừng ngày chiến thắng CS ở tương lai không phải tự nhiên mà có. Nó phải được đóng góp bằng những con tim khối óc, bằng những nỗ lực hy sinh quên mình, bằng những cuộc đấu tranh trường kỳ gian khổ, tù đày và chết chóc của người dân trong nước và người Việt ở ngoài nước, trong đó có TTNĐH chúng ta. Đó chính là bổn phận thiêng liêng cho sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Ngày được hát Khải Hoàn Ca đó nhứt định chúng ta sẽ về tham dự và tự hào rằng chúng ta đã có đóng góp một phần nhỏ bé của mình để tạo nên ngày Đại Hội Vinh Quang này, và chúng ta cũng sẽ hãnh diện nói lên rằng chúng ta là TTNĐH, con cháu của những người xuất thân từ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam danh tiếng ở Châu Á, đã hoàn thành bổn phận đối với Đất Nước và Dân Tộc mà Ông Cha chúng ta vì bị phản bội nên không thực hiện được.

Xin cám ơn quý Bác, quý Cô Chú và các bạn TTNĐH đã lắng nghe bài thuyết trình của con.

Kính chào quý Bác và quý Cô Chú.

■



Hoan Hỉ Chúc Mừng

Nhận được tin vui:
Anh Chị ĐỖ HỮU ÁI sẽ làm lễ thành hôn cho:
Quý Nam **ĐỖ ÁI QUỐC**
sánh duyên cùng: Ái Nữ **PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG**

Hôn lễ sẽ cử hành vào lúc 10:00AM ngày 26/09/2009 tại tư gia:

7807 Hollow Bluff Lane
Richmond - Texas, Hoa Kỳ

Gia đình Khóa 19 Nguyễn Trãi xin góp vui cùng hai họ ĐỖ - PHẠM. Chúc hai cháu:

ĐỖ ÁI QUỐC
& PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG
Bền Duyên Giai Ngẫu
Hạnh Phúc Miên Trường

TM. Ban Đại diện
Cựu SVSQ Trần Vệ K19



Tin Vui Của Hai Gia Đình K18

Tại Pennsylvania

Nhận được hồng thiệp của anh chị NT NGUYỄN CÔNG KHANH, K18, (Downingtown, Pennsylvania), báo tin lễ "Thành Hôn" cho thứ nam:

MICHEAL "HOÀNG" NGUYỄN

đẹp duyên cùng:

SANDY "TRANG" NGUYỄN

trưởng nữ của anh chị NT NGUYỄN VĂN BÉ, K18, vào ngày 29/08/2009 tại:
RADISSON HOTEL VALLEY FORGE,
1160 First Ave, King of Brusia, PA 19406

Hội CSVSQ/TVBQGVN & Đoàn TTNĐH Pennsylvania và Phụ cận xin chung vui cùng anh chị NT Nguyễn Công Khanh và chị Nguyễn văn Bé và chúc hai cháu TRĂM NĂM HẠNH PHÚC.

Hội CSVSQ/TVBQGVN &
Đoàn TTNĐH Pennsylvania và Phụ cận.

Thiệp Hồng Tin Vui



Ban đại diện K21 đã nhận được hồng thiệp của các bạn Khóa 21, báo tin về lễ vu qui và thành hôn cho các Cháu:

1/ **CHÁU MAGGIE HUYNH,**

thứ nữ của CSVSQ Huỳnh Duy Thiện F21 - sánh duyên cùng **KENT LOW**. Hôn lễ cử hành ngày 29/08/2009 tại Vancouver, Canada.

2/ **CHÁU PHẠM QUANG HẢO,**

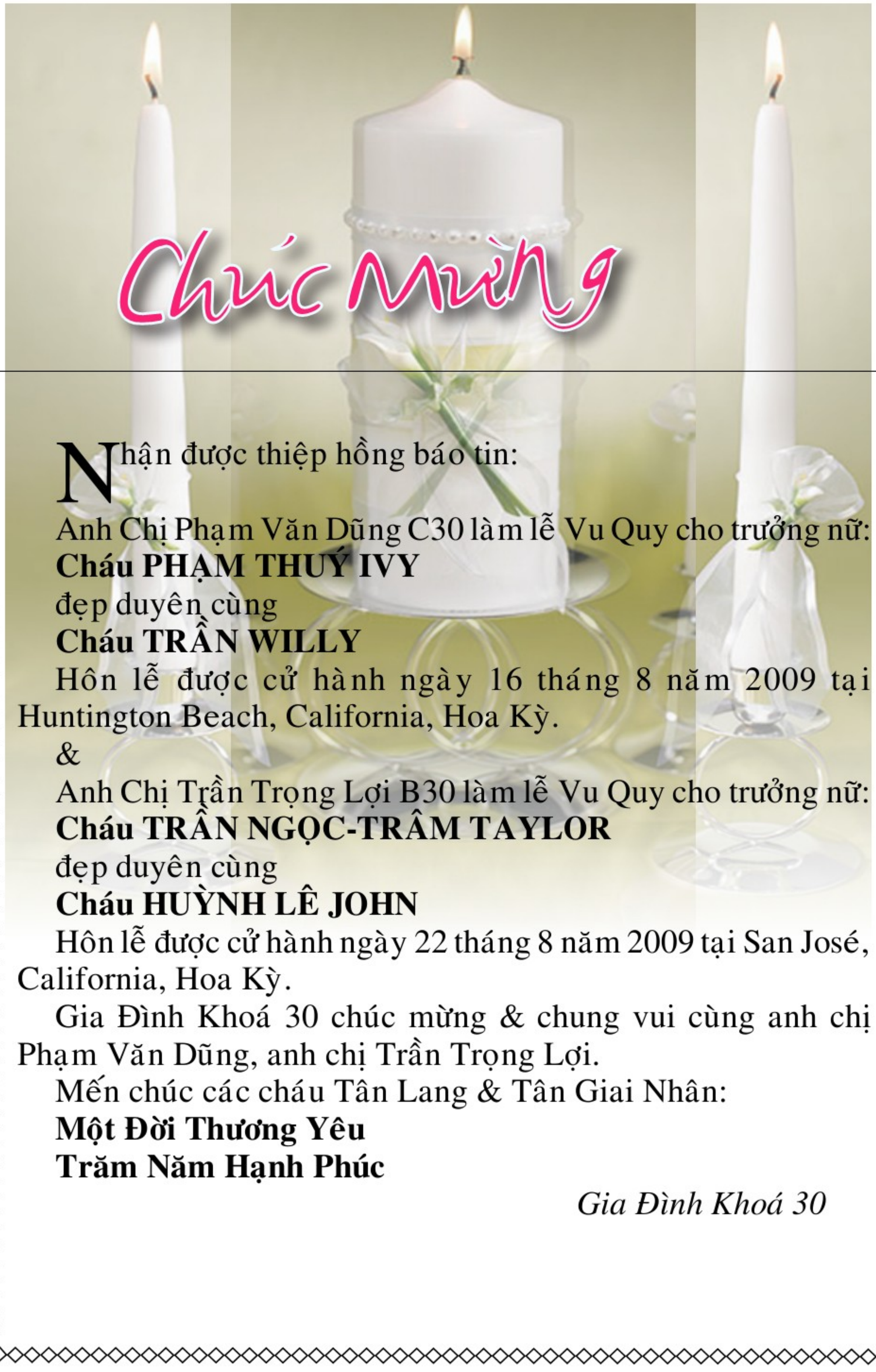
thứ nam của CSVSQ Phạm Quang Hậu C21 - sánh duyên cùng **PHẠM TRÚC LINH**. Hôn lễ cử hành ngày 10/10/2009 tại Việt Nam.

3/ **CHÁU LÊ TỐ MAI,**

ái nữ của CSVSQ Lê Quý Trấn F21 - sánh duyên cùng **NGUYỄN VĂN HOÀNG**. Hôn lễ sẽ cử hành ngày 05/12/2009 tại Nam California.

Toàn thể CSVSQ Khóa 21/TVBQGVN và gia đình cầu chúc các Cháu luôn luôn thương yêu nhau và mãi mãi hạnh phúc. Chúc Anh Chị Thiện, Anh Chị Hậu và Anh Chị Trấn có được Dâu hiền, Rể quí.

Ban Đại diện Khóa 21



Nhận được thiệp hồng báo tin:

Anh Chị Phạm Văn Dũng C30 làm lễ Vu Quy cho trưởng nữ:
Cháu PHẠM THUÝ IVY
đẹp duyên cùng
Cháu TRẦN WILLY
Hôn lễ được cử hành ngày 16 tháng 8 năm 2009 tại Huntington Beach, California, Hoa Kỳ.

&

Anh Chị Trần Trọng Lợi B30 làm lễ Vu Quy cho trưởng nữ:
Cháu TRẦN NGỌC-TRÂM TAYLOR
đẹp duyên cùng
Cháu HUỲNH LÊ JOHN
Hôn lễ được cử hành ngày 22 tháng 8 năm 2009 tại San José, California, Hoa Kỳ.

Gia Đình Khoá 30 chúc mừng & chung vui cùng anh chị Phạm Văn Dũng, anh chị Trần Trọng Lợi.

Mến chúc các cháu Tân Lang & Tân Giai Nhân:
Một Đời Thương Yêu
Trăm Năm Hạnh Phúc

Gia Đình Khoá 30



Tin Vui



Ban Đại Diện K20/TVBQGVN nhận được thiệp hồng báo tin bạn **Trương Dưỡng K20** và **Bùi Văn Thượng K20** làm lễ thành hôn và vu qui cho hai cháu:

TRƯƠNG VŨ THIỆN

sánh duyên cùng

BÙI HỒNG THÚY

Hôn lễ cử hành ngày 25/07/09 tại Florida, Hoa Kỳ.

Toàn thể Đại Gia Đình CSVSQ/K20/TVBQGVN xin thân ái chúc mừng và chia vui cùng hai bạn Trương Dưỡng và Bùi Văn Thượng. Thương mến chúc hai cháu Vũ Thiện & Hồng Thúy:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Đại diện CSVSQ/K20/TVBQGVN

Lê Tấn Tài K20

Tin Vui

Ban Đại Diện K29 Bắc California vừa nhận được thiệp hồng của anh chị **Nguyễn Trữ K29** báo tin lễ Vu Quy của trưởng nữ:

Anna **NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂN**

sánh duyên cùng

NGUYỄN ALAN KEITH

Hôn lễ sẽ được cử hành tại thánh đường Our Lady of the World. Pittsburg, CA vào lúc 11g trưa thứ Bảy, 17/10/2009.

Khóa 29 Bắc Cali xin chia vui cùng bạn Trữ và chúc hai cháu: Huyền Trân & Alan Keith:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC - SẮC CẦM HÒA HỢP.

Đại diện K29/Bắc Cali

CSVSQ Sỳ A Tẩu K29

Tham dự Đại Hội Võ Bị Âu Châu 2009

Hoàng Tôn Long K31

Cứ hai năm một lần các cựu SVSQ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tổ chức họp mặt tại Âu Châu, và mỗi lần thì sự nôn nao vẫn khác nhau khi tham dự ĐH. Có ai biết trước được khi vòng tử sinh cứ quanh quẩn bên các chàng SVSQ/VB có trẻ lắm như tôi cũng đã trên 5 bó rưỡi.

Sáng ngày 23/07/2009, vợ chồng tôi cùng đứa con út lên đường lúc 8giờ sáng hy vọng sẽ tới Embourg, tòa Lâu Đài Tình Ái của NT Giám trước buổi trưa. Nhưng ông trời vẫn thường hay thử thách lòng người, cho nên suốt khoảng đường dài 350km mà mưa cứ đổ như thác làm phu nhân tôi thở dài, "Không biết kỳ này ĐH ra sao mà cứ mưa suốt như thế này chắc buồn lắm."

Thế rồi cũng tới nơi như dự định. Một số gia đình các NT đã có mặt nhất là các em trong Đoàn TTNĐH/ AC chịu trách nhiệm trong ĐH đang bận rộn với công việc của mình. Đảo quanh một vòng đã thấy mọi việc tạm thời được dựng lên, vào phòng ghi danh đóng tiền theo đúng thủ tục, tôi bắt tay vào việc là dán các biểu ngữ, vận động một vài NT lên tiếp tay để kịp cho xong trước buổi chiều vì còn tiền ĐH, còn họp hành với các em. Nhưng công việc cứ tà tà vì lý do là bụng đói mà ban hỏa thực chưa thấy tăm hơi đâu cả chắc lại bị đắp mô trên xa lộ rồi. Gặp lại Phạm Quân Vũ K16/2, Tổng Đoàn Trưởng Tổng Đoàn TTNĐH, mà tôi đã gặp trước đây 4 năm, tay bắt mặt mừng hỏi thăm nhau và kéo nhau đi phụ các công việc còn dang dỡ....

14giờ ban hỏa đầu vụ đã đến từ Hòa Lan, cơm cũng vừa xong thôi tạm thời vài miếng cho đúng câu: "Có Thực mới vực được chuyện bao đồng". 15g30 họp với các em TTNĐHAC, đây là những mầm non thiết thực của gia đình Võ Bị, phải khôn khéo vận động các em trong mọi lãnh vực để nhân dịp này các em có thể trao đổi kinh nghiệm

của các bậc cha chú rồi đem ra thực hành trong cuộc sống ngoài đời mà các em gặp phải. Ôi muôn vàn khó khăn! Cái khó là làm sao cho các em mạnh dạn nói lên những ý nghĩ của mình. Chúng ta, những thế hệ đi trước, đưa ra những ý kiến như thế nào để các em có thể lãnh hội được, đấy là những điểm chính yếu mà tôi đang lo lắng cho kỳ ĐH này. Hơn hai tiếng bàn thảo với các em, tôi đã vững tâm rất nhiều khi biết được quan điểm cũng như lập trường của các em, làm sao để các NT và các chị thấy sự vững mạnh của các em, và các công việc của các em trong kỳ ĐH này, lại còn văn nghệ tập dượt qua webcam internet từ 3 nước khác nhau, nào toán Quân Quốc Kỳ v.v... và các em cũng đã bầu lại thành phần đại diện đa số vẫn tín nhiệm ban chấp hành cũ đó là:

Liên Đoàn Trưởng Trần Viết Luân K23/2, Liên Đoàn Phó Nguyễn Vĩnh Quang K19/2 và Thư Ký Nguyễn Xuân Phước K26/2.

Tối nay, buổi lễ khai mạc đơn sơ đã diễn ra trong tình Võ Bị, nơi hội trường với nghi thức khai mạc thật trang nghiêm. Các khóa cùng phu nhân và gia đình lần lượt được giới thiệu. Năm nay thiếu vắng vài khuôn mặt cũ nhưng cũng đón tiếp những người mới như NT Dậu K24 và NT Ngân K28 đến từ Đan Mạch cùng gia đình. Đặc biệt năm nay còn có thế hệ thứ ba tham dự khá đông nói lên truyền thống của đại gia đình Võ Bị. Cũng không quên nhắc đến các tà áo dài tha thướt của các chị qua màu áo của Phụ Nữ Lâm Viên thật đẹp khiến cho các chị trẻ lại hơn năm mười tuổi. Sau buổi lễ khai mạc là bầu lại ban đại diện các khối kết quả như sau: khối 1 gồm các nước Đức, Bỉ, Hòa Lan, Đan Mạch và Na Uy, khối 2 gồm các nước Pháp, Anh, Thụy Sĩ và Ý để chuẩn bị cho cuộc bầu ban chấp hành Liên Hội Âu Châu 2009 – 2011 vào sáng hôm sau.

Thế rồi mọi việc cũng tuần tự đi qua với sự cố gắng của các em và quý NT cũng như quý chị. Đêm không ngủ đầu tiên đến với những tiếng cười dòn giã của các NT khóa 16, 19, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 30 và 31. Các chị thì thưởng thức những bản nhạc êm đềm , réo rắt có khi hùng hồn của những tâm hồn đang thả giấc mộng về thuở trước cùng



người yêu dạo phố Hòa Bình.

Ngày 24/07, một ngày đi du ngoạn thật vui và bất ngờ trên đoạn đường ra bến. Tiếng cười của các chị qua những câu chuyện tiếu lâm đã làm xe Bus phải nghiêng ngã, nhất là cách kể chuyện của NT Thạc k18 về chuyện may áo dài qua giọng quê hương miền núi Ngự. TTNĐH cũng không chịu thua qua tài kể chuyện và diễn tả của cháu Ngô Ngọc Hiếu K11/2 qua chuyện ca dao tục ngữ "gậy ông đập lưng ông v.v...." Tới bến rồi mới biết là chúng ta không đủ vé lên tàu, lố hơn 20 người! Thôi thì TTNĐH đành nhường chỗ cho quý bác đi chơi, đi dạo phố chốc lát rồi về để chuẩn bị những màn văn nghệ cho hôm sau.

Chuyến tàu di chuyển dọc theo dòng sông Meuse để đến Maastricht, một thành phố du lịch của Hòa Lan, một quốc gia mà đất liền nằm dưới mặt biển. Trước khi qua con sông để vào địa phận của Hòa Lan, tàu phải vào một lòng đập (Kanal) để hạ mực nước với chiếc tàu xuống 15m rồi chạy qua sông bên kia đi vào địa phận xứ Hòa Lan; lúc về cũng phải vào để nâng mực nước lên cao cho tàu vào bên này sông để trở về Bỉ . Đây là một kiến trúc rất độc đáo của xứ Hòa Lan mà ai đi qua đây nhìn tận mắt mới biết.

Với bốn tiếng dạo chơi nơi thành phố hiền hòa Maastricht để thưởng thức những món ăn cá tuyệt vời, những trái ô liu mằn mặn, những trái cà chua hay những miếng phó mát thoảng mùi nhưng thật là ngon. NT Rớt K19 và NT Minh K24 đang đi tìm mồi để tối nay đưa cay được chúng tôi, Hiếu K11/2, Quang K19/2 và Minh Đăng giới thiệu, hai NT đã mang một bịch về.

Đoạn đường trở về với dáng điệu mệt mỏi, một số NT

và các chị đã hòa tấu vài bản nhạc êm dịu với những làn gió mát trên sông (quý vị nào muốn có những hình ảnh này xin liên lạc với anh Hiếu).

Sau khi nghĩ ngơi và dùng cơm chiều xong, một cuộc thảo luận giữa hai thế hệ sẽ là đề tài trọng yếu trong kỳ ĐH sau bài thuyết trình của NT Trần Văn Trung K1. Mọi người quay quần nhau trong vòng tròn giữa hai thế hệ để trao đổi với nhau, các em trong TTNĐH/AC đã chuẩn bị những tài liệu cũng như những câu hỏi được đặt ra là quá trình làm việc chung của các em mà người được đề cử thay mặt các em là Luân 23/2LĐT và Tâm 23/2. Cuộc thảo luận kéo dài đến quá nửa khuya mà vẫn còn hăng say. Đây là lần thứ hai mà chủ đích của tôi được thực hiện để các em có thể hiểu là chú bác mình ra sao, và cách tranh đấu của tuổi trẻ hôm nay chuyển hướng về đâu, và các em sẽ làm thế nào để dung hòa hai thế hệ mà không đi sai lệch đường hướng của Tổng Hội Võ Bị cũng như quan niệm của chú bác mình. Đây là cách làm việc rất khó cho chúng ta vì chưa quen nhưng ít nhất con em chúng ta có cơ hội và mạnh dạn trình bày ý kiến của mình, riêng các CSVSQ chỉ góp ý và phân tách điều hơn lẽ phải cho con em mình nhận thức được. Hy vọng với lối sinh hoạt này sẽ lôi cuốn con em chúng ta tham dự Đoàn TTNĐH đông đảo hơn. Những thành đạt trong đêm nay tôi mong muốn các NT ngoài Châu Âu nhận xét và rút ưu khuyết điểm cho các em để các lần tới sẽ hoàn hảo hơn.

Ngày 25/07, sau khi điểm tâm là phần bầu Ban Chấp Hành Liên Hội Âu Châu nhiệm kỳ 2009- 2011. Cũng như mọi khi, cuộc bầu bán diễn ra trong không khí sôi động dưới



sự điều khiển của NT TV Trung K1, phụ tá: NT NH Thạc K18, thư ký: NT CH Hiển K30, kiểm phiếu: NT TN Bửu K23 và NT NBích K20.

Hai ứng cử viên được đề cử là NT

Nguyễn Văn Nam K20 và NT Nguyễn Hữu Xương K26, trong phút đầu hai phiếu luôn đi sát nhau mỗi người 5 phiếu rồi lại 8 phiếu khiến hội trường hồi hộp theo dõi và những phút sau thì phiếu tín nhiệm NT NH Xương K26 trội hơn và đến kết quả NT NH Xương đắc cử với số phiếu 28/40. Tiếp theo là bài nói chuyện của Xuân Vũ K26/2 TTNĐH/AC trình bày những ước muốn và sự tìm hiểu của em về VN trong giai đoạn này.

Trong lúc mọi người trong phòng bầu cử, bên ngoài hội trường NT Lê Viết Đắc K22 đang ráo riết tập cho các em trong toán Quốc Quân Kỳ. Tôi cũng như NT Rớt đã nhờ NT Đắc giúp một tay vì khi xưa NT Đắc cũng đã từng chỉ dẫn cho tôi (trong trường TSQ), tuy nhiên tôi và NT TQ Diệu K26 cũng rất lo lắng vì chỉ có vài tiếng để tập dợt cho các em đổi đội hình với cơ bản thao diễn chưa hề biết qua. Dù sao cũng cám ơn NT Đắc thật nhiều đã hết lòng chỉ dẫn cho các em.

Rồi buổi lễ bế mạc cũng đã đến với sự tham dự của một số hội đoàn và các tổ chức Cựu Quân Nhân. Lễ rước Quốc Quân Kỳ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, rồi bài Quốc Ca VN hùng tráng với sự đồng ca của tất cả người tham dự, Lễ Truy Điệu theo truyền thống TVBQGVN đã làm lòng mọi người trùng xuống "Có linh thiêng hãy chỉ lối đưa đường..."

Sau phần giới thiệu Tân Ban Chấp Hành của Liên Hội và Liên Đoàn TTNĐHAC là bài thuyết trình của em Ngô Ngọc Hiếu K11/2 và bài hát "Chúng Đi Buôn" của nhạc sĩ Phan Văn Hưng đã được khán giả đứng dậy vỗ tay không dứt. Tiếp nối là phần chụp hình lưu niêm, rồi cùng vào phòng ăn dự dạ tiệc và văn nghệ.

Phòng ăn đã được các em TTNĐH trang trí và đảm nhận trọng trách tiếp tân, trên sân khấu dã chiến một bức hình Đức Trần Hưng Đạo chiến đấu chống ngoại xâm nói lên tinh thần yêu nước của con dân Việt cũng do bàn tay của thế hệ hậu duệ vẽ lên, em Nguyễn Lê Xuân Phúc K26/2.

Biết viết gì đây khi nhìn thấy các em thật sự đã trưởng thành, trong gia đình cứ ngỡ các em còn bé, nhưng tinh thần Quốc Gia Dân Tộc đã thấm nhuần vào các em, biết



Trần Hưng Đạo - tranh của Nguyễn Lê Xuân Phúc 26/2

khen tặng em nào bây giờ khi Đại Hội bắt đầu cũng như hoàn tất đều có bàn tay của tất cả các em từ các bé hậu duệ thứ ba mới sáu tuổi cũng góp bàn tay dán những lá cờ, đến biểu diễn võ thuật, phục vụ các bữa ăn và dạ tiệc v.v... Chú Long xin được đổi là anh Long đã theo các em gần hai mươi năm nay thật sự hạnh phúc khi nhìn thấy các em có trách nhiệm trong các công việc vừa qua.

Bài viết này mong gởi lời chúc mừng đến tất cả anh em TTNĐH/AC.

Phụ trách đoàn TTNĐH/AC
Hoàng Tôn Long K31



Giới thiệu chủ đề Đa Hiệu 88

Võ Bị, tháng 12 có "mai" nở, có tiếng khóc của chia ly, có những đêm phạt dã chiến đầu đời binh nghiệp với nhiều kỷ niệm khó quên...

Qua chủ đề, "**ĐÁP LỜI SÔNG NÚI**" BBT Đa Hiệu mời gọi quý giáo sư, cộng tác viên, cùng đại gia đình Võ Bị chia sẻ những kỷ niệm vui buồn một thuở quân trường, một thời ba lô lính chiến. Những hồi ký chiến trường, ký sự nhập trường, kỷ niệm Đà Lạt dấu yêu đều là những đề mục có thể đóng góp cho ĐH88.

BBT Đa Hiệu trân trọng giới thiệu.

Đại Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN Âu Châu 2009

Đại Hội "Cựu Sinh viên Sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Âu-Châu" được tổ chức hai năm một lần tại các nước ở Âu Châu có các Hội thuộc Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN/AC định cư, nhất là tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (3 lần), Hòa-Lan (1 lần), Pháp (3 lần) và Bỉ (4 lần). Đại Hội đầu tiên được tổ chức vào năm 1989 tại Bielefeld (Đức Quốc).... Đại Hội 2007 tổ chức tại Villequier, một vùng du lịch có tiếng của miền Bắc nước Pháp. Năm nay, Đại Hội 2009 lại trở về lần thứ tư với lâu đài Sartay quen thuộc ở Embourg, thành phố Liège (Vương quốc Bỉ).

Chương trình ba ngày sinh hoạt (23-24-25/7/2009) của Đại hội năm nay cũng vẫn theo tinh thần "vừa họp bàn, vừa giải trí" của những lần đại hội trước. Chủ đề của Đại Hội 2009 nhắm vào 2 mục tiêu chính:

a) Nhiệm vụ của người quân nhân QLVNCH nói riêng và của người dân VN trong ngoài nước nói chung trước hiểm họa CSVN bán nước cầu vinh và giặc Tàu Cộng xâm lăng đất nước ta.

b) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Được biết, ngoài các bác, các chú, các cô đến từ các nước Âu Châu như Pháp, Anh, Đức, Hòa-Lan, Đan-Mạch, Na-Uy, Bỉ, cũng như các anh chị em trong Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu là chính, Đại Hội 2009 năm nay được vinh dự đón tiếp gần như toàn bộ Ban Chấp Hành của Tổng Hội đến từ Hoa-Kỳ gồm cô chú Nguyễn Hàm K25 (Tổng Hội Trưởng), cô chú Nguyễn Anh Dũng K25 (Tổng Hội Phó), cô chú Lê Viết Đắc K22 (Tổng Hội Phó đặc trách Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu), anh Phạm Quân Vũ 16/2 (Tổng Đoàn Trưởng Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu). Thêm vào đó còn một số cô chú nữa cũng đến từ Hoa-Kỳ mà tôi không được hân hạnh biết tên. Số người

tham dự đại hội năm nay trên dưới 120 người.

Theo chương trình sắp đặt cả ba bốn tháng trước, gia đình tôi sẽ "hộ tống" ba mẹ tôi đến Bỉ để ba mẹ tôi được họp mặt với các bác, các chú, các cô đến từ khắp Âu Châu và Hoa-Kỳ. Còn gia đình tôi thì được hòa mình sinh hoạt trở lại với các anh, các chị và các em trong Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu. Nhưng một ngày trước khi đi, mẹ tôi không may bị trật, sưng cổ tay, đau nhức, không thể đi dự Đại hội với ba của tôi được nữa.



Cô Phạm Dương Xuân Trang 18/2 đang phát biểu

Ngày 23/7/2009, trên suốt đoạn đường dài hơn 300 cây số từ Paris nước Pháp đến Liège nước Bỉ, nơi tổ chức Đại Hội 2009, thời tiết thay đổi không ngừng, với những cơn mưa tầm tả chợt đến bất ngờ và tạnh cũng thật nhanh với những tia nắng chóa mắt long lanh như cố xóa nhanh dấu tích những giọt nước còn đọng lại trên những lá cây và trên mặt đường xa lộ. Thời tiết nắng mưa, mưa nắng thất thường tựa như một cô gái đỏng đảnh, vui buồn bất chợt khó lường.

Bước vào tiền sảnh tòa lâu đài Sartay, mặc dầu đã quá trưa từ lâu (14 giờ) cũng như chưa kịp ghi tên đóng tiền tham dự Đại Hội, thì đã được các bác, các chú, các cô vồn vã vui mừng đón tiếp hướng dẫn xuống "phạn điếm" (ba của tôi thường gọi phòng ăn lớn của SVSQ/TVBQGVN như thế khi kể cho chúng tôi nghe về ngôi trường Mẹ của mình) dùng bữa cơm trưa thuần túy VN đượm đầy tình tự Võ Bị. Trước tấm thâm tình đó của các bác, các chú, các cô, mọi mệt mỏi suốt mấy tiếng đồng hồ lái xe biến mất tự lúc nào không hay.

Thật thích thú khi nhớ lại những giây phút đầu gặp gỡ

những gương mặt mới, chưa quen của các anh, các chị và các em trong Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu. Cảm giác bỡ ngỡ ngượng ngùng lúc đầu đã nhanh chóng biến mất để thay thế vào đó là một tình cảm thân thiết sau khi đã cùng nhau thảo luận trao đổi ý kiến về chuyện đất nước, cùng nhau đi thăm viếng thành phố lịch sử Maastricht của Hòa-Lan nằm sát biên giới Vương quốc Bỉ (Hiệp ước Maastricht đã được toàn thể các nước thành viên trong Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu (gồm Đức, Bỉ, Pháp, Ý, Luxembourg, Hòa-Lan, Đan-Mạch, Irlande, Anh, Ai-Cập, Tây-Ban-Nha và Bồ-Đào-Nha) ký ngày 7/2/1992, cũng như sau khi đã cùng nhau tập hát để chuẩn bị cho buổi văn nghệ đêm bế mạc đại hội. Phải chăng đã có sẵn sợi dây "tình tự Võ Bị" truyền thống vô hình đã giúp cho các thế hệ trẻ của đại gia đình **"Tự Thắng Để Chỉ Huy"** dễ dàng bắt tay kết nối và chân tình giúp đỡ lẫn nhau như thế hệ cha ông của chúng ta đã thể hiện một cách thật trong sáng trong quá khứ cũng như trong hiện tại?

Thành thật mà nói, tôi đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Tôi đã thầm phục khi tiếp xúc trò chuyện với các anh, các chị và các em trong Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu, để rồi tự cảm thấy hối tiếc đã bỏ phí mất một khoảng thời gian khá dài không giữ liên lạc và nhất là không đến sinh hoạt với họ trong mấy kỳ Đại Hội vừa qua, để có thể học hỏi ở họ nhiều đức tính thật đáng ca ngợi.

Tôi thật ngưỡng mộ và khâm phục thế hệ hậu duệ của TVBQGVN mà tôi đã được sinh hoạt chung trong 3 ngày Đại Hội 2009. Các anh, các chị và các em này là những người trẻ hăng say, nhiệt tình, năng động, biết rõ mình đang làm gì và phải làm gì để có thể hòa mình với mọi lớp tuổi. Nhìn họ hăng say vui vẻ dọn dẹp bàn ghế, mang những bữa cơm ra tận bàn cho các bác, các chú, các cô hưởng dụng, hoặc nhìn họ cười đùa, chia nhau làm "corvée" vệ sinh, thì thật khó tin họ là những kỷ sư, kiến trúc sư, tiến sĩ nha khoa v.v... trong xã hội đất nước họ định cư. Anh Phạm Quân Vũ 16/2, Tổng Đoàn Trưởng Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa

Hiệu, đã xin các bác, các chú, các cô miễn cho anh mọi ưu đãi dành cho một quý khách đến từ Hoa-Kỳ, để cho anh có thể được hòa mình sinh hoạt trọn vẹn, chia sẻ mọi công việc từ nhỏ đến lớn với Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu. Có thể nói họ đã thể hiện một cách sáng tạo tinh thần **"Tự Thắng Để Chỉ Huy"** hay nói cách khác họ đã và đang "tự cách mạng" bản thân mình để chuẩn bị bước thêm những bước gian nan mới.

Các anh, các chị và các em này theo dõi rất sát tình hình VN. Thật là lầm lẫn lớn nếu nghĩ rằng họ mơ hồ về bản chất gian ác, lật lọng, bán nước cầu vinh của đảng và chế độ CSVN. Bài thuyết trình của anh NNH đọc trong ngày bế mạc, đã trình bày thật rõ ràng về tội ác bán nước của đảng CSVN, cũng như về bổn phận của Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu thế hệ 2 đối với đất nước.

Để lột trần hơn nữa bộ mặt bán nước nhem nhuốc của đảng CSVN, anh NNH đã hát lên bài hát "Chúng đi buôn" sau đây của nhạc sĩ Phan văn Hưng và thi sĩ Nam Giao, trong đó 4 câu thơ đầu là của anh NNH xin các tác giả cho phép anh thêm vào bài hát để bổ túc cho bài thuyết trình của anh thêm súc tích. Giọng hát trầm buồn truyền cảm của anh đã gây xúc động mạnh cho người nghe:

Chúng Đi Buôn

Suối Phi Khanh, Bản Giốc thác nguồn
Ải Nam Quan cho đến Trường Sa
Chúng đi buôn Bauxít, Tây Nguyên
Buôn hận thù, buôn cả Giang sơn
Chúng đi buôn buôn tước buôn quyền
Chúng đi buôn cho nước đảo điên
Chúng đi buôn buôn núi buôn non
Buôn tủi hờn buôn cả giang sơn
Chúng đi buôn buôn sắc buôn sầu
Chúng đi buôn nước mắt lòng đau
Chúng đi buôn thân xác xanh xao
Buôn đời mình buôn cả thâm sâu
Chúng đi buôn buôn bến buôn bờ

Chúng đi buôn ánh mắt trẻ thơ
Chúng đi buôn tiếng khóc đơn sơ
Cho đời càng gian khổ cam go
Chúng ăn vuông ăn méo ăn tròn
Chúng ăn to ăn bé cỏn con
Chúng ăn trên ăn dưới ăn ngang
Cho mặc người ai thở ai than
Chúng đi buôn giấy phép văn bằng
Chúng đi buôn công lý (với) lòng nhân
Chúng đi buôn buôn nghĩa buôn danh
Buôn sự thật buôn cả lương tâm
Chúng ăn chơi xương máu đồng loại
Chúng chơi vui trên kiếp nghèo đói
Chúng chơi sang chơi xấu chơi oai
Chơi như đời không còn ngày mai
Chúng đi buôn chia chác sang giàu
Chúng đi buôn lừa dối gạt nhau
Chúng đi buôn cho mắt thêm sâu
Nỗi khổ này sẽ còn bao lâu
Rồi một mai em lên non cao
Trông về xa núi rác ngập sầu
Nhưng thành phố chen chúc bụi nâu
Nơi kiếp người tranh thủ miếng rau
Và lòng em sẽ trong xôn xao
Tim thật chân vỡ lên nghẹn ngào
Kẻ cùng khốn trong kiếp khổ lao
Cũng chính là những người đồng bào.

Một điều ngạc nhiên thích thú khác nữa là không khí trao đổi ý kiến tràn đầy tình tự Võ Bị, kéo dài hàng giờ, giữa hai thế hệ về tình hình đất nước và về phương hướng đấu tranh khả thi nhằm giải cứu đất nước VN khỏi họa diệt vong từ tay CSVN. Các bác, các chú, các cô lắng nghe những băn khoăn, những trăn trở, những suy tư, những phương hướng đấu tranh của thế hệ trẻ, con em của mình, với một thái độ thật cởi mở và khi cần thì chia sẻ những kinh nghiệm từng trải của mình, để giúp cho thế hệ trẻ tránh được những

cạm bẫy trên đường đấu tranh hầu có thể thực hiện được tốt đẹp kế hoạch của mình. Những buổi họp thảo luận tối được kết thúc bằng một màn cháo gỏi vịt hoặc cháo cá. Sau đó, nhóm trẻ karaoké, trò chuyện đến khuya.

Thực đơn đêm bế mạc thật hấp dẫn, nào súp hải sản, bò tái chanh, tôm hỏa tiển, nào hoành thánh tôm chiên, nem nướng, mì tằm tơ, lẩu thập cẩm và kết thúc bằng món bánh ngọt. Phần văn nghệ cây nhà lá vườn được chuẩn bị thật công phu với các màn võ thuật của 3 thế hệ 1-2 và 3, những hoạt cảnh múa, những giọng ca của các bác, các chú, các cô và kết thúc bằng một đêm dạ vũ cho đến giờ tiễn đưa anh Phạm Quân Vũ và Minh Đăng trở về Mỹ.



Cuộc vui nào rồi cũng phải tàn và cũng để lại trong tâm khảm mỗi người ít nhiều những phút giây vui vẻ, những kỷ niệm dễ thương và chắc chắn trong hành trang cuộc sống, tôi vừa có thêm những người bạn tuy mới quen nhưng đã trở thành thân thiết tự lâu rồi.

Ngủ liên tục mấy giấc dài, bù lại cho ba ngày đêm ham vui hơn ngủ, thức dậy nghĩ đến những ngày họp mặt vừa qua, nghĩ đến những người bạn mới quen, tôi mỉm cười mãn nguyện. Hy vọng tôi sẽ gặp lại những gương mặt dễ thương này cũng như những gương mặt dễ thương khác tại Đại Hội Võ Bị Âu Châu kỳ tới các bạn nhé.

Paris, ngày 31 tháng 7 năm 2009
Phạm Dương Xuân Trang K18/2

Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ



Nguyễn Đức Quang - Sài Gòn 1966

C E7 Am C

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút
2. Ta như giống dân đi tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như

Em G

ngàn chỉ một trận cười vang vang. Lê sau bàn
đồng cùng nhìn về một xa xăm. Da chan mồ

C Dm Am

chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực
hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tươi. Ôm vết thương rỉ

G F Em G

sáng theo nhịp xích kêu loang xoang. Ta khua xích
máu ta cười dưới ánh mặt trời. Ta khuyên cháu

C E7 Am C

kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn
con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy

Em G

đời là một nụ cười không tươi. Nụ cười xa
hoàng phải chọn làm người dân Nam. Làm người ngang

C Dm

với nụ cười của lòng hờn sôi. Bước tiến ta tràn
tàng điểm mặt mày của trần gian. Hỡi những ai gục

F G C E7

tới tung xiềng vào mặt nhân gian.
xuống ngoi dậy hùng cười đi lên.

Đk: Máu ta

Am Dm F G Am

từ thành Văn Lang dồn lại xương da thịt này cha ông

G Dm F

miệt mài. Từng ngày qua cười ngạo nghễ đi trong đau nhức không

G C E7 Am Dm G

nguôi. Chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn

C Em Am Dm

chông hát cười đùa vang vang. Còn Việt Nam triệu con

G Am G C

tim này còn triệu khối kiêu hùng.



Việt Nam Minh Châu Trời Đông

♩ = 100

Nhạc và Lời: Hùng Lân

Dạo đàn

Việt Nam____ Minh Châu trời Đông.____ Việt Nam nước thiêng tiên rồng!____

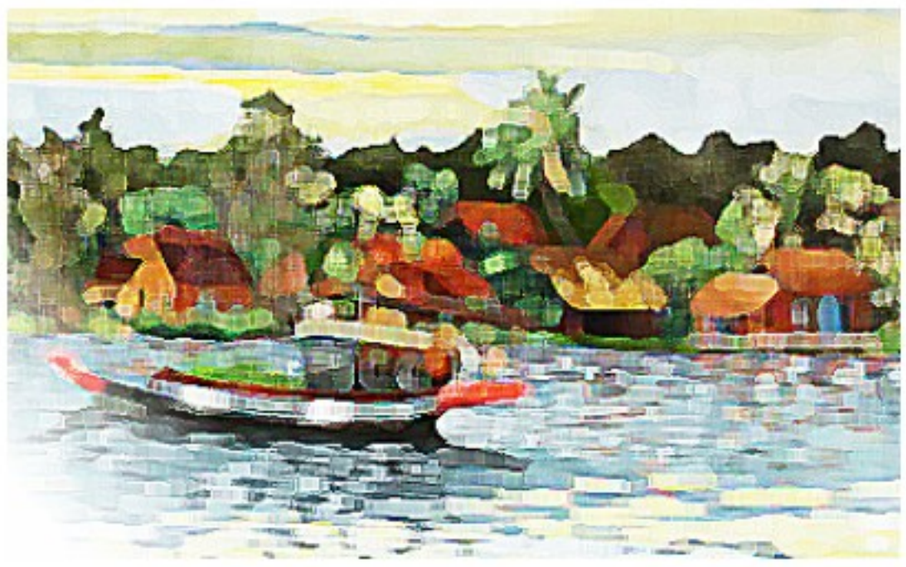
Non sông như gấm hoa uy linh một phương.____ Xây vinh quang cất cao bên Thái

__ Bình Dương. Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi.____ Tiếng anh hùng tạc ghi núi sông muôn

đời. Máu ai còn vương cỏ hoa. Giục đem tấm thân sẻ với sơn hà.____ Giơ

tay cươngquyết ta ôn lời____ thề ước.____ Hy sinh tâm huyết mong báo đền ơn nuớc.____ Dù

thân này tan tành gói da ngựa cũng cam.____ Thề trọn đời trung thành với sơn hà nước Nam!____



Qua Sông

Mùa mưa, nước cuộn giòng sông Bé
những sớm mai rừng đầy sương lam
tù từng nhóm co ro, lặng lẽ
dắt dìu nhau tìm cách qua sông.

xưa vượt sông theo bài chiến thuật
có xuồng, phao, dây cáp, ba-lô
có poncho gói làm trái nổi
nay vượt sông bằng khúc củi khô.

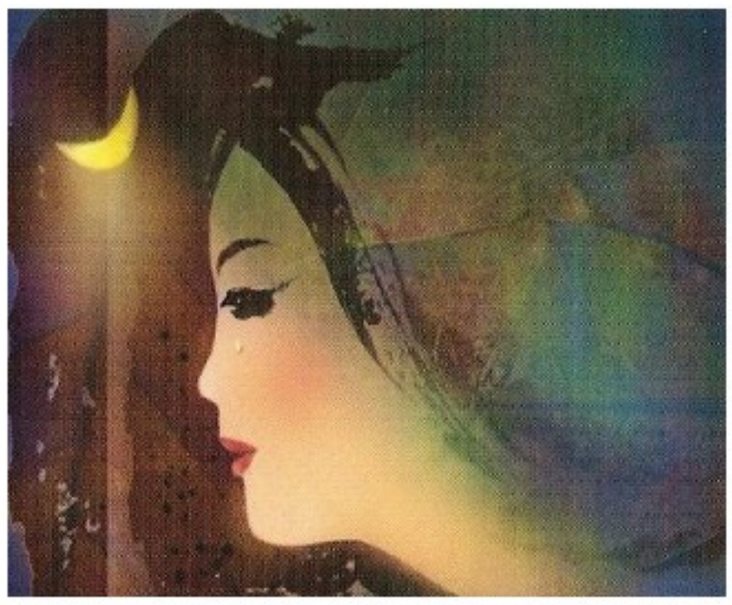
xưa vượt sông hành quân lùng địch
có lương khô, gạo sấy no lòng
nay vượt sông chặt tre, đốn gỗ
bụng trống trơ mấy lát khoai sùng.

xưa vượt sông quân ta, quân bạn
có máy bay yểm trợ trên đầu
nay vượt sông mưa mù, gió loạn
tù loi ngoi, ngụp lặn giòng sâu.

xưa vượt sông đi ngang làng, xóm
có nụ cười cô hàng cà-phê
nay vượt sông chỉ rừng vô tận
và bạn tù tơi tả, thảm thê.

Nguyễn Văn Ngọc K26
(7 Aug 2008)

San José, Tình Ấm Môi Hôn



Lệ trăng - tranh HN Điệp

San José, tình ấm môi hôn
Thành phố có em, nên có hồn
Kẻ đến, lòng như, ưng ở lại
Người về, bịn rịn, biếng dời chân
San José, ngày ấm – đệm êm
Về đây trái tim mình rất mềm
Về để thăm người, bao năm biệt
Chim về mách lẻo, báo tin vui
San José, trời đất của riêng
Chiều có chút mưa, chiều rất hiền
Tình níu chân người, mưa níu áo
Em về, ở lại – níu tình ai?
San José, café xinh xinh
Ghé uống một ly, ghiền nhạc tình
Em Việt Nam buồn như tiếng hát
Anh thả hồn về chốn thân thương
San José, tình ấm môi ai
Hình như có tiếng đêm thở dài
Tiếng thở nghe hoài như định mệnh
Anh vòng vòng phố vắng tìm ai!
San José, tình ấy luôn luôn
Đêm nghe tiếng mưa đêm rất buồn.
Anh nhớ rồi, môi ai lâu lắm
Đêm có nỗi buồn, đêm dễ thương
San José, tình anh mang theo
Nhiều đêm, nhớ tiếng ngựa qua đèo
Sực ngẫm phận mình, thân lạc xứ
Anh, với vui buồn, ly rượu khuya.

San José
Nguyễn Đông Giang K19

Khép cửa

Em có bao giờ về thăm phố cũ
Từ độ xa xôi cách trở muôn chiều
Có những hôm lòng bình yên bỗng nhớ
Đôi mắt xanh xưa dâng sóng Thủy triều

Nhớ thuở êm đềm đời vui đôi lứa
Khi thẹn thùng em chỉ biết ngoan thôi
Anh đã dìu em qua miền đất hứa
Lên đỉnh tuyệt vời cao ngất mây trôi

Rồi dĩ vãng đêm mưa anh thường kể
Ru em hiền như đứa trẻ nằm nôi
Chỉ sợ em giật mình dù rất khẽ
Anh đã thức cho em ngủ một đời

Trắng một canh đời anh còn chi nữa
Tất cả ân tình anh đã cho em
Hành trang cuối mang theo lời em hứa
Anh tưởng rằng không bao giờ phai quên

Anh vẫn tưởng nhưng đâu còn em nữa
Đêm cánh tay dài nhớ tóc nằm nghe
Em đã vắng ngôi nhà xưa khép cửa
Và gió mùa sang rụng lá bên hè

Xuân Lộc 1981
Phạm Kim Khôi K19

Thương Về Em Gái Việt Nam

Anh gửi về em ngàn dòng huyết lệ,
Quê hương ngục tù. Đêm mãi thở than.
Anh ra đi. Trái khô nứt võ vàng.
Em tôi vẫn trong tủi đau chất ngất.
Rồi em nhắm mắt xa đời chật vật,
Đói khát dăm ngày chỉ một bữa no.
Anh phương Tây cũng cơm áo từng giờ,
Mà tay trắng vẫn ru đời hư ảo.
Chừ ân hận trong lòng anh gió bão,
Cứu giúp gì em với chút dư thừa.
Phút lâm chung, em gọi mãi mẹ cha.
Nhưng hy vọng đã nằm sâu đáy mộ.
*
Nhớ quá lắm những chiều quê nắng đổ,
Anh cùng em đi bắt bướm, thả diều.
Gió reo mừng qua thôn xóm tịch liêu,
Bến sông cũ, anh em mình tắm mát.
Dạo chiến chinh làng quê mình đổ nát,
Cha anh hùng cầm súng chống Cộng Nô.
Anh em mình ôm nhau khóc hàng giờ,



Ảnh: Lê Đức Tế

Khi trái đạn nổ trên hầm trú ẩn.
Bỏ đất Bắc, gia đình ta lận đận,
Mẹ yếu gầy buôn bán giữa chợ đông.
Trời miền Nam với nắng cháy mưa giông,
Các con Mẹ rồi thành nhân tất cả.
*
Tin em chết trong khó nghèo đói lả,
Như triệu đồng bào nhắm mắt uất hờn.
Anh khóc bàng hoàng giữa nỗi cô đơn,
Thương em gái Việt Nam, cơn mộng dữ.
Em thương mến, hãy yên trong giấc ngủ,
Quê hương mình vẫn nghèo đói nát tan.
Đã mấy chục năm khổ nhục trăm đàng,
Anh quyết giữ một lòng yêu Tổ Quốc.
*
Anh gửi về em vần thơ máu ruột,
Ghi lại đời người tình nghĩa anh em.
Nước mắt anh còn rỏ mãi vực đêm,
Quê hương đó, và em tôi, xác khổ!

Quốc Nam

Trời Không Mưa, Cứ Mặc Áo Mưa!

capvantok19

Chuyện ngược đời nên cái đầu đề cũng khó hiểu khiến mấy anh đần ông ưa lạng quạng có thể tưởng lầm đây là câu chuyện mây mưa. Thực ra câu nói đầy đủ cho dễ hiểu phải là "Trời không mưa thì măc kệ trời không mưa, chồng tôi đi ra ngoài đường vẫn cứ phải mặc áo tơi".!

Không mưa thì mặc áo tơi (áo mưa) làm gì? Chuyện tưởng đùa mà có thật, đó là chuyện ngược đời của XHCN. XHCN thì có ngàn vạn cái ngược đời đâu phải chỉ chuyện mây mưa, dẫu có thừa giấy thì để vẽ voi có 3 cái vòi và 4 cái chân còn hơn là xen vào chuyện nội bộ của "người ta". Chuyên tôi muốn thưa là chuyện "phe ta" làm chuyện ngược đời..

Bấm bụng bỏ ra vài chục để mua vé tham dự bữa cơm gậy quỹ, coi người tỵ nạn CS có khúc ruột già vòi tiền đồng hương VNCH, mà không chào cờ VNCH, đem về cho XHCN đó chẳng phải là những chuyện ngược đời sao? Quý sư-cha-muc sư và những ai khác nữa cư ngụ trên USA này với tư cách gì? Bất cứ ai bỏ nước ra đi, sau 1975, để sống

ở hải ngoại mà từ chối căn cước tỵ nan CS thì ắt là thuộc diện tha phương cầu thực, đi xin ăn và ăn xin, kế đến là tay sai hay VC nằm vùng, mà những thành phần này lại ra mặt dạy đời mới là chuyện ngược đời.

Trong buổi gây quỹ, tôi được ngồi kế cái bàn mà ở đó toàn là quý liệt vị còm-lê ca-vát, có vẻ là chức sắc. Quý liệt vị này cùng hội cùng thuyền nên họ nói huyên thuyên trên trời dưới đất, ăn miếng to nói lớn giọng át cả mi-cờ-rô, những người ngồi bàn kế bên dẫu chẳng muốn nghe thì âm thanh vẫn cứ tra tấn cái lỗ... tai.

Các liệt vị ôn chuyện giầu sang quyền quý ở quá khứ rồi bắt sang chuyện áo gấm về làng, khoe khoang đủ thứ nhưng khi vừa trở lại "mật khu an toàn" trên đất Mỹ thì chê mọi chuyện, chê cái "triều cường" dương lên làm ông ướt quần. Ông nói:

- Trời nắng chang chang, tôi đi dạo phố thì chú em nhắc nhở tôi nhớ mang theo áo mưa. Tưởng thằng em nói "xỏ lá", ai ngờ khi vừa ra tới đầu phố thì thấy nước từ dưới các miệng cống đùn lên làm ngập đường, những ôtô, xe máy tụi nó chạy xé gió khiến khách bộ hành trên hè phố ướt như chuột. Lúc đó mới biết chú em tôi nói thật, không mưa anh vẫn phải mặc áo mưa.

Nói xong ông cười ha hả nhưng những người chung quanh thì có vẻ buồn buồn, có lẽ ông thấy cần thêm tí mắm muối cho đậm đà nên ông quay sang mấy nhân viên nhà hàng:

- Anh bồi, cho tôi thêm tí nước tương.

Anh guây-tơ đem cái vịt nước tương ra, nhưng có lẽ hơi nực gà vì tiếng "bồi" nên bình nước tương hơi vương vãi ra ngoài một tí khiến liệt vị này hét toáng lên:

- Giê-Su, làm đổ hết nước tương vào người tôi rồi đây này!

Điều răn thứ hai dạy rằng: "Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ", ông này kêu tên Người vô cớ chứng tỏ ông là người Công Giáo không ngoan đạo, ông đã vu oan giá họa cho Chúa làm đổ nước tương mà thực ra lỗi đó chính là của nhân viên nhà hàng. Kêu xong, ông tiếp tục câu chuyện

về "triều cường" ở trong nước XHCN:

- Các cụ biết không, hễ trời mưa một tí là đường xá ngập hết, mọi giao thông tắc nghẽn. Ngay cả khi trời không mưa, khi "triều cường" dương lên là đường phố cũng ngập, ngập "cục bộ".Thành thử mỗi khi đi ra đường, dù trời mưa hay không thì vẫn phải mặc áo mưa kẻo mấy tay chạy gắn máy bắn nước là mình ướt. Chán quá! Ngập lụt khắp nơi, đúng là họ bị Chúa phạt!



Khánh thành sau 2 giờ, đường hầm ở Hà Nội đã biến thành sông.

Trời mưa một tí là ngập từ Hà Nội tới HCM là chuyện có thật, trời không mưa mà thành Hồ thành hồ là chuyện có thật, hình ảnh tin tức tràn ngập trên các báo điện tử trong nước và hải ngoại. Nhưng hậu quả này không phải do trời hay Chúa phạt như lời ông nói mà là do con người "người CS hại người XHCN".

Ngày xưa, trên đường khổ nạn, Chúa đã bị ông Thánh Phê-Rô chối Chúa 3 lần, nay chỉ trong vòng 3 phút vị có chức này đã kết tội oan cho Chúa 2 lần! La Chúa làm đổ nước tương, vu oan cho Chúa là người gieo tai họa ngập lụt cho XHCNVN! Ngứa miệng tôi quay sang hỏi:

- Triều cường là ký rì? Và ngập cục bộ là rì hả cụ?

- Triều cường là... là nước dương lên, còn ngập cục bộ là ngập từng chỗ.

- Cám ơn cụ, tôi đã nắm bắt được (ý) cụ rồi.

Cái đống rác chữ nghĩa VC mà cụ dùng tôi xin hẹn kỳ tới sẽ hốt, bài này xin thưa với quý liệt vị có chức trong hội con chiên yêu Chúa đã vừa mới đóng thêm một cây đinh 20 cm vào tim Người! Từ thành Hồ tới Hà Nội đều lội trên phố, mặc áo mưa khi trời không mưa là do Chúa phạt hay sao? Quý vị nói như vậy là... lao-sắc. Chỉ vì giận mấy tên

đầu sỏ VC vô thần mà Chúa phạt toàn dân Việt Nam à? Liệt vị này ăn nói tào lao. Nếu nhìn quanh ta cũng không thiếu nhiều con chiên ngoan đạo đã kêu lên như thế, kết tội Chúa như thế! Hãy nhớ lại điều răn thứ hai.

Nhìn đáng dấp và tác phong của quý cụ trong dân con Chúa là tôi biết các ông thuộc hàng chức sắc, không "chùm" thì cũng "tránh", (trùm và chánh là 2 tước vị trong môt họ đạo), ít đi ra ngoài nên không hiểu gì cả, thấy cái gì bất như ý là nói tại Chúa! Nước Việt tới hồi mạt vận không phải do Chúa mà chính nhà cầm quyền XHCN đã gây ra tai ương ngập lụt. Tôi xin vạch ra một tí thí dụ cụ thể để cho liệt vị thấy nguyên nhân và hậu quả của những "nhân tai" này.

Vào những năm 1977-78-79, ở trại tù số 8 Hoàng Liên Sơn, VC bắt hằng ngàn tù binh phá rừng chặt cây, đào tận gốc trốc hết rễ, băm nhỏ trải đều đốt sạch để trồng bắp trồng khoai. Năm đầu bắp sắn ngập sân, năm sau, năng xuất còn 50%, năm thứ ba, đất cầy lên sỏi đá. Muốn trồng ngô khoai tiếp thì khắc phục, phát minh sáng kiến.

VC đưa ra khẩu hiệu: "Nghiêng Đồng Đổ Nước Ra Sông" đề cứu úng lụt; để tiếp tục trồng khoai sắn trên đá thì đã có khẩu hiệu: "Với Sức Người Sỏi Đá Cũng Thành Cơm!" Thế là trại ra lệnh cho tù lấy cây cỏ bỏ xuống hố, phủ lên trên một lớp đất rồi nhét hom sắn xuống. Cái thứ phân bằng cây cỏ này gọi là "phân xanh", còn chất thải ra từ người gọi là "phân bắc", phân bắc là thứ quý hiếm dành cho cán bộ đảng viên. Cả hai tác phẩm này là do sáng kiến phát minh của đỉnh cao trí tuệ đại tướng Nguyễn Chí Thanh, nên dân gian có thơ ca tụng rằng:

Hoan hô Tướng Nguyễn Chí Thanh,
Anh về phân bắc phân xanh đầy đường.

Không còn rừng để điều hòa không khí, không còn cây, rễ, lá mục để giữ nước nên ngay sau cơn mưa là tất cả những mùn đất theo độ đốc đổ xuống sông suối, sau một mùa mưa là trơ mặt mo những tảng đá to nhỏ biến đồi núi thành sa mạc đá. Đó là nguyên nhân gây ra ngập lụt và tiếp liền sau ngập lụt đó là khô hạn.

Điều này có thật 100%. Ruộng vườn của người Tầy xung quanh trại 8 Hoàng Liên Sơn bị cát sỏi xâm lấn; nước hồ Thác Bà trước kia mênh mông, cá chạy ven bờ, chỉ sau một năm phá rừng, nước rút ra xa hằng hai ba trăm mét, hồ cạn, giữa hồ nổi lên cây thánh giá từ ngày xưa ngập trong nước. Dân địa phương đổ thừa tại "ngụy" gây nên thảm cảnh này! Nhưng khi vắng cai tù, người Tầy nói nhỏ với tù rằng đó không phải là lỗi của "các ông" mà chính là sách của đảng và nhà nước, tức quá không biết chửi ai bèn mắng xéo sang "ngụy".

Thưa qúy liệt vị, người thiểu số gốc Tầy miền Thượng Du Bắc Việt mà còn sáng suốt nhận ra nguyên nhân ngập lụt khô hạn là do đảng và nhà nước XHCN, thế mà liệt vị là dân VNCH, là con của Chúa mà lại kết tội Chúa gây ra ngập lụt!

- "Than ôi! Satan đâu, đun sôi vạc dầu mau lên."

Từ một thảm trạng cụ thể, có thật ở trại tù số 8, xã Cẩm Nhân, Hoàng Liên Sơn như thế đó, còn có biết bao nhiêu những trại tù khác đã biến rừng núi Trung Du Bắc Việt thành đồi trọc?

Sau 1975, VC di dân miền Bắc vào cao nguyên miền Trung phá rừng lập nghiệp, từ miền Bắc một miếng đất chéo để cắm dùi cũng không có, nay vào miền Nam, gặp đất phì nhiêu tha hồ khai thác, rừng bị chặt, núi bị cào bằng. Các nhà khoa học kêu trời than rằng chẳng bao lâu nữa miền Trung sẽ chịu cảnh ngập lụt khi mưa, khô hạn khi nắng! Và chuyện đó đã, đang, và sẽ xẩy ra, báo VC cũng đã nói đến. Chỉ tội nghiệp cho các "khúc ruột ngàn dặm" có tấm lòng "vàng", cứ tưởng trời phạt dân mình nên đưa lưng gánh vác hoạn nạn thay cho con cháu bác, kêu gào hải ngoại cứu trợ lũ lụt "tồng-pào" XHCN!

Hiện nay với chính sách "sáng suốt, nhất quán" của đảng để làm hài lòng bác Hồ (Cẩm Đào), kế hoạch "bu-xịt" Nguyễn Tấn Dũng thì không bao lâu nữa Cao Nguyên Lâm Đồng phì nhiêu sẽ biến thành đất cày lên sỏi đá, chưa kể hóa chất độc hại chảy xuống đồng bằng Cửu Long giết

tất cả môi trường sống! Chưa kể đoàn quân Tàu-Ô chiếm đất cắm dùi biển VN thành quận huyện của Hải Nam! Tới khi đó chắc có cụ lại bảo rằng Chúa phạt làm ta mất nước!

Trở về chuyện ngập lụt, tôi xin nhắc lại một trong những nguyên nhận gây ra ngập lụt và khô hạn mà ai cũng biết, các cụ còn biết rõ hơn ai hết, vì các cụ xuất nhập XHCN đều chi, cái gì cũng biết, đó là chuyện bọn đầu xỏ tư bản đỏ chơi dại, chơi "đại bôn-sai"

Vào những năm 2002, 03, 04, cả nước XHCN phát sốt lên vì mốt chơi "đại bôn sai". Ai chơi, tại sao chơi hồi sau sẽ nói. Vì luật cung cầu và giá một gốc cây cổ thụ từ 15 triệu đến 50 triệu đồng tùy theo chủng loại, tùy theo mẹ-ngựa (mẫu mã). Thế là toàn dân vác búa rìu cuốc xẻng rủ nhau lên rừng kiếm cây đại thụ. Muốn đại thụ sống thì phải móc cả cu hỏi củ, lấy đủ rễ cái rễ con. Muốn bứng được đại thụ thì phá tan hoang cả một vùng rừng núi.

Thời gian đó các báo trong nước như Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Kinh Tế v.v... đã cho các phóng viên đi "thực tế hiện trường" và đã có những bài phóng sự về nạn đào gốc cây to trong rừng khiến ai còn nghĩ đến tương lai đất nước đều bàng hoàng:

"Rừng đang bị phá tan hoang vì những thú... thú chơi đại bôn-sai".

Dọc theo QL1 thuộc các tỉnh miền Trung, hàng trăm vựa cây kiểng mọc lên, toàn là bán loại "đại bôn sai", các gốc cây đại thụ bị bứng trong rừng, từ Trường Sơn mang về đây để "nghệ nhân" tạo dáng bôn-sai trước khi chở ra Bắc. Không đâu xa, ngay



Bàn ghế làm bằng gốc cổ thụ.
Tây Ninh 7/09 - ảnh Thẩm Vân

dọc theo 2 bên xa lộ Saigon Biên Hòa, hình chụp trên báo cho thấy có hằng trăm gốc đại thụ từ 3 đến 4 vòng tay ôm, cao hơn đầu người đã được các "nghệ nhân" tạo hình với chồi non đâm mống, tầm gửi sống nhờ trông rất là "ấn tượng". Những ai đi lại trên đoạn xa lộ này đều có thể thấy.

Ai có khả năng chơi đại-sai này? Các đại bôn sai này được tải ra Bắc cho cái thú của tư bản đỏ với dinh thự rộng lớn cỡ bự như của vua Lê-Khả-Ố. Thấy ông bí thư chơi thì chủ tịch cũng chơi, phó cũng chơi, từ trên xuống dưới rủ nhau chơi cho có vẻ là người CS sành điệu b.s.

Đó mới chỉ là mặt nổi, còn mặt chìm thì các xe vận tải kìn kịt chở đại bôn sai, vượt biên giới sang bán cho Tàu-Cộng với giá khá cao, nhưng không phải lũ Tàu Cộng này chơi cây kiểng mà chúng mua về để làm củi (?).

Có cái gì đó tương tự trong vụ Tàu-Ô mua gốc đại thụ này với việc mua mèo và móng trâu những năm về trước. Những người anh em "núi liền núi sông liền sông" sang VN mua mèo về làm thuốc bổ dương, thế là chẳng bao lâu miền Bắc XHCN chuột lộng hành, không cần cháy nhà cũng lòi mặt chuột vì "mèo đi chợ đàng xa" mãi tận bên tàu. Sau mèo là con cháu lông-mao lại đi mua móng trâu, giá 4 cái móng trâu đắt gấp đôi giá con trâu, bán đi 4 cái móng trâu còn con trâu thì được giữ lại! Trâu xúc móng thì làm sao đi cày?! Chỉ còn mang đi xẻ thịt. Thiếu trâu thì người dân làm thay trâu cày. Những đồng tiền trước mắt khiến người dân thật thà miền núi không biết đến cái hại sau lưng là mùa màng thất bát, nghèo đói.

Cái thâm của tụi 3-tàu phương Bắc ghê gớm thiệt! Vậy thì quân tàu-ô bày ra trò chơi bôn sai với gốc cây cổ thụ cũng có muc đích của nó. Hậu quả nhãn tiền là không còn rừng điều hòa nhiệt độ, không còn cây giữ nước gây ra ngập lụt và khô hạn.

Cái ôn dịch chơi dại này bắt nguồn kể từ khi tổng bí sang chầu TC và được quan thầy tặng cho một cây đại-sai vô cùng "hoành tráng và ấn tượng", tổng bí mang về trưng bày trong dinh rồi mở tiệc khoản đãi kêu gọi đàn em đến

chiêm ngưỡng. Tiệc xong ra về, đàn em nhủ thầm phải noi gương bác tổng bí kinh-iêu, thế là chúng bèn sai đệ tử đi lùng kiếm đại bôn sai nên mới gây ra cái đại ôn dịch này. Dân Hà thành nói thế thì biết thế, thế còn thực hư thế nào thì chỉ có thế giới khỉ đỏ đít biết.

Trở lại vấn đề không mưa mà phải mặc áo mưa đi phố... chơi.

Tuy đã nói không xen vào chuyện nội bộ của "người ta" nhưng cũng phải đưa ra những gì "người ta" nói, những gì báo chí trong nước viết đề chứng minh cho những ai đang ngu hỏi ngủ mơ rằng XHCN ngập lụt là do Chúa phạt rồi lại đi xin tiền làm việc "kíu" đói.

Nhiệm vụ của miệng cống ven đường là để thoát nước khi trời mưa, nhưng dưới XHCN thì miệng cống không còn làm nhiệm vụ ấy nữa nên mỗi khi mưa thì thành Hồ biến thành hồ, còn Hà Nội thì dân lội trên phố. Chuyện ngược đời nữa là miệng cống lại phun nước ngược lên cho đường phố bị ngập. Tuy mới chỉ ngập "cục bộ" (ngập từng nơi) nhưng theo ông Hồ Long Phi, giảng viên đại học Bách Khoa TP/HCM, nói với báo Tuổi trẻ thì hiện nay thành Hồ đang tiến dần từ 100 điểm ngập lụt đến chỗ chỉ còn MỘT điểm ngập mà thôi, tức là ngập toàn thành phố!

Báo chí trong nước: Hà Nội, và thành Hồ rỗng ruột và đang lún.

Ngày 28/11/2008, báo Tuổi Trẻ và Tiền Phong công bố kết quả mới nhất của Liên Đoàn Điều Tra và Quy Hoạch tài nguyên miền Bắc thì chỉ trong 6 tháng đầu năm 2008, mực nước ngầm trong tầng nước ngầm ở Hà Nội tiếp tục sút giảm nghiêm trọng vì quản lý kém và bị khai thác hết sức tùy tiện. Số liệu quan trắc tại Hạ Đình quận Thanh Xuân cho thấy mực nước đã TỤT xuống 0,8m.

Tiến sĩ Nguyễn Văn Đản liên đoàn trưởng liên đoàn Điều tra và Quy Hoạch cảnh báo:

"Việc khai thác nước ngầm tràn lan cộng với nhiều công trình xây dựng lớn thiếu nghiên cứu đang gây sụt lún nhiều khu vực ở Hà Nội. Kết quả nghiên cứu mới nhất cho thấy

tại các khu vực như Pháp Vân, Văn Điển, Thành Công, Hạ Đình, Mai Dịch v.v... tốc độ LÚN đã quá 3cm/1 năm, có những khu vực lún nhanh đến 4cm/1 năm! Với việc khai thác nước và xây dựng đô thị như vậy mà Hà Nội không lún sụt mới là lạ".

Thủ đô thì như thế, thành Hồ thì sao?

Trời không mưa nhưng nhìn cảnh ngập lụt nặng ở khắp nơi, vì quá "bức xúc", phóng viên báo Tuổi Trẻ đi "thực tế" và phỏng vấn bà Lê Nguyên Hạnh, phó phòng Khí-Thủy (Khí Tượng và Thủy Văn) khu vực Nam Bộ, thì bà cho biết như sau:

"Dù đỉnh triều cường cao nhưng nguyên nhân chính gây nên cảnh ngập lut khắp thành phố không phải là tại trời mà là do con người gây nên. Trong quá trình đô thị hóa, việc san lấp mặt bằng đã khiến thể tích chứa nước bị thu hẹp. Kết quả nghiên cứu cho thấy khi xây dựng khu đô thị Phú Mỹ Hưng, người ta đã đổ 10,000 mét khối đất để lấp chỗ trũng, có nghĩa là chúng ta đã mất đi nơi chứa 10,000 m3 nên nước phải tràn ra các khu vực khác. Hiện nay Saigon có quá nhiều vùng trũng, ao, hồ, sông, kinh, rạch, vốn là những nơi 'điều tiết' nước đang bị san lấp." (Tuổi Trẻ 28/11/2008)

Để "gia cố" cho lập trường của bà Lê Nguyên Hạnh nói SG lụt là do người, phóng viên báo Tuổi Trẻ đi tìm hiểu "sự cố" ngập lụt nơi các chuyên gia khí-địa khác, bài báo viết tiếp:

"Các chuyên gia khí hậu và địa chất bác bỏ các nhận định và suy nghĩ cho rằng Saigon dễ ngập, ngập sâu, ngập dài lâu là do biến đổi khí hậu, triều cường dương cao. Theo số liệu thực tế, kể từ khi đô thị hóa 1999 thì cũng từ 1999 Saigon càng ngày càng lụt nặng."

Ai trong chúng ta cũng biết Saigon nằm trên thế đất phù-sa, đất bồi, không có chân đứng, phía dưới có rất nhiều túi chứa nước, trên mặt thì có nhiều kinh rạch, ai đã từng sống ở Saigon đều đã thấy thủy triều lên xuống, hai mùa mưa nắng, chưa bao giờ ngập lụt "dài lâu" như thành Hồ. Khi đô thị hóa thì cứ nhắm mắt san lấp, không có kế hoạch

thoát nước, khi thủy triều lên, nước sông Saigon chảy đi đâu? Chảy vào chỗ trũng! Chưa nói đến hệ thống ống cống thoát nước cũ kỹ, chắp vá, mật độ dân số tăng gấp bội, chất thải, rác rến tăng gấp bội thì...!

Theo như ông tiến sĩ VC Nguyễn Văn Đản, với cách quản lý đất nước như thế thì:

- Hà Nội không biến thành thành lội mới là chuyện lạ.
- Thành Hồ không biến thành hồ mới là chuyện lạ.
- Đất nước không ngập nước bẩn mới là chuyện lạ.

Và những con dân Chúa ở hải ngoại này không nhận ra dư nước làm dân chết đuối, thiếu nước làm dân chết khát, tai ương ngập lụt do đâu mà ra mà lại đổ thừa cho Chúa thì:

- Đó mới là chuyện lạ!

Quý vị không biết chuyện "bán cái" như thế là để bào chữa cho tội phạm và đóng thêm cây đinh vào cạnh sườn của Chúa hay sao?

capvantok19

Đính chính Đa Hiệu 86

Mặc dù BBT đã có nhiều cố gắng, đặc san Đa Hiệu 86 vẫn còn một số sai sót kỹ thuật. Chúng tôi chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc và xin đính chính như sau:

Trang	Đã in	Xin sửa lại là
30	Xin xem tiếp trang 192	Xin xem tiếp trang 191
66	Th/tá Nguyễn Văn Chuân	Tr/tá Trần Ngọc Huyến
231	dưỡng dục	phụng dưỡng

BBT/ĐH

Sinh Hoạt Võ Bị Khắp Nơi

Liên hội Âu Châu: Hình ảnh Đại Hội 2009




















FREEDOM
FOR
VIET NAM











Bốn Mươi Năm – Hồ Dễ Chi Quên

Viết cho ngày họp mặt khóa 26 TVBQGVN
Kỷ Niệm 40 năm ngày nhập trường

Như thông lệ, tất cả các hội đoàn, các hội ái hữu, ngay cả các cựu nữ sinh – nam sinh hay dùng ngày Lễ Độc Lập của Hoa Kỳ làm ngày hội tại Tiểu Sài-Gòn (Little Saigon) thuộc Orange County miền Nam California.

Năm nay 2009, tôi có bạn đến từ miền Đông Hoa Kỳ để dự đại hội Phật Tử, bạn từ Úc Châu đến dự ngày họp mặt trường xưa của vợ, bạn từ Na Uy đến dự ngày họp mặt lớp xưa của chồng. Những buổi họp mặt này được điều hợp từ xa, và hoàn toàn qua mạng lưới điện toán. Đây là những người đã từng biết nhau ngày xưa, có cả các nhóm họp mặt mà chưa từng quen biết, chỉ thông qua các diễn đàn.

Tại sao lại hẹn nhau ở Tiểu Sài Gòn? Vì nơi này có nón lá ngoài đường, có bao nhiêu hàng quán Việt Nam, có bao nhiêu nơi cần đến xem, và có bao nhiêu bạn bè họ hàng

chờ đón. Xa lộ 405 – xa lộ 5 – xa lộ 22 – 101 những lằn xe vun vút không ngưng nghỉ, xe kẹt mù cả bụi, khô rốc cả đường, không hiểu người từ đâu ra đông thế.

Xe đò Hoàng chật khách, các cô cậu sinh viên nghỉ hè về nhà, các ông bà đi thăm bạn hữu, những người buôn hàng chuyến, xe đò cũng là phương tiện giao hàng nối liền nam – bắc Cali. Mùa này mùi mít chín từ thùng xe tỏa ra, làm nhiều hành khách than khó chịu.

Khách của xe đò Hoàng, nay đã có thêm Phi Luật Tân – Mễ - người da trắng, nghĩ về sự hình thành một công ty, một thương vụ có lẽ phải học hỏi từ anh xe đò Hoàng, thân tình, đúng giờ, vui vẻ nhất là biết nói đùa.

Đặc biệt hơn cả là buổi hội ngộ sau 40 năm ngày nhập trường của các anh khóa 26 Võ Bị Quốc Gia Việt Nam – Đà Lạt. Ngày đại hội này cũng được điều động bằng hệ thống internet, qua các nhóm diễn đàn dành riêng của Yahoo. Các anh đến từ Việt Nam, từ Úc, Canada, Pháp, và toàn nước Mỹ.

Tôi được các anh cho phép điều hợp chương trình văn nghệ bỏ túi cùng các anh, với lý do chỉ lá và cành chán lắm, cần hoa, tôi đã cẩn thận thông báo trước hoa đã phai màu, đang trên đà heo héo theo sự vận hành của ông Tạo xoay vần, các anh vẫn níu áo đẩy lên bục.



Chị Như Hoa (trái) đang dẫn chương trình văn nghệ

Chẳng đặng đừng, tôi vắt tim óc viết một bài dài "tâm tình thợ giặt" dự định sẽ cầm tờ giấy in chữ chằng chịt, run run đĩnh đạc đọc khai mạc chương trình văn nghệ, sau khi nghi thức truyền thống được cử hành, bài văn hùng hồn, khí khái như sau:

"Kính thưa quí vị,

Hôm nay, kỷ niệm 40 năm ngày nhập trường của khóa 26 TVBQGVN. Bốn năm cùng chung sống dưới mái trường Võ Bị chỉ bằng một phần mười thời gian đã trôi qua, nhưng đã để lại bao kỷ niệm và ảnh hưởng rất lớn đến chín phần mười thời gian còn lại.

Những thanh niên lớn lên trong thập niên 60, từ khắp các miền đất nước, đặc biệt có người sinh sống ở hải ngoại, từ bao nhiêu hoàn cảnh khác nhau – là anh học trò mặt còn búng ra sữa, có người đã từng lê la qua bao giảng đường đại học, có người đã từng ôm súng trên chiến trường thật sự, người sinh ra trong nhung lụa, kẻ chào đời dưới vì sao xấu, thanh bạch trên vùng đất quê hẻo lánh.

Dù từ đâu, dù hoàn cảnh nào, một ngày cuối năm 1969, họ cùng gặp nhau tại ngọn đồi có cao độ 1515 để cùng thụ huấn chương trình kéo dài hơn bốn năm, chính xác là bốn năm một tháng.

Bốn năm một tháng nơi xứ hoa đào, sương mù phủ đồi thông thơ mộng, con gái má đỏ môi hồng, tuổi thanh niên đang độ vào đời nhưng không được thả hồn mơ lãng mạn, vì làm trai thời chiến, chọn cam go gian khổ, lựa khoác chiến bào bảo vệ non sông.

Hai trăm sinh viên sĩ quan khóa 26 cùng nhau chia sẻ những huấn luyện nhọc nhằn kỷ luật.

Qua những va chạm sinh hoạt thường ngày, khác biệt của từng cá nhân trong thời gian chung sống, cùng bàn ăn, cùng nhà tắm, chung phòng ngủ, không làm những anh thanh niên ấy nghi ngại xa cách nhau mà đã cấu thành chất keo kỷ niệm, gắn bó mãi đến bốn mươi năm sau, tất cả các anh thanh niên ấy vẫn còn nhớ đến nhau.

Nỗi nhớ này, kỷ niệm này nói cường điệu một chút là tình bằng hữu bất diệt. Bằng chứng là ngày họp mặt hôm nay, dù kinh tế bập bềnh, dù lưng đau gối mỏi, dù bà xã cằn nhằn, dù đủ mọi lý do có thể cản ngăn, không thể đến tham dự.

Chào mừng quí vị và các anh khóa 26 có mặt hôm nay.

Thưa quí vị cùng các bạn,

Đêm nay, trong buổi họp mặt 40 năm ngày nhập trường K26 TVBQGVN, nếu quí vị hy vọng dự khán một chương trình hào hứng, với các màn trình diễn sống động thì quí vị sẽ bị thất vọng. Khóa 26 là một khóa đặc biệt bao gồm nhiều nhân vật đặc biệt, "lính cà" xuất sắc, nếu quí vị không từng là sinh viên Võ bị Đà Lạt không hiểu "lính cà" là gì, xin hỏi các phu quân sẽ rõ. Và từ các nhân vật "lính cà" xuất sắc trong quân trường Võ Bị Đà Lạt, chúng tôi sẽ có một chương trình văn nghệ họp mặt rất "lính cà" vụng về nhưng bảo đảm cùng quí vị chương trình hôm nay sẽ được mang đến quý vị bằng tất cả thâm tình bằng hữu."

Bài viết đầy hào sảng nam tính này, tôi viết được vì tâm hồn sinh viên sĩ quan Võ Bị Đà Lạt đã nhập vào tôi, khi nào chẳng biết, từ những buổi ngồi hóng chuyện, từ những tình huynh đệ nồng ấm niên trưởng – niên đệ, hai chữ niên đệ này có nghĩa là đàn em, là lớp dưới, truyền sang cho các bà "tay hòm chìa khóa" lúc nào không hay. Tiếng Việt phong phú thêm với "niên trưởng chị" – "niên đệ cô" chỉ nghe được trong các ngày họp khóa, các buổi kỷ niệm nhập trường và ra trường.



CSVSQ Nguyễn Đức K26 và phu nhân, chị Đào Thúy

Thế mà sau khi nghe xướng danh năm mươi anh đã bỏ mình, đã hy sinh, đã không còn tại thế, tôi đã không làm được điều dự tính. Một trăm chín mươi sáu thanh niên từ khắp miền đất nước, một trăm chín mươi sáu tuổi xuân cách nay bốn mươi năm, chỉ có mặt hơn năm mươi người, dù biết biển dâu thay đổi, dù biết còn mất lẽ trời, làm sao trái tim bằng hữu không chao khi nghe xướng danh – sinh viên sĩ quan Đặng Kinh Luân – trung úy Huỳnh Hữu

Phước, sinh viên sĩ quan... trung úy... mỗi tên gọi là một khuôn mặt trẻ trung hiện lên màn ảnh, giọng đọc ngân nga của chị Đào Thúy người đến từ Úc Châu cùng chồng là anh Nguyễn Đức, một cựu sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt – Khóa 26, cùng giọng rắn rỏi của anh Võ Công Tiên, người đã nhận trách nhiệm tổ chức ngày họp mặt kỷ niệm 40 năm nhập trường, để tất cả các bạn hữu từ khắp nơi tìm đến với nhau.

Hình ảnh sống động, kỹ thuật vi tính trong ngày này được góp nhặt từ tấm lòng luyến lưu quá khứ, tưởng nhớ bạn xưa của các anh Hàn Đức Tuấn – Nguyễn Văn Tạo cùng tất cả các bạn cùng khóa. Theo thời gian trí nhớ hao mòn, các anh đã cùng nhau tìm lại, nhắc lại kể lại và trao đổi hình ảnh còn giữ được cho nhau.

Hơn ngàn tấm ảnh đã được chụp từ những chiếc máy ảnh digital, đã ghi lại những nụ cười thanh niên đôi tám, trên khuôn mặt đầy dấu hằn hai lần ba mươi của các anh. Mày Tao Mi Tớ, vòng ôm thắm thiết, bắt tay thân tình, quên vợ ngồi bên cạnh, thản nhiên nhắc chuyện hẹn hò, Đồi Cù – Nha Địa Dư – Giáo Hoàng Học Viện – dốc Du Sinh – Couvent Des Oiseaux – chuyện trốn phố – chuyện dấu diếm xé rào lấy vợ trước ngày ra trường – vườn Con Thỏ ngay cả số130C Phan Đình Phùng các anh cũng không ngần ngại kể ra. Đã lên chức ông nội ông ngoại, thì sợ gì vợ nhà trách cứ chuyện năm xưa?!

Nhắc đến khóa 26 là nhắc đến vợ chồng "King Thủy", anh chị đã "bị" cả khóa ép uổng giữ chức đại diện khóa 26 cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia - Đà Lạt Việt Nam muôn đời, muôn đời như mối tình khăng khít vợ chồng của anh chị. Sau mười năm tại vị, anh chỉ năn nỉ các "ông mãnh" cùng khóa một câu: "Làm vua khóa 26 muôn đời không sao hết, chỉ xin các ông thay tôi đi dự tiệc mời từ các khóa khác, từ các ban ngành đoàn thể, từ các hiệp hội cộng đồng, cưới xin tang chế, bụng tôi ngày một to vì đại diện các ông đi dự tiệc đây này."

Đàng sau người đàn ông dễ thương như King, hẳn phải

hiện diện một người phụ nữ nhân ái, không như người khác ngăn cản chồng ăn cơm nhà vác ngà voi, chị giơ vai vác hộ anh một chút, nhìn những bông hoa tươi thắm chị trang trí nơi khán phòng, ngày họp khóa, những đóa hoa hồng vàng tươi thắm kỷ niệm Đà Lạt thuở nào, vì tôi đề nghị dựng lại phông cho buổi lễ trao nhẫn năm xưa. Lực bất tòng tâm, dự định từng đôi uyên ương là đà chụp hình trao nhẫn tình tứ cho nhau, đã không thực hiện hoàn hảo vì nhân vật chính, Nguyễn Thanh Toán, người đã từng dựng tấm phông nguyên thủy trong ngày trao nhẫn truyền thống của khóa 26 đã không sao làm kịp.



Nguyễn Thanh Toán K26 đang bị Như Hoa hạch tội

Thuở ấy, 1972 anh đã dùng giấy kính màu, bao xi măng và giấy bìa cứng để tạo thành bức tường có các ô cửa màu, có rọi đèn lấp lánh xuyên qua chiếc nhẫn có kích thước vừa đủ cho một đôi tình nhân trao nhẫn cho nhau. Trong khóa chỉ còn anh chị Nguyễn Hữu Xương, và Tô Thành còn giữ được tấm hình này.

Phần đông, các chị hiện nay không được hân hạnh là người tình bé bỏng thuở mười sáu trăng tròn, không được dự buổi dạ tiệc đeo nhẫn ngày ấy giống tôi. Anh của tôi, người được cả khóa nhắc đến với cái lắc đầu "lười chảy thây" "gàn hết thuốc", người không thích học nhẩy đầm, thích ra trại gia binh nhậu khan hay đánh bida cùng "ông Toán" đã mời cô bồ bé bỏng Đà-Lạt đến dự lễ, trong khi tôi đang sống tại Sài Gòn, lý do làm tôi nẩy ra ý nghĩ, thuở đôi tám không được hưởng thì nay lục tám thất tám cũng phải một lần được ngạo nghễ chiếm ngón đeo nhẫn của chàng chứ. Dù chàng gàn dù chàng lười, người phụ nữ cuối cùng chung bóng, vẫn



Lễ trao nhẫn của khóa 26 nhận dịp hội ngộ 40 năm

là người chiến thắng. Chiến thắng một mục tiêu cách nay bốn mươi năm, luôn được các bà mẹ ngắm nghía cho cô chiêu quí giá trong nhà.

Dù chỉ là hình thức, nhưng tại sao lại không nhỉ, khi các ông đã lục tuần các bà đã qua mức xuân tàn nguyệt tận, hâm nóng lại mối tình một thuở tóc xanh, ngại ngần gì không hôn nhau thắm thiết, luật định nào hạn chế tuổi yêu đương.

Tôi tiếc nuối mãi, đã không sao lôi hết được các mối tình khăng khít tự thuở "tuổi mười ba", của các anh cựu sinh viên sĩ quan trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt ra ánh sáng, dù các niên trưởng khóa 23 cùng có mặt đêm ấy.

Một thời tuổi trẻ đã xa, một thời đã nhận lãnh bao ưu đãi của quốc gia, cho một khóa học kéo dài hơn bốn năm. Năm mươi người con nằm xuống trả nợ núi sông, đền ơn quốc tổ, bao lận đận truân chuyên, nỗi niềm đau đáu xã tắc hưng vong vương trên vai người còn lại, mái tóc đã điểm sương, gối chùng, thân mỏi, ao ước thế hệ tiếp nối còn nhắc nhở lưu truyền. Tôi, người phụ nữ nép sau lưng họ, ghi nhận được rằng: trong tim từng người trai thời loạn bốn mươi năm xưa là sợi dây bằng hữu, thủ túc tương thân qua ánh mắt nụ cười loang loáng giọt sương vương trên đôi mắt khép.

Thứ bảy, 04/07/2009, Orange County – California
Như Hoa - Ấu Tím – 26B

TỔNG HỘI CỰU SVSQ/TVBQGVN
Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN Houston & Vùng Phụ Cận
P.O. Box 2546 Cypress TX 77410 – (713)447-2389

THÔNG BÁO

Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN Houston và Phụ Cận vui mừng thông báo:

Qua buổi họp bầu Tân Hội Trưởng cho nhiệm kỳ 2009-2011 vào ngày 19 tháng 4 năm 2009 tại Houston vừa qua, Hội CSVSQ/TVBQGVN Houston và Phụ Cận đã đạt được kết quả mỹ mãn. CSVSQ Trần Ngọc Toàn, K16, đã được đắc cử chức vụ Hội Trưởng Hội CSVSQ/TVBQGVN Houston & Phụ Cận.

Sau đây là thành phần Ban Cố Vấn và Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 2009-2011:

Ban Cố Vấn:
CSVSQ Tô văn Kiểm K,3
CSVSQ Trần Khắc Đản, K13
CSVSQ Vĩnh Quốc, K16

Ban Chấp Hành:

Hội Trưởng:	CSVSQ Trần Ngọc Toàn, K16
Hội Phó Nội Vụ:	CSVSQ Nguyễn Thắng, K25
Hội Phó Ngoại Vụ:	CSVSQ Nguyễn Ngọc Khoan, K22
Thư Ký:	CSVSQ Hàng Ngọc Ấn, K27
Thủ Quỹ:	CSVSQ Nguyễn Văn Tính, K25
UV Xã Hội/PNLV:	Phu nhân CSVSQ Vĩnh Quốc, K16
UV Thông Tin:	CSVSQ Phạm Văn Phúc, K31
UV Văn Nghệ:	CSVSQ Hồ Tấn Đạt, K21
TT/QQK:	CSVSQ Nguyễn Kim Chung, K22
ĐT/ĐTTN/ĐH:	Bùi Ngọc Thắng, K6/2

Trân trọng thông báo,
CSVSQ Trần Ngọc Toàn, K16
Hội Trưởng

Bản sao kính gửi:
- BCH/TH/CSVSQ/TVBQGVN
- Các Liên Hội & Hội địa phương
- Hồ sơ lưu

Gọi Về

Khoảng năm 1985 tại Sài Gòn, những tin tức về các chương trình định cư sang Hoa Kỳ, dành cho các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa được truyền khẩu lén lút mọi nơi. Các tin tức được nghe từ chiếc radio transitor, bị nhiễu sóng, tiếng được tiếng mất từ đài VOA và BBC. Những tin tức này là nguồn hy vọng cho bao gia đình, bị gán vào thành phần có nợ máu với nhân dân, chồng - cha bị đi tù không biết ngày về.

Lúc ấy, đã có nhiều giấy bảo lãnh từ Mỹ gởi về diện đoàn tụ gia đình ODP (Orderly Departure Program), văn phòng Quản Lý Xuất Nhập Cảnh tọa lạc ngay góc đường Lê Văn Duyệt và Nguyễn Du đối diện trường đua ngựa Tao Đàn, khi trước chỉ làm giấy tờ cho những kiều bào Pháp trở về nước, lúc ấy đã trở thành nhộn nhịp hơn vì rất nhiều người đến hỏi han việc nộp giấy tờ xin xuất ngoại, ngay cả những người chẳng có giấy tờ bảo lãnh gì, cũng tụ họp nơi đó ngóng chờ tin tức, hỏi han lẫn nhau.

Câu nói: "Nếu cột đèn đi được nó cũng bỏ đi!" hay những câu đố vui *qui mã = qua Mỹ* đã hình thành vào thời điểm này. Bất kỳ một tờ thơ, tờ giấy gì có dính líu đến Mỹ - Hoa Kỳ rất quí giá, vì sau tháng 4-1975 nhiều gia đình quá sợ hãi đã đốt bỏ tất cả giấy tờ có liên quan đến chính quyền Việt

Nam Cộng Hòa, nhất là giấy tờ dính líu đến ngoại quốc, giấy tờ viết bằng Anh ngữ. Tin đồn từ miền Trung truyền vào, có nhiều gia đình bị bắn chết chỉ vì có tờ thơ bằng tiếng Anh, hay những hình ảnh cũ chồng – cha – anh mặc quân phục v.v... Ngay cả bị rút móng tay vì có sơn màu hồng, màu đỏ. Dĩ nhiên không ai biết thật hay giả, nhưng trong tâm trạng cá nằm trên thớt, đành lòng xóa bỏ dấu tích xưa. Cậu em út của tôi, mãi đến bây giờ đã có vợ con, vẫn còn tiếc những chiếc máy bay phản lực cơ, những chiếc hàng không mẫu hạm, được cậu ráp từ từng mảnh nhỏ bằng kim loại nhìn như thật, bị cô tôi vứt đi, vì sợ Việt Cộng xét nhà trông thấy hình cờ hoa của Mỹ trên đó. Những đồ chơi ráp hình này được mua từ cửa hàng PS dành riêng cho quân nhân Mỹ phục vụ tại Việt Nam.

Vào lúc ấy, những người được chính quyền Việt Cộng cho phép sang Mỹ theo diện đoàn tụ gia đình ODP, phải lên Thủ Đức để gặp phái đoàn Hoa Kỳ phỏng vấn. Thời gian này về phía Hoa Kỳ rất dễ dàng nhận người ra đi, trong khi chính quyền Việt Cộng rất khó khăn, đòi hỏi đủ mọi điều vô lý.

Đến năm 86 – 88 có thêm văn phòng nhận đơn xin xuất cảnh tại đường Alexandre De Rhode, lúc này có nhiều gia đình nộp đơn hơn, không chỉ từ Mỹ mà từ Pháp, Úc, Canada, sau cùng chuyển sang đường Pasteur khi chính quyền Việt Cộng chấp nhận thêm chương trình HO thay vì chỉ có ODP. Khi này phái đoàn Hoa Kỳ làm việc ngay tại đây, gặp các gia đình có đủ điều kiện tị nạn sang Hoa Kỳ - tù cải tạo ít nhất là ba năm, công nhân viên làm cho Hoa Kỳ trước 1975 và con lai.

Tình trạng "ai mạnh kiếm thêm thu nhập nấy" đã nẩy ra dịch vụ xuất cảnh, dịch vụ này là một trung tâm chính thức làm sổ thông hành cho người mong muốn được xuất cảnh – họ cũng phát xuất từ phòng quản lý xuất nhập cảnh của công an, nhưng có quyền nhận tiền hợp pháp, sau khi dân chúng phải xếp hàng chờ đợi rồng rắn từ phường lên quận lên thành phố. Một sổ thông hành tốn ba mươi ngàn đồng,

gia đình có sáu người phải bán đi hai chỉ vàng lúc ấy. Đến thời điểm ấy, chính quyền Việt Nam dễ dàng cho người đi, thì phía Hoa Kỳ lại phải xem xét hồ sơ một cách kỹ lưỡng vì phát giác ra có quá nhiều giấy tờ giả mạo.

Và gia đình tôi nhận được tờ giấy chứng nhận, từ Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan - Trường Võ Bị Quốc Gia - Đà Lạt tại San Jose gởi về.

Tờ giấy xác nhận rằng: Ông... là Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt – Khóa... Ra đơn vị... Cấp bậc cuối cùng trong quân ngũ là... có mộc đỏ, chữ ký của Hội Trưởng hội CSVSQ –TVBQGVN - Đà Lạt Bùi Đình Đạm. Tờ giấy xác nhận này khiến cuộc phỏng vấn trở thành dễ dàng.

Năm 1991, lần đầu dự tiệc tân niên cùng gia đình CS-VSQ/TVBQGVN Đà Lạt, lần đầu hát lại bài Quốc Ca Việt Nam, lần đầu được gặp người ký tờ giấy chứng nhận, đến nay đã 18 năm ròng rã. Bao lần Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm gọi đến nhà, từ một lá thơ của người góa phụ cùng khóa xin giúp đỡ, từ một buổi lễ cầu hồn cho vị Tổng Thống cuối cùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, đến những việc quan – hôn – tương – tế.

Không vì tuổi đời chồng chất ngăn Thiếu Tướng hoạt động cho nghĩa đồng môn, tình đồng bào, không giới hạn trong hội CSVSQ Võ Bị Đà Lạt, Thiếu Tướng hoạt động trong cộng đồng dân Chúa San Jose, ông là một con chiên ngoan đạo, nêu gương sáng cho mọi gia đình, bất kể ngày thường ngày cuối tuần, cộng đồng Việt Nam có việc gì đều có sự hiện diện của Ông.

Nhắc đến Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm là nhắc đến những lời thăm hỏi, động viên "Cô chú còn trẻ, ráng siêng năng hoạt động hết mình cho hội, cho Chúa." Chỉ vừa mới đây, Ông hiện diện trong ngày văn nghệ Cám Ơn Anh dưới cơn nắng cháy, chỉ vừa mới đây Ông tiễn biệt Cựu Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn, hôm nay Ông đã được Chúa Gọi Về.

Hình ảnh của Thiếu Tướng Bùi Đình Đạm, sẽ còn mãi trong lòng mọi người dân San Jose nói riêng, người Việt tị



Tác giả chia buồn cùng tang quyến tại nghĩa trang

nạn nói chung, hình ảnh của nụ cười hiền lành nhân ái, tiếng nói của đoàn kết yêu thương.

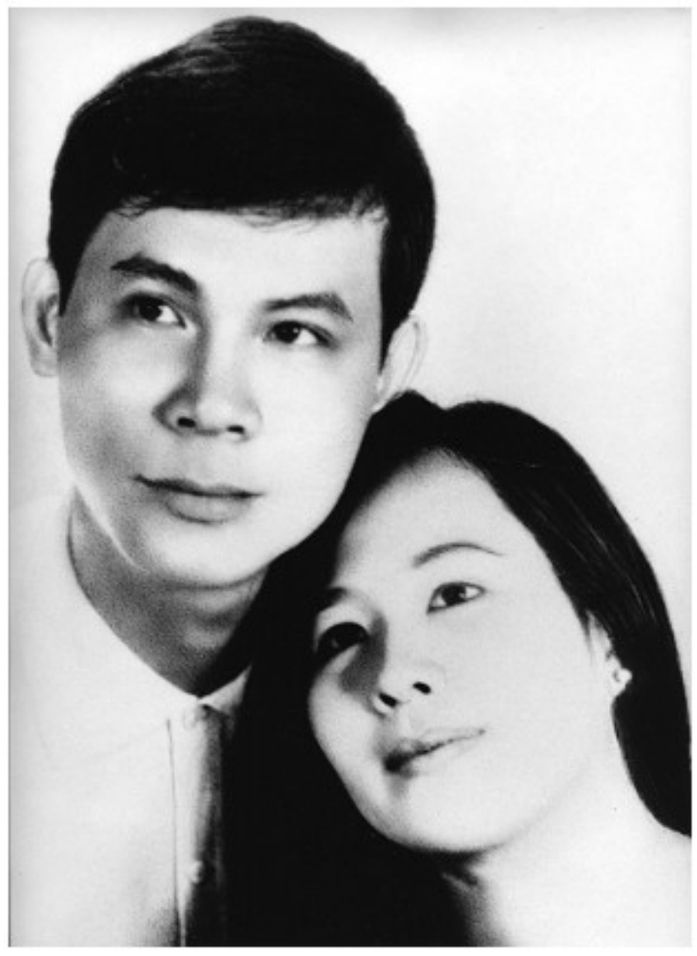
Bao người trẻ hơn Thiếu Tướng tự cho mình về hưu, không dính líu gì đến sinh hoạt cộng đồng, ngay cả đi ra ngoài tiếp xúc cùng đồng hương tị nạn, Thiếu Tướng vẫn có mặt khắp nơi, không nề hà khi được mời đến dự, ông luôn có mặt với tất cả tấm lòng, từ phút bắt đầu cho đến giờ kết thúc. Một ngày làm Tướng một đời ông là Tướng cho đến giờ chấm dứt.

Tấm gương Ông để lại cho gia đình và xã hội là một tấm gương sáng, không tì vết, nhìn dáng Ông đi, nghe giọng Ông nói, cử chỉ thanh nhã ân cần lòng nào không cảm mến. Ông dự những khóa học Thái Cực Quyền, để rèn luyện thân xác, Ông dự những ngày cấm phòng để rèn luyện tâm hồn, trên tất cả ông đã sống một đời sống Thánh Khiết chan hòa. Chúa đã cất Ông về trong giấc ngủ an lành, an lành như trọn đời ông đã sống. Ông để lại cho riêng tôi một lời nhắn nhủ: "Hăng say hoạt động rao truyền yêu thương, bác ái, không ngưng nghỉ."

Vĩnh biệt Thiếu Tướng, người Anh Cả nhân lành thánh khiết trong gia đình Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị Việt Nam. Thiếu Tướng đã được Gọi Về.

Ấu Tím 26/B

Phạm Văn Hoà và phu nhân
ngày mới ra trường năm 1963



Khơi Dòng Kỷ Niệm

Phạm Văn Hòa, K18
Để tưởng niệm người vợ thân yêu

Như vậy là em đã bỏ cha con anh đến nay gần tròn một tháng!

Mỗi lần đốt nhang trên bàn thờ, nhìn ảnh em lung linh trong khói, nhìn tàn nhang vươn vãi mà thấy lòng quặn thắt. Hình hài đó, nét mặt đó, ánh mắt, đôi môi, mái tóc... đó, tất cả đều trở thành tro bụi.

Những bức ảnh lúc còn bé khi em học trường Providence của mấy soeur ngây thơ, nụ cười hồn nhiên như đón nhận cả thiên đường trần gian vào lòng. Bức ảnh em làm phù dâu, với bó hoa trên tay, điệu hạnh, mơ mộng như nghĩ đến một tương lai hạnh phúc đang đón chờ. Người "Hoàng Tử" em đặt cả lòng tin yêu... may mắn thay, người đó là anh! Bức ảnh em ngã đầu vào vai anh lúc anh vừa ra trường Võ Bị là bức ảnh mình ăn ý nhất, vậy mà khi bỏ xứ ra đi mình không mang theo như mình đã bỏ quên cả quá khứ và những gì đẹp nhất của cuộc sống lại phần đất thân yêu. Sau này Cô Út ở VN gởi bức ảnh sang, hai đứa mình nhìn nhau và nhìn hình để so sánh cuộc sống phong sương đã thay đổi vóc dáng mình đến cỡ nào. Anh định treo bức ảnh

này ở phòng ngoài, em lại thích treo trong phòng ngủ vì em không muốn "phô trương". Anh chìu em. Nhưng nay anh mang ra phòng gia đình vì không còn ai cản ngăn anh nữa!

Bức ảnh mình đi họp Võ Bị tân niên cách nay mấy chục năm, anh mặc quân phục kaki vàng cầu vai alpha đỏ như nhắc nhở đến thời kỳ đang yêu mà anh đã viết bao nhiêu bức thư, bao nhiêu bài thơ ca tụng tình yêu hai đứa gởi về em từ miền Cao Nguyên Đà Lạt. Những bức ảnh đi Âu Châu. Những bức ảnh đường trường xa cả nhà cà rịch cà tang trên chiếc xe truck cũ kỹ có gắn camper top trên chuyến đi sang LA, vừa-đi-vừa-nấu-vừa-ăn, và lúc về ghé qua Grand Canyon sống mấy ngày với thiên nhiên hùng vĩ để cảm nhận được sự nhỏ bé của con người trước sự bao la của vũ trụ. Những bức ảnh chụp cả gia đình trên Skyline Drive đầu thu ở rặng Appalachan Mountains trên đường từ Harrisonburg, Virginia đi Washington D.C. trong những năm đầu tiên đến Hoa Kỳ. Những bức ảnh chụp ngày mình được nhà thờ cho chiếc xe Studerbaker, anh vội vã đưa em và các con vượt trăm dặm đường lên D.C. để coi đoàn xiệc Ringling Brothers Circus, điều mà anh mơ ước là các con được hưởng những thú vui không tìm được ở quê nhà. Bao nhiêu bức ảnh, bao nhiêu trăm ngàn lần nhiều hơn kỷ niệm dâng đầy! Đâu đâu anh cũng thấy dáng em. Đâu đâu anh cũng nghe tiếng nói em, giọng cười và ánh mắt em rạng rỡ. Ôi làm sao anh viết hết, kể hết, tóm lượt hết cuộc đời em trong những giây phút ngắn ngũi phù du này.

Hình ảnh em hao mòn bao nhiêu lúc bệnh hoạn, thì anh càng yêu thương em thêm bấy nhiêu! Chỉ vì em đã cho anh và các con tất cả những gì mà người vợ, người Mẹ, có thể cho và hy sinh mà không cần được trả. Tuổi đời đã làm tiêu hao tế bào trong em, đã biết đó là lẽ tự nhiên của trời đất nhưng chính sự hy sinh, cực khổ làm em sanh bệnh tật và héo hắt hơn. Nhất là những ngày tháng cuối đời, em như ngọn đèn leo lét. Đau lòng thay khi anh và con không làm gì hơn những gì mình có thể làm. Anh cầu xin Ơn Trên phò hộ em được lành bệnh, anh đã phát nguyện tự cạo đầu trước bàn thờ Phật. Khi trở vào bệnh viện anh đưa

đầu cho em rờ. Nhìn ánh mắt em ngạc nhiên, anh giải thích là chỉ muốn làm giống như em. Em không còn nói được thành lời, không còn diễn đạt được tư tưởng mạch lạc, nằm im bất động để cho con bệnh hoành hành gậm nhấm em cho đến giây phút cuối. Đau buồn hơn là em ra đi không một lời trăn trối, chỉ trừ giọt nước mắt anh chặm trên khóe mắt em trong giờ phút lâm chung đã nói lên cả niềm cay đắng cho một đời người.



Hình chụp gia đình tại Skyline Drive, Virginia, 1975

Khi sanh ra đời, cũng giọt nước mắt và tiếng khóc oe oe đầu tiên là niềm vui sướng, hân hoan cho cả gia đình. Giọt nước mắt long lanh, trong trắng chưa đượm ưu buồn. Còn nay, cũng giọt nước mắt, thầm lắng, len lén ươm ra từ khóe mắt khi từ giã cõi đời đã làm tan nát cõi lòng của anh, con, cháu và những người còn lại. Giọt nước mắt chứa đầy u uẫn, đau khổ của một đời người.

Từ nay em vĩnh viễn xa anh và các con, nhưng em vẫn luôn luôn ở trong lòng anh và các con từ khi ánh sáng đầu ngày, cho đến khi hoàng hôn tắt nắng; từ khi ngọn đèn nổi lên tiếp nối ánh thái dương cho đến khi hình hài anh gói gọn trong bóng đêm; từ miếng ăn cho đến giấc ngủ; từ những nơi mà em đã từng đi qua... Đâu đâu hình ảnh em cũng trải dài, ăn sâu vào thâm khảm chẳng những trong gia đình mà cả bạn bè thân sơ. Em đã để lại anh một gia tài kết sù không thể dùng đơn vị đo lường để đánh giá, đó là ba đứa con nhờ em mà khôn lớn nên người. Em đã để lại cho đời cái tánh ăn ngay nói thẳng, nhưng rộng lòng bao dung.

Ngày tang lễ, mấy người bạn thời thơ ấu đã kể lại mớ kỷ niệm với em, những thứ mà đến giờ phút chót anh mới

biết. Gặp mấy người bạn đồng hương nhắc lại những kỷ niệm với em mà anh chưa từng nghe. Thôi bà con, anh chị, hãy giữ mớ kỷ niệm riêng tư kia như chút quà lưu niệm mà em để lại cho từng người trên trần thế. Cũng như với anh, mình thường hay dùng tiếng lóng để chỉ những gì khó nhớ mau quên vì tuổi đời chồng chất, như khi nói "Con Tao, Con Tao" là mình hiểu ngay đó là tên bóng rổ Allen Iverson, hay khi nói "Con Xí Xọn" thì mình hiểu ngay là ai rồi và vân vân, mỗi thứ mang một giai thoại hoặc anh, hoặc em đặt ra... Chỉ có Trời mới hiểu ngoài hai đứa mình thôi. Các tiếng lóng này rồi sẽ mai một như em, như anh một ngày nào đây!

Ngày tang lễ, anh và các con ráng lo chu tất, nhưng tất cả những gì anh và con tiễn em lần chót cũng không đáng gì so với sự hy sinh to lớn, so với "Lòng mẹ bao la như biển Thái bình..." mà em đã ban cho các con. Bà con đồng hương, anh em đồng môn, đồng khóa của anh, bà con xa gần mỗi người góp một bàn tay để tiễn em lần cuối. Tang lễ được diễn ra trong bầu không khí yêu thương để đưa em về căn nhà năm xưa sau 67 năm trời xa cách, là nhờ công mỗi người góp một bàn tay. Buổi tang lễ của em như dấu chấm hết của một thiên trường ca được viết bằng cả đời người, và rồi cuộc đời em để lại là mớ tro chứa không đầy lọ đựng hài cốt, là một mớ hình ảnh được gói gọn trong hai cuốn album lưu niệm cho anh, cho con, cho bè bạn để nhìn khi buồn nhớ!

Ôi! Cuộc đời sao lại giản dị có vậy thôi ư!
Ngắn hơn cả tiếng thở dài!
Anh đã nói đến tiễn biệt,
Anh đã nghĩ đến tống biệt,
Anh đã biết là có ngày mình phải chia tay,
Ai đi trước, ai đi sau?

Giờ này anh mới biết và nay anh vẫn chưa cảm nhận được hết nỗi đau thấm thía đang gặm nhấm lòng mình. "Đau khổ" không do kinh nghiệm, không học được trong sách, không đo lường bằng đơn vị, không đánh giá được bằng biểu đồ, không so sánh được từ người này với người khác mà, "Đau

Khổ" phát xuất từ con tim, từ khối óc tích lũy bao nhiêu kỷ niệm với nét đặc thù, là dấu ấn riêng cho từng người không diễn được thành lời, không viết được thành văn, không kết lại thành thơ... và không có mẫu tự nào có thể ghép nối để diễn tả hết được.

"Đau Khổ" chua hơn chanh, đắng hơn thuốc và cay hơn ớt!

Người ta bảo thời gian là phương thuốc nhiệm mầu để chữa trị. Nhưng anh không CARE! Có khi anh không muốn được chữa lành vì không muốn quên em. Nhưng Thượng Đế đã sanh TA ra làm người, cho TA những buồn vui thương ghét, thì TA hãy để Ngài chữa trị giùm. Cũng như anh đã làm những điều gì có thể làm để cứu chữa cho em, nhưng cũng đành bó tay thôi.

Con người là sinh vật yếu đuối nhất trong vũ trụ mà Pascal cho là "Cây sậy có tư tưởng". Chúng ta không sống lâu như cây cổ thụ trăm năm, thua cả con cua, con tôm dưới đáy biển. Chúng ta chậm lụt, sức chống trả yếu đuối hơn cả con kiến; ngũ giác quan thua cả con chó con mèo; bệnh tật hơn bất cứ loài vật nào trên thế gian... Vậy mà TA vẫn muốn sống, TA vẫn muốn được làm người. Mọi chuyện của CON NGƯỜI đã được xếp đặt an bài, có lớp lang, cho em, cho anh, cho mọi người từ khi tiếng khóc chào đời cho đến khi nhắm mắt xuôi tay, thì hóa ra chúng ta chỉ là những diễn viên thủ diễn vai trò CON NGƯỜI theo như bài bản đã được viết sẵn!

Mấy đứa con ráng đúc kết cuộc đời CON NGƯỜI của Mẹ chúng trong 12 phút slide show ngắn ngũi để tưởng niệm người Mẹ thân yêu được trình chiếu trong mấy ngày tang lễ. Đứa con lồng vào đó hai bài nhạc đệm "Mẹ Tôi" và "Bông Hồng Cài Áo" là hai bài Mẹ chúng thích nhất. Anh đã hát cho em nghe không biết bao nhiêu lần từ nhà riêng đến hội trường, đến những ngày đêm đường trường dong ruỗi. Anh đã hát cho em nghe từ khi còn sống ở quê Mẹ Việt Nam, đến khi lưu lạc đói khát tại trại tỵ nạn ở Mã Lai, cho đến Hoa Kỳ vùng đất hứa. Lời ca không thay đổi, người hát không thay đổi, nhưng mỗi lần cất tiếng hát như

mang sắc thái, tâm trạng buồn vui khác nhau... cho đến mấy ngày tang lễ này khi hai bài hát được lồng trong slide show được trình chiếu, thì y như là Khúc Kinh Cầu để tiển biệt em về cõi Vĩnh Hằng.

Đám tang em có đủ mặt bà con xa gần, bằng hữu cũ mới, đồng hương nơi em và anh đã chào đời đến tiễn đưa em lần cuối. Bông hoa muôn màu, muôn sắc từ Úc, Canada, Europe, Việt Nam và nhiều nơi ở Hoa Kỳ gởi về vá đầy ba bên vách nhà quàn, tạo thành tấm thảm muôn hồng nghìn tía để đưa em "Trở Về Mái Nhà Xưa". Khi sanh tiền em hay "kê" anh là quá ư "Nhà binh", lúc nào cũng trồng hoa từng loại, từng màu, đồng nhất như khoác bộ đồng phục cho khu vườn, sân trước, sân sau, thiếu hẳn tươi mát linh động. Anh chìu em, trồng hoa theo ý em muốn, và từ đó khu vườn nhà chúng ta là tấm thảm gồm muôn hoa kết hợp, mình thấy lòng vui hơn, cuộc sống thấy điệu đàng hơn, và cảnh sắc nhân tình hình như cũng hoà hợp thắm thiết hơn.

Giờ đây, không còn ai trách móc, châm biếm, giận hờn, chia sẻ buồn vui cùng anh, anh thèm tất cả những thứ đó. Có hôm anh mua được món hàng tốt, giá rẻ, như thay bốn cái lốp xe mới, anh muốn khoe với em, nhưng em đâu còn nữa. Anh thấy nghẹn ngào! Cả những thú vui buồn nhỏ nhoi này, từ nay anh không được chia sẻ cùng em. Anh không được nhìn thấy ánh mắt em như sợ hãi nhìn anh khi em vì quá bệnh không kiểm soát được các công việc căn bản của con người. Anh nhớ hoài ánh mắt đó, em có biết không? Tại sao em phải sợ, anh đã hứa là lo cho em làm tất cả những gì để em được thoải mái trong suốt cuộc đời còn lại của em. Vậy mà em cũng bỏ anh mà đi. Giờ này, viết những dòng chữ ghi lại cuộc đời chúng ta, ghi lại những ngày tháng cuối trị liệu cho em, anh vẫn còn cảm thấy như có điều gì chưa trọn. Cuộc sống chúng ta đến giờ này vẫn còn những điều em mơ ước vẫn chưa thành. Anh cảm thấy như bất xứng, đau lòng khi phải lấy tên em ra khỏi những giấy tờ mà mình đứng tên chung. Nhưng xã hội là như vậy, anh còn bị ràng buộc vào các luật đời phải thi hành.

Còn em, làm sao được bây giờ khi số phận đã an bài!

Thôi thì, em hãy nhẹ bước hồng trần, những đóa hoa kia sẽ kết thành mống cầu ngũ sắc, sẽ dệt thành tấm thảm làm bước chân em thêm nhẹ nhàng êm ái.

Năm nay, trưa hè oi ả hơn mấy năm trước. Đang ngồi nhớ em mỗi sáng, nhìn ra vườn sau nhà như mình vẫn thường ngồi mỗi sáng khi em còn sanh tiền, bỗng dưng con chim Cardinal trống bay đến đậu trên cành cây bên cửa sổ. Con chim Cardinal mái đâu không thấy! Phải chăng anh là con chim cô đơn kia! Anh liên tưởng đến bài thơ được viết cách nay không lâu, khi chúng mình ngắm đôi chim Cardinal sau nhà:

"Con Trống màu đỏ tươi, uy nghi, như chàng trai Võ Bị
Con Mái mỏ vàng tươi, e ấp, như cô em gái tuổi xuân thì"
và
"Ngoài vườn sau đôi chim trời, vẫn tung tăng bay lượn
Trong này hai con tim, ngập ngừng đếm thời gian trôi"
để rồi:
"Ngày lại ngày
Ta thẩn thờ
Nhớ đôi chim
Nhìn khung trời bao la
Tiếc nuối tuổi thơ
Buồn, nỗi buồn dân Việt
Còn đôi chim Cardinal
Chúng không bao giờ trở lại,
Ta vẫn còn chờ mỗi sáng mai!"



(Đôi chim Cardinal vườn sau, tháng 2/2008)

Âu! Phải chăng đây là câu than thân mình, vì hôm nay chỉ còn một con Cardinal trống trở lại đây thôi!!!!

Bạn bè, khuyên anh nên ra ngoài để vơi đi nỗi buồn. Nhưng mỗi bước anh đi, mỗi hình ảnh anh bắt gặp, đều mang theo niềm nhung nhớ, như hình ảnh hai vợ chồng già người chồng đẩy xe lăn đưa vợ đi ăn. Anh chỉ mong có vậy mà không được! Anh muốn được như cặp vợ chồng trẻ

kia vừa rời convenient store trên tay xách hai bịch nước đá trong buổi trưa hè oi ả. Vì anh đoán họ sẽ đi picnic đâu đó! Mà chỉ năm ngoái đây thôi, mình có một buổi picnic với bà con đồng hương thật vui. Em và mấy bà xúm lại chế nhạo khi thấy anh xách chổi đi dọn dẹp. Thế mà, nay cũng lại là giấc mơ.

Em có đó rồi vụt mất như không! Như ngôi sao băng hà mới lấp lánh trên bầu trời rồi biến mất khỏi vũ trụ. Giờ đây, anh đâm nghi ngờ cả những điều trông thấy, những vật thể sờ mó được vì không còn biết thực hư, chưa biết còn mất lúc nào. Cái ranh giới giữa chân giả mơ hồ như mộng mị. Anh vẫn nghĩ đến cái nguyên ủy của một thực thể hiện hữu. Từ đâu đến và sẽ đi về đâu. Cuộc đời con người phải chăng như tinh thể nước của giọt nước mắt khi mới chào đời, và lúc từ giã cõi đời. Được chuyển thể từ lỏng, sang thể rắn, sang thể hơi, không theo thứ tự nào, hoà hợp cùng vũ trụ trong một vòng tròn quỹ đạo để rồi trở về đích điểm tái sinh như Thuyết Luân Hồi của nhà Phật?!

Dạo này cứ khoảng bốn năm giờ sáng là thức giấc, lục đục trong bếp như trước đây anh vẫn thường nghe tiếng em khua động lúc ban mai, vì em có thói quen thức sớm, còn anh có tật ngủ trưa. Anh vẫn pha ly cà phê sữa đầu ngày chia hai, một nửa thêm đá cho em, còn nửa kia anh nhâm nhi cả ngày chưa hết. Anh ăn uống có vẻ ít hơn nhưng cho dù món ngon hay dở, anh vẫn để phần cho em như mình đã từng chia sẻ ngọt bùi suốt bốn, năm chục năm qua. Trưa thì em cũng có nước mát để uống, khi bên ngoài nóng nực, oi bức. Cứ mỗi lần cúng Thất em về thì đồ chay đầy nhóc tủ lạnh, vì mấy chị bạn, togo tất cả đồ cúng còn lại để anh và con mang về ăn lần vì không ai nấu nướng. Chiều chiều thì các anh chị khác lại mang nào dưa mấm, nào dưa chua...để anh ăn dần. Anh cảm thấy cay cay nơi khóe mắt khi nhận những sự ưu ái, lo lắng này của bà con, anh em đồng khóa. Từ nay anh như con gà trống cô đơn, không còn ham khoe tiếng gáy, vì không còn ai nghe. Dù có tìm được con trùng non, cũng đành nuốt vội một mình vì không có ai san sẻ.

Thật không dè cuộc sống của anh thay đổi nhanh như

vậy kể từ khi mất em. Anh không nghĩ tới, hay anh không dám nghĩ tới. Anh chấp nhận, mong thời gian giúp anh khuây khỏa.

Viết đến đây, cũng quá khuya, nghe tiếng động ngoài phòng của thằng Út. Anh bảo:



Phạm Văn Hòa & phu nhân tại tiệc tất niên HVB/Houston

- Chừng nào con đi ngủ, nhớ nhắc Ba nghe!

- Sao vậy Ba?

- Ừ, nếu con không nhắc, Ba sợ cứ ngồi viết lách rồi quên ngủ đó thôi.

- Thì Ba ngủ đi, con cũng đi ngủ đây, khuya rồi, mai còn phải đi làm.

Anh nghe lời con, vào giường cố dỗ giấc ngủ muộn. Thu mình dưới chiếc chăn cô đơn, bên tai văng vẳng câu *"Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật"* trầm bỗng, phát ra từ chiếc máy tụng kinh trên bàn thờ em nghe rõ mồn một trong đêm khuya thanh vắng.

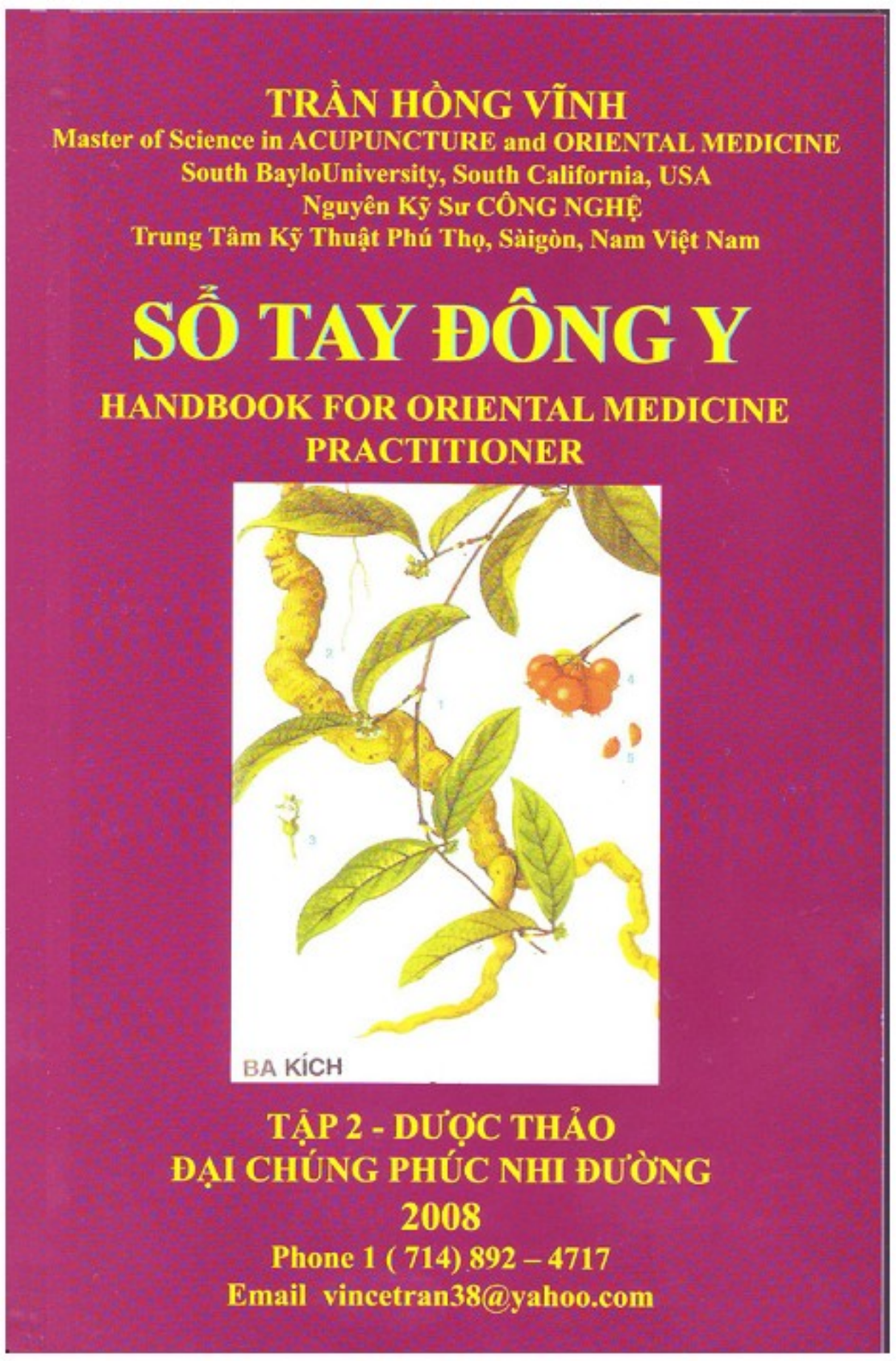
Houston, ngày 14 tháng 7, 2009
Thường Vụ Phạm văn Hòa, K18



Gia đình CSVSQ Phạm Văn Hòa K18 tại tang lễ của vợ

■ *Giới thiệu sách*

SỔ TAY ĐÔNG Y



Toà soạn Đa Hiệu vừa nhận được một bộ sách quý, Sổ Tay Đông Y, của tác giả Trần Hồng Vĩnh, Master of Science in ACUPUNCTURE and ORIENTAL MEDICINE South Baylor University, nguyên Kỹ sư Công Nghệ và cũng là CSVSQ/TVBQGVN khóa 16. Sách được in 2 lần:

1. Bộ in tại Mỹ gồm 4 tập bìa mỏng: Lý Thuyết Đông Y, Dược Thảo, Châm Cứu và Phụ Lục, Khí Công. Tổng cộng dầy gần 1200 trang. Ấn phí $53USD, riêng với các CSVSQ/TVBQGVN chỉ tính $30USD.

2. Bộ in tại Việt Nam, bìa cứng, gáy khâu chỉ, gồm 3 tập: Lý thuyết Đông Y, Dược Thảo, Châm Cứu và Phụ Lục, dầy 1000 trang. Ấn phí $60USD, với các CSVSQ/TVBQGVN chỉ tính $30USD.

Để order hay để biết thêm chi tiết xin liên lạc tác giả qua:

Phone: 1(714) 892 4717 hay qua

Email: vincetran38@yahoo.com

Toà soạn xin chân thành cảm ơn tác giả Trần Hồng Vĩnh K16 và xin hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc.

BBT/ĐH

(tiếp theo trang 122: Mặt Trận Thượng Đức)
dàn 3 trung đội tấn công 1062 từ chính Nam. Hai bên quần thảo gần 6 tiếng đồng hồ, cuối cùng ĐĐ11 chiếm được đỉnh 1062. Nhưng chưa đầy 10 phút, địch đã từ D1 và D2 đồng loạt khai hỏa bằng đủ loại vũ khí phủ trùm 1062. May nhờ hệ thống giao thông hào của địch để lại nên cũng giảm bớt phần nào tổn thất. Thượng liên Cộng quân bắn liên hồi từ nhiều vị trí, và sợ nhất là 61 ly của địch. Ngay đợt pháo đầu Th/Úy Huệ đã bị thương! Đỉnh 1062 trước đó đã bị phi pháo quần nát từ rậm rạp nay chỉ còn lại một đồi trọc với đất cát vàng cày xới tung tóe. ĐĐ11 không chịu nổi phải rút về triền núi phía Nam, Huệ kéo xuống được còn xác Quang bị cháy thành than như đã nói ở phần trên!

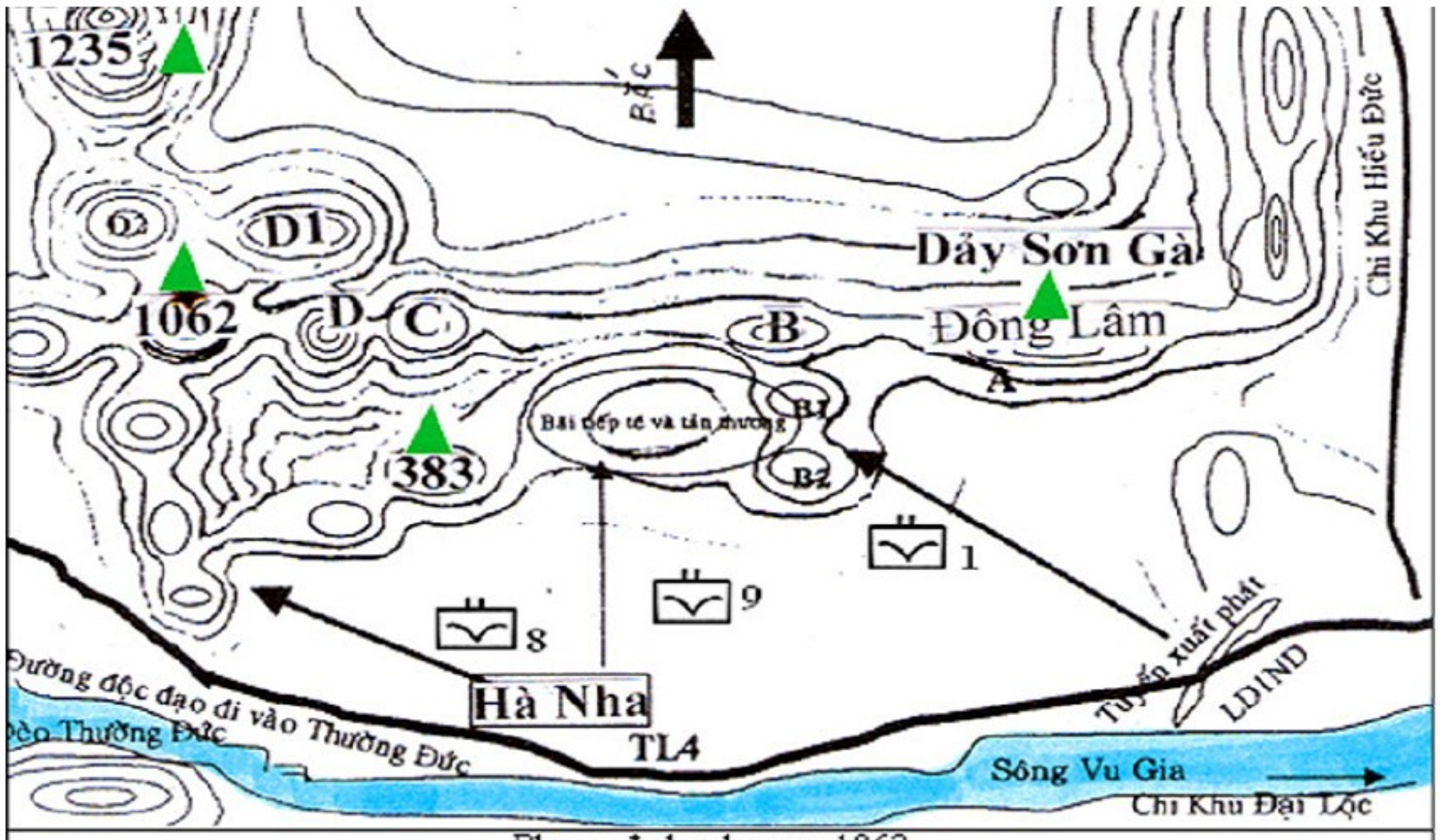
Tổn thất ĐĐ11:

Th/Úy Quang và 15 binh sĩ hy sinh. 37 bị thương trong đó có Th/Úy Huệ và Th/Úy Quách An (k26 ĐL). Trong khi đó bên ĐĐ14 cũng cố gắng xuyên thủng chốt địch trong hốc đá ở yên ngựa để lên 1062 bắt tay với ĐĐ11, nhưng mọi dự tính không thành. Tr/Úy Vệ bị thương, Tr/Úy Bằng, ĐĐP/ ĐĐ11 qua thay, hai ngày sau cũng bị tử thương vì lựu đạn địch!! Eo yên ngựa giống như một khúc xương kẹt ngay cổ họng, thật khó nuốt vô cùng!!! Riêng ĐĐ12 của Tr/Úy Thọ (K25 ĐL) và ĐĐ15 của Đ/Úy Lộc (K23 ĐL) đi với Th/ Tá TĐT Ngô Tùng Châu vẫn lục soát và làm thành phần trừ bị ở Đông Lâm. Tr/Úy Thọ bị thương vì cố xung phong chiếm đỉnh D2 để bảo vệ sườn phải cho nỗ lực chính, Tr/ Úy Khánh (truyền tin) ra thay cũng bị tử thương. Vài hôm sau, TĐ8 của Th/Tá Vân vào thay; TĐ1ND rút về Hà Nha dưỡng quân và bổ sung quân số.

Bước tiến quân của TĐ1ND trong giai đoạn đầu đến sát chân đồi 1062, bảo vệ sườn phải cho TĐ9ND. Sau đó Th/ Tá Phú "Đen" đến thay thế làm TĐ phó, Th/Tá Quý về đơn vị cũ làm TĐ Phó TĐ7ND.

PHẦN HOẠT ĐỘNG CỦA TĐ8ND

TĐ8ND từ Quảng Trị về nghỉ dưỡng quân và tái trang bị được 2 tuần thì có lệnh đi hành quân trở lại, vùng hành quân là Thường Đức. Đúng 6 giờ sáng, tại trại Trần Quy Mại, đơn vị được trang bị đầy đủ cấp số đạn dược, quân



Phong đo hanh quan 1062

trang, quân dụng, lương thực... lên xe GMC ra phi trường Tân Sơn Nhất. Năm chiếc C130 chở quân đáp xuống phi trường Đà Nẵng độ 12 giờ trưa, và đoàn vận tải GMC chở họ đến quận Đại Lộc.

Trong khi binh sĩ lo nghỉ ngơi, nấu nướng, thì các sĩ quan từ ĐĐ trưởng trở lên vào họp khẩn cấp về cuộc hành quân giải tỏa quận Thường Đức. Sau khi mọi người đứng dậy chào vị chủ tọa là Tướng Lê Quang Lưỡng, các sĩ quan P2, P3, P4 thuyết trình chi tiết về cuộc hành quân. Tướng Tư Lệnh SĐND trực tiếp ra lệnh các đơn vị:

- Anh em phải chiếm các cao điểm và đánh bật địch ra khỏi khu vực nầy; muốn như vậy các anh phải đánh địch từ đàng sau lưng, hoặc bọc ngang hông để cắt đứt đường tiếp tế và viện binh.

Ông vừa nói vừa chỉ lên bản đồ hành quân và tấm bảng đen chỉ rõ rành mạch. Đây là lần đầu tiên các sĩ quan cấp nhỏ được nghe lệnh trực tiếp từ vị tư lệnh, mọi người đều hiểu rằng cuộc hành quân nầy thật quan trọng và đầy cam go.

Sau thời gian họp khoảng 45 phút, các chiến sĩ TĐ8 tiếp tục lên xe chạy tới điểm xuất phát cách làng Hà Nha độ 1 cây số về hướng Đông.

Lúc đó vào khoảng 5g30 chiều cùng ngày, ĐĐ83 của Đ/Úy Phạm Văn Hiệu, K23ĐL, được lệnh đánh chiếm Hà Nha; ĐĐ84 của Đ/Úy Đồng Văn Minh, K26TĐ, đi cánh

phải chiếm ngọn đồi nhỏ ở phía Bắc Hà Nha.

Hiệu cho lệnh Trung Đội 1 của Th/Úy Tiến (tự Tiến Trâu) dẫn đầu, cho tổ khinh binh dọc theo bờ sông di chuyển theo đội hình chân vẹt yểm trợ cho nhau tiến vào làng. Trung Đội 2 của Th/Úy Nguyễn Văn Thành (con trai BS trong BVCH) đi cánh phải kẹp theo tỉnh lộ 4 tới dàn quân tại gò mả, sẵn sàng yểm trợ Trung Đội 1. Trung Đội 3 của Th/Úy Lê Mậu Sức và Trung Đội 4 của Ch/Úy Thạch Huôn làm thành phần trừ bị. Lúc mới xuống xe, Hiệu gặp một TĐ thuộc SĐ3BB vừa từ Thường Đức đi ra, trong đó có một ĐĐ trưởng là Tr/Úy Nguyễn Văn Nghĩa, K25ĐL. Hai bạn cùng trường mẹ gặp nhau mừng mừng lo lo, Nghĩa bảo Hiệu:

- Niên Trưởng phải cẩn thận, địch đông lắm, chúng đang bám sát tụi tôi, chúc "Chiến thắng"!

Trước khi vào mục tiêu, Hiệu nghe máy gọi:

- Đa Hiệu đây 808 (danh hiệu của Th/Tá TĐT Nguyễn Quan Vân), trả lời!

- Đa Hiệu (danh hiệu truyền tin của Đ/úy Phạm Văn Hiệu) tôi nghe đích thân.

- Lệnh trên bảo anh phải thanh toán mục tiêu ngay bây giờ, anh là "Cử nhân binh bị" (Võ Bị 4 năm tương đương bằng cử nhân) không thể chậm trễ đừng làm mất mặt nghe!

Khi Trung Đội 1 vào gần tới bờ làng thì địch đồng loạt khai hỏa; các chiến sĩ Dù bắn trả mãnh liệt. Trung Đội 2 vừa bắn vừa hô xung phong vang rền làm địch hoảng hốt bỏ chạy. Nhờ đó tổ khinh binh của Tiến nhảy vào chiếm được bờ làng, Hiệu bảo Thành ngưng tác xạ để Tiến dẫn toàn bộ trung đội vào mục tiêu và bung rộng về phía Tây bờ làng. Sau 40 phút giao tranh, ĐĐ83 hoàn toàn làm chủ làng Hà Nha. Hiệu cho bố trí và làm hầm hố phòng địch phản công. Kết quả tịch thu vài súng cá nhân vì quân số địch cỡ một trung đội, Cộng quân chỉ chống trả yếu vì thấy các chiến sĩ Dù đánh giặc hăng hái và bị nhiều mặt tấn công. Địch tức giận thua trận nên dùng đại bác không giật từ các cao điểm bên kia bờ sông bắn trực xạ vào làng Hà Nha. Xạ trường quan sát của địch thật là chính xác, một xe GMC của SĐ3BB chạy lộn chiều, ngang qua ĐĐ83, lập tức

bị bắn cháy, tài xế may mắn chạy khỏi vô sự!

Trong khi binh sĩ ĐĐ83 đào hầm hố, gài mìn claymore, mìn chiếu sáng, đặt lính gác giặc, Hiệu điều chỉnh hỏa tập cận phòng với sĩ quan tiền sát, anh cận vệ dọn cơm cho Hiệu ăn ở cái bàn nhỏ trước một ngôi nhà tranh. Hiệu thấy trời sáng trăng, sợ địch ở đỉnh cao bên kia sông trông thấy, nên bảo dọn vào nhà. Vừa ăn được nửa chén cơm thì nghe "đùng" một tiếng, cái bàn gỗ trước nhà bị nguyên một trái SKZ 57 ly (lấy của SĐ3BB) không giật. Hiệu giật mình! Nếu sớm chừng 5 phút thì nguyên tổ chỉ huy của ĐĐ83 đã bị tan tành! Sau đó, địch khai hỏa tứ phía, sơn pháo trực xạ từ các đỉnh núi bên kia sông, hỏa tiễn 122 ly, đại bác 130 ly liên tục pháo kích vào làng Hà Nha. Dứt tiếng pháo thì cả TĐ địch đồng loạt tấn công biển người vào ĐĐ 83.

Nhờ có hố chiến đấu vững chắc, các chiến sĩ Dù đã bắn trả mãnh liệt. Hiệu cho súng cối 60 ly bắn yểm trợ sơ khởi, sĩ quan tiền sát gọi bắn các hỏa tập cận phòng. Th/Úy Tiến và Thành ra lệnh bấm mìn claymore, hàng loạt địch ngã gục, súng đại liên M60 và AR15 bắn tới tấp. Hết lớp nầy tới lớp khác, địch cứ nhào tới định lấy thịt đè người tràn ngập mục tiêu làng Hà Nha. Tiến và Thành thật can đảm, 2 anh ra ngay tuyến ngoài đốc thúc binh sĩ chống cự. Nhưng những loạt đạn vô tình đã kết liễu đời 2 người hùng của ĐĐ83.

Hiệu điều động Trung Đội 3 của Th/Úy Lê Mậu Sức qua trám lỗ hổng, nhưng Sức cũng bị thương nặng (phải di tản). Chỉ còn Ch/Úy Thạch Huôn và Đ/Úy Hiệu đốc thúc các chiến sĩ Dù cố thủ. Cầm cự đến trời sáng thì địch rút lui để lại rất nhiều vũ khí, xác chết và một số ít tù binh.

Cũng nên nhắc lại rằng làng Hà Nha 1 và 2 là những làng rất nghèo nàn, có khoảng 20 căn nhà (nói là nhà nhưng thật ra đó chỉ là những túp lều tranh nhỏ bé), địa thế trống trải, nên xạ trường quan sát của địch rất tốt, Cộng quân bắn trực xạ bằng đại bác thật chính xác. Chính sĩ quan và một số binh sĩ ta đã bị tổn thất vì loại súng trực xạ nầy! Ở làng Hà Nha khoảng 4 ngày, ĐĐ83 được bổ sung hai sĩ quan và một số binh sĩ mới (trong đó có Th/Úy Tiến, HS Hải, và BI Châu Văn Lê hiện đang ở gần nhà Tác giả) để chuẩn bị làm nỗ

lực chính tấn chiếm đỉnh 1062 sắp kể sau đây:

Theo kế hoạch, TĐ8ND được điều động lên thay thế TĐ1ND để tiếp tục đánh chiếm 1062. Đ/Úy Hùng vừa đi học khóa ĐĐ trưởng ra tăng cường hành quân. Hùng xuất thân từ gốc Thiếu Sinh Quân, anh rất gan dạ đã sát cánh cùng các Đ/Úy Minh, Hiệu, và Tr/Úy Nam từng lập nhiều chiến tích ở các cuộc hành quân Hạ Lào, Campuchia, và An Lộc.

Th/Tá TĐT Nguyễn Quang Vân, K13Thủ Đức, cho ĐĐ 84 của Minh và 83 của Hiệu làm 2 mũi dùi tấn công sườn phải phía Đông 1062. Chờ phi pháo dập nát đỉnh đồi, rồi trời vừa chợp sáng Th/Tá Vân dẫn ĐĐ 81 của Võ Thế Hùng và 82, xuất phát từ chân đèo Thường Đức leo lên dọc theo đường đỉnh về hướng Bắc, mục tiêu là đồi 1062.

Các chiến sĩ TĐ8ND leo dốc đứng (độ nghiêng 70 độ!) đồng loạt tiến về mục tiêu là đỉnh đồi 1062. Đứng trên 1062, ta thấy có 5 đỉnh nhỏ nằm gần nhau, làm thành hình tròn theo thế liên hoàn; mặt hướng về TL4 thì dốc thẳng đứng, rất khó leo. Cộng quân Thượng dùng giàn thung ném một lần hàng chục quả lựu đạn xuống mỗi khi quân ta tấn công vào mặt nầy; còn các hướng khác thì có 4 đỉnh nhỏ che chở nên 1062 quả là một địa thế dễ thủ khó công! Từ TL4 muốn leo lên 1062 phải qua những đỉnh nhỏ 126, 383,...xuyên qua những yên ngựa chập chùng như sóng gợn!

Hai ĐĐ 83 và 84 do Th/Tá Trần Toán, K18ĐL, chỉ huy, đi băng qua khu vực TĐ9ND tới mục tiêu C của TĐ1ND, bọc vòng lên đỉnh cao bên dãy Sơn Gà để từ mục tiêu C băng qua yên ngựa đánh lên 1062.

ĐĐ 81 của Đ/Úy Võ Thế Hùng và 82 của Tr/Úy Đỗ Viết Hùng lợi dụng đêm tối lén bò lên đánh vào sườn dốc đứng (vì mặt nầy địch chỉ phòng thủ hời hợt chúng cho là ta không thể nào dám vào hướng nầy, vì sẽ làm mồi cho lựu đạn).

Ba giờ khuya xuất phát tấn công, sau khi cho phi pháo dập nát đỉnh đồi, Hiệu, Minh, và Hùng dẫn đầu các cánh quân trèo lên 1062, ĐĐ82 của Tr/Úy Hùng "Ốm"(thế Tr/Úy Nam về LĐ1) làm thành phần trừ bị. Đoạn đường gai gốc hiểm trở. Những chiến sĩ Dù dùng kế dương Đông kích Tây; lợi dụng địch đang đang phân Tán phòng thủ và bị

phi pháo dập liên tục, Hùng, Minh, và Hiệu chia từng tổ 3 người bò lên đỉnh núi, diệt từng chốt nhỏ, rồi leo lên. Đây là những giây phút đùa với tử thần, mà cái chết đến với họ bất cứ lúc nào. Nếu một trái lựu đạn của địch thả trúng, hay bị trượt chân xuống, họ có thể chết tan xác! Trèo lên vách đá dựng đứng, cao hàng trăm thước, trước khi tới miệng hầm, họ dùng lựu đạn tiêu diệt các chốt địch.

Những người chiến sĩ ND gan dạ, anh hùng của các ĐĐ 81, 83, và 84 nầy đã phải tránh được từ 5 đến hàng chục quả lựu đạn do địch từ trên cao ném xuống. Muốn sống, muốn chiếm được đồi 1062, họ phải vừa quan sát, vừa trèo, và vừa tránh né, làm sao để những trái lựu đạn đừng nổ trên nón sắt hay nổ ở lưng chừng núi.

Không phải ai cũng được bình an lên tới đỉnh núi: Một quả lựu đạn đã rơi trúng nơi trú ẩn của Th/Úy Đoàn Tấn và Ch/Úy Đến thuộc ĐĐ81 khiến hai anh bị thương vong. Lúc quả lựu đạn vừa rơi tới, Th/Úy Tấn định nhào lại lấy thân mình che cho đồng đội, nhưng không kịp nữa! Quả lựu đạn đã tung nổ, khiến hai người bị trúng nhiều mảnh vào chỗ hiểm! Riêng Tr/Úy Thạch và Th/Úy Hà mai Trường, k26ĐL, thuộc ĐĐ 84 của Minh, vì quá hăng hái nên cũng bị thương.

Th/Úy Nguyễn Văn Tiến (từ ĐĐ84 chuyển qua bổ sung cho Tiến "Trâu" và Thành vừa hy sinh ở Hà Nha) dẫn Trung Đội 3 của Hiệu đi bọc phía sau định leo lên mục tiêu D. Bỗng nghe bịt, bịt, bịt, ba trái lựu đạn từ trên đỉnh 1062 ném xuống mà tịt ngòi không nổ. Nhưng quả thứ tư trúng ngay Tiến, làm thân hình anh bị tung lên như quả bóng! May nhờ áo giáp nên chỉ bị thương nặng và được binh sĩ kéo về phía sau và di tản!

"Cái giá" để chiếm được đồi 1062 thực sự là một cái giá rất cao, cao nhất của chiến trận mà các chiến sĩ Dù đã gặp phải từ trước tới nay! (5 TĐ Dù bị tổn thất nặng, thảm nhất là TĐ 3 của Tr/Tá Đồng, quân số hao hụt gần 50%!).

Để biết rõ chi tiết trận chiến, chúng ta hãy theo một đơn vị cấp ĐĐ (ĐĐ83) làm cách nào để đánh chiếm đồi 1062:

Hiệu dẫn ĐĐ xuyên qua TĐ9ND, tiến về mục tiêu C thay thế ĐĐ11 của Đ/Úy Trần Văn Thể. Thể bảo Hiệu: "SĐ

Điện Biên 304 đó", phải cẩn thận vì địch có lợi thế cao và hầm hố kiên cố. Trên trục tiến quân có rất nhiều chướng ngại vật, cây cối um tùm, và địch đã gài nhiều mìn bẫy. Cộng quân dùng giàn ná phóng mỗi lần hàng chục quả lựu đạn xuống thật nguy hiểm vô cùng! Địch cũng bắn trực xạ bằng đại bác hoặc sơn pháo, vì thế các ĐĐ81 (cánh trái), ĐĐ84 (cánh phải), cùng ĐĐ83 đã thử đột kích đêm nhưng không kết quả!

Địch chỉ ngồi trên cao đạp những tản đá và liệng lựu đạn chày xuống làm những chốt đóng gần bị thương hằng ngày. Quân số các ĐĐ cứ hao hụt dần. TĐT Nguyễn Q. Vân Thượng gọi máy đốc thúc nhưng vì địa thế quá hiểm trở nên các ĐĐ cứ dậm chân tại chỗ!

Ngày N+4 (sau 4 ngày thay TĐ1ND), Vì không thể theo đường đỉnh yên ngựa tấn công, nên lợi dụng ban ngày địch không chú ý, Đ/Úy Hiệu dẫn quân tiến theo đường thông thủy giữa 2 đỉnh 1062 và đồi Không Tên ở phía Nam 1062 (xin xem bản đồ đính kèm). Khi tiền quân ĐĐ 83 tiến còn cách 1062 khoảng 50 thước thì địch nghe động nhưng không phát giác là có nguyên ĐĐ. Cộng quân bắn dọa (vì không ngờ quân ta dám leo dốc cao) xuống thung lũng với thượng liên, B40,...nhưng vô hiệu nhờ các tảng đá lớn 2 bên sườn núi che chở, và đồng thời các ĐĐ81, ĐĐ84 bắn yểm trợ; khiến địch phải phân Tán mỏng để phòng thủ.

Trung sĩ I Nguyễn văn Vân và 2 khinh binh đi đầu đụng phải mấy quả mìn định hướng và giao thông hào của địch, Hiệu nghe báo cáo vội bò lên coi thấy nắp hầm địch ở trên 1062 nhưng địch chưa phát giác được vì đang lo chống trả các ĐĐ của Hùng và Minh. Hiệu cho lệnh cắt dây mìn rồi chuyển hướng qua bên trái, anh cho lệnh đào hầm hố kiên cố, gài thật nhiều bẫy lựu đạn và mìn claymore đề phòng địch tấn công.

Vị trí đóng quân của ĐĐ 83 chỉ cách 1062 khoảng 50 thước, địch và ta cày răng lược và gườm nhau suốt 15 ngày thật nguy hiểm vô cùng. Hiệu cho Thượng Sĩ Thượng vụ và y tá xuống phía dưới thung lũng để có thể lo tiếp tế và tản thương an toàn hơn, còn anh và 32 chiến sĩ nằm cầm cự ở sát đồi 1062 (sau nầy chiếm được đồi thì thấy các chốt

đầu chỉ cách đỉnh 20 thước, vì địa thế ở đây rất rậm rạp nên hạn chế tầm quan sát, thật là "gần nhau mà không nói nên lời!") Giao thông hào của Hiệu gồm có một sĩ quan tiền sát, một sĩ quan trung đội trưởng, và 2 HSQ trong đó có TSI Ngô Bộ và HSI Hoàng Văn Nam.

Đợt I, địch tấn công lúc 8.30 tối. Cộng quân ào xuống tấn công 2 mặt, từ đồi không tên và 1062. Tất cả binh sĩ tuyến đầu cầm cự không xuể nên rút về triền đồi dưới là tuyến của Hiệu. Lúc đó địch tiến sát và hô xung phong vang vội, Hiệu lấy cây M16 của đệ tử vừa bắn vừa kêu pháo binh cận phòng. Địch thấy quân ta kiên cường chống trả và bị pháo binh bắn lên đầu nên đành phải rút lên 1062. Đêm đó tạm yên, Hiệu lo củng cố lại tuyến phòng thủ, và thương binh được băng bó tạm chờ di tản (thương binh nhẹ thì phải tiếp tục vì quân số quá hao hụt!).

Hôm sau, địch tấn công ngay ban ngày vì biết quân ta gần kề sát bên, cần phải nhổ đi mới mong giữ vững 1062. Nhờ có hầm hố và mỗi vị trí chiến đấu đều có 1 thùng lựu đạn M26 (vì cây cối rậm và to nên M60 và AR16 không hiệu quả, địch và ta đều khó tấn công). Hơn nữa, ĐĐ trưởng Phạm Văn Hiệu cùng ở tuyến đầu với binh sĩ nên mọi người đều hăng hái thà chết chứ không chịu lùi, vì vậy địch thử tấn công 5 lần 7 lượt, nhưng đều không kết quả.

Điểm đóng quân của ĐĐ83 thật là giản dị, các hố cá nhân đều phải riêng rẽ và không có nắp che (nếu có nắp lồi lên địch thấy sẽ bắn B40 phá vỡ rất nguy hiểm). Lương thực được nấu từ thung lũng đem lên hầm chỉ huy của Hiệu, rồi từ đó dùng giây, kéo chuyền từng hầm xung quanh tuyến, thật nhẹ nhàng và im lặng để địch không nghe thấy. Ăn uống, vệ sinh đều ở trong hầm, địch có lợi thế trên cao, nếu nghe động chúng sẽ ném lựu đạn thật nguy hiểm vô cùng! Một hôm, Hạ Sĩ I Mỹ, đệ tử của Hiệu, bị thương ngay miệng, lưỡi bị đứt không băng bó được, chỉ chích thuốc cầm, máu tanh cả một vùng khiến Hiệu suốt đêm trằn trọc không tài nào nhắm mắt được!

Hai ĐĐ 81 của Hùng và 84 của Minh cũng cho các chốt bám sát bên sườn trái phải của Hiệu. ĐĐ 84 cũng chạm địch mạnh gần 1062, một Tr/Úy trung đội trưởng tên Vũ

Đức Tiềm đã hy sinh và Đ/Úy Đồng Văn Minh, Tr/Úy Hà Mai Trường K26ĐL... cũng bị thương di tản.

Suốt gần hai tuần lễ, các chiến sĩ của 3 ĐĐ tuyến đầu người không tắm rửa, chân luôn mang giày trận, ngủ giữa màn trời chiếu đất, lúc nào cũng ở tư thế chiến đấu, tinh thần thật căng thẳng, sống chết như chỉ mành treo chuông, thật chán nản vô cùng! Chưa lần nào ND bị lâm vào cảnh bó tay như thế nầy!

Thượng Sĩ I Tống Thủy, Thượng vụ ĐĐ, rất thương thầy mình là ĐĐT Hiệu, nhưng không có cách nào chu toàn. Vì Hiệu cần phải đứng vững để ngẩng mặt xứng đáng là cấp chỉ huy Dù, xuất thân từ quân trường Võ Bị.

Vào ngày N+10, Th/Tá TĐP Trần Toán lên thăm Hiệu ở tuyến đầu, anh thấy hố ĐĐ trưởng gần như ngang hàng với binh sĩ thì bảo:

- Hiệu phải ở tuyến sau để bớt nguy hiểm, vì nếu lỡ bị thương thì binh sĩ sẽ mất tinh thần.

- Thưa Th/Tá, nếu tôi rút lui thì anh em trong tuyến nầy sẽ chạy hết, mà nếu đi xuống rồi lên trở lại chỉ có nước đem mạng nạp cho Việt Cộng! Hiệu trả lời.

Th/Tá Toán, K18ĐL, là người rất tốt, khiêm tốn, và hiền lành. Anh đi vòng quan sát xung quanh tuyến phòng thủ ĐĐ83, rồi chắc lưỡi nói:

- Anh gan thật, bộ không sợ chết sao?

Hiệu đáp:

- Ai mà không sợ chết, nhưng đã chọn ND thì chấp nhận tất cả!

Chiều hôm đó, TĐ trưởng Pháo binh Dù muốn bắn đạn nổ cao vào 1062, anh hỏi Hiệu cho vị trí tọa độ điểm đóng quân. Nhìn lên bản đồ thì vị trí nầy cũng là đỉnh 1062 nên anh hỏi Hiêu:

- Anh nhìn về hướng Đà Nẵng thấy gì không?

- Tôi thấy ánh đèn trong thành phố.

- Như vậy anh đã nằm sát kề 1062 rồi! Tôi không thể bắn loại đạn nầy được, có thể hại đến đơn vị anh.

Tr/Tá Đào thiện Tuyển đi học khóa Tham Mưu trở về làm lại chức vụ TĐT/TĐ8, Th/Tá Vân làm TĐP, Th/Tá Toán về làm Liên đội trưởng Đa Năng. Tr/Tá Tuyển, K14ĐL,

là một sĩ quan giỏi, nhiều kinh nghiệm chiến truòng, anh nổi tiếng ở trận Tái chiếm Quảng Trị, và rất được binh sĩ thuộc cấp quí mến; vì anh cầm quân rất mát tay, đánh trận nào thắng trận đó, và ít hao quân.

Vừa về đơn vị, Tr/Tá Tuyển gọi máy lên bảo Đ/Úy Hiệu về họp, Tr/Úy Nguyễn Đình Ngọc, ĐĐT Đa Năng tạm lên thay 2 tiếng đồng hồ.

Tr/Tá Tuyển bắt tay và mời Hiệu cùng ăn cơm trưa (có Đ/Úy Khoan, k22ĐL, ban 3, cùng ăn), vừa ăn vừa hỏi thăm tình hình, và hỏi Hiệu có kế hoạch gì để chiếm đồi 1062?

Sau khi đúc kết tình hình, ĐĐ Hiệu và Hùng cùng Đa Năng (thay 84 vì Minh bị thương di tản) được lệnh rút xuống khoảng 200 thước để 3 phi tuần A37 đánh bom, và pháo binh 105 ly, 155 ly, 175 ly bắn liên tục trong vòng từ 6 giờ đến 7g30 sáng khiến địch không kịp ngóc đầu và bị dập nát tan tành.

Ngay lập tức các chiến sĩ Dù nhào lên vị trí cũ (trước khi rút đã gài mìn chiếu sáng và bẫy lựu đạn để làm dấu nếu địch vào thì phát hiện được). Nên khi dứt phi pháo thì đơn vị lợi dụng vị trí cũ và con đường độc đạo thung lũng, sau khi gỡ hết mìn bẫy, tất cả ồ ạt tiến lên và hô:

- Xung phong!

Có binh sĩ còn cướp tinh thần địch bằng cách la:

- Bắt Việt cộng, móc mắt chà giấy nhám!

Khi lên tới đỉnh thấy địch quỳ xuống giơ tay run rẫy đầu hàng. Binh I Châu Văn Lê và Hải đưa thuốc cho hút, nhưng họ sợ bị "Móc mắt chà giấy nhám" nên cứ nhắm mắt. Lê nói:

- Các anh đừng sợ, tụi tôi chỉ la dọa thôi. ND lúc nào cũng có tinh thần mã thượng, không bao giờ đánh kẻ ngã ngựa, xuôi tay.

Gần 20 tù binh được đối xử tử tế, họ được hút thuốc, ăn đồ hộp ngon lành, có tù binh bị thương khát nước, Hải lấy bi đông đổ vào miệng, khiến anh ta cám ơn lia lịa:

- Chúng tôi nghe tuyên truyền nói lính Dù ác ôn lắm, nhưng bây giờ mới biết các anh thật là tốt!

Đ/Úy Hùng chỉ huy cánh trái cũng xông lên 1062, tịch thu nhiều súng ống đủ loại và bắt sống 2 tù binh. Cánh phải

có ĐĐ Đa Năng của Tr/Úy Ngọc cũng lên chiếm phía Bắc đỉnh 1062. Hiệu kiểm điểm chiến lợi phẩm với hơn 200 xác địch (đa số do phi pháo) cùng nhiều vũ khí như 57 ly, 75 ly, hỏa tiễn 122 ly, B40, AK47,.... Bên ta có một số bị thương và tử thương nhưng tương đối ít.

Hiệu dẫn Th/Úy Hết và Th/Úy Trung bung ra chiếm đồi Không Tên, tại đây có tiền đồn cũ của Pháp để lại, rất kiến cố, làm bằng bê tông cốt sắt. Nhờ khí thế hăng say chiến thắng vừa rồi, nên hai Trung Đội xung phong thần tốc, chiếm được mục tiêu và bắt sống thêm 4 tù binh thuộc SĐ Thép Điện Biên 304, Đ/Úy Hùng lo bố trí phòng thủ tại 1062.

Vì tù binh đông quá, không có giây để trói, chỉ ngồi một chỗ cho lính canh gác. Có một TSI VC, trước kia là tù binh trao trả tại sông Thạch Hãn, Quảng Trị năm 1973, lần nầy lại bị bắt ở đây. Trong khi Hiệu đang hỏi cung một tù binh khác, thì hắn nhào tới chụp cây M16 (hay Ak trong đống chiến lợi phẩm) gần đó, Hiệu nhanh mắt nhìn thấy vội nhảy tới đá văng khẩu súng. BI Nguyễn Văn Thức, đệ tử Hiệu thấy vậy hoảng hồn, vội tìm giây trói hắn lại.

Lúc ấy có 3 Cộng quân lén chun ra khỏi hầm nhào xuống thung lũng bỏ chạy, binh sĩ bắn theo, họ liệng 3 quả lựu đạn khói cùng một lúc (màu vàng, màu tím, và đỏ). Hiệu biết đây là tín hiệu báo tin 1062 đã mất, do đó chiều lại thì địch đồng loạt pháo kích, và Đ/Úy Hùng, ĐĐT/ĐĐ81 bị thương như sắp kể ở phần sau.

Nghe chiếm được 1062, Tr/Tá Đỉnh, LĐT/LĐ1ND vội gọi máy khen trực tiếp với Hiệu:

- Giờ nầy tôi mới biết tài của Đa Hiệu, anh cần gì nói cho biết!

- Tôi rất mệt mỏi, không muốn gì hết, thưa đích thân!

- Tôi thành thật chúc mừng sự chiến thắng vẻ vang của đơn vị anh, và rất hãnh diện về anh (đồng thời ông cũng gọi máy khen Đ/Úy Võ Thế Hùng và Tr/Tá Đào Thiện Tuyển).

TĐ8ND tịch thu gần 200 khẩu súng và bắt sống nhiều tù binh thuộc Tr/Đ Sông Hồng của SĐ 304 (Điện Biên). Sau khi thu dọn chiến trường, ĐĐ 83 của Hiệu rút lên đóng

tại đỉnh 1063 ở Tây Bắc, ĐĐ Đa Năng của Tr/Úy Nguyễn Đình Ngọc chiếm giữ đỉnh phía Bắc, ĐĐ của Hùng ở lại phòng thủ 1062. Địch đã làm những hầm chữ A rất kiên cố, cùng nhiều giao thông hào trên đỉnh 1062 nầy; chính Th/Tá Vân đã dùng một cái hầm rộng lớn và rất kiên cố làm TOC, tức Ban chỉ huy nhẹ TĐ.

Vừa dọn dẹp ăn cơm xong, khoảng 2 giờ chiều, địch đồng loạt pháo kích như để trả đũa vì bại binh tổn tướng, một viên đại bác rơi ngay chỗ Đ/Úy Hùng đang ngồi, tay anh còn cầm dĩa cơm nguội; cả thân mình anh bị hơi mạnh bắn văng xa, khuỷu tay bị gãy lìa, còn một mảnh đạn xuyên qua làm mù con mắt trái và chạm vào thần kinh não bộ!

Hùng bất tỉnh mê man mãi tới khi về BV Cộng Hòa, 5 ngày sau hồi phục trí nhớ thì mới biết mình đã được BS Tường mổ cấp tốc thay mắt tại Non Nước, Đà Đẳng; và khi anh vừa mới tỉnh đã thoi ba anh một thoi và đạp cậu anh một đạp! Đầu óc mê man như người say rượu!!! Lúc địch pháo kích, Hiệu vừa rời hầm chỉ huy đi chừng 30 thước và Th/Tá Vân đang ở gần bên Hùng, vì nhanh chân phóng xuống hầm chỉ huy, nên thoát nạn! Tối đo,ù Tr/Úy Phước đã hy sinh do nguyên trái B-40 của địch bò lên bắn trúng!

Nhờ Không Quân yểm trợ hữu hiệu, các phản lực cơ A-37 đánh vô cùng chính xác, bom thả nhiều khi cách quân bạn không đầy 200 thước. Các pháo binh 105 ly của TĐ Pháo Dù và 155 ly của Quân Đoàn I đã ngày đêm bắn quấy rối địch, đồng thời được các ĐĐ Trinh sát 1 của Đ/Úy Võ Văn Đức, K22ĐL, xâm nhập sâu vào các khe núi tìm vị trí trú quân và những địa điểm đặt pháo của địch. Anh cung cấp nhiều tọa độ chính xác, Đức đã gọi pháo binh bắn đạn nổ chụp, tiêu diệt bộ chỉ huy Tr/Đ địch và nguyên TĐ của Sông Hồng tại Đông Bắc 1062; khiến cấp chỉ huy địch bối rối và các ổ pháo địch bị phi pháo ta tiêu diệt lần hồi.

Ngoài ra, các phi vụ "hỏa long" ban đêm mang tới những vùng ánh sáng làm cho những người chiến sĩ phía dưới vững tinh thần, đồng thời kiểm soát được sự điều quân của địch bằng những phi cơ quan sát đêm.

Sau khi TĐ 8 Dù chiếm được cao điểm chiến lược (1062), địch cố tung lực lượng hùng hậu phản kích định lấy lại đỉnh

nầy nhưng Cộng quân hoàn toàn thất bai. Các ĐĐ đa năng lại trở về làm thành phần trừ bị.

Một điểm rất khích lệ và hãnh diện cho các đơn vị ND là: Ngày hôm trước khi SĐND tới đây, Đại Lộc bị pháo mạnh; đồng bằng Quảng Đà và phi trường Đà Nẵng đều bị pháo kích.... Dân chúng Đại Lộc đang bồng bế nhau tản cư ra Đà Nẵng; nhưng khi nhìn thấy binh sĩ Lữ Đoàn 3 Dù đang đổ quân tới, đồng bào mừng rỡ, hớn hở la to lên với nhau:

- ND tới bà con ơi! ND tới!! Chúng ta không chạy nữa, quay về, quay về làm ăn như cũ, hết sợ rồi!

Rồi họ quay đầu lần lượt trở lại nhà, cảnh buôn bán lại tấp nập như trước! Lòng tin tưởng của đồng bào đối với đoàn quân Mũ Đỏ quá nhiệt tình như vậy thật cảm động vô cùng. Đây là niềm hân hoan và hãnh diện của các chiến sĩ Dù.

Một tuần lễ sau ngày vượt tuyến xuất phát, các đơn vị đã tiêu diệt được toán tiền sát pháo binh với vũ khí, điện đài, ống dòm, và địa bàn. Và kể từ đó, địch không còn pháo vào Quảng Đà, phi trường Đà Nẵng, Đại Lộc, và các đại bản doanh. Các nơi nầy được yên tỉnh cho tới khi SĐND được lệnh rút về Sàigòn vào giữa tháng 3/1975.

Trở lại mặt trận Thường Đức, trên đỉnh 1062, tuyến phòng ngự TĐ8ND và các đơn vị của SĐ324 CSBV vẫn gườm nhau ngày đêm. Các tiền đồn ĐĐ83 của Đ/Úy Hiệu nằm giằng co với địch cả nửa tháng và tuyến đầu chỉ cách đỉnh 1062 khoảng 30 thước. Th/Úy Tiến, Hạ sĩ Hải, và Binh Nhất Lê cách địch còn gần hơn nữa. Các anh kể lại: mỗi lần hút thuốc phải quạt khói cho loãng ra, khui hộp thịt cũng phải cẩn thận, đi tiêu đựng trong hộp thịt rồi quăng mạnh ra xa; mỗi lần nghe tiếng động là chúng bắn đại bác 75 ly trực xạ hoặc ném lựu đạn xuống (sau nầy chiếm được đỉnh thì Hải mới giựt mình! Vì hầm trú ẩn của Hải và Lê chỉ cách giao thông hào của địch trên đỉnh chỉ 10 thước thôi!).

Các chiến sĩ ĐĐ83 nằm chịu trận, lúc nào cũng sẵn sàng ứng chiến, hễ địch rục rịch bò xuống là bị quân Dù bắn hạ ngay lập tức, mọi vô tuyến, âm thanh gần như im lặng hoàn toàn, việc tiếp tế toàn dùng dây kéo từng bịch gạo, đồ hộp, hoặc đạn dược. Còn việc tản thương và thay đổi thương binh cũng khó khăn và nguy hiểm vô cùng! Vì địch

và ta kề sát nhau, rất khó phân biệt; một tân binh vừa tăng cường lên ĐĐ83 nhưng đi lầm vào chốt địch! Có một binh sĩ khi vừa chiếm được đỉnh xong, tay còn cầm quả lựu đạn đã rút chốt an toàn, anh quên gài chốt và bỏ lựu đạn vào túi, trái lựu nạn nổ tung khiến anh và một vài bạn đứng gần bị tử thương! Khoảng cuối tháng 8/1974, bỗng trong đài điện báo dò tìm tần số địch bắt được tiếng nói: "Sông Hồng sẽ lên thay các anh, chuẩn bị bàn giao". À đây rồi, địch thủ có hạng của CSBV ra mặt. Trưởng Phòng 2 vội lên trình tướng Tư lệnh SĐND. Tướng Lưỡng cho biết đó là danh hiệu của SĐ 304.

Theo trận liệt về địch, chi tiết được ghi nhận như sau: SĐ 304 CSBV đã được vinh danh là SĐ Điện Biên, còn được gọi là SĐ thép; SĐ nầy gồm 3 Tr/Đ có tên là: Sông Hồng, Sông Lô, và Sông Thao. Tr/Đ Sông Hồng xuất sắc nhất trong 3 Tr/Đ.

Trong điện báo ghi nhận là "Sông Hồng sẽ lên thay các anh". Như vậy SĐ 304 chỉ có một Tr/Đ tham chiến thôi. Tướng Lưỡng gật gật đầu nói: "Nó chỉ cho một Tr/Đ tăng cường có nghĩa là nó sẽ chỉ lựa một mục tiêu nào quan trọng để cho Tr/Đ nầy tới dứt điểm; toàn trận tuyến là 'diện', còn 'điểm' chắc phải là cao điểm chiến thuật 1062".

Tại Bộ Tư Lệnh QĐ I, trưởng phòng 2 quân đoàn báo động: "Có tin 304 CSBV sẽ đối đầu với các anh đó! Cẩn thận". Trở về bản doanh SĐND ở Non Nước, Tướng Lưỡng ra lệnh cho Lữ Đoàn 1 lưu ý đến những điểm trọng yếu, và nhất là cao điểm 1062, với những chỉ thị đặc biệt cẩn thận.

Hôm sau, điện báo lại nghe được: "Sông Hồng đã sẵn sàng!" Đúng ngay tối hôm đó, chạm súng đồng loạt trên các trận tuyến. Nhưng tại 1062 và các tiền đồn kế cận do TĐ8ND của Tr/Tá Đào Thiện Tuyển lại yên tĩnh. Một dấu hiệu gì đây? Trước khi xảy ra bão táp, trời thường yên tĩnh?

Quả thật như vậy, đúng 1 giờ khuya, Lữ Đoàn 1 báo cáo: TĐ8ND đang bị địch tấn công dữ dội. Vừa chấm dứt các đợt pháo, lính Sông Hồng xung phong ào ạt!

Nhờ đã trù liệu trước, TĐ8ND được dành ưu tiên các

hỏa tập cận phòng tiên liệu, nên toàn thể chiến sĩ vẫn giữ vững các phòng tuyến...

Giằng co tới 4 giờ chiều, Tr/Đ Sông Hồng tung thêm TĐ trừ bị cuối cùng vào trận tuyến. Bây giờ thì 3 TĐ của Tr/Đ Sông Hồng xúm nhau định đánh bật TĐ8ND ra khỏi điểm chiến lược 1062. Lữ Đoàn ra lệnh cho rút ra để dùng phi pháo tiêu diệt đám địch đông như ruồi bu vào cục đường là đỉnh 1062 nầy.

Sau khi tái phối trí với sự tăng cường một ĐĐ đa năng, TĐ8ND trở lại tấn kích tái chiếm đồi chiến thuật nầy với sự yểm trợ bọc sườn của các ĐĐ đa năng. Hỏa lực yểm trợ cuộc phản kích được tăng cường tối đa. Đồi 1062 liên tục bị phi pháo thay phiên nhau dội xuống không ngừng.

Sáng hôm sau, một phái đoàn của Đại Lộc, Quảng Đà xin được vào bản doanh SĐ tại Non Nước để hỏi thăm tin tức về mặt trận khốc liệt nầy. Họ được hướng dẫn vào hội trường. Thật là cảm động, phái đoàn đã gần như nín thở theo dõi phần trình bày diễn tiến cuộc phản kích. Họ vừa lo lắng vừa cầu nguyện, và theo dõi từng bước một của TĐ8ND và các đơn vị Lữ Đoàn 1. Cuối cùng mọi người đều hân hoan mừng rỡ khi nhận được tin chiến thắng từ mặt trận báo về.

Đúng 8g50, tiếng báo cáo của Lữ Đoàn Trưởng LĐ1ND:

"Trân trọng báo cáo Lê Lợi (danh hiệu truyền tin của Tướng Lưỡng), TĐ8ND và các bộ phận Đa Năng đã làm chủ tình hình tại 1062 và các cao điểm kế cận với kết quả như sau:

* 200 địch bỏ xác tại trận (chúng tôi đang kiểm kê).
* Tịch thu rất nhiều súng cộng đồng và cá nhân.
* Bắt sống rất nhiều tù binh thuộc Tr/Đ Sông Hồng.

Chúng tôi sẽ giải giao về Bộ Tư lệnh SĐ."

Tiếng báo cáo vừa dứt, mọi người đều đứng lên vỗ tay hoan hô ND vang dội cả hội trường. Một vị bô lão trong phái đoàn la to:

- Mừng quá! Ước gì quân đội thành lập được 4 SĐND!!

Tiếng báo cáo của LĐ1ND tiếp tục:

- Trình Lê Lợi, chúng tôi sẽ cho trực thăng chở 5 tù binh

về BTL/SĐ.

Khoảng 3 phút sau, trực thăng đáp xuống bản doanh Non Nước. Đ/Úy Nguyễn Văn Huỳnh, Biệt Đội Trưởng Quân Báo, tới nhận tù binh. Pháo của SĐ 304 địch vẫn còn hoạt động như để trả đũa. Khoảng 2 giờ sau, LĐ1ND cho biết đang bị pháo kích mạnh. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên, đúng lúc đó Đ/Úy Huỳnh chạy đến trao cho Tr/Tá trưởng phòng 2 một mảnh giấy và nói:

- Tr/Tá, đây là vị trí và tọa độ pháo của địch.
- Làm sao mà anh biết được tọa điểm nầy?
- Trong 5 tù binh mới giải giao, chúng đều ở các vị trí khác nhau (do ban 2 lữ đoàn cung cấp các tọa độ của tù binh bị bắt).

Tôi (Đ/Úy Huỳnh) hỏi chúng:

- Pháo đặt tại đâu? Một tên trả lời bên phải khoảng 2, 3 cây số! Tên khác trả lời bên trái khoảng 3 cây số. Một tên khác nữa trả lời ngay phía sau lưng khoảng 2 cây số. Theo bản đồ từ lời khai và điểm đứng của tù binh, tôi đã vẽ sang trái, phải, và đằng sau; rồi quy về một điểm. Và đây chính là tọa điểm đó.

Trưởng phòng 2 khen:

- Hay! Hay lắm!!

Tr/Tá Nghiêm, Trưởng Phòng 2, vội chạy lại trao cho vị Tư Lệnh SĐ tọa độ ước tính vị trí pháo địch. Pháo binh Dù được lệnh tập Tr/Tác xạ vào tọa độ đó, rồi phi cơ dội bom Napalm; quả nhiên pháo địch hoàn toàn im lặng.

Sau đây là phần vấn đáp giữa nhân viên Phòng 2 và tù binh CSBV (vài ngày sau trận đồi 1062).

Hỏi: - Chúng tôi đang bị cầm chân tại Thường Đức bằng các SĐ hạng 2, 3,...Sao 304 rảnh tay không vào thẳng phương Nam mà lại tới 1062?

Đáp: - Sư trưởng của tôi nói Sư Dù là vũ mãnh của ngụy, ông muốn thử sức (thực sự sư trưởng đã nhận lệnh của Bộ Chóp Bu Đảng tìm cách phá tan các đơn vị Tổng Trừ Bị, để khi chúng tiến vào Sàigòn sẽ không còn sức kháng cự đáng kể nữa).

Hỏi: - ND đối xử với các anh ra sao?

- Chúng tôi không ngờ được tử tế như vậy, khác với lời

các cán bộ chính trị nói là ngụy Dù hung dữ và sẽ bị mổ bụng, móc mắt, cắt lỗ tai nếu bị bắt. Qua trận nầy các anh thấy sao?

Đáp: - Sư 304 của chúng tôi chưa bao giờ trong một ngày mà bị bắt làm tù binh nhiều như thế. Lời đồn không sai: Sư Dù quả là Sư mạnh.

Qua trận chiến Thường Đức (đồi 1062) chạm trán với Sư Dù, hẳn sư trưởng Thép 304 Trương công Phê đã đồng ý về nhận định của mình, anh ta phải dặn dò Sông Hồng: "Sư Dù là Sư mạnh của ngụy, phải cẩn thận khi gặp Dù"!

Đúng như vậy, móng vuốt của "Thiên Thần Mũ Đỏ" VNCH đã bẻ gãy Thép của Trương Công Phê mất rồi!!!

SĐND báo cáo số tù binh 304 cho BTL/Quân Đoàn; mấy hôm sau 40 tù binh ngồi chật cứng trên xe GMC được giải về Quân Đoàn. Một người Mỹ thuộc Toà Lãnh Sự Đà Nẵng tên là Paul V. Tracy chạy tới hỏi:

- Có thật là tù binh của SĐ Thép 304 không? Chúng tôi không thể nào tin như vậy?"

- Đấy, họ đang ngồi trên xe GMC, ông đến đó tìm hiểu xem có đúng là SĐ304 không? Các ông đã nghĩ chúng tôi nói dối à? Sự đa nghi của các ông làm chúng tôi không hài lòng!!!

Ngay chiều hôm đó, Paul V. Tracy trở lại gặp sĩ quan Phòng 2 SĐND và nói:

- Đúng rồi, họ thuộc SĐ304. Để chuộc lỗi hoài nghi, chúng tôi xin tặng các đơn vị bắt được cứ mỗi tù binh là $10,000.

Trưởng phòng 2 báo cáo với Tư lệnh SĐ, Tướng Lưỡng nói:

- Hãy trao số tiền đó cho Tr/Tá Đào Thiện Tuyển, TĐT/TĐ8ND, để khao thưởng binh sĩ đang nghỉ dưỡng quân tại Đại La, Đà Nẵng.

Vào lễ Giáng Sinh 1974, Đức Tổng Giám Mục Phạm Ngọc Chi tới bản doanh SĐND tại Non Nước. Ngài cử hành thánh lễ mừng Giáng Sinh tại đây, Linh mục Tuyên Úy SĐND, cha Vũ Ngọc Đáng, làm chủ tế.

Trong lúc giảng, Đức Tổng Giám Mục tâm sự:

- .... Cha đang cầu nguyện thì có hai binh sĩ Dù chạy vào

thấy cha, mấy anh mừng rỡ và nói: Thật may quá! chúng con định chạy vào nhà thờ ít phút để đọc kinh cầu nguyện, không ngờ lại gặp được cha, xin cha chúc phúc lành cho chúng con...” Cha nói với họ: được rồi cha sẽ chúc phúc cho, nhưng tại sao khi không lại xin được chúc phúc lành vậy? “Chúng con vừa từ Huế vào đây”... Nghe xong cha mừng quá! Bao nhiêu lo âu, bao nhiêu phiền não đang đè nặng trên vai cha nay bỗng nhiên tan biến. Cha thấy nhẹ nhõm hẳn người. Cha bèn dơ tay chúc phúc lành cho hai anh lính Dù và tưởng như mình đang chúc phúc lành cho toàn thể dân chúng Quảng Đà vậy!”

Sau đó, TĐ3ND do Tr/Tá TĐT Võ Thanh Đồng và Th/Tá TĐP Trương Văn Vân, được lệnh vào thay TĐ8ND (đánh kiểu Xa Luân Chiến). Vừa ở đồi 1062 khoảng 1 ngày thì TĐ3ND bị địch trở lại phản công ào ạt; chúng định tái chiếm đồi nầy bằng chiến thuật tiền pháo hậu xung (chúng đã dùng sơn pháo đặt ở sườn núi bắn trực xạ). Chiều hôm đó, một buổi chiều nắng vàng và gió lộng, không còn tiếng nổ trong trận địa, những mỏm núi bốc lên những sợi khói nhỏ, nóng không phải vì hơi oi bức của mặt trời mà là âm ỉ của hơi thuốc súng chưa kịp tan.

- Th/Tá, Đ/Úy Đàng gọi... binh sĩ truyền tin của TĐP Trương Văn Vân nói....

- Trình đích thân, từ sáng giờ yên tĩnh nhưng binh sĩ tiền đồn thấy nhiều lá cây di động trông rất khả nghi.

Vân nói:

- Anh cho các con gài mìn claymore và canh gác cẩn thận, sẵn sàng tư thế phòng địch tấn công bất ngờ.

- Nhận rõ, Đích thân.

Bỗng súng nổ liên hồi ở khu vực của ĐĐ Đàng. Trong ráng chiều, TĐP Vân và BCH đứng trên đỉnh 1062 theo dõi châm chú trận đánh của ĐĐ34.

Cối 75 ly và sơn pháo 130 ly từ những cao độ phía Tây Bắc bắn từng nhịp 4 trái một và bộ binh Điện Biên từ Tây, Tây Bắ,... đồng loạt tiến vào.... Cộng quân dùng chiến thuật biển người, chẳng điều động, ẩn núp gì cả.

Các chiến sĩ Dù đồng đứng dậy khỏi giao thông hào bắn trả mãnh liệt. Binh sĩ của Đàng thi nhau dùng súng phóng

lựu và M72 từ đồi cao 1063 bắn xuống. Một quả đạn bay đi khoảng ngắn, đất cát bay lên, 3 lính Điện Biên mất hút trong bụi mù. Chết, sinh Bắc tử Nam, 3 cậu lính nhỏ bỏ gia đình và quê hương trong đầu bị nhét đầy những chủ thuyết ngoại lai cùng bị bọn chóp bu lừa dối vào giải phóng đồng bào ruột thịt miền Nam, vì dân chúng trong Nam đang đói rách không có chén để đựng cơm!

Cuộc tấn công kéo dài trong nhiều đợt, với chiến thuật biển người, địch đồng loạt tấn công vào tuyến phòng thủ của Đ/Úy Ngụy Văn Đàng đang đóng tiền đồn tại đỉnh yên ngựa 1063 và đồi không tên.

Đỉnh 1062 trống trải cháy ngọn lửa điêu tàn.... Và trong hoang vu hấp hối của cỏ cây đó, hằng trăm lính của SĐ Thép Điện Biên, những bộ binh Bắc quân đã vang danh một thời cùng ào lên 1062 một lượt, những cặp chân đã vượt đèo Mụ Già qua Tchépone, Lao Bảo, những bàn chân rách nát chạy nhanh hơn, mau hơn; chúng giành giựt trên mảnh đất cằn cổi, tan hoang để tìm kiếm thức ăn! Họ tìm những bịch gạo sấy, thịt hộp, C Ration. Cuối đường của giải phóng "Mỹ ngụy" là sự tranh giành những hộp thịt được làm tại Mỹ!!!

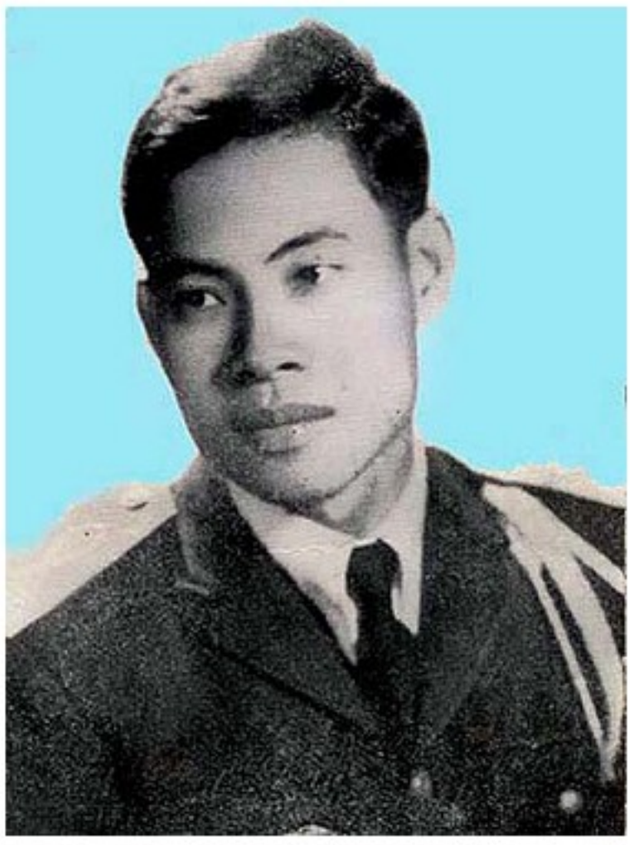
- Bom! Bom! Đốt cháy tụi nó cho hết. Tr/Tá Đồng nói như thét.

- Yes sir! Anh Sĩ quan liên lạc không quân vừa nghe được tiếng "Bom", và anh đã lập tức gọi 3 phi tuần khu trục đánh Napalm xuống sườn đồi.

Th/Tá Vân nghe tiếng Đàng hét trong máy xin pháo binh và phi cơ dập lên đỉnh đồi, vì địch đã tràn ngập! Hai bên phải đánh cận chiến bằng lưỡi lê và lựu đạn, nhưng địch nhiều quá giống như đàn chó săn đang đói, cứ liều chết nhào tới tấn công. Đàng và anh em trong ĐĐ đã cầm cự, xông xáo, tả xung hữu đột, người nào trên mình cũng bị nhiều vết thương, áo ướt đầy máu. Đàng nguyên là sĩ quan cận vệ của Trung Tướng Nguyễn Viết Thanh.

Sau khi pháo dứt, địch tràn lên thấy Đàng bị thương nặng còn ngất ngư vì trúng nhiều mảnh, anh dùng hơi tàn rút súng định tự sát, thì người anh bị đạn ghim như lông nhím. Đàng ngồi chết trân mà đôi mắt hãy còn trợn trừng như

không khuất phục!!! Địch bị tiêu hao nhiều do đạn pháo TOT nên tức giận chĩa lưỡi lê đâm nát thân thể Đ/Úy Ngụy Văn Đàng! Thật là dã man hết sức, người chết rồi mà chúng cũng không bỏ qua!


CSVSQ Tô Văn Nhị K26

ĐĐ 34 của Đ/Úy Võ Thiên Thư, K25ĐL, lên tiếp ứng thì gặp địch tràn tới đánh tơi bời thật hung hiểm vô cùng! Trong khi địch hô: "Hàng sống chống chết", nhưng Thư cứ hăng máu lấy AR16 quạt và kêu pháo binh bắn đạn nổ chụp lên đầu để cùng chết chung với 5 phần địch 1 phần bạn! Một mình TĐ3ND mà phải cầm cự với cả Tr/Đ của SĐ 304, địch cho các đơn vị thay phiên tấn công gần một ngày. Các sĩ quan dũng mãnh của TĐ3ND như Đ/Úy Võ Thiên Thư, Tr/Úy Tô Văn Nhị, K26 ĐL, gọi pháo binh bắn lên đầu, và đã cùng chết chung với hằng trăm xác địch.

Do áp lực địch quá mạnh, TĐ đành phải rút ra để phi pháo dập ngày đêm. Mặc dù Cộng quân đã chuẩn bị các "lô cốt" bằng những khúc cây kiên cố, nhưng quân ta rút lui để cho dụ địch tụ vào đỉnh 1062; rồi dùng "hỏa công" đốt cháy toàn khu ác liệt nầy bằng bom Napalm và bằng các viên đạn lửa bắn vào bãi lau sậy.

Các loại CVT, cùng đạn nổ dọn bãi cho TĐ9 ND vào thay (TĐ9ND vừa rút ra một ngày chưa kịp trang bị bổ sung đã được lệnh cấp tốc trở lại tiếp ứng TĐ3ND). TĐ 9 Dù cũng dùng chiến thuật dương Đông kích Tây, và nỗ lực chính kỳ nầy do Đ/Úy Tường, ĐĐT/ĐĐ93, và Tr/Úy Nhơn ĐĐ 92 tiến đánh từ trên cao xuống. Bên sườn dốc đứng, Tr/Tá Nhỏ cùng Đ/Úy Trần Ngọc Chỉ cho bày binh bố trận rùm beng; khiến địch tưởng ta lên mặt nầy nên bắn giàn thung buộc giấy khiêu chiến: "Thách ngụy Dù lên đánh".

Tường biết địa thế 1062 kiên cố, hầm hố toàn bằng những thân cây rừng to lớn, phi pháo không làm gì được. Anh vội phóng lựu đạn cay và bình E8 để buộc địch chui ra khỏi hang rồi xin thả bom lửa Napalm đốt địch tan tành. Anh không dại xua quân vào miệng cọp, chỉ dùng đạn cay

và bom Napalm; rồi bao vây chận nguồn nước và tiếp tế. Khiến địch chịu không nổi, chưa đánh đã tan. Ta và địch cứ giằng co chiếm qua chiếm lại mỗi bên 2, 3 lần và quân số 2 bên tiêu hao rất nhiều! Tr/Úy Nhơn bị thương 2 chân vì đạp phải mìn hơi!

Đỉnh đồi 1062 lúc đầu toàn là rừng cây cổ thụ, sau những ngày hai bên thay nhau làm chủ, nay trở thành đồi trọc, xơ xác, tan hoang!

Lúc ban đầu, khi các chiến sĩ Dù vừa tới mục tiêu thì nhào lên dùng lựu đạn và súng cá nhân đánh giằng co cả tuần mà mới chỉ chiếm được điểm cao 383. Lúc đó các đài kiểm thính nghe địch báo cáo thế nào không biết, mà Đài phát thanh Sàigòn do Tr/Tá Lê Trung Hiền nói là quân Dù đã chiếm đỉnh 1062 và làm chủ tình hình Thường Đức. Vì thế Tướng Trưởng đôn đốc SĐ ND mau chiếm đỉnh 1062, kẻo báo chí ngoại quốc biết được thì mất thể diện Quốc Gia! TĐ9ND phải bằng mọi giá quyết xung phong nhào lên chiếm đỉnh nầy; nhưng gần một tuần lễ sau, với nhiều cuộc chiến đấu ác liệt bằng phi pháo, lưỡi lê, và lựu đạn, đã tiêu diệt toàn bộ địch trên đỉnh đồi. Các đơn vị chiếm được những đỉnh cao xung quanh 1062 nhưng với sự trả giá rất đắt! Ba sĩ quan của Đ/U Trọng đã hy sinh, Đ/U Tửu bị thương, các ĐĐ khác đều bị hao hơn phân nửa quân số!!

Sau khi ra Hà Nha hơn một tháng, ĐĐ 15 của Tr/Úy Lộc và Th/Tá Phú nhập vùng, biệt phái cho TĐ9ND. Riêng ĐĐ11 nghĩ được 2 tuần thì được lệnh di chuyển ra BCH/LĐ1ND, và tại đó được Chinook bốc vào mục tiêu B tăng cường cho Th/Tá Phú để thanh toán mục tiêu D1 và D2 nhằm giải tỏa áp lực cho TĐ9 đang ở 1062.

Th/Tá Phú (Phú "Đen", K19TĐ) là một sĩ quan rất can trường và tháo vát, anh là một trong những "con gà" giỏi của Tướng Lưỡng khi ông còn làm TĐ Trưởng TĐ2ND, Phú sử dụng tối đa các phi tuần A-37 (mà các ĐĐT rất sợ) vì độ chính xác thấp và các phi công ưa đánh từng chùm cho xong rồi rút nhanh sợ phòng không hoặc các súng địch ở những cao độ xung quanh, nhưng Th/Tá Phú vẫn quyết định dùng không quân tối đa. Trong lúc họp, Đ/U Thể đề nghị đánh địch bất ngờ và kín đáo bằng cách đi vòng qua

thung lũng thay vì đi theo yên ngựa (do kinh nghiệm lần trước tấn công mục tiêu B và C).

Th/Tá Phú theo kế hoạch nầy, lệnh cho ĐĐ11 và ĐĐ15 xuyên qua thông thủy tiến sâu về phía Bắc, rồi bất thần quay lại tấn công chớp nhoáng vào D1 và D2. Vì hướng tấn công ngoài sự tiên liệu, địch chỉ chú trọng phòng thủ hướng về 1062, nên chỉ tới trưa là ĐĐ15 thanh toán xong D1 và ĐĐ11 chiếm xong D2 với tổn thất được xem như nhẹ, kết quả:

ĐĐ15: Bắt sống 2 tù binh, tịch thu 2 thượng liên, và một số súng cá nhân.

ĐĐ11: 1 súng cối 61 ly và một số súng cá nhân.

Sau đó, địch rút chạy vì chịu không nổi phi pháo của ta ngày đêm dập vào các điểm trú quân của họ. Bộ chỉ huy địch thấy khó giữ 1062, nên ra lệnh rút lui trong đêm tối; rồi bọc qua sông Vu Gia, đánh bất ngờ vào bộ chỉ huy của TĐ 2 ND đóng gần Hà Nha. Tr/Tá TĐT Nguyễn Đình Ngọc, K19ĐL lúc đó đang đi phép vì ông thân sinh vừa qua đời, Th/Tá Trần Công Hạnh, K20 ĐL, xử lý TĐT, cùng Đ/Úy Nguyễn Hiền Triết, Trưởng Ban 3, đóng ở làng Hà Nha 1, còn Th/Tá TĐP Nguyễn Văn Phương, chỉ huy 2 ĐĐ ở bên kia sông, phải tả xung hữu đột mới phá được vòng vây!

Sáng hôm sau, Phương cho các ĐĐ tung người ra lục soát, cánh Ch/Úy Tạ Thái Bảo dẫn trung đội tiến tới chiếm cái chốt mà địch đã đặt thượng liên bắn vào TĐ2. Vừa báo cáo chiếm chốt xong thì nghe tiếng "Ầm", tiếp theo là bụi cát bay mù nơi chốt anh vừa chiếm; Ch/Úy Bảo đã hy sinh bởi quả đạn 75 ly hoặc sơn pháo bắn trực xạ từ đỉnh đồi cao gần chân đèo Thường Đức.

Địch chiếm lại chốt đó và lại đặt súng đại liên bắn vào quân ta. Phương phái Th/Úy Tăng Thành Lân chỉ huy trung đội chiếm lại cái chốt trên đồi nhỏ đó; Lân gọi pháo binh dập nát rồi dẫn quân xung phong tiêu diệt toàn bộ địch trên cao địa nầy, anh chuẩn bị lại hầm hố cẩn thận đề phòng địch phản công. Nhưng khoảng 20 phút sau, địch lại bắn sơn pháo "cắm chỉ" ngay đồi "máu" và Lân cũng đã hy sinh giống Ch/Úy Bảo!!!

Phương, K20ĐL, lập tức kêu phi pháo đánh vào điểm

đặt súng của địch, hai bên giằng co nhưng không ai thèm đến vùng tử địa đó nữa!

Vài hôm sau, khi TĐ2 được lệnh chiếm đỉnh 126 để bảo vệ đèo Thường Đức và gặp sự kháng cự mạnh mẽ của địch đang bám trụ tại đây. Sau nhiều đợt xung phong của các chiến sĩ TĐ2ND, địch đành phải rút chạy bỏ lại hằng chục vũ khí đủ loại, nhưng ta cũng đã hy sinh ba sĩ quan tài giỏi là Tr/Úy Thịnh, Th/Úy Trần Đại Thanh, và Th/Úy Lê Hải Bằng (Thanh và Bằng 2 là bạn cùng khóa 26 VBĐL, Bằng là tay Tây Ban Cầm xuất sắc và học rất giỏi giữ chức SVSQ ban 5 Tr/Đ)!! Sau đó Hạnh lên nắm TĐ trưởng thực thụ và bạn cùng khóa 20 Trần Tấn Hòa về làm TĐ phó.



CSVSQ Lê Hải Bằng K26

TĐ7ND do Th/Tá TĐ trưởng Nguyễn Lô, K18ĐL, và Th/Tá TĐP Quý, từ TĐ1 trở về, làm TĐ phó, được lệnh nửa đêm cấp tốc tiến đánh suối Ba Khe. Các chiến sĩ Dù dùng chiến thuật "Dương Đông kích Tây" cho chủ lực đánh bọc phía sau lưng khiến địch rối loạn hàng ngũ, rút chạy chém vè, để lại hơn 200 vũ khí đủ loại, phá hủy kho tàng hậu cần, và bị tiêu diệt toàn bộ TĐ. Đ/Úy Tú Trinh, người hùng diệt tăng ở Quảng Trị, đã bị thương ở trận nầy! Trước đó Nguyễn Lô đã đứng trên đỉnh Đông Lâm thuộc dãy Sơn Gà tuyên bố nhất định chiến thắng để mừng Tết và anh đã thực hiện lời nói một cách quá xuất sắc!



CSVSQ Trần Đại Thanh K26

TĐ11ND lên 1062 thay cho TĐ9ND rút về Non Nước dưỡng quân và tái trang bị.

Tình hình Nam đèo Hải Vân được hoàn toàn yên tỉnh, không có một tiếng pháo kích nào của địch, và kéo dài như vậy cho đến khi SĐ Dù được lệnh rút toàn bộ về Nam (kể

cả Lữ Đoàn 2 ở phía Bắc đèo Hải Vân).

Như vậy, SĐND quả thật không phụ lòng tin cậy của đồng bào QK I; vì khi SĐND còn ở QK I, cả Bắc lẫn Nam đèo Hải Vân đều được bình định yên tĩnh.

- Xin cám ơn Đức TGM Phạm Ngọc Chi đã tin tưởng vào SĐND qua tâm sự của ngài.

- Xin cảm ơn đồng bào Đại Lộc đã tin vào SĐND khi thấy các đơn vị Dù tới!

- Xin cảm ơn vị bô lão trong hội trường đã la lớn lên một mong ước: "Ước gì..."

- Xin cảm ơn đồng bào Quảng Đà qua đại diện phái đoàn vào hội trường SĐ Dù theo dõi cuộc cường kích tái chiếm đỉnh đồi chiến thuật 1062!!!

- Sau cùng xin cám ơn các chiến hữu ND đã đổ máu mình, và đã hy sinh để ND được vinh danh.

Xin cám ơn tất cả!!!

Trương Dưỡng K20



Giới thiệu chủ đề Đa Hiệu 88

Võ Bị, tháng 12 có "mai" nở, có tiếng khóc của chia ly, có những đêm phạt dã chiến đầu đời binh nghiệp với nhiều kỷ niệm khó quên.

Qua chủ đề, "**ĐÁP LỜI SÔNG NÚI**" BBT Đa Hiệu mời gọi quý giáo sư, cộng tác viên, cùng đại gia đình Võ Bị chia sẻ những kỷ niệm vui buồn một thuở quân trường, một thời ba lô lính chiến. Những ký sự chiến trường, ký sự nhập trường, kỷ niệm Đà Lạt dấu yêu đều là những đề mục có thể đóng góp cho ĐH88.

BBT Đa Hiệu trân trọng giới thiệu.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội đồng Tư vấn và Giám sát Tổng hội CSVSQ/TVBQGVN, vô cùng thương tiếc về sự vĩnh viễn ra đi của niên trưởng đáng kính Bùi Đình Đạm, K1. Toàn thể Ban Cố vấn và Ban Thường vụ HDTV&GS thành kính gởi gởi Phân Ưu cùng bà quả phụ Bùi Đìng Đạm và toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh của Niên trưởng Đạm sớm về cõi vĩnh hằng và mãi mãi yên nghỉ trong lòng đất mẹ Việt Nam.

Thương mến kính chào vĩnh biệt niên trưởng Bùi Đình Đạm.

Ngày 30 tháng 5 năm 2006
TM. Hội đồng Tư vấn và Giám sát
CSVSQ Cao Chánh Cương, K15

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của Cựu SVSQ LÊ TRỰC K20, là cụ Bà:

TRẦN THỊ LUYẾN - Pháp Danh Nguyên Sâm

vừa mãn phần ngày 30 tháng 6 năm 2009 tại Huế, hưởng thọ 97 tuổi.

Ban Biên Tập Đa Hiệu thành kính chia buồn cùng CSVSQ Lê Trực và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ Bà sớm vãng sanh nơi miền cực lạc.

Ban Biên Tập Đa Hiệu

PHÂN ƯU & CHÀO VĨNH BIỆT

Hội Đồng Tư Vấn và Giám sát Tổng Hội CSVSQ/ TVBQGVN

Thành kính Phân Ưu và Chào Vĩnh Biệt quý cố CSVSQ/TVBQGVN sau đây, đã rủ cánh ra đi xa lìa gia đình và tập thể Võ Bị trong thời gian kể từ đầu năm Kỷ Sửu đến ngày 30-5-2009.

Nguyễn Đình Trương John,	K4, 02/03/09 California
Bùi Đức Thiệu	K11, 14/03/09 California
Nguyễn Quang Sang	K12, 16/03/09 N. Carolina
Đinh Công Hiếu	K8, 04/04/09 California
Lê Ngọc Ẩn	K20, 09/04/09 Tenessee
Nguyễn Văn Bé	K18, 18/04/09 Pennsylvania
Huỳnh Trung Chân	K22, 20/04/09 New York
Trần Xuân Bàng	K19, 23/04/09 California
Lê Khương	K21, 01/05/09 Texas
Dương Tấn Sở	K9, 19/05/09 California
Bùi Đình Đạm	K1, 30/05/09 California

Và quí cố CSVSQ khác chưa biết danh tánh....

Nguyện cầu hương linh của quý CSVSQ/ TVBQGVN quá cố sớm về cõi vĩnh phúc và mãi mãi yên giấc ngàn thu trong lòng đất mẹ Việt Nam.

Ngày 31 tháng 5 năm 2009
TM. Hội Đồng Tư Vấn và Giám sát
Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
CSVSQ Cao Chánh Cương, K15



CÁO PHÓ

Chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin:
Cựu Đại Tá **NGUYỄN ĐÌNH BẢNG**
K5/TVBQGVN
sinh ngày 05/10/1928 đã thất lộc lúc 4g45 ngày 22/07/2009 tại Las Vegas, hưởng thọ 81 tuổi.

Tang lễ sẽ được cử hành lúc 11giờ sáng ngày 22/08/2009 tại chùa Tam Bảo:

16933 E.21st Street, Tulsa, OK 74234

Đại diện gia đình: NGUYỄN BAN, thứ nam.
Điện thoại liên lạc: (405) 924 3288

CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG

Tang gia cẩn báo

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin buồn cụ bà quả phụ:

CAO QUỐC THUẬN, NHỦ DANH LƯƠNG THỊ TÚ

thân mẫu cựu svsq Cao Quốc Quới, K18/TVBQGVN, đã tạ thế ngày18/4/2009 tại Quebec, Canada, hưởng thọ 97 tuổi.

Gia đình khóa 18/TVBQGVN thành kính chia buồn cùng anh chị Quới và tang quyến.

Nguyện cầu hương linh cụ bà sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Tm. Ban đại diện K18/TVBQGVN
Cựu SVSQ Lã Quí Trang, Đại Diện khóa

CHIA BUỒN

Được tin buồn: Hiền Thê của CSVSQ PHẠM VĂN HÒA K18/TVBQGVN là chị:

HUỲNH THỊ THẢNH - Pháp Danh DIỆU TOÀN

đã mệnh chung ngày 16 tháng 6 năm 2009, nhằm ngày 24 tháng 5 năm Kỷ Sửu tại Houston, TX, hưởng thọ 67 Tuổi

Toàn thể Khóa 18/TVBQGVN thành thật chia buồn cùng Bạn HÒA và TANG QUYẾN

Nguyện Cầu Hương Linh Chị HÒA sớm Tiêu Diêu Miền Cực Lạc.

TM Ban Đại Diện Khóa 18/ TVBQGVN
CSVSQ Lã Quí Trang, ĐD Khóa

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

ĐƯỢC TIN BUỒN:

CỤ BÀ ANNA LÊ THI PHÚC

Thân mẫu của cựu SVSQ Lê Trọng Đức, K18/ TVBQGVN, đã tạ thế tại Nam California, USA, hưởng thọ 92 tuổi.

Gia đình khóa 18/TVBQGVN thành kính chia buồn cùng anh chị Đức và tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn cụ bà sớm về nướcthiên đàng
TM.Ban Đại Diện K18/ TVBQGVN
Cựu SVSQ Lã Quí Trang, Đại Diện KHÓA

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của CSVSQ Hứa Trí Thành F29 là cụ bà:

HỨA TÂY DƯƠNG, nhũ danh NGÔ THỊ NGÀ

đã thất lộc tại Sàigòn, ngày 1 tháng 3 năm 2009, hưởng thọ 89 tuổi.

Toàn thể khóa 29 Hoàng Lê Cường xin thành kính chia buồn cùng CSVSQ Hứa Trí Thành và tang quyến.

Nguyện cầu anh linh cụ bà sớm thanh thoát nơi cõi vĩnh hằng.

BĐD/K29
Đỗ Trọng Kiên K29

CHIA BUỒN

Được tin bào đệ của hai bạn Nguyễn Xuân Phúc, Nguyễn Phú Thọ và cô Kim Cúc là:

NGUYỄN XUÂN QUÝ

vừa tạ thế tại Paris, hưởng thọ 63 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện cho hương linh chú Quý sớm phiêu diêu miền cực lạc.

Trần Ngọc Toàn, Đại Diện Gia Đình Khóa 16
Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin Thân phụ của Cựu SVSQ Trương Đăng Sĩ K21 là cụ:

TRƯƠNG ĐĂNG TUẤN,

từ trần tại Sydney ngày 19/06/2009, hưởng thọ 93 tuổi.

Hội Cựu SVSQ/TVBQG tại Úc Châu xin chia buồn cùng CSVSQ Trương Đăng Sĩ và quý tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn người quá cố được yên vui nơi cõi Niết Bàn.

Hội CSVSQ/TVBQGVN Úc Châu

CHIA BUỒN

Được tin:

Cựu SVSQ NGUYỄN VĂN SỰ Khóa 11,

vừa từ trần tại Sydney ngày 18/07/2009, hưởng thọ 89 tuổi.

Hội Cựu SVSQ Trường VBQG tại Úc Châu xin chia buồn cùng tang quyến.

Nguyện cầu linh hồn người quá cố được yên vui nơi cõi Niết Bàn.

Hội CSVSQ/TVBQGVN Úc Châu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Được tin thân mẫu của Cựu SVSQ Lê Hữu Long K25 là cụ bà:

NGUYỄN THỊ ỔM

mất tại Việt Nam ngày 18/05/2009, hưởng thọ 83 tuổi.

Hội CSVSQ/TVBQGVN tại Úc xin thành kính chia buồn cùng Cựu SVSQ Lê Hữu Long và gia đình.

Nguyện cầu linh hồn cụ được yên vui nơi cõi Niết Bàn.

Hội Cựu SVSQ/VB Úc Châu

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc và đau buồn khi hay tin:

Bạn hiền TRẦN VĂN TRƯƠNG

CSVSQ Khóa 20/TVBQGVN

vừa từ trần lúc 5:45 chiều ngày 23 tháng 8 năm 2009 tại Orange County, miền Nam California, hưởng thọ 70 tuổi.

Toàn thể gia đình CSVSQ/K20/TVBQGVN xin chân thành chia sẻ nỗi mất mát vô cùng to lớn này với chị Trương, các cháu và tang quyến.

Nguyện cầu Hương Linh Bạn Hiền TRẦN VĂN TRƯƠNG sớm được tiêu diêu nơi Miền Cực Lạc.

TM Gia Đình CSVSQ/K20/TVBQGVN

Lê Tấn Tài K20

PHÂN ƯU & CHÀO VĨNH BIỆT

(Tưởng niệm quí cố CSVSQ/TVBQGVN nằm xuống sau hơn 1 năm từ Đại Hội 16)

Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN thành kính dâng lời cầu nguyện và tưởng niệm quí CSVSQ sau đây đã vĩnh viễn ra đi sau ngày Đại Hội 16 tổ chức tại San Jose tháng 7/2008.

Trần Văn Thiệt K13	04/7/2008 Kansas
Lý Bá Phẩm K2	31/7/2008, Michigan
Trần Cao Khiêu K7	18/8/2008, Canada
Hồ Văn Quang K10	13/8/2008, California
Nguyễn Bùi Thức K1	25/8/2008, California
Đinh Sơn Trung K19	28/8/2008, Việt Nam
Nguyễn Văn Ba K18	21/9/2008, India
Trần Thanh Liêm K11	1/10/2008, California
Châu Văn Túc K18	12/10/2008, Việt Nam
Nguyễn Thành Chuẩn K6	21/10/2008, Pháp
Hoàng Thọ Nhu K10	25/10/2008, California
Đỗ Hùng Long K30	25/10/2008, Việt Nam
Trần Đức Tiên K12	28/10/2008, Oregon
Đỗ Ngọc Tùng K4	8/11/2008, California
Phan Văn Hiệp K17	10/11/2008, California
Nguyễn Văn Xiêm K23	10/11/2008, Việt Nam
Triệu Việt Hồng K12	2/11/2008, Việt Nam
Phạm Văn Khôi K15	26/11/2008, Việt Nam
Hồ Văn Phàng K5	27/11/2008, California
Dư Thành Nhựt K10	4/12/2008. California
Nguyễn Văn Xin K29	12/12/2008, Việt Nam
Lương Thành Lập K19	12/12/2008, Đức quốc
Trần Tấn Hòa K20	17/12/2008, California
Lưu Vĩnh Triều K12	22/12/2008, California

Nguyễn Hữu An K10	2/1/2009, California
Đinh Văn Tôn K15	15/1/2009, Úc
Nguyễn Đức Nhuận K19	06/03/2009, Việt Nam
Dương Văn ThụyK3	22/05/2009, Canada
Nguyễn Đình Trương Jhon K4	02/03/2009 California
Bùi Đức Thiệu K11	14/03/2009 California
Nguyễn Quang Sang K12	16/03/2009 N. Carolina
Đinh Công Hiếu K8	04/04/2009 California
Lê Ngọc Ẩn K20	09/04/2009 Tenessee
Nguyễn Văn Bé K18	18/04/2009 Pennsylvania
Huỳnh Trung Chân K22	20/04/2009 New York
Trần Xuân Bàng K19	23/04/2009 California
Lê Khương K21	01/05/2009 Texas
Dương Tấn Sở K9	19/05/2009 California
Bùi Đình Đạm K1	30/5/2009, California
Trần Thanh Chiêu K5	13/06/2009 Washington
Nguyễn Thế Truyền K28	21/06/2009 Việt Nam
Dương Đức Sơ K17	28/06/2009 California
Phạm Hy Dung K6	01/07/2009 Michigan
Nguyễn Đình Bảng K5	22/07/2007 Nevada
Vũ Quang Khánh K10	15/8/2009, Texas

Và quí cố CSVSQ khác chưa biết đến....

Nguyện cầu hương linh của quí cố CSVSQ yên giấc ngàn thu trong lòng đất Mẹ Việt Nam. Có linh thiêng xin quí liệt vị hãy trở về đẫn dắt Tổng hội CSVSQ/TVBQGVN luôn đoàn kết và thương mến lẫn nhau, để nuôi dưỡng truyền thồng TVBQGVN và bảo vệ lý tưởng dân tộc Việt Nam.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009
TM. Hội Đồng Tư Vấn và Giám sát
Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN
CSVSQ Cao Chánh Cương, K15



Trả Lời Thư Tín

Thẩm Vân

NT Võ Nhẫn K20, Fairfax, VA

Trong một email gửi cho ĐH, NT có đề cập đến ý nghĩa hai danh từ mà BBT đã chọn để làm chủ đề cho ĐH87, “Tổ Quốc & Dân Tộc”. Chúng tôi cũng đã nghĩ đến điều NT nêu ra, nhưng BBT thì có quan điểm như thế này: Tổ Quốc là nói đến Đất Nước, đất nước Việt Nam, và Dân Tộc là nói về Con Người, con người VN.

Khi có người nói, "Tổ Quốc tôi", là họ muốn nói đến đất nước, đến quê cha đất tổ của họ. Còn khi họ nói, "Dân Tộc tôi", là họ muốn nói đến con người, giòng giống của họ. Một cụm từ khác chúng ta cũng quen nghe là, “Tổ Quốc Lâm Nguy”. Đây là cụm chữ dùng để cảnh báo tình trạng đất nước bị nguy biến do nội chiến, do ngoại bang xâm lăng, hay do kẻ nội thù bán cho ngoại bang nhưng không hẳn là bán con người VN, dân tộc VN. Tới đây hy vọng NT đã rõ vấn đề. Chúc NT những ngày vui.

NT Phạm Kim Khôi K19, Brea, CA

Tòa soạn Đa Hiệu đã nhận được hai tập thơ, “Vàng Sắc Cờ Bay” và “Chính Khách & Bên Bạn Bên Thù” của NT. Đồng thời chúng tôi cũng nhận được hai bài thơ, “Hẹn Nhau Lần Tới” và “Gặp Bạn Cùng Khóa”. Ban Biên Tập sẽ lần lượt chọn đăng một số trong các sáng tác này của NT. Riêng trong số 87 này, NT cũng có một số bài thơ hay đã được chọn đăng. Ngoài ra, BBT cũng nhận được lá thư NT gửi đề ngày 16/07/2009, đề cập đến một bài thơ trong ĐH86. BBT xin lãnh hội những hảo ý đóng góp phê bình và xây dựng này. Cảm ơn NT đã quan tâm đến Đa Hiệu. Chúc NT và gia quyến mọi sự an lành.

NT Tô Văn Cấp K19, Westminster, CA

Đa Hiệu đã nhận được bài viết của NT, "Những bông

HỒNG ĐÀ LẠT". Bài này sẽ được đăng trong Đa Hiệu 88, số phát hành vào trung tuần tháng 12/09, tháng ra trường của anh em chúng ta với chủ đề, Đáp Lời Sông Núi. Với chủ đề này thì bài của NT rất thích hợp.

Cảm ơn NT đã dành cho Đa Hiệu một cảm tình riêng được thể hiện qua mạch văn nhẹ nhàng, trong sáng không "bặm trợn" như khi NT phang mấy tên "cỏ đuôi chồn". Tòa soạn cũng nhận được đặc san Sóng Thần 2009 do NT gởi tặng. BBT/ĐH xin cảm ơn và chúc NT cùng gia quyến mọi sự an lành.

Chị Lê Phương Châu K21B, Sàigòn

Cảm phục tấm lòng thủy chung của chị khi phải trải qua những cay đắng cuộc đời. Hai bài thơ của chị thật hay và đã được chọn đăng trong số 87 này. Đặc san ĐH không gửi về Sàigòn, mong chị đón xem Đa Hiệu online. Chúc chị những ngày vui và vẫn giữ được niềm lạc quan trong cuộc sống.

NT Nguyễn Quốc Đống K13, Minneapolis, MN

Cảm ơn NT đã chia sẻ những cảm nghĩ sau khi nhận và đọc Đa Hiệu 86. Ban Biên Tập sẽ cố gắng hết sức để duy trì đặc san như một phương tiện tiếp sức cho công cuộc đấu tranh của người Việt Quốc Gia nói chung và Tổng Hội Võ Bị nói riêng.

Về bài văn xuôi viết về "Lễ tưởng niệm của Tướng Trần Độ" NT gửi cho BBT tuy có hay, lý luận thật chính xác, nhưng rất tiếc đã mất thời gian tính. Buổi lễ truy điệu này xảy ra vào năm 2002, nay thì đã 2009! Thật ra, khi đọc lần đầu tôi đã nhầm với cái chết của ông Nguyễn Hộ chỉ mới xảy ra hôm tháng 6 vừa qua! Nhưng đọc lại thì rõ ràng là ông Trần Độ đã chết vào năm 2002 và buổi lễ tưởng niệm đó cũng đã được tổ chức năm vào 2002! Vì vậy, tôi quyết định không đăng trong ĐH87 để giữ cho nội dung đặc san cập nhật với hiện tình nóng bỏng của đất nước gồm những việc đang xảy ra và sắp tới. Thành thật xin lỗi NT và mong NT thông cảm.

NT Dương Tâm Bảo K12, Portland, OR

Toà soạn ĐH đã nhận được bài thơ, “50 Năm Có Nhau” của NT và dự định sẽ đăng bài này vào ĐH88, phát hành vào trung tuần tháng 12/2009, với chủ đề: “Đáp Lời Sông Núi”, nói về Võ Bị, ngày ra trường v.v... Bài thơ này có

lẽ thích hợp hơn với số 88 vì số 87 đa phần thơ nói về quê nhà, về Hoàng Sa, Trường Sa, ít bài nào nói về Võ Bị mình vì là chủ đề Tổ Quốc & Dân Tộc. Rất mong được NT chấp thuận. BBT cũng xin chia vui cùng NT và chị đã qua 50 năm hạnh phúc bên nhau.

NT Trần Bá Xử K12, Springfield, MA

Tòa soạn đã nhận được thư và check NT gửi. Cảm ơn NT đã dành cho BBT những lời thăm hỏi chân tình qua dòng chữ nắn nót thật đẹp. Ban Trị Sự cũng đã cập nhật địa chỉ của NT Diệp K12 hiện ngụ tại Pháp vào danh sách gửi ĐH như lời nhắn gửi của NT. Hy vọng từ nay quý NT sẽ nhận được ĐH đều đặn.

NT Bùi Đức Cẩn K17, MPLS, Minesota

Trong thư đề ngày 27/7/2009 gửi cho BBT/ĐH, NT có kèm theo bài viết, "Đôi Giòng Không Muốn Nói" đề cập đến các từ ngữ được CS dùng phổ biến trong nước sau năm 75. Cách dùng các từ ngữ này, theo như sự mô tả của NT, đã được một số tác giả dùng "một cách thản nhiên" trong một số bài viết, kể cả trong ĐH86, đãlàm người đọc cảm thấy "bực bội, khó chịu và dĩ nhiên là không muốn đọc tiếp bài đó!" BBT/ĐH hoàn toàn đồng thuận với quan điểm của NT nên trong ĐH86, trang 287, BBT đã soạn một bài viết có tựa đề, "Quy định tạm về chính tả sử dụng trong Đặc San Đa Hiệu." Qua bài viết này, BBT có nêu một số điểm nhằm giải quyết những vấn đề "bực bội và khó chịu" mà NT nêu trên, trong đó có một số trường hợp chấp nhận được và một số không chấp nhận được. Cảm ơn NT đã nêu lên quan điểm này. Ngoài ra, Ban Trị Sự Đa Hiệu cũng đã cập nhật địa chỉ mới của NT. Thân kính.

NT Hồ Thanh Sơn K28, Rockledge, FL

Toà soạn ĐH cảm ơn lời động viên chân tình của NT và sẽ cố gắng hết sức để duy trì tập san Đa Hiệu này. Ngoài ra, "bác" Trị Sự cũng chuyển lời cảm ơn đến NT về sự ưu ái riêng mà NT dành cho "bác" ấy, và cũng hứa sẽ "take care" cái check không đề tên người nhận của NT. Chúc NT và gia quyến vạn an. Mong ngày gặp lại.

NT Ngô Văn Phát K11, Hannover, Germany

BBT đã nhận được bài viết "Ai vinh rồi nhục - Ai nhục rồi vinh" của NT trước đây, và chúng tôi cũng biết NT đã

bỏ rất nhiều thì giờ để viết bài này, nhưng vì nội dung 87 đang có những bài nóng và hấp dẫn hơn nên đành phải xếp bài của NT lại. Chúng tôi rất đắn đo khi đưa ra quyết định này vì biết NT sẽ rất buồn! Xin NT thông cảm cho chúng tôi và mong nhận được những sáng tác mới của NT. Chúc NT những ngày tháng vui trong tình tự VB.

Chị Trần Trọng Ngọc 10/B, Houston, TX

Toà soạn đã nhận được check và tờ thư rất nhỏ chị gửi trong đó chất chứa nhiều tình cảm dành riêng cho BBT/ĐH. Nội dung chị viết ngắn gọn nhưng chúng tôi đã chuyền cho nhau đọc đi đọc lại nhiều lần với niềm cảm phục sâu xa. Chị viết, "Kính gửi các anh trong toà soạn Đa Hiệu. Xin các anh thông cảm cho phép tôi ký check ủng hộ ĐH vì sợ ông xã tôi quên chăng." Đẹp là lòng chị đã tưởng nghĩ đến chúng tôi trước cả NT Ngọc. Chúc chị và NT những tháng ngày hạnh phúc.

CSVSQ Ngô Văn Giàu K19, Santa Rosa, CA

Trong thời gian bàn giao sổ sách từ BBT cũ, chúng tôi đã có sự chậm trễ và đã không kịp deposit tấm ngân phiếu ủng hộ trước đây của NT. Nay thì NT hủy ngân phiếu đó và thủ quỹ ĐH đã nhận được check ủng hộ mới mang số 469 của NT. Mọi việc từ hôm nay kể như ổn thoả. Toà soạn cũng đã cập nhật lại địa chỉ mới của NT. Cảm ơn sự quan tâm và những lời cầu chúc tốt đẹp của NT.

Chị Lê Thanh Tịnh, Sherwood, OR

Tòa soạn Đa Hiệu nhận được thư và bài viết, "Cha Tôi" rất cảm động của chị. Vì bài nhận được quá trễ nên đã không kịp đăng trong Đa Hiệu 86. Tuy nhiên chúng tôi sẽ lưu bài chị lại và sẽ đăng vào các số tới. Cảm ơn chị đã quan tâm đến Đa Hiệu. Chúc chị và NT HS Thơ 26 những ngày vui và hạnh phúc bên nhau. Vẫn nhớ NT HS. Thơ ngày nào.

NT Đặng Như Thạch K26, Tustin, CA

Tòa soạn đã nhận được bài viết, H.O. Tổ Quốc, Dân Tộc của NT qua đường bưu điện quá trễ khi mọi việc layout đã hoàn tất. Bài được viết tay dài trên 7 trang giấy mà chúng tôi thì không có nhân sự để đánh máy lại nên đành chịu. Mong NT gửi bài trước kỳ hạn và gửi qua đường email. Chúc NT và gia quyến vạn an.

TRẢ LỜI CHUNG:

Sau khi Đặc San Đa Hiệu 86 phát hành, tòa soạn đã nhận được rất nhiều thư cổ võ và nâng đỡ tinh thần từ quý giáo sư, quý NT, quý độc giả, và toàn thể bằng hữu. Đây là món quà vô giá làm nhẹ gánh chúng tôi rất nhiều. Qua trang thư tín này, BBT xin chân thành cảm ơn những lời cầu chúc tốt đẹp và sự cổ võ chân thành của toàn thể quý vị. Chúc quý vị cùng toàn bảo quyến mọi điều may mắn và hạnh phúc.

SÁCH ĐÃ NHẬN

Trong thời gian qua, BBT/ĐH đã nhận được một số sách từ quý NT gửi tặng gồm:

1/ Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Huế – Đà Lạt (1949-1975) của CSVSQ Đặng Như Thạch K26

2/ Hai bộ **Sổ Tay Đông Y** của CSVSQ Trần Hồng Vĩnh K16.

3/ Ba tập thơ Quốc Nam gồm:

Tập 3, Quê Hương Nước Mắt

Tập 4, Người Tình Quê Hương và

Tập 5, Từ Thung Lũng Hoa Vàng đến Cao Nguyên Tình Xanh

Ngoài ra, còn một bộ DVD 2 đĩa Đại Hội Văn Chương Phụ Nữ Việt Nam Hải Ngoại cũng của thi sĩ Quốc Nam gửi. Những tài liệu này BBT sẽ từ từ phổ biến và sử dụng khi cần đến.

Sau hết, BBT/ĐH xin chân thành cảm ơn quý tác giả đã cộng tác trong Đa Hiệu 87. Chúc quý vị dồi dào sức khỏe, tinh thần minh mẫn để có thêm nhiều sáng tác mới cống hiến cho bạn đọc Đa Hiệu khắp nơi.



Lời Cuối

Ban Biên Tập Đa Hiệu xin chân thành tri ân quý giáo sư, quý NT, quý tác giả, và toàn thể đại gia đình Võ Bị đã đóng góp tài chánh, bài vở, bỏ nhiều công sức, và thì giờ để đặc san Đa Hiệu 87 đến được với bạn đọc bốn phương.

Vì số trang có hạn và do đòi hỏi của chủ đề, một số bài gửi đến toà soạn đã không được chọn đăng trong số này, xin quý NT và các bạn rộng lòng thông cảm. Chúng tôi vẫn mong nhận được những sáng tác mới của quý vị.

Mặc dù BBT đã rất cố gắng nhưng chúng tôi biết sẽ còn nhiều thiếu sót trong việ

c in ấn, những lỗi phạm về chính tả, đánh máy và layout v.v... xin quý tác giả và bạn đọc niệm tình bỏ qua.

Sau hết, toàn Ban Biên Tập Đa Hiệu xin kính chúc quý giáo sư, quý NT cùng toàn thể bạn đọc xa gần những khoảnh khắc thật thú vị bên những trang sách nồng ấm tình chiến hữu của một thời chinh chiến đã qua. Thân chào Đoàn Kết và Quyết Thắng.

Hẹn một ngày tái ngộ.
BBT/ĐH

